

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
THERAVĀDA

NỀN TẢNG PHẬT GIÁO
(MŪLABUDDHASĀSANA)

QUYỀN III

TAM BẢO
(RATANATTAYA)

Tỳ khưu Hộ Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)

Nguồn <http://www.buddhanet.net>
Chuyển sang ebook 17-5-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com
[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Lời Nói Đầu

CHƯƠNG V

HÀNH GIỚI (SĪLĀCĀRA)

PHẦN I

GIỚI CỦA NGƯỜI TẠI GIA

I) Ngũ Giới Là Thường Giới (Pañcasīla Niccasīla)

Tâm Quan Trọng Của Ngũ Giới

Những Sự Tích Liên Quan Mỗi Giới

Ngũ Giới Đem Lại Sự An Lành

Nhận Xét Về Ngũ Giới

Tính Ưu Việt Của Người Thọ Phép Quy Y Tam Bảo

Ngũ Giới Hành Phạm Hạnh (*Brahmacariya Pañcasīla*)

Nghi Thức Thọ Trì Phép Quy Y Tam Bảo Và Ngũ Giới Hành Phạm Hạnh

II) Giới Ājīvaṭṭhamakasīla (Bát Giới Có Giới Thứ 8 Sống Chánh Mạng)

Nghi Thức Thọ Phép Quy Y Tam Bảo Và Giới Ājīvaṭṭhamakasīla

Lễ xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì thập giới của người tại gia

Tôn Trọng Giới Của Mình

Lời Nói Đầu

Bộ Nền Tảng Phật Giáo gồm có 9 chương, được chia làm 7 quyển.

Quyển I: Tam Bảo (Ratanattaya)

Gồm có 2 chương: Chương thứ nhất và chương thứ nhì.

* Chương thứ nhất: Ba Ngôi Cao Cả (Tiyagga)

- Đức Phật (Buddha)
- Đức Pháp (Dhamma)
- Đức Tăng (Saṅgha)

* Chương thứ nhì: Tam Bảo (Ratanattaya)

- Đức Phật Bảo (Buddharatana)
- Đức Pháp Bảo (Dhammaratana)
- Đức Tăng Bảo (Saṅgharatana)

Quyển II: Quy Y Tam Bảo (Tisarāṅga)

Gồm có hai chương: Chương thứ ba và chương thứ tư.

* Chương thứ ba: Ân Đức Tam Bảo (Ratanattayaguṅga)

- Ân Đức Phật (Buddhaguṅga)
- Ân Đức Pháp (Dhammaguṅga)
- Ân Đức Tăng (Saṅghaguṅga)

* Chương thứ tư: Quy Y Tam Bảo (Tisarāṅga)

- Quy y Phật Bảo (Buddhasarāṅga)
- Quy y Pháp Bảo (Dhammasarāṅga)

- Quy y Tăng Bảo (Saṅghasaraṅga)

Hai quyển này đã ấn hành xong, tiếp đến chương thứ V hành giới (sīlācāra) sẽ được trình bày trong quyển III.

Quyển III: Hành Giới (Sīlācāra)

Gồm có một chương: Chương thứ năm, chia làm 2 phần.

- * Chương thứ năm: Hành Giới (Sīlācāra)

- Giới của người tại gia cư sĩ (Gahaṅgahasīla)

- Giới của bậc xuất gia tu sĩ (Pabbajitasīla)

Hành giới là thế nào?

Theo truyền thống Phật giáo, đối với các hàng tại gia cư sĩ là người cận sự nam, cận sự nữ, sau khi thọ phép quy y Tam Bảo xong, tiếp theo thọ trì giới.

Giới của các hàng tại gia có nhiều loại giới như:

- * **Ngũ giới** cho tất cả mọi người tại gia.
- * **Ngũ giới hành phạm hạnh** cho bậc Thánh Bất Lai tại gia.
- * **Bát giới ājīvaṅgamaṅkasīla** cho tất cả mọi người tại gia và bậc xuất gia.

3 loại giới này nên được giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn suốt ngày đêm.

- * **Bát giới uposathasīla** và **cửu giới uposathasīla** mỗi tháng quy định có 4 ngày, hoặc 6 ngày, hoặc 8 ngày giới... Nếu người cận sự nam, cận sự nữ nào có khả năng, thì thọ trì bát giới uposathasīla, hoặc cửu giới uposathasīla trong những ngày đó. Nếu không có khả năng, thì không bắt buộc phải thọ trì giới ấy.

- * **Thập giới của người tại gia**, đối với người tại gia là cận sự nam, cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, chưa có cơ hội xuất gia lâu dài, mà chỉ có rảnh rỗi thời gian ngắn, người ấy đến chùa xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì thập giới của người tại gia trong khoảng thời gian ngắn.

* **Thập giới của bậc xuất gia Sadi**, đối với vị Sadi, thập giới này là giới cần phải giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn suốt ngày đêm trong cả cuộc đời của vị Sadi.

* **Giới của bậc xuất gia Tỳ khuru** không phải thọ trì như các hàng tại gia cư sĩ và bậc xuất gia Sadi. Giới của Tỳ khuru được thành tựu đồng thời một lúc với lễ thọ Tỳ khuru tụng Ñatticatutthakammavācā xong.

Hành giới như thế nào?

Người có **tác ý thiện tâm** giữ gìn, bảo vệ những điều giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, nghĩa là tác ý thiện tâm **giữ gìn thân** tránh xa mọi ác nghiệp và **giữ gìn khẩu** tránh xa mọi ác nghiệp, đồng thời thành tựu thân thiện nghiệp, khẩu thiện nghiệp.

Giới trong sạch nghĩa là tác ý thiện tâm giữ gìn bảo vệ giới của mình không bị ô nhiễm bởi phiền não.

Và trọn vẹn nghĩa là giữ gìn các điều giới mà mình đã thọ trì được trong sạch và đầy đủ, không để **giới bị đứt, giới bị thủng, giới bị đóm, giới bị đứt lan**.

Người có tác ý thiện tâm giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, có nghĩa là giữ gìn, bảo vệ nhân cách trong sạch của mình, tôn trọng nhân phẩm con người của mình.

Thật ra, người ta có thể biết người khác là người thiện hay kẻ ác do nhờ giới của người ấy được biểu hiện nơi thân và khẩu.

Người có giới là **người thiện**, bởi do tác ý thiện đã tạo thân thiện nghiệp là tránh xa sự sát sinh, tránh xa sự trộm cắp, tránh xa sự tà dâm; và đã tạo khẩu thiện nghiệp là tránh xa sự nói dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc), tránh xa sự nói lời vô ích...

Người phạm giới là **người ác**, bởi do tác ý ác đã tạo thân ác nghiệp là sát sinh, trộm cắp, tà dâm; và đã tạo khẩu ác nghiệp là nói dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc), nói lời vô ích...

* Người có giới hưởng được 5 quả báu tốt lành:

- Có nhiều của cải quý giá do không có tính dễ duôi.

- Có danh thơm, tiếng tốt lan truyền khắp cả 10 phương.
- Có tâm thiện dũng cảm, không e ngại sợ sệt khi đi vào nơi hội đoàn gia chủ, hội đoàn Vua Chúa, hội đoàn Samôn, hội đoàn Bàlamôn.
- Có tâm thiện bình tĩnh sáng suốt lúc lâm chung.
- Sau khi chết, thiện nghiệp cho quả tái sinh trong cõi thiện giới là: Cõi người, các cõi trời dục giới.

* Người phạm giới, người không có giới phải chịu 5 quả xấu:

- Cửa cải bị tiêu hao, khánh kiệt do tính dễ dãi.
- Có tiếng xấu lan truyền khắp cả 10 phương.
- Có tâm e ngại, sợ sệt khi đi vào hội đoàn gia chủ, hội đoàn Vua Chúa, hội đoàn Samôn, hội đoàn Bàlamôn.
- Có tâm ác tối tăm, mê muội lúc lâm chung.
- Sau khi chết, ác nghiệp cho quả tái sinh trong cõi ác giới: Cõi địa ngục, cõi atula, cõi nga quý, cõi súc sinh.

Trong Chú giải bài kinh **Sakkapañhasutta**, có đoạn đề cập đến những người có giới trong sạch có thể lựa chọn được cảnh tái sinh 1 trong 6 cõi trời dục giới như:

“Parisuddhasīlā nāma chasu devalokesu yatthicchanti, tатtha nibbattanti” [\[1\]](#)

(Những người có giới trong sạch, lúc lâm chung tâm muốn tái sinh vào cõi trời nào trong 6 cõi trời dục giới, sau khi chết, do thiện nghiệp có giới ấy cho quả tái sinh trong cõi trời ấy, và hưởng được mọi sự an lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ).

Muốn tái sinh lên các cõi trời sắc giới hoặc cõi trời vô sắc giới, hành giả không những có giới trong sạch mà còn phải chứng đắc các bậc thiền hữu sắc, hoặc bậc thiền vô sắc. Sau khi chết, chính bậc thiền cao nhất mà hành giả đã chứng đắc sẽ cho quả tái sinh lên cõi trời sắc giới hoặc cõi trời vô sắc giới, tùy theo bậc thiền sở đắc của hành giả.

Người phạm giới, người không có giới sẽ có tâm mê muội lúc lâm chung. Sau khi chết, ác nghiệp cho quả tái sinh trong cõi ác giới: Cõi địa ngục, hoặc cõi atula, hoặc cõi nga quý, hoặc cõi súc sinh tùy theo quả của ác nghiệp mà họ đã tạo, phải chịu khổ trong cõi ác giới ấy cho đến khi mãn quả của ác nghiệp ấy. Nếu thiện nghiệp chưa có cơ hội cho quả thì ác nghiệp lại cho quả tái sinh trở lại trong cõi ác giới.

Như vậy, người có giới trong sạch hưởng được quả báu tốt lành trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp vị lai. Ngược lại, người phạm giới, người không có giới phải chịu quả xấu, quả khổ ngay trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp vị lai.

Vậy chúng ta nên suy xét rằng: “Sự giữ gìn giới cho trong sạch và sự phạm giới, trong 2 sự việc này, sự việc nào dễ làm và sự việc nào khó làm?”.

Để giải đáp vấn đề này một cách trung thực và khách quan, chúng ta nên phân tích ra từng mỗi giới, rồi suy xét kỹ mỗi sự việc, lúc đó, mới có được một nhận thức đúng đắn, trung thực và khách quan.

Ví dụ phân tích về ngũ giới

1- Giới tránh xa sự sát sinh

a) Người có tác ý thiện tâm tránh xa sự sát sinh, nghĩa là không sát sinh, không cố gắng sát hại sinh mạng một chúng sinh nào dù lớn dù nhỏ, biết tôn trọng sinh mạng của mỗi chúng sinh như biết tôn trọng sinh mạng của mình. Do tự suy xét rằng: “Chính ta không muốn ai sát hại sinh mạng của ta, thì ta cũng không nên sát hại sinh mạng của chúng sinh khác, với bất cứ hình thức nào”. Đó là lẽ công bằng giữa mình với chúng sinh khác.

Như vậy, người có tác ý thiện tâm tránh xa sự sát sinh, không sát hại sinh mạng của chúng sinh. Đó là việc thiện dễ làm hay là việc thiện khó làm?

b) Người có tác ý bất thiện, rồi cố gắng suy tính tìm mọi cách để sát hại chúng sinh, bằng cách tự mình giết hại sinh mạng chúng sinh, hoặc sai khiến người khác sát hại sinh mạng chúng sinh,... Chúng sinh ấy chết do bởi sự cố gắng của mình.

Như vậy, người có tác ý bất thiện sát hại sinh mạng của chúng sinh khác, dù lớn dù nhỏ. Đó là việc ác dễ làm hay là việc ác khó làm?

2- Giới tránh xa sự trộm cắp tài sản của người khác

a) Người có tác ý thiện tâm tránh xa sự trộm cắp tài sản của người khác, không trộm cắp tài sản của riêng một người nào, hoặc của chung một công ty, hoặc của nhà nước (như trốn thuế, chiếm đoạt tài sản nhà nước, v.v...), biết tôn trọng tài sản của người như biết tôn trọng tài sản của chính mình. Do tự suy xét rằng: “Chính ta không muốn ai đến chiếm đoạt tài sản của ta, thì ta cũng không nên chiếm đoạt tài sản của người khác một cách phi pháp”. Đó là lẽ công bằng giữa mình với mọi người.

Như vậy, người có tác ý thiện tâm tránh xa sự trộm cắp tài sản của riêng cá nhân, hoặc của chung (công ty, nhà nước...). Đó là việc thiện dễ làm hay là việc thiện khó làm?

b) Người có tác ý bất thiện, rồi cố gắng suy nghĩ tìm mọi cách để trộm cắp tài sản của cá nhân, hoặc của chung một công ty, hoặc của nhà nước (như trốn thuế, chiếm đoạt tài sản của nhà nước, v.v...), bằng cách tự mình trộm cắp, hoặc sai khiến người khác trộm cắp tài sản đem về cho mình.

Như vậy, người có tác ý bất thiện trộm cắp tài sản dù ít dù nhiều. Đó là việc ác dễ làm hay là việc ác khó làm?

3- Giới tránh xa sự tà dâm

a) Người có tác ý thiện tâm tránh xa sự tà dâm với vợ hoặc chồng, hoặc con cái của người khác, không phải là vợ hoặc chồng của mình, biết tôn trọng hạnh phúc gia đình của người khác như tôn trọng hạnh phúc của gia đình mình; có tính tự trọng một lòng thủy chung với vợ hoặc chồng của mình, không ngoại tình, không quan hệ tình dục bất chính với vợ hoặc chồng của người khác. Do tự suy xét rằng: “Chính ta không muốn ai đến phá hoại hạnh phúc gia đình ta, thì ta cũng không nên đi phá hoại hạnh phúc gia đình người khác”. Đó là lẽ công bằng giữa mình với mọi người.

Như vậy, người có tác ý thiện tâm tránh xa sự tà dâm với vợ hoặc chồng, hoặc con cái của người khác. Đó là việc thiện dễ làm hay là việc thiện khó làm?

b) Người có tác ý bất thiện, rồi cố gắng suy nghĩ tìm mưu này kế khác để dụ dỗ vợ hoặc chồng, hoặc con cái của người khác, phạm giới tà dâm với vợ hoặc chồng của người khác, cố gắng phá hoại hạnh phúc gia đình của mình và gia đình của người khác, là con người vô liêm sỉ, không biết tự trọng, mất lòng thủy chung với vợ hoặc chồng của mình...

Như vậy, người có tác ý bất thiện phạm giới tà dâm với vợ hoặc chồng, con cái của người khác. Đó là việc ác dễ làm hay là việc ác khó làm?

4- Giới tránh xa sự nói dối

a) Người có tác ý thiện tâm tránh xa sự nói dối, chỉ nói lời chân thật mà thôi, nghĩa là:

- Khi mắt thấy như thế nào, thì nói như thế ấy.
- Khi không thấy, thì nói không thấy.
- Khi tai nghe như thế nào, thì nói như thế ấy.
- Khi không nghe, thì nói không nghe.
- Khi ngủi, khi nệm, khi xúc giác như thế nào, thì nói như thế ấy.
- Khi không ngủi, không nệm, không xúc giác, thì nói không ngủi, không nệm, không xúc giác.
- Khi tâm biết thế nào, thì nói thế ấy.
- Khi không biết điều ấy, thì nói không biết...

Do tự suy xét rằng: “Chính ta không muốn ai đến nói dối, lừa gạt ta, thì ta cũng không nên nói dối, lừa gạt người khác” Đó là lẽ công bằng giữa mình với mọi người.

Người có tác ý thiện tâm tránh xa sự nói dối, mà chỉ nói lời chân thật như vậy. Đó là việc thiện dễ nói hay là việc thiện khó nói?

b) Người có tác ý bất thiện nói dối để lừa dối, lừa đảo, lừa gạt... người khác cốt để gây sự tai hại cho người khác, để đem lại sự lợi ích cho mình như:

- Khi mắt thấy, thì nói không thấy.
- Khi không thấy, thì nói thấy.
- Khi tai nghe, thì nói không nghe.

- Khi không nghe, thì nói nghe.
- Khi ngủ, khi nệm, khi xúc giác, thì nói không được ngủ, không được nệm, không được xúc giác.
- Khi không ngủ, không nệm, không xúc giác, thì nói có ngủ, có nệm, có xúc giác.
- Khi tâm biết rõ điều ấy, thì nói không biết.
- Khi không biết rõ điều ấy, thì nói biết...

Người có tác ý bất thiện nói dối để lừa dối, lừa đảo, lừa gạt,... người khác, họ cần phải cố gắng suy nghĩ tìm ra mưu kế thâm độc khiến cho người nghe phải tin theo, đồng thời che giấu được lời giả dối của mình... Đó là việc ác dễ nói hay là việc ác khó nói?

5- Giới tránh xa sự uống rượu và các chất say

a) Người có tác ý tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi, chỉ uống nước chín, nước lọc, nước ngọt,... những thứ nước này nhà nào cũng có, nơi nào cũng có. Uống các thứ nước này là chỉ để khỏi khát nước, lúc cơ thể cần có nước, giúp duy trì mạng sống được an lạc. Và tránh xa các chất say, chỉ dùng những chất bổ dưỡng cho sức khỏe con người, giúp cho con người khỏe mạnh, có trí tuệ sáng suốt, có sự tinh tấn trong mọi công việc, để đem lại sự lợi ích cho mình và cho mọi người... Đó là việc thiện dễ làm hay là việc thiện khó làm?

b) Người có tác ý bất thiện muốn uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi. Người muốn uống rượu phải đi tìm rượu, lựa chọn thứ rượu mà mình thích, không phải nơi nào cũng có, chỉ có bán nơi các tiệm bán rượu mà thôi. Khi người ấy uống rượu vào rồi, làm cho người ấy say sưa, ngây ngất, không còn tự chủ, mất trí, cuồng điên, si mê tăm tối không phân biệt được thiện - ác, chánh - tà, làm khổ mình, làm khổ người khác. Và người muốn dùng các chất say như thuốc phiện, ma túy, cần sa, thuốc lá... Đó là những chất say, chất nghiện mà người đã dùng nó rồi sẽ khiến cho người ấy say ngây ngất, có khi kích thích cho người ấy có sức lực bạo dạn làm điều ác.

Khi người nào đã dùng các chất say trở thành người nghiện, mỗi khi lên cơn nghiện, người ấy cảm thấy khao khát, thèm muốn cực độ, không còn biết tự

chủ nữa, dám làm những điều ác mà không biết hổ thẹn tội lỗi, không biết ghê sợ tội lỗi, tự làm khổ mình, làm khổ người khác...

Người uống rượu và các chất say lâu ngày sẽ sinh ra các thứ bệnh nan y khó có thể chữa trị được.

Như vậy, người có tác ý bất thiện uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi. Đó là việc ác dễ làm hay là việc ác khó làm?

Mỗi giới đã được phân tích, độc giả là bậc thiện trí có trí tuệ sáng suốt, suy cho kỹ, xét cho cùng để có một nhận thức đúng đắn rằng:

~ Người có tác ý thiện tâm giữ gìn ngũ giới cho được trong sạch và trọn vẹn, không cố ý phạm ngũ giới, đó là việc thiện dễ làm hay là việc thiện khó làm?

~ Người có tác ý bất thiện, cố gắng phạm giới, đó là việc ác dễ làm hay là việc ác khó làm?

Hành giới thuộc về pháp hành

Trong Phật giáo, pháp hành có 3 pháp chính:

* **Pháp hành giới:** Hành giả có tác ý thiện tâm giữ gìn giới mà mình đã thọ trì cho được trong sạch và trọn vẹn.

* **Pháp hành định** đó là pháp hành thiên định: Hành giả thực hành pháp hành thiên định để dẫn đến chứng đắc các bậc thiên hữu sắc, các bậc thiên vô sắc.

* **Pháp hành tuệ** đó là pháp hành thiên tuệ: Hành giả thực hành pháp hành thiên tuệ dẫn đến phát sinh trí tuệ thiên tuệ thấy rõ, biết rõ thực tánh của danh pháp - sắc pháp; thấy rõ, biết rõ sự sinh sự diệt của danh pháp - sắc pháp; thấy rõ, biết rõ trạng thái vô thường, trạng thái khổ, trạng thái vô ngã của danh pháp - sắc pháp, để chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt mọi phiền não, mọi tham ái, trở thành bậc Thánh Arahán cao thượng.

3 pháp hành này phát sinh theo tuần tự trước - sau, có nhân và quả liên quan với nhau:

— **Pháp hành giới** là pháp hành ở **phần đầu**. Khi pháp hành giới được giữ gìn trong sạch và trọn vẹn, sẽ làm nền tảng để cho pháp hành định, pháp hành thiền định được phát triển.

— **Pháp hành định**, pháp hành thiền định là pháp hành ở **phần giữa**. Khi pháp hành thiền định được phát triển, định tâm vững chắc trong đối tượng thiền định, có khả năng chứng đắc các bậc thiền hữu sắc, và các bậc thiền vô sắc, sẽ làm nền tảng để cho pháp hành tuệ, pháp hành thiền tuệ được phát triển.

— **Pháp hành tuệ**, pháp hành thiền tuệ là pháp hành ở **phần cuối**. Khi pháp hành thiền tuệ được phát triển sẽ dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt mọi tham ái, mọi phiền não không còn dư sót.

Như vậy, pháp hành giới là nhân thì pháp hành định là quả; pháp hành định là nhân thì pháp hành tuệ là quả; nhân với quả luôn luôn liên quan với nhau.

Pháp hành giới ví như thửa đất tốt.

Pháp hành định ví như giống cây ăn trái.

Pháp hành tuệ ví như hoa và quả.

Thửa đất tốt, màu mỡ làm nơi nương nhờ để cho các giống cây ăn trái phát sinh và phát triển; khi các giống cây ăn trái phát triển thì sẽ đơm hoa kết trái, rồi chín tới ngon ngọt bổ dưỡng.

Nếu không có thửa đất tốt, màu mỡ làm nơi nương nhờ thì các giống cây ăn trái không có nơi nương nhờ để phát sinh, đương nhiên cũng không có hy vọng có trái cây ngon ngọt bổ dưỡng.

Cũng như vậy, khi hành giới là giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, làm nền tảng cho pháp hành thiền định được phát triển; khi pháp hành thiền định được phát triển, tâm định được phát triển, tâm định vững chắc trong đối tượng làm nền tảng cho pháp hành thiền tuệ phát triển.

Nếu không có giới trong sạch và trọn vẹn thì pháp hành thiền định không có nơi nương nhờ để phát sinh, thì không thể có pháp hành thiền tuệ được.

Như vậy, hành giới, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn có một tầm quan trọng rất lớn, là làm nền tảng cho pháp hành thiền định và pháp hành thiền tuệ được phát sinh và phát triển. Cho nên, hành giả cần phải biết tôn trọng giới, bảo vệ giới của mình hơn bảo vệ sinh mạng của mình. Bởi vì giới trong sạch và trọn vẹn còn làm nền tảng cho mọi thiện pháp được phát sinh như dục giới thiện pháp, sắc giới thiện pháp, vô sắc giới thiện pháp cho đến Siêu tam giới thiện pháp (4 Tâm Thánh Đạo). Tất cả mọi thiện pháp ấy đều nương nhờ nơi giới trong sạch và trọn vẹn để phát sinh và phát triển.

Giới có 2 loại:

- 1- Lokiyasīla: Giới trong tam giới thiện tâm có đối tượng tam giới.
- 2- Lokuttarasīla: Giới trong Siêu tam giới tâm thiện có đối tượng Niết Bàn Siêu tam giới.

Trong Tạng Luật, bộ **Parivārapāṭi**, Đức Phật dạy rằng:

“Vinayo saṅgavaratthāya, saṅgavaro avippaṅgisāratthāya, avippaṅgisāro pāmujjatthāya... yadidaṅ anupādācittassa vimokkho’ti”. [\[2\]](#)

“Giới luật là để giữ gìn, bảo vệ những điều giới được trong sạch.

Điều giới được giữ gìn bảo vệ trong sạch là để cho tâm được mát mẻ (không nóng nảy).

Tâm mát mẻ là để phát sinh tâm hài lòng hoan hỷ.

Tâm hài lòng hoan hỷ là để phát sinh pháp hỷ.

Pháp hỷ là để phát sinh thân an tịnh, tâm an tịnh.

Thân, tâm an tịnh là để phát sinh tâm an lạc.

Tâm an lạc là để phát sinh tâm thiền định.

Tâm thiền định là để phát sinh trí tuệ thiền tuệ thấy rõ, biết rõ thực tánh của danh pháp - sắc pháp.

Trí tuệ thấy rõ, biết rõ thực tánh của danh pháp - sắc pháp là để phát sinh trí tuệ thiền tuệ nhằm chán danh pháp - sắc pháp.

Trí tuệ nhằm chán danh pháp - sắc pháp là để phát sinh pháp ly dục (Thánh Đạo).

Pháp ly dục (Thánh Đạo) là để cho quả giải thoát khổ (Arahán Thánh Quả).

Pháp giải thoát khổ (Arahán Thánh Quả) là để phát sinh trí tuệ quán xét 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, đã diệt đoạn tuyệt mọi phiền não không còn dư sót nữa”.

Pháp giải thoát khổ hoàn toàn là Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn.

Những điều giới làm nền tảng để cho các pháp phát sinh từ nhân này đến quả kia liên hoàn với nhau từ tam giới đến Siêu tam giới.

Vì thế, giới là nguồn gốc của mọi thiện pháp. Do đó, người nào có giới thì người ấy có thể có mọi thiện pháp. Và trái lại, người nào không có giới thì người ấy không có thiện pháp, mà có ác pháp. Cho nên, giữ gìn, bảo vệ giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn là điều thiết yếu để làm nền tảng cho mọi thiện pháp phát sinh.

Muốn cho giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, hành giả cần phải có đức tin. Nhờ có đức tin hỗ trợ tác ý thiện tâm giữ gìn giới mới được trong sạch và trọn vẹn.

Trong quyển “**Hành Giới**” này có trình bày các loại giới của người tại gia cư sĩ như: Ngũ giới, ngũ giới hành phạm hạnh, bát giới ājīva□□hamakasīla, bát giới uposathasīla, cửu giới uposathasīla, thập giới của người tại gia. Trong tất cả các loại giới này, ngũ giới và bát giới ājīva□□hamakasīla là thường giới của người tại gia. Người tại gia phải nên giữ gìn 2 loại giới này suốt ngày đêm cho được trong sạch và trọn vẹn. Bởi vì, nếu phạm điều giới nào thì cũng đem lại sự tai hại trong kiếp hiện tại và những kiếp vị lai.

Ngoài 2 giới ấy ra, người cận sự nam, cận sự nữ nào có khả năng thọ trì và giữ gìn bát giới uposathasīla, cửu giới uposathasīla, thập giới của người tại gia. cho được trong sạch và trọn vẹn, thì người ấy chắc chắn sẽ được nhiều phước thiện đặc biệt và quả báu cũng đặc biệt hơn ngũ giới.

Về phần giới của bậc xuất gia Sadi và Tỷ khuru, thì trong quyển sách này chỉ trình bày tóm tắt mà thôi, bởi vì giới của Sadi và giới của Tỷ khuru có rất

nhiều loại. Cho nên, trong quyển sách nhỏ này không thể trình bày đầy đủ được.

Trong quyển sách “**Hành Giới**” này, bản sư đã cố gắng hết sức để sưu tầm, góp nhặt những tài liệu về giới từ Tam Tạng Pāṭi (Tạng Luật, Tạng Kinh, Tạng Vi Diệu Pháp) và các Chú giải Pāṭi chỉ được bấy nhiêu thôi! Tuy bản sư đã cố gắng hết mình giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về giới, nhưng thật ra, giới là một đề tài rộng lớn và rất vi tế. Do khả năng của bản sư có hạn, nên chắc chắn không sao tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bản sư.

Đề lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện trí từ bi chỉ giáo, góp ý chân tình.

Kính xin quý vị xem **soạn phẩm này như là của chung**, mà mỗi người trong chúng ta, ai cũng có bổn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an lạc cho phần đông chúng ta. Bản sư kính cẩn đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện trí và kính xin quý Ngài ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bản sư.

Quyển sách “**Hành Giới**” này được hoàn thành do nhờ có nhiều người giúp sức như: Dhammacitta Bhikkhu (Tỳ khưu Tâm Pháp), cô Sumittā, cô Dhammanandā xem bản thảo; đệ tử Sīlācāra (Giới Hạnh) đã tận tình đánh máy vi tính, dàn trang, làm thành quyển; các thí chủ trong nước và ngoài nước có đức tin trong sạch lo ấn hành là: Pháp đệ Tịnh Đức cùng nhóm Phật tử chùa Đạo Quang (Hoa Kỳ), Pháp đệ Bửu Đức cùng nhóm Phật tử chùa Hương Đạo (Hoa Kỳ), gia đình anh Đình Vạn Xuân cùng nhóm Phật tử ở Úc, gia đình cô Dhammanandā (Pháp), các nhóm Phật tử ở Mỹ, Pháp, Thụy Sĩ, Canada, Úc..., gia đình Hoàng Quang Chung, gia đình Đình Thị Phương Mai,... và đã được Nhà xuất bản Tôn Giáo cho phép ấn hành. Bản sư vô cùng hoan hỷ và biết ơn tất cả quý vị.

Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (Tỳ khưu Hộ Pháp) thành kính dâng phân pháp thí thanh cao này đến Ngài Vaṇsarakkhitamahāthera (Cổ Đại Trưởng Lão Hộ Tông) là sư phụ của con, đồng thời đến quý Ngài Cổ Đại Trưởng Lão Thiện Luật, Ngài Cổ Đại Trưởng Lão Bửu Chơn, Ngài Cổ Đại Trưởng Lão Giới Nghiêm, Ngài Cổ Đại Trưởng Lão Hộ Giác (chùa Từ Quang) cùng chư Đại Trưởng Lão, Đại đức khác đã dày công đem Phật giáo Nguyên Thủy (Theravāda) về truyền bá trên quê hương Việt Nam thân

yêu, và xin kính dâng đến chư Đại Trưởng Lão ở nước Thái Lan, nước Myanmar (Miến Điện), đã có công dạy dỗ con về pháp học và pháp hành.

Con kính mong quý Ngài hoan hỷ.

Ida□ no ñātina□ hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước thiện pháp thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả thân quyến của chúng con, từ kiếp hiện tại cho đến vô lượng kiếp trong quá khứ, cầu mong quý vị hoan hỷ thọ nhận phần phước thiện này để thoát khỏi cảnh khổ, được an lạc lâu dài.

*Ima□ puññābhāga□ mātāpitu-ācariya-ñāti-mittānañceva
sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapatti□ laddhāna sukhitā hontu.*

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phước đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng sinh từ cõi địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh, nhân loại, chư thiên trong các cõi trời dục giới, chư phạm thiên trong các cõi trời sắc giới... tất cả quý vị hoan hỷ thọ nhận phần phước thiện pháp thí thanh cao này, cầu mong quý vị thoát khỏi mọi sự khổ, được an lạc lâu dài.

Ida□ me dhammadāna□ āsavakkhayāvaha□ hotu.

Phước thiện pháp thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt mọi phiền não trầm luân, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt đoạn tuyệt được phiền não trầm luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tiếp tục tử sinh luân hồi, thì do năng lực phước thiện pháp thí thanh cao này ngăn cản mọi ác nghiệp không có cơ hội cho quả tái sinh trong 4 cõi ác giới: Địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh; và cũng do năng lực pháp thiện này chỉ hỗ trợ thiện nghiệp cho quả tái sinh trong cõi thiện giới... mà thôi. Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con là người có chánh kiến, có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện trí, có đức tin trong sạch nơi bậc thiện trí, cố gắng tinh tấn hành theo lời giáo huấn của bậc thiện trí, không ngừng tạo mọi pháp hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4

Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, mong diệt đoạn tuyệt mọi phiền não trầm luân, trở thành bậc Thánh Arahán.

Trong vòng tử sinh luân hồi, mỗi khi chúng con được nghe tin lành Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng ngự nơi nào, dù gần dù xa, chúng con liền phát sinh tâm hỷ lạc, có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng; quyết tâm tìm đến nơi ấy, để hầu đánh lễ Đức Thế Tôn, hoặc chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Ngài, lắng nghe chánh pháp, cố gắng tinh tấn hành theo chánh pháp của Ngài, để mong chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt mọi phiền não, mọi tham ái, mọi ác pháp, trở thành bậc Thánh Arahán sẽ tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Do nhờ năng lực phước thiện pháp thí thanh cao này hỗ trợ, nhắc nhở cho mỗi người chúng con, khi thành tựu quả báu ở cõi người (manussasampatti) như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc khi thành tựu quả báu ở cõi trời (devasampatti) hưởng được an lạc như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời. Bởi vì mục đích cứu cánh cao cả của mỗi chúng con là cầu mong sớm thành tựu quả báu chứng ngộ Niết Bàn (Nibbānasampatti), giải thoát khỏi tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

*Icchita□ patthita□ amha□,
Khippameva samijjatu.*

*Điều mong ước, ý nguyện của chúng con,
Cầu mong sớm được thành tựu như ý.*

*Mùa an cư nhập hạ Pl. 2550
Thiền viện Viên Không,
Xã Tóc Tiên, huyện Tân Thành
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*

*Tỳ khưu Hộ Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)*

[1] Bộ Chú giải Dī. Mahāvagga□□hakathā, kinh Sakkapañhasutta.

[2] Vinayapi□aka, Parivārapā□i, Cū□asa□gāma (288).

CHƯƠNG V

HÀNH GIỚI (SĪLĀCĀRA)

Chương IV Quy Y Tam Bảo đã trình bày trong quyển Nền Tảng Phật Giáo II **Quy Y Tam Bảo** xong, chương V trình bày về Hành Giới.

Hành giới: Sīlācāra nghĩa là hành các điều giới của mình.

Trong pháp hành Phật giáo, *pháp hành giới* là pháp hành đầu tiên để làm nền tảng cho pháp hành thiền định và pháp hành thiền tuệ được phát triển.

Thế nào gọi là pháp hành giới?

Pháp hành giới là *tác ý thiện* (*kusalacetanā*) giữ gìn các điều giới của mình, tránh xa mọi thân ác nghiệp, khẩu ác nghiệp; đồng thời thành tựu thân hành thiện, khẩu hành thiện; và hành 14 pháp hành phạm sự [1] đầy đủ đối với bậc xuất gia Sadi, Tỳ khuru... gọi là ***pháp hành giới***.

Pháp nào gọi là giới?

Trong bộ *Paṭisambhidāmagga* có trình bày 4 pháp gọi là giới:

- 1- *Cetanāsīla*: Tác ý gọi là giới.
- 2- *Cetasikasīla*: Tâm sở tiết chế (*viraticetasika*) gọi là giới.
- 3- *Saṅgavarasīla*: Thu thúc không để tâm ác phát sinh gọi là giới.
- 4- *Avītikkamasīla*: Không phạm điều giới gọi là giới.

1- *Cetanāsīla*: Tác ý gọi là giới như thế nào?

Tác ý thiện (*kusalacetanā*) tránh xa mọi thân ác nghiệp, khẩu ác nghiệp; và tác ý thiện làm tròn phạm sự 14 pháp hành... gọi là tác ý giới.

2- *Cetasikasīla*: Tâm sở tiết chế gọi là giới như thế nào?

Tâm sở tiết chế (*viraticetasika*) có 3 loại:

— **Chánh ngữ** (*sammāvācā*): Lời nói chân chánh, đó là tránh xa sự nói dối, tránh xa sự nói lời chia rẽ, tránh xa sự nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc) và tránh xa sự nói lời vô ích.

— **Chánh nghiệp** (*sammākammanta*): Hành nghiệp chân chánh đó là tránh xa sự sát sinh, tránh xa sự trộm cắp, tránh xa sự tà dâm.

— **Chánh mạng** (*sammājīva*): Nuôi mạng chân chánh đó là tránh xa cách sống tà mạng do thân hành ác, khẩu hành ác.

Tiết chế (*virati*) gọi là giới có 3 trường hợp:

— *Sampattavirati*: Tiết chế tránh xa ác nghiệp khi gặp đối tượng đang hiện hữu.

— *Samādānavirati*: Tiết chế tránh xa ác nghiệp do đã thọ trì giới.

— *Samucchavirati*: Tiết chế tránh xa ác nghiệp một cách đoạn tuyệt do năng lực của Thánh Đạo Tuệ của bậc Thánh Nhân.

* ***Sampattavirati***: Tiết chế tránh xa ác nghiệp khi gặp đối tượng đang hiện hữu như thế nào?

Trường hợp một người chưa xin thọ trì giới, đến khi gặp phải đối tượng có thể làm cho phạm giới; người ấy vốn là bậc thiện trí học nhiều hiểu rộng, có trí tuệ sáng suốt, biết tự răn dạy mình rằng:

“*Ta chớ nên tạo ác nghiệp, bởi vì ác nghiệp chỉ làm khổ mình, khổ chúng sinh khác mà thôi*”.

Sở dĩ người ấy có sự nhận thức đúng đắn như vậy là nhờ sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống đạo đức, được giáo dục tốt. Đến khi trưởng thành nên người, là người có học thức và đạo đức tốt.

Ví dụ: Tích cậu *Cakkana* [2] ở đảo Sihaṅga (nước Srilankā), được tóm lược như sau:

Mẹ của cậu Cakkana bị lâm bệnh, người anh sai bảo cậu Cakkana vào rừng săn bắt một con thỏ đem về để làm thuốc chữa bệnh cho mẹ. Cậu Cakkana vâng lời mang lưới vào rừng, giăng lưới bắt thỏ. Thấy một con thỏ đang đi ăn cỏ, cậu liền vây đuổi làm cho con thỏ hoảng sợ cắm đầu chạy về phía

trước để lánh nạn, nó bị mắc lưới, kêu: ‘kiri! kiri!’ vùng vẫy sợ chết. Cậu Cakkana nghe tiếng thỏ kêu, chạy đến bắt con thỏ và nghĩ rằng: “*Ta đem con thỏ này về làm thuốc chữa bệnh cho mẹ*”. Nhìn thấy con thỏ đau khổ, sợ chết, cậu phát sinh tâm bi nghĩ lại rằng:

“Chúng sinh đều muốn bảo vệ sinh mạng, sợ chết. Vậy ta không nên sát hại con thỏ này để làm thuốc trị bệnh cho mẹ ta”.

Cậu Cakkana buông thả con thỏ để nó chạy trở lại vào rừng, rồi trở về với tâm thanh thản và nhẹ nhàng. Thấy cậu, người anh liền hỏi:

— *Sao em không bắt được con thỏ nào?*

Cậu thuật lại sự việc đã xảy ra, liền bị người anh trách mắng. Cậu đến bên cạnh người mẹ hiền, phát nguyện bằng lời chân thật rằng:

“Từ khi con sinh ra, trưởng thành, cho đến hôm nay, con chưa từng có tác ý sát hại một chúng sinh nào. Do lời chân thật này, xin cho mẹ hiền hết bệnh”.

Thật là lạ thường! Do năng lực lời phát nguyện chân thật của cậu, bệnh tình của người mẹ chẳng bao lâu đã khỏi hẳn.

Đó là trường hợp tiết chế tránh xa ác nghiệp, khi gặp đối tượng đang hiện hữu.

* ***Samādānavirati***: *Tiết chế tránh xa ác nghiệp do đã thọ trì giới như thế nào?*

Trường hợp một người đã xin thọ trì giới, sau đó, gặp phải đối tượng có thể làm cho bị phạm giới; nhưng người ấy niệm tưởng lại giới mà mình đã thọ trì, quyết tâm giữ gìn giới cho trong sạch trọn vẹn, dù phải hy sinh sinh mạng, chứ không để phạm giới.

Ví dụ: Tích chuyện người cận sự nam tên *Uttarava*□□*ha-māna* [3], được tóm lược như sau:

Một buổi sáng, cận sự nam *Uttarava*□□*hamāna* đến đánh lễ Ngài Đại đức *Buddharakkhita*, xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới xong, xin phép Ngài trở về nhà, dắt bò ra đồng cày ruộng. Cày xong, ông thả bò cho đi ăn cỏ, chẳng may con bò đi lạc đường. Người cận sự nam đi tìm theo giấu chân bò dọc theo ven núi, chẳng may bị một con trăn lớn siết chặt vào

người. Lúc bấy giờ, trong người cận sự nam có mang theo một con dao bén và nhọn, ông bèn nghĩ rằng: “*Ta rút con dao này cắt cổ con trăn*”. Nhưng ông chợt nhớ lại rằng: “*Sáng hôm nay ta đã thọ phép quy y Tam Bảo và ngũ giới nơi Ngài Đại đức Buddhārakkhita; ta nên giữ gìn ngũ giới cho trong sạch và đầy đủ, không nên phạm điều giới sát sinh*”.

Con trăn càng lúc càng xiết mạnh, làm cho thân mình ông vô cùng đau đớn, ông lại nghĩ đến việc rút con dao bén giết hại con trăn, để cứu sinh mạng của mình. Nhưng ông lại nghĩ như lần trước, nên không giết chết con trăn. Mỗi cho đến lần thứ ba, lần này ông suy xét rằng: “*Sở dĩ, bao nhiêu lần ta định giết hại con trăn này, là vì ta y lại trong mình ta có con dao*”.

Nghĩ vậy, người cận sự nam rút con dao ném ra xa, rồi phát nguyện rằng: “*Thà rằng ta chịu hy sinh sinh mạng để giữ gìn giới cho được trong sạch và trọn vẹn, quyết tâm không để phạm giới*”.

Do năng lực của giới, khiến con trăn từ từ buông ra khỏi mình ông, rồi bò vào rừng.

Đó là trường hợp tiết chế tránh xa ác nghiệp do đã thọ trì ngũ giới.

* ***Samucchēdavirati***: *Tiết chế tránh xa ác nghiệp một cách đoạn tuyệt như thế nào?*

Trường hợp hành giả thực hành thiền tuệ, trí tuệ thiền tuệ phát sinh theo tuần tự đến trí tuệ thứ 14 gọi là ***Thánh Đạo Tuệ có Niết Bàn*** làm đối tượng, nên diệt được phiền não một cách đoạn tuyệt. Loại phiền não nào đã bị diệt đoạn tuyệt do năng lực của Thánh Đạo Tuệ rồi, loại phiền não ấy vĩnh viễn không bao giờ phát sinh trở lại được nữa.

Bậc Thánh Nhập Lưu có *giới đức* hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn.

3- ***Sa□varasīla***: *Thu thúc, giữ gìn thân, khẩu, ý không để ác tâm phát sinh gọi là giới như thế nào?*

Thu thúc, giữ gìn thân, khẩu, ý không để ác tâm phát sinh có 5 loại:

- ***Pātimokkhasa□vara***: Thu thúc với tác ý giữ gìn 227 điều giới trong giới bốn Tỳ khưu (Bhikkhupātimokkha) bằng đức tin.

- *Satisa□vara*: Thu thúc, giữ gìn bằng chánh niệm trong 6 môn: *Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân* và ý không để phiền não phát sinh (thuộc về giới giữ gìn 6 môn).
- *Nā□asa□vara*: Thu thúc, giữ gìn bằng trí tuệ ngăn chặn phiền não tham, sân, si, ... không cho phát sinh trong tâm (thuộc về giới quán tưởng 4 thứ vật dụng hằng ngày đêm).
- *Khantisa□vara*: Thu thúc, giữ gìn bằng tâm nhẫn nại, khi gặp thời tiết nóng, lạnh, cảnh đói, khát, những đối tượng trái ý nghịch lòng, v.v... mà sân tâm không phát sinh, chỉ có thiện tâm phát sinh mà thôi.
- *Vīriyasa□vara*: Thu thúc, giữ gìn bằng tinh tấn ngăn ác pháp chưa phát sinh thì không cho phát sinh; tinh tấn diệt ác pháp đã sinh; tinh tấn làm cho thiện pháp chưa phát sinh thì phát sinh; và tinh tấn làm phát triển thiện pháp đã sinh (thuộc về giới nuôi mạng thanh tịnh).

4- *Avītikkaṃasīla*: Không phạm điều giới gọi là giới như thế nào?

Sau khi đã thọ trì giới xong rồi, hành giả có đức tin trong sạch, có tác ý thiện giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn; dù phải hy sinh sinh mạng của mình, quyết tâm giữ gìn, bảo vệ giới cho trong sạch và trọn vẹn, không để phạm giới.

Như vậy, thu thúc, giữ gìn bảo vệ điều giới không để bị phạm gọi là giới.

Trong bộ *Pa□isambhidāmagga* trình bày giới có 3 loại:

- *Kusalasīla*: Giới thiện đó là tâm sở tác ý đồng sinh với thiện tâm.
- *Akusalasīla*: Giới bất thiện (giới ác) đó là tác ý tâm sở đồng sinh với bất thiện tâm (ác tâm).
- *Abyākatasīla*: Giới không thiện không ác đó là tác ý tâm sở đồng sinh với tâm quả và tâm duy tác.

Trong 3 loại giới này, giới cần giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn thuộc *giới thiện*, đó là tác ý tâm sở đồng sinh với đức giới đại thiện tâm.

Ý Nghĩa Của Giới (Sīla)

Giới có nhiều ý nghĩa

* **Sīla: Giới** có ý nghĩa là *sīlana: Hành*.

— **Sīlana: Hành** có 2 ý nghĩa.

1- *Samādhāna*: Hành giới làm cho thân và khẩu được tự nhiên đàng hoàng. Người hành giới có thân hành thiện, khẩu nói thiện, nên cử chỉ hành động của thân đàng hoàng tự nhiên đáng kính, nói năng nhã nhặn đáng yêu.

2- *Upadhāra*□*a*: Hành giới trong sạch để làm nền tảng cho pháp hành thiền định, pháp hành thiền tuệ.

Pháp hành đầu tiên là *pháp hành giới* có khả năng diệt *phiền não loại thô* (*vītikkaṃa-kilesa*) nơi thân và khẩu, cho nên giới được thanh tịnh.

Giới thanh tịnh làm nền tảng cho *pháp hành thiền định* được phát triển. Pháp hành thiền định có khả năng diệt *phiền não loại trung* (*pariyu*□□*hānakisela*) ở trong tâm, để chứng đắc các bậc thiền hữu sắc và các bậc thiền vô sắc.

Giới thanh tịnh làm nền tảng cho *pháp hành thiền tuệ* được phát triển từ trí tuệ thiền tuệ tam giới (*lokiyavipassanā*) cho đến trí tuệ thiền tuệ Siêu tam giới (*Lokuttaravipassanā*) chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, có khả năng diệt đoạn tuyệt được *phiền não loại vi tế* (*anusayakilesa*) ngấm ngấm trong tâm.

Như vậy ‘*giới*’ có thể ví như ‘*đất*’. Đất là nơi nương nhờ của các loại thảo mộc để phát sinh và phát triển.

Định và **tuệ** cũng có thể ví như các giống cây ăn trái cần phải nương nhờ nơi đất để phát sinh và phát triển, rồi đơm hoa kết trái.

* **Sīla: Giới** còn có các ý nghĩa khác như:

— **Sīla: Giới** có nghĩa là *sira: Cái đầu*.

Trong thân thể mỗi chúng sinh nói chung, mỗi người nói riêng, **cái đầu** là phần quan trọng nhất. Thật vậy, trong thân thể con người, dù bị chặt tay, chặt chân, ... người ấy vẫn còn sinh mạng (còn sống); nhưng nếu người ấy bị đứt đầu, thì đồng thời mất sinh mạng (chết). Cũng như vậy, **giới** dẫn đầu,

giới là nền tảng cho mọi thiện pháp được phát triển tốt, từ dục giới thiện pháp, sắc giới thiện pháp, vô sắc giới thiện pháp cho đến Siêu tam giới thiện pháp. Nếu không có giới hoặc giới bị đứt, thì tất cả mọi thiện pháp không có nơi nương nhờ để phát triển; cũng như nếu không có đất, thì tất cả cây cối, v.v... không có nơi nương nhờ để sinh trưởng.

— **Sīla:** Giới có nghĩa là *sītala*: *Mát mẻ, thanh tịnh*.

Phiền não làm cho tâm nóng nảy, rồi làm cho khẩu nóng nảy, thân nóng nảy. Hành giả có tác ý thiện giữ gìn giới, nên chế ngự, đè nén, diệt được phiền não loại thô không thể phát sinh ra nơi thân và khẩu. Do đó, giữ gìn giới làm cho thân và khẩu được mát mẻ, thanh tịnh.

— **Sīla:** Giới có ý là *pakati* [4] : *Thường, thói quen*.

Chữ *sīla* ghép vào những danh từ như:

- *Aya* □ *sukhasīlo*: Người này thường được an lạc.

- *Aya* □ *dukkhasīlo*: Người này thường chịu đau khổ.

- *Aya* □ *kalahasīlo*: Người này có thói quen hay cãi cọ.

- *Aya* □ *ma* □ □ *anasīlo*: Người này có thói quen thích trang điểm.

* *Sīlabbata* (*sīla* + *vata*): Hành vi cách sống theo thói quen của loài bò, loài chó,...

* *Sīlabbatupādāna* (*sīla* + *vata* + *upādāna*): Tà kiến chấp thủ trong hành vi theo thói quen của loài bò, loài chó,... Nghĩa là một số người bất chước hành theo thói quen của loài bò, loài chó,... như ăn, uống, đi, đứng, v.v... có tà kiến chấp thủ trong cách sống theo thói quen ấy, rồi cho rằng sẽ được tái sinh lên cõi trời, sẽ giải thoát khổ,...

* *Sīlabbataparāmāsa* (*sīla* + *vata* + *parāmāsa*): Tà kiến thấy sai, chấp lầm trong hành vi cách sống theo thói quen của loài bò, loài chó,... như ăn, uống, đi, đứng, v.v... có tà kiến thấy sai, chấp lầm trong cách sống theo thói quen ấy, rồi cho rằng sẽ được tái sinh lên cõi trời, sẽ giải thoát khổ... gọi là chấp thủ pháp thường hành.

4 Tính Chất Của Giới

Để nhận thức rõ về **giới**, cần phải căn cứ vào 4 tính chất của giới:

- 1- Trạng thái của giới (lakkhaṇa).
- 2- Phận sự của giới (rasa).
- 3- Quả hiện hữu của giới (paccupaṇṇāna).
- 4- Nhân gần của giới (padaṇṇāna).

* *Trạng thái của giới như thế nào?*

Giới tuy có nhiều loại, nhưng đều có chung 2 trạng thái:

- Trạng thái giữ gìn thân, khẩu hành thiện đàng hoàng.
- Trạng thái làm nền tảng cho mọi thiện pháp, nhất là pháp hành thiền định, pháp hành thiền tuệ được phát triển và tăng trưởng tốt.

* *Phận sự của giới như thế nào?*

Giới có 2 phận sự:

- Có phận sự diệt trừ sự phạm giới.
- Có phận sự giúp làm cho đầy đủ các đức.

* *Quả hiện hữu của giới như thế nào?*

Quả hiện hữu của giới là thân hành thiện, khẩu nói thiện, ý nghĩ thiện; thân, khẩu, ý trong sạch thanh tịnh.

* *Nhân gần của giới như thế nào?*

Giới được phát sinh do 2 nhân gần:

- *Hiri: Biết hổ thẹn tội lỗi:* Tự mình biết hổ thẹn tội lỗi, cho nên tránh xa mọi ác nghiệp, tinh tấn hành mọi thiện nghiệp.
- *Ottappa: Biết ghê sợ tội lỗi:* Biết sợ các bậc thiện trí chê trách, sợ khổ trong 4 cõi ác giới (địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh), do đó, nên tránh xa mọi ác nghiệp, tinh tấn hành mọi thiện nghiệp.

Quả Báo Của Người Có Giới (Sīlavanta ānisaṃsa) [5]

Một thườ nọ, Đức Thế Tôn đang ngự tại làng Pāṃaligāma, dân làng Pāṃali đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Đức Thế Tôn bèn gọi dân làng Pāṃali mà dạy rằng:

— *Này các gia chủ, có 5 quả báo của người có giới, người giữ gìn giới đầy đủ trọn vẹn. 5 quả báo ấy là:*

1- *Này các gia chủ, trong đời này, người có giới, người giữ gìn giới đầy đủ trọn vẹn, có được nhiều của cải lớn lao, do nhờ nhân không để duôi.*

Đó là quả báo thứ nhất của người có giới, người giữ gìn giới đầy đủ trọn vẹn.

2- *Này các gia chủ, còn điều này, người có giới, người giữ gìn giới đầy đủ trọn vẹn, có được danh thơm tiếng tốt lan truyền khắp mọi nơi.*

Đó là quả báo thứ nhì của người có giới, người giữ gìn giới đầy đủ trọn vẹn.

3- *Này các gia chủ, còn điều này, người có giới, người giữ gìn giới đầy đủ trọn vẹn, có tâm dũng cảm, không rụt rè e thẹn khi đi vào nơi hội đoàn Hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Samôn, hội đoàn Balamôn...*

Đó là quả báo thứ ba của người có giới, người giữ gìn giới đầy đủ trọn vẹn.

4- *Này các gia chủ, còn điều này, người có giới, người giữ gìn giới đầy đủ trọn vẹn, phát sinh tâm không mê muội, tâm trí sáng suốt lúc lâm chung.*

Đó là quả báo thứ tư của người có giới, người giữ gìn giới đầy đủ trọn vẹn.

5- *Này các gia chủ, còn điều này, người có giới, người giữ gìn giới đầy đủ trọn vẹn, sau khi chết, thiện nghiệp giữ giới cho quả tái sinh cõi thiện dục giới (cõi người, cõi trời dục giới).*

Đó là quả báo thứ năm của người có giới, người giữ gìn giới đầy đủ trọn vẹn.

— *Này các gia chủ, đó là 5 quả báo của người có giới, người giữ gìn giới đầy đủ trọn vẹn như vậy.*

Các Loại Giới

Giới của 2 hạng người:

1- *Gaha*□□*hasīla*: Giới của người tại gia.

2- *Pabbajitasīla*: Giới của bậc xuất gia.

1- **Giới của người tại gia:** Có nhiều loại

- Ngũ giới.

- Bát giới.

- Cửu giới.

- Thập giới...

2- **Giới của bậc xuất gia:** Giới của Sadi và giới của Tỳ khuru

* **Giới của Sadi:** Sadi có các giới như:

- 10 giới Sadi.

- 10 giới hoại phạm hạnh Sadi.

- 10 giới hành phật Sadi.

- 75 điều giới hành của Sadi.

- 14 pháp hành của Sadi, Tỳ khuru.

* **Giới của Tỳ khuru:** Tỳ khuru có 4 giới thanh tịnh:

- Thu thúc trong giới bốn Tỳ khuru bằng đức tin giữ gìn 227 điều giới.

- Giới thu thúc lục căn thanh tịnh bằng chánh niệm trong 6 căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý).

- Giới nuôi mạng chân chính bằng tinh tấn đi khát thực.
- Giới suy xét các thứ vật dụng bằng trí tuệ thấy rõ thực chất của nó khi dùng.

-ooOoo-

PHẦN I

GIỚI CỦA NGƯỜI TẠI GIA

1) Ngũ Giới Là Thường Giới (Pañcasīla Niccasīla)

Ngũ giới gọi là *thường giới (niccasīla)* chung cho tất cả mọi người, không phân biệt già trẻ, trai gái, dân tộc, tôn giáo,... Tất cả mọi người đều phải nên nghiêm chỉnh giữ gìn ngũ giới cho được trong sạch và đầy đủ trọn vẹn, bất luận có thọ trì ngũ giới hoặc không thọ trì ngũ giới; bởi vì, **ngũ giới** là **thường giới** của con người.

— Nếu người nào giữ gìn ngũ giới trong sạch và trọn vẹn, thì người ấy có được phước thiện, đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp trong vị lai.

— Nếu người nào phạm một hoặc nhiều điều giới trong ngũ giới, thì người ấy đã tạo tội ác, có hậu quả bất lợi, thoái hóa, khổ não cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp vị lai.

Đức Phật dạy 5 quả báu của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch và đầy đủ trọn vẹn, được tóm lược như sau:

- 1- Có được nhiều của cải lớn lao, do nhờ nhân không dễ duôi.
- 2- Có được danh thơm, tiếng tốt lan truyền khắp mọi nơi.
- 3- Có tâm dũng cảm, không rụt rè, e thẹn khi đi vào nơi hội đoàn Hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Samôn, hội đoàn Bàlamôn ...
- 4- Có tâm không mê muội, tâm trí sáng suốt lúc lâm chung.

5- Sau khi chết, thiện nghiệp giữ giới cho quả tái sinh trong cõi thiện dục giới (cõi người, các cõi trời dục giới).

Và Đức Phật dạy 5 điều tai hại của người không có giới, người phạm giới, được tóm lược như sau:

- 1- Làm tiêu tan của cải lớn lao, do nhân dễ duôi.
- 2- Có tiếng xấu lan truyền khắp mọi nơi.
- 3- Có tâm rụt rè, e thẹn, sợ sệt khi đi vào nơi hội đoàn Hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Samôn, hội đoàn Balamôn...
- 4- Có tâm mê muội, hoặc tâm sợ hãi lúc lâm chung.
- 5- Sau khi chết, bất thiện nghiệp (ác nghiệp) phạm giới cho quả tái sinh trong các cõi ác giới (địa ngục, atula, nga quỷ, súc sinh).

Những bậc thiện trí có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, nhận thức rõ được 5 quả báu của người có giới trong sạch và 5 điều tai hại của người không có giới, người phạm giới. Cho nên, những bậc thiện trí giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, đồng thời khuyến khích, động viên người khác cũng nên giữ gìn giới của họ cho được trong sạch và trọn vẹn.

Phép Quy Y Tam Bảo Và Ngũ Giới

Theo truyền thống Phật giáo, trước khi thọ phép quy y Tam Bảo và ngũ giới, người cận sự nam, cận sự nữ nên làm lễ xin sám hối Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng xong, tiếp theo xin thọ phép quy y Tam Bảo và ngũ giới.

Nghi thức xin thọ phép quy y Tam Bảo và ngũ giới đã được trình bày trong chương IV: **Nền Tảng Phật Giáo Quyển II “Quy y Tam Bảo”**.

Trong chương V: Hành Giới này sẽ giảng giải về các giới.

Giảng Giải Về Ngũ Giới

Thọ Trì Ngũ Giới

- 1- *Pāñātipātā veramañisikkhāpadañsamādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự sát sinh.

2- *Adinnādānā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự trộm cắp.

3- *Kāmesumicchācārā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự tà dâm.

4- *Musāvādā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói dối.

5- *Surāmerayamajjappamāda□□hānā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa uống rượu và các chất say là nhân sinh sự đẽ duôi.

Chi Pháp Của Ngũ Giới

Mỗi điều giới có những chi pháp riêng biệt, muốn biết phạm giới hoặc không phạm giới cần phải căn cứ vào những chi pháp của mỗi điều giới ấy. Nếu hội đủ chi pháp của điều giới ấy, thì gọi là phạm điều giới ấy; nếu thiếu một trong những chi pháp ấy, thì không thể gọi là phạm điều giới ấy.

1- Điều Giới Tránh Xa Sự Sát Sinh

Pā□ātipātā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.

* Nghĩa phân tích chữ:

— *Pā□ātipātā* P *Pā□ā* + *atipātā*.

+ *Pā□ā*: Chúng sinh, tất cả mọi sinh vật có sinh mạng.

+ *Atipātā*: Roi mau, lia mau.

— *Verama□isikkhāpada□* P *Verama□ī* + *sikkhāpada□*.

+ *Verama□ī*: Tác ý tránh xa.

+ *Sikkhāpada*□: Điều giới, giới.

— *Samādiyāmi*: Con xin thọ trì.

Pā□*ātipātā*: Hành động làm cho chúng sinh lia bỏ sinh mạng trước thời gian hạn định hết tuổi thọ của chúng sinh ấy; nghĩa là giết hại chúng sinh ấy chết trước thời gian hạn định tuổi thọ của chúng sinh ấy.

Thật ra, tất cả chúng sinh đều phải chết cả thảy, không ngoại trừ một ai cả. Mỗi chúng sinh chết do hết tuổi thọ, do mãn nghiệp hỗ trợ..., đó gọi là *chết đúng thời* (*kālamara*□*a*).

Trường hợp chúng sinh có thể duy trì, kéo dài sinh mạng thêm cho đến hết tuổi thọ, đến mãn nghiệp hỗ trợ..., nhưng chúng sinh ấy bị người khác giết hại, cắt đứt dòng sinh mạng trước thời gian hạn định tuổi thọ của chúng sinh ấy, đó gọi là *pā*□*ātipātā*: *Giết hại chúng sinh*. (Nếu người có tác ý bất thiện giết hại chúng sinh hợp đủ chi pháp của điều giới sát sinh, thì người ấy phạm điều giới sát sinh).

* Nghĩa tổng hợp:

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự sát sinh.

Chi Pháp Phạm Điều Giới Sát Sinh

Người phạm điều giới sát sinh cần phải hợp đủ 5 chi pháp:

- 1- *Chúng sinh có sinh mạng* (*pā*□*o*).
- 2- *Biết rõ chúng sinh có sinh mạng* (*pā*□*asaññitā*).
- 3- *Tâm nghĩ sát hại chúng sinh* (*vadhakacitta*□).
- 4- *Cố gắng sát hại chúng sinh* (*payogo*).
- 5- *Chúng sinh ấy chết do sự cố gắng ấy* (*tena mara*□*a*□).

Nếu hội đầy đủ 5 chi pháp này, thì gọi là *phạm điều giới sát sinh*. Nếu thiếu 1 trong 5 chi, thì *không thể gọi là phạm điều giới sát sinh*.

Giảng Giải Về Sự Sát Sinh

* *Chúng sinh là gì?*

Chúng sinh là những sinh vật có sinh mạng; có nhiều loại chúng sinh khác nhau, dù nhỏ dù lớn, mỗi chúng sinh cũng đều có sinh mạng. *Sinh mạng* này phát sinh từ *nghiệp*; do đó, các loài *thực vật, cây cỏ, núi non, đất, nước, lửa, gió, v.v...* đều không có sinh mạng.

Mỗi chúng sinh được gọi, được biết qua những danh từ chế định bằng mỗi thứ ngôn ngữ, tiếng nói khác nhau, nhưng theo **Chân nghĩa pháp** (*Paramatthadhamma*), thì chỉ có 3 pháp là: **Tâm, tâm sở, sắc pháp** mà thôi.

Danh từ gọi “**chúng sinh**” còn sinh mạng, theo Chân nghĩa pháp, chúng sinh ấy còn có đủ **sắc mạng chủ** (*jīvitindriyarūpa*) và **danh mạng chủ** (*jīvitindriyanāma*); nếu chúng sinh ấy không còn có sinh mạng (sắc mạng chủ), thì gọi là thi thể, xác chết,...

2 pháp: Sắc mạng chủ và danh mạng chủ:

— **Sắc mạng chủ** có trạng thái sinh rồi diệt liên tục không ngừng, đồng thời có phận sự bảo hộ, duy trì thân thể sinh mạng của mỗi chúng sinh liên tục không gián đoạn suốt mỗi kiếp (sắc mạng chủ hạn chế trong mỗi kiếp).

— **Danh mạng chủ** có trạng thái sinh rồi diệt liên tục không ngừng, có phận sự bảo hộ danh pháp (tâm và tâm sở) từ kiếp này sang kiếp khác, thay đổi do năng lực quả của nghiệp trong mỗi kiếp, từ vô thủy cho đến kiếp hiện tại theo các lộ trình tâm, cho đến khi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Do đó, *sát sinh* nghĩa là *sát hại sinh mạng của chúng sinh*. Sự thật đúng theo *Chân nghĩa pháp* (*Paramatthasacca*) đó là cắt đứt **sắc mạng chủ** (*jīvitindriyarūpa*) thuộc về **sắc pháp** của kiếp ấy; còn **danh mạng chủ** (*jīvitindriyanāma*) thuộc về **danh pháp** có trạng thái sinh rồi diệt liên tục không ngừng, từ kiếp này sang kiếp khác, thay đổi do năng lực quả của nghiệp trong mỗi kiếp, thì không thể bị cắt đứt được.

Như vậy, *sát sinh* nghĩa là cắt đứt **sắc mạng chủ** thuộc sắc pháp của kiếp chúng sinh ấy. Còn **danh mạng chủ** thuộc danh pháp vẫn sinh rồi diệt liên tục kế tiếp kiếp sau, tùy theo nghiệp cho quả tái sinh.

— **Tác ý bất thiện sát hại chúng sinh có 2 cách:**

- 1- Bằng thân: Tự chính mình sát hại chúng sinh.
- 2- Bằng khẩu: Sai khiến người khác sát hại chúng sinh.

— **Cố gắng để sát hại chúng sinh có 6 cách:**

- 1- Tự mình sát hại chúng sinh.
- 2- Sai khiến người khác sát hại chúng sinh bằng lời nói, bằng chữ viết, hoặc bằng cách ra hiệu v.v...
- 3- Phóng lao, ném dao, bắn tên, bắn súng v.v... làm cho chúng sinh ấy chết.
- 4- Người làm ra những thứ vũ khí để sát hại chúng sinh có tính cách lâu dài như đào hầm, đặt bẫy, rên gươm giáo, đúc súng đạn, bom, thuốc độc, v.v... Hễ khi nào có người sử dụng những thứ vũ khí ấy để sát hại chúng sinh, thì người làm ra những thứ vũ khí ấy phạm điều giới sát sinh. Bởi vì, người ấy có *tác ý bất thiện sát hại chúng sinh* có tính cách lâu dài.
- 5- Sử dụng bùa chú, phù phép, trừ ếm, v.v... làm cho chúng sinh ấy chết.
- 6- Sử dụng phép màu của mình sát hại chúng sinh.

Tội Nặng - Tội Nhẹ Của Sự Sát Sinh

Tội nặng hoặc tội nhẹ của sự sát sinh được căn cứ vào chúng sinh lớn hoặc nhỏ; có giới đức hoặc không có giới đức; giới đức nhiều hoặc giới đức ít, v.v...

* **Chúng sinh có thân hình lớn - thân hình nhỏ:**

- Nếu sát hại chúng sinh có thân hình to lớn như con voi, con trâu, con bò, v.v... thì tội nặng, vì cần phải cố gắng nhiều.
- Nếu sát hại chúng sinh có thân hình nhỏ như con kiến, con muỗi, con ruồi, v.v... thì tội nhẹ, vì cần cố gắng ít.

* **Chúng sinh có giới đức - không giới đức:**

- Nếu sát hại con người, thì tội nặng hơn sát hại loài súc vật.

- Nếu sát hại người có giới, thì tội nặng hơn sát hại người không có giới.
- Nếu sát hại bậc Thánh Nhân, thì tội nặng hơn sát hại hạng phàm nhân.
- Nếu sát hại Thánh Nhân bậc cao, thì tội nặng hơn sát hại Thánh Nhân bậc thấp.
- Nếu sát hại bậc Thánh Arahán, cha, mẹ của mình, thì tội nặng nhất, vì phạm trọng tội thuộc *ác nghiệp vô gián (anantariyakamma)*, sau khi chết, chắc chắn ác nghiệp ấy cho quả tái sinh trong cõi đại địa ngục Avīci (không có nghiệp nào có thể ngăn cản được); chịu khổ thiêu đốt suốt thời gian lâu dài, cho đến khi mãn quả của ác nghiệp ấy mới mong thoát khỏi cõi địa ngục.

* **Tự Sát**

Người tự sát có phạm điều giới sát sinh hay không?

Người phạm điều giới sát sinh hay không phạm điều giới sát sinh cần phải xét theo 5 chi pháp phạm điều giới sát sinh.

- 1- *Pāpā*: Chúng sinh có sinh mạng (chính mình).
- 2- *Paṇasaññitā*: Biết rõ chúng sinh ấy có sinh mạng (chi pháp này ám chỉ đến chúng sinh khác, không phải chính mình).
- 3- *Vadhakacitta*: Tâm ác nghĩ sát hại chúng sinh ấy.
- 4- *Payogo*: Cố gắng sát hại chúng sinh ấy (cố gắng tự sát, tự giết mình).
- 5- *Tena maraṇa*: Chúng sinh ấy chết do sự cố gắng (mình chết do sự cố gắng của mình).

Xét trong 5 chi pháp phạm điều giới sát sinh này, chi pháp thứ nhì “*Paṇasaññitā*”: “*Biết rõ chúng sinh ấy có sinh mạng*” này ám chỉ đến chúng sinh khác, không phải chính mình. Do đó, trong trường hợp người tự giết mình (tự sát) thì thiếu chi pháp *paṇasaññitā* này. Cho nên, người tự giết mình (tự sát) không đủ 5 chi pháp phạm điều giới sát sinh.

Như vậy, người tự sát không phạm điều giới sát sinh.

Ví dụ: Trường hợp *Tỳ khuru Channa* dùng dao cắt cổ tự sát, trước khi chết Ngài thực hành thiền tuệ dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn; khi đắc *Arahán Thánh Quả* đồng thời *tịch diệt Niết Bàn*, gọi là *bậc Thánh Arahán Jīvitasamasīsi* (*Arahán Thánh Quả đồng thời tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài*).

Như trong bài kinh *Channasutta* [6], được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngự tại ngôi chùa *Veṅṅuvana* gần kinh thành *Rājagaha*. Khi ấy, Ngài Đại đức *Channa* bị lâm bệnh nặng trầm trọng, đau đớn không thể kham nhẫn nổi.

Vào buổi chiều, Ngài Đại đức *Sāriputta* và Ngài Đại đức *Mahācunda* đến thăm hỏi bệnh tình của Ngài Đại đức *Channa*.

Ngài Đại đức *Sāriputta* hỏi rằng:

- *Này hiền đệ Channa, hiền đệ có kham nhẫn nổi thọ khổ không?*

Tứ đại của hiền đệ có điều hòa được không?

Thọ khổ của hiền đệ giảm bớt, chứ không tăng có phải không?

Bệnh tình giảm rõ ràng, chứ không tăng có phải không?

Ngài Đại đức *Channa* thưa rằng:

- *Kính thưa Ngài Đại đức Sāriputta, đệ không thể kham nhẫn nổi thọ khổ.*

Tứ đại của đệ không điều hòa được.

Thọ khổ của bệnh không thuyên giảm, mà lại tăng lên.

Bệnh tình tăng lên rõ ràng, mà không giảm bớt. Thưa Ngài.

Kính thưa Ngài Sāriputta:

* Ví như một người đàn ông mạnh mẽ dùng cây sắt nhọn bén đâm vào đầu như thế nào, bệnh phong (gió) cực kỳ khủng khiếp đâm xoáy vào đầu của đê cũng như thế ấy.

* Ví như một người đàn ông lực lưỡng dùng sợi dây bằng da dẻo dai, bền chắc, siết chặt cái đầu như thế nào, bệnh phong cực kỳ khủng khiếp siết chặt cái đầu của đê cũng như thế ấy.

* Ví như người giết bò hoặc người phụ của người giết bò, dùng con dao mổ bụng con bò như thế nào, bệnh phong cực kỳ khủng khiếp đâm xoáy vào bụng của đê cũng như thế ấy.

* Ví như hai người đàn ông lực lưỡng, mỗi người một bên nắm tay chân của người ốm yếu đặt lên hầm lửa đang cháy, nướng người ấy nóng bỏng như thế nào, sự nóng trong thân của đê còn hơn thế ấy.

- Kính thưa Ngài Đại đức Sāriputta, đê không thể kham nhẫn nỗi thọ khổ.

Từ đại của đê không điều hòa được.

Thọ khổ của bệnh không thuyên giảm mà lại tăng lên.

Bệnh tình tăng lên rõ ràng, mà không giảm bớt. Thưa Ngài.

Ngài Đại đức Channa thưa tiếp rằng:

- Kính thưa Ngài Sāriputta, đê sẽ đem con dao để tự cắt cổ giết hại mình, đê không còn muốn sống để phải chịu nỗi đau đớn khủng khiếp như thế này nữa.

Ngài Đại đức Sāriputta khuyên rằng:

- Nay hiền đê Channa, hiền đê nên dùng thuốc chữa trị. Hiền đê dùng thuốc chữa trị để duy trì sinh mạng, chúng tôi muốn hiền đê dùng thuốc chữa trị để duy trì sinh mạng. Nếu vật thực không thích hợp với hiền đê thì tôi sẽ tìm vật thực thích hợp. Nếu thuốc trị bệnh không thích hợp với hiền đê thì tôi sẽ tìm thứ thuốc thích hợp. Nếu người nuôi bệnh không thích hợp với hiền đê thì tôi sẽ làm người nuôi bệnh lo săn sóc hiền đê. Xin hiền đê chớ nên dùng dao tự sát.

Tiếp theo Ngài Đại đức Sāriputta nhắc nhở Ngài Đại đức Channa về các pháp như 6 thức tâm với 6 đối tượng và liên quan đến các pháp: Tham ái, ngã mạn, tà kiến chấp thủ và không chấp thủ do bởi tham ái, ngã mạn, tà kiến. Và Ngài Đại đức Mahācunda cũng nhắc nhở Ngài Đại đức Channa rằng:

“Đối với người không còn có tham ái, ngã mạn, tà kiến, thì tâm của những bậc ấy không bao giờ bị lay chuyển...”

Sau khi nhắc nhở khuyên dạy Ngài Đại đức Channa xong, Ngài Đại đức Sāriputta và Ngài Mahācunda trở về chỗ ở của quý Ngài.

Khi ấy, Ngài Đại đức Channa vẫn còn là hạng phàm nhân không thể kham nhẫn nỗi sự đau đớn khủng khiếp của bệnh phong ấy, nên Ngài dùng con dao tạc sắt cổ giết chết mình để giải thoát khỏi nỗi thọ khổ ấy.

Vốn Ngài là người có giới trong sạch và trọn vẹn, trước khi chết, Ngài thực hành thiền tuệ liền dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn. Cho nên, khi chứng đắc đến *Arahán Thánh Quả* đồng thời tịch diệt Niết Bàn gọi là *“Bậc Thánh Arahán Jīvitasamasī”* (nghĩa là khi chứng đắc Arahán Thánh Quả đồng thời cùng một lúc tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài).

Khi Ngài Đại đức Channa đã tự mình cắt cổ chết, Ngài Đại đức Sāriputta đến hầu Đức Thế Tôn tại ngôi chùa Veṅṅuvana bạch hỏi về hậu quả kiếp sau của Ngài Đại đức Channa như thế nào?

Đức Phật dạy:

“Tỳ khuru Channa đã chứng đắc Arahán Thánh Quả đồng thời tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài”.

Tích Ngài Đại đức Channa đã chứng minh rằng: *“Tự sát không phạm điều giới sát sinh”*.

Nếu tự sát là phạm điều giới sát sinh, thì Ngài Đại đức Channa không thể chứng đắc thành bậc Thánh Arahán. Sự thật, Ngài Đại đức Channa đã chứng đắc Arahán, thì chắc chắn Ngài phải có giới trong sạch và trọn vẹn.

Người tự sát không phạm điều giới sát sinh, bởi vì thiếu chi pháp thứ nhì *“pāṇasaññitā”*: *Biết rõ chúng sinh có sinh mạng (nghĩa là chính mình biết*

rõ chúng sinh khác có sinh mạng). Như vậy, chi pháp này không ám chỉ mình, mà ám chỉ chúng sinh khác.

Cho nên, người tự tử không phạm điều giới sát sinh. Tuy người tự tử không phạm điều giới sát sinh, nhưng nếu người tự sát do tâm sân chán đời, tuyệt vọng không muốn sống trên đời này nữa, thì sau khi người ấy chết, ác nghiệp do tâm sân ấy cho quả, thì khó có thể tránh khỏi tái sinh trong cõi ác giới (địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh).

Như Đức Phật dạy:

“Evameva kho bhikkhave citte sa□kili□□he duggati□ pa□ika□khā” [7].

“Ngày chư Tỳ khuru, như vậy, khi lâm chung tâm ác phát sinh do phiền não ô nhiễm, sẽ tái sinh trong cõi ác giới (địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh)”.

Những Trường Hợp Liên Quan Đến Sự Chết

Người hy sinh sinh mạng vì một mục đích cao thượng, với thiện tâm thiện chí của mình.

Ví dụ: Trong bộ *Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo)*.

* Một vị Tỳ khuru hành đạo sống ở trong rừng. Một hôm bọn cướp gặp Ngài, chúng cho là điều xui xẻo sẽ xảy đến với chúng. Sợ xui, nên chúng bắt trời Ngài bằng một sợi dây rừng đang còn tươi và đặt Ngài nằm tại nơi ấy, rồi bỏ đi. Khu rừng chẳng may xảy ra vụ hỏa hoạn, đám cháy dần dần lan đến chỗ Ngài. Ngài suy nghĩ rằng:

“Nếu ta muốn lánh khỏi nạn, thì phải làm cho sợi dây rừng bị đứt; như vậy ta sẽ bị phạm điều giới pācittiya. Sự chết là điều chắc chắn sẽ xảy đến với ta, không sao tránh khỏi được (nghĩa là tránh khỏi chết hôm nay, sau này cũng phải chết).

Thà rằng, hôm nay ta chịu hy sinh sinh mạng, quyết giữ gìn giới mà Đức Phật đã chế định đến Tỳ khuru”.

Sau khi quyết định như vậy, vốn Ngài có giới đức hoàn toàn trong sạch làm nền tảng, cho nên khi thực hành thiện tuệ dẫn đến chứng đắc thành bậc

Thánh Arahán, đồng thời đám lửa cháy lan đến thiêu đốt Ngài. Ngài tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

* Để trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, chư Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác cần phải tạo đầy đủ 30 pháp hạnh ba-la-mật: 10 pháp hạnh ba-la-mật bậc thường, 10 pháp hạnh ba-la-mật bậc trung và 10 pháp hạnh ba-la-mật bậc thượng.

Để thành tựu pháp hạnh ba-la-mật bậc thượng nào, Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác cần phải hy sinh sinh mạng của mình để hoàn thành pháp hạnh ba-la-mật ấy. Như vậy, sự hy sinh sinh mạng của chư Đức Bồ Tát Chánh Đẳng Giác, vì mục đích cao thượng, để thành đạt nguyện vọng trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, với thiện tâm thiện chí trong sạch và cao cả, thì không thể gọi là phạm điều giới sát sinh.

Như vậy, dù là người tự tử, hoặc Đức Bồ Tát hy sinh sinh mạng, vẫn không thể phạm điều giới sát sinh, vì không hợp đủ 5 chi pháp của điều giới sát sinh.

Trường Hợp Phạm Điều Giới - Không Phạm Điều Giới Sát Sinh

Vấn: Một người đi chợ mua thịt hay cá chết đem về làm đồ ăn có phạm điều giới sát sinh hay không?

Đáp: Căn cứ theo 5 chi pháp phạm điều giới sát sinh, thì không có một chi pháp nào cả. Vậy người ấy không phạm điều giới sát sinh.

Vấn: Trong 2 trường hợp sau đây, người mua thịt cá có phạm điều giới sát sinh hay không?

- *Một người đi chợ đến hàng bán tôm, cá; người ấy không chịu mua những con tôm, cá đã chết, mà chọn lấy những con tôm, cá còn sống, bảo người bán hàng làm thịt những con tôm, cá ấy, rồi mua đem về làm đồ ăn.*

- *Và một người đi chợ đến hàng bán thịt gà, người ấy không chịu mua thịt gà đã làm sẵn, mà chỉ vào con gà đang còn sống, bảo với người bán hàng rằng: Ông (bà) hãy làm thịt con gà này để bán cho tôi...*

Đáp: Căn cứ theo 5 chi pháp phạm điều giới sát sinh, thì hội đủ cả 5 chi pháp. Cho nên, trường hợp này người bán phạm điều giới sát sinh và người mua cũng phạm điều giới sát sinh.

Vấn: Một người làm bếp đi chợ mua những con cá còn sống, con gà còn sống, đem về làm món ăn cho ngon miệng người chủ. Vậy, người làm món ăn, và người chủ dùng món ăn, người nào phạm điều giới sát sinh, có tội?

Đáp: Căn cứ theo 5 chi pháp phạm điều giới sát sinh, người làm bếp giết cá, giết gà làm món ăn cho chủ; **người làm bếp ấy phạm điều giới sát sinh, có tội**, vì hội đầy đủ 5 chi pháp phạm điều giới sát sinh.

- Trường hợp người chủ bảo người làm bếp phải mua cá còn sống, gà còn sống về làm món ăn cho mình, thì **người chủ cũng phạm điều giới sát sinh**.

- Trường hợp người chủ chẳng hay biết gì về người làm bếp giết cá, giết gà, chỉ có biết dùng những món ăn mà người làm bếp dọn lên bàn mà thôi, thì **người chủ không phạm điều giới sát sinh**, vì không có chi pháp nào trong 5 chi phạm điều giới sát sinh.

Vấn: Một người vô ý đóng cửa làm chết một con thằn lằn nằm ngay ngạch cửa. Người ấy có phạm điều giới sát sinh hay không?

Đáp: Người ấy không phạm điều giới sát sinh, vì thiếu chi pháp tác ý ác sát hại chúng sinh.

Vấn: Một người giận con chó, với tác ý ác đánh chết nó; nhưng nó không chết mà chỉ bị thương nặng mà thôi. Lần sau, người ấy lại đánh đuổi con chó ấy, với tác ý làm cho nó sợ bỏ đi; nhưng chẳng may đụng nhằm vào vết thương cũ, làm cho con chó ấy chết. Như vậy, người ấy phạm điều giới sát sinh vào lần thứ nhất hay lần thứ nhì?

Đáp: Người ấy đã phạm điều giới sát sinh ở **lần thứ nhất**, không phải ở lần thứ nhì. Bởi vì, lần thứ nhì người ấy đánh con chó với tác ý làm cho con chó sợ bỏ đi, mà không có tác ý giết hại nó. V.v...

Phạm Điều Giới Sát Sinh Tạo Ác Nghiệp Trọng Tội

Người phạm điều giới sát sinh như giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh Arahán (akusala-garukakamma) **tạo nghiệp ác trọng tội** thuộc loại nghiệp **anantariyakamma**: **Ác nghiệp vô gián trọng tội** nghĩa là ác nghiệp này chắc chắn cho quả tái sinh kiếp sau kế tiếp trong cõi đại địa ngục Avīci, chịu khổ suốt thời gian lâu dài, mà không có một nghiệp nào có khả năng ngăn cản, làm gián đoạn được nghiệp ấy.

Những trường hợp giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh Arahán

* Trong đêm tối, người con không phân biệt được cha (hoặc mẹ) của mình; tưởng nhầm rằng kẻ trộm lén vào nhà lấy trộm của cải, người con giết kẻ trộm ấy; nhưng sự thật, người bị giết ấy chính là cha (hoặc mẹ) của mình. Mặc dù vậy, người con vẫn **phạm tội giết cha (giết mẹ)**.

* Người con bị bỏ rơi từ khi mới sinh ra đời, được cô nhi viện, hoặc người khác nuôi dưỡng... Khi trưởng thành, người ấy không biết ai là cha, ai là mẹ của mình. Nếu người ấy giết một người đàn bà, mà người ấy không biết bà ấy là mẹ của mình; hoặc giết một người đàn ông, mà người ấy không biết ông ấy là cha của mình. Như vậy người ấy cũng gọi là người **phạm tội giết cha, giết mẹ của mình**.

* Người cha thay đổi trở thành nữ giới; người mẹ thay đổi trở thành nam giới. Nếu người con giết người đàn bà (trước kia là cha) hoặc giết người đàn ông (trước kia là mẹ), thì người con vẫn **phạm tội giết cha hoặc giết mẹ**.

* Những trường hợp như:

— Người con là loài người, còn cha là loài súc sinh và mẹ là loài người (trường hợp Công tử Sīhabāhu xứ Srilankā, là con của một Công chúa và một Sư tử chúa).

— Người con là loài người, còn mẹ là loài súc sinh và cha là loài người (trường hợp Đạo sĩ Migasinga là con của con nai và một vị Đạo sĩ).

— Con là loài súc sinh, cha mẹ cũng là loài súc sinh.

Trong 3 trường hợp trên, người con giết cha là loài súc sinh, giết mẹ là loài súc sinh; và con là loài súc sinh giết cha mẹ cũng là loài súc sinh; cả 3 trường hợp này người con đã tạo ác nghiệp nặng sát sinh, mà không gọi là **ác nghiệp trọng tội** hoặc **ác nghiệp vô gián**.

* Một người đánh đập hành hạ một hành giả còn là phạm nhân đang thực hành thiên tuệ, bị thương nặng. Hành giả ấy tiếp tục thực hành thiên tuệ dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán, đồng thời tịch diệt Niết Bàn, bởi vì bị thương nặng. Người đánh đập hành hạ ấy phạm tội giết bậc Thánh

Arahán, thuộc *ác nghiệp vô gián trọng tội*. Chắc chắn ác nghiệp ấy cho quả tái sinh trong cõi địa ngục Avīci, chịu khổ suốt thời gian lâu dài.

Thuốc diệt vi khuẩn - vi trùng

Dùng thuốc để diệt vi khuẩn, vi trùng không phạm điều giới sát sinh; bởi vi khuẩn, vi trùng không có sinh mạng cũng không có tâm thức. Chúng chỉ có tứ đại (đất, nước, lửa, gió) phát sinh do thời tiết nóng lạnh, bên trong, bên ngoài. Chúng phát triển tăng trưởng do hỏa đại (lửa) di chuyển do phong đại (gió). Cũng như các loài thực vật (cây, cỏ,...) cũng không có sinh mạng, không có tâm thức.

Trong số 28 sắc pháp; **sắc mạng chủ** (*jīvitindriyarūpa*) phát sinh do nghiệp. Các loài vi khuẩn, vi trùng, các loài cây cỏ phát sinh do **utu**: *Thời tiết* và **āhāra**: *Vật thực*,... Do đó, diệt vi khuẩn, diệt vi trùng, chặt cây, cỏ không phạm điều giới sát sinh.

Trường hợp đàn bà uống thuốc ngừa thai, diệt tinh trùng của đàn ông... không phạm điều giới sát sinh. Nhưng nếu trường hợp người đàn bà uống thuốc có tác ý ác phá thai, thì người đàn bà ấy phạm điều giới sát sinh, phạm tội giết con; bởi vì thai nhi sẽ là một đứa con. Thật ra, khi tâm tái sinh đầu thai vào lòng mẹ đầu tiên, có tâm quả tái sinh cùng với 3 sắc pháp là **sắc thân** (*kāya*), **sắc nam tính** hoặc **sắc nữ tính** (*bhava*) và **sắc ý căn** (*hadayavatthu*) nơi nương nhờ của tâm quả. Như vậy, *ngay khi đầu thai* đã hình thành *một chúng sinh*, một thai nhi tuy còn rất nhỏ, có đủ *ngũ uẩn* (3 sắc pháp thuộc *sắc uẩn*, tâm quả tái sinh gồm có 4 *đanh uẩn*).

Còn trường hợp người mẹ bị sẩy thai ngoài ý muốn, thì người mẹ không bị phạm điều giới sát sinh, vì thiếu chi pháp tác ý ác sát hại chúng sinh.

Phạm điều giới sát sinh này rất vi tế, cũng rất đa dạng, nên tìm hiểu trong Tạng Luật phần giới *Pārājika*: *Bất cộng trụ* của Tỳ khưu.

2- Điều Giới Tránh Xa Sự Trộm Cắp

Adinnādānā verama □ *isikkhāpada* □ *samādiyāmi*.

* Nghĩa phân tích chữ:

— *Adinnādānā* P A + *dinna* + *ādānā*

- + *A*: Không, không được phép.
- + *Dinna*: Của cải, tài sản mà chủ nhân cho phép.
- + *Ādānā*: Lấy, chiếm đoạt.
- *Verama*□*isikkhāpada*□ P *Verama*□*ī* + *sikkhāpada*□
- + *Verama*□*ī*: Tác ý tránh xa.
- + *Sikkhāpada*□: Điều giới, giới.
- *Samādiyāmi*: Con xin thọ trì.

Adinnādānā: Lấy, chiếm đoạt của cải, tài sản mà chủ nhân không cho phép hoặc chủ nhân đang giữ gìn.

Người lấy, chiếm đoạt của cải, tài sản mà người chủ không cho, bằng cách trộm cắp, cướp giết, lường gạt, đánh tráo, v.v... đều bị phạm điều giới trộm cắp.

* Nghĩa tổng hợp:

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự trộm cắp.

Chi Pháp Phạm Điều Giới Trộm Cắp

Người phạm điều giới trộm cắp cần phải hợp đủ 5 chi pháp:

- 1- *Của cải có chủ giữ gìn (parapariggahita*□).
- 2- *Biết rõ của cải có chủ giữ gìn (parapariggahitasaññitā).*
- 3- *Tâm nghĩ trộm cắp (theyyacitta*□).
- 4- *Cố gắng trộm cắp (payogo).*
- 5- *Lấy được của cải ấy do sự cố gắng (avahāro).*

Nếu hội đủ 5 chi pháp này, thì gọi là *phạm điều giới trộm cắp*. Nếu thiếu 1 trong 5 chi, thì *không thể gọi là phạm điều giới trộm cắp*.

Giải Giải Về Sự Trộm Cắp

Của cải: Đó là các thứ tài sản tiền của, vàng bạc châu báu,...; các thú vật như voi, ngựa, trâu, bò,...; các thứ sở hữu trí tuệ,... là những thứ của cải giá trị có chủ.

*** Tâm nghĩ trộm cắp có 2 cách:**

- 1- Bằng thân, tự mình chiếm đoạt của cải người khác.
- 2- Bằng khẩu, dùng lời nói lừa gạt, hoặc sai khiến người chiếm đoạt của cải người khác.

*** Cố gắng trộm cắp có 6 cách:**

- 1- Do chính mình trộm cắp của cải người khác.
- 2- Sai khiến người trộm cắp của cải người khác.
- 3- Ném hàng hóa, đồ đạc qua các trạm thu thuế, cửa khẩu... để trốn thuế.
- 4- Sai khiến người rằng: *“Chờ có cơ hội hãy trộm cắp của cải ấy”* không hạn định thời gian.
- 5- Dùng bùa chú, thuốc mê làm cho người chủ mê muội, rồi chiếm đoạt của cải.
- 6- Dùng thần thông lấy nước hồ để uống (trường hợp vị Sadi xin nước hồ để uống, Long Vương giữ hồ không cho; vị Sadi này dùng thần thông để lấy nước hồ uống. Trường hợp này không gọi là trộm cắp, vì người chủ là Long Vương giữ hồ, và lượng nước hao tổn không đáng kể).

Tội Nặng - Tội Nhẹ Của Sự Trộm Cắp

Tội nặng - tội nhẹ của sự trộm cắp được căn cứ vào giá trị của cải, tài sản nhiều hoặc ít; và căn cứ vào chủ nhân có giới đức hoặc không có giới đức.

- Trộm cắp của cải, tài sản có giá trị nhiều, thì tội nặng.
- Trộm cắp của cải, tài sản có giá trị ít, thì tội nhẹ.

- Trộm cắp của cải, tài sản của bậc xuất gia Sadi, Tỳ khuru, thì tội nặng.
- Trộm cắp của cải, tài sản của người tại gia cư sĩ, thì tội nhẹ.
- Trộm cắp của cải, tài sản của cá nhân, thì tội nhẹ.
- Trộm cắp của cải, tài sản của chung, của nhà nước, thì tội nặng.
- Trộm cắp của cải, tài sản của bậc Thánh Nhân, thì tội nặng.
- Trộm cắp của cải, tài sản của hạng phàm nhân, thì tội nhẹ.
- Trộm cắp của cải, tài sản của chư Đại đức Tăng, thì tội nặng hơn cả.

25 Cách Trộm Cắp

25 cách trộm cắp được chia ra làm 5 phần, mỗi phần có 5 cách.

1- Nānābha□□a pañcaka: *Trộm cắp của cải nhiều loại và các thứ tài sản, có 5 cách.*

1. 1 *Ādiyana adinnādāna:* Một người muốn chiếm đoạt của cải, tài sản như đất đai, nhà cửa, ... của người khác, bằng cách thừa kiện ra tòa. Trường hợp này người có mưu đồ chiếm đoạt tài sản của người chủ mà không liên quan đến nợ nần, tài sản thế chấp, mà đó chỉ là mưu đồ muốn làm chủ (chiếm đoạt) đất đai tài sản hoặc nhà cửa người khác.

Việc ra tòa xét xử lâu ngày, khiến cho người chủ nản lòng, có ý nghĩ buông bỏ tài sản ấy rằng: “*Tài sản của ta, chắc chắn sẽ thuộc về của người khác rồi*”.

Như vậy, người có mưu đồ chiếm đoạt của cải, tài sản (đất đai, nhà cửa, ...) của người khác hợp đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp.

1. 2 *Hara□a adinnādāna:* Một người làm thuê mang của cải người khác đến một nơi đã định. Trong khi đang mang của cải đi trên đường, người ấy phát sinh tâm tham, muốn chiếm đoạt làm của mình. Khi tâm nghĩ trộm cắp phát sinh, người ấy chỉ cần di chuyển của cải ấy rời khỏi chỗ cũ chút đỉnh, ví dụ như từ vai phải sang vai trái, hoặc từ tay phải sang tay trái.

Như vậy, người làm thuê mang của cải ấy hợp đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp.

1. 3 *Avahara*□*a adinnādāna*: Ông A nhận giữ hộ của cải của ông B; về sau, ông B đến gặp ông A xin lấy lại những thứ của cải mà trước đây ông B đã gửi gắm nhờ ông A giữ hộ. Ông A có tâm tham muốn chiếm đoạt của cải của ông B, nên ông A đã phủ nhận rằng:

— *Tôi chưa bao giờ nhận giữ hộ của cải của ông.*

Khi ông B, người chủ của cải không còn hy vọng lấy lại của cải của mình, và nghĩ rằng: “*Của cải mà ta đem gửi cho ông A giữ hộ trước kia, bây giờ xem như đã mất rồi*”.

Như vậy, ông A nhận giữ hộ của cải của ông B, rồi chiếm đoạt của cải ấy, ông A hội đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp.

1. 4 *Iriyāpatha vikopana adinnādāna*: Chủ nhân đang ngồi hoặc đang nằm, hoặc đang đứng, ... tại nơi của cải, tài sản của mình. Người trộm cướp muốn chiếm đoạt số của cải, tài sản ấy, nên đã hăm dọa người chủ nhân phải rời khỏi nơi ấy, để y chiếm đoạt của cải ấy. Khi bắt buộc chủ nhân phải rời khỏi nơi ấy, dù 1-2 bước, thì người trộm cướp ấy hội đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp.

1. 5 □*hānācāvana adinnādāna*: Các báu vật mà chủ nhân đặt để một nơi, kẻ trộm cướp nhìn thấy, phát sinh tâm tham, muốn trộm cắp báu vật ấy; kẻ ấy chỉ cần di chuyển báu vật ấy rời khỏi vị trí chỗ cũ chút ít, thì kẻ ấy hợp đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp.

2- Ekabhanda pañcaka: *Trộm cắp những sinh vật có sinh mạng, có 5 cách.*

2. 1 *Ādiyana adinnādāna*: Người muốn chiếm đoạt những sinh vật có sinh mạng như các loài gia súc của người khác, bằng cách thừa kiện. Đến khi chủ nhân của các loài gia súc kia nản lòng buông bỏ và nghĩ rằng: “*Đàn gia súc của ta chắc chắn sẽ thuộc về người khác rồi*”.

Như vậy, người chiếm đoạt hợp đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp.

2. 2 *Haraṅga adinnādāna*: Một người làm thuê dắt con bò đi đến một nơi đã định. Trên đường đi, người ấy phát sinh tâm tham, muốn chiếm đoạt con bò ấy trở thành của mình.

Sau khi suy nghĩ xong, người ấy chỉ cần dắt bò đi theo con đường khác hoặc có ý trao từ tay này sang tay khác.

Như vậy, người làm thuê ấy đã hợp đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp.

2. 3 *Avaharaṅga adinnādāna*: Ông A nhận giữ hộ con bò của ông B. Về sau, ông B đến gặp ông A xin nhận lại con bò mà trước đây ông đã nhờ ông A giữ hộ. Nhưng ông A có tâm tham, muốn chiếm đoạt con bò của ông B, nên ông A đã phủ nhận rằng:

— *Tôi chưa bao giờ nhận giữ hộ con bò của ông.*

Khi ông B không còn hy vọng nhận lại con bò của mình được nữa, thì nghĩ rằng: “*Chắc chắn ta không thể lấy lại con bò được rồi*”.

Như vậy, ông A đã nhận giữ hộ con bò mà không chịu trả lại, hợp đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp.

2. 4 *Iriyāpatha vikopana adinnādāna*: Người, hoặc trâu, bò,... đang đi, đứng, nằm, tại một địa điểm nào đó; người có tâm tham muốn bắt cóc người để vụ lợi, hoặc bắt trộm trâu, bò dắt đi bán,... Khi người, hoặc trâu, bò chỉ cần bị di chuyển 1-2 bước khỏi nơi ấy mà thôi, là người ấy đã hợp đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp.

2. 5 *ḥānācāvana adinnādāna*: Chủ nhân đang nhốt trâu, bò ở trong chuồng. Người có tâm tham, muốn dắt trộm trâu, bò ra khỏi chuồng. Khi trâu, bò bị dắt ra khỏi chuồng 1-2 bước mà thôi, là người ấy đã hợp đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp.

3- Sahatthika pañcaka: *Chính tự mình trộm cắp, có 5 cách.*

3. 1 *Sahatthika adinnādāna*: Chính tự mình trộm cắp của cải, tài sản của người khác.

Như vậy, người ấy hợp đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp.

3. 2 *Āṅattika adinnādāna*: Sai khiến người khác đi trộm cắp của cải, tài sản của người khác. Và người bị sai đi đã trộm cắp của cải, tài sản ấy.

Như vậy, người sai khiến hợp đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp, và người bị sai cũng phạm điều giới trộm cắp.

3. 3 *Nissaggiya adinnādāna*: Giấu hàng hóa để trốn thuế.

Như vậy, người giấu hàng hóa ấy hợp đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp.

3. 4 *Atthasādhaka adinnādāna*: Người ra lệnh cho nhóm bộ hạ tay sai đi trộm cắp của cải của người khác, nếu khi có cơ hội, không hạn định thời gian. Và nhóm bộ hạ đã đi trộm cắp của cải ấy.

Như vậy, người ra lệnh phạm điều giới trộm cắp, và nhóm bộ hạ cũng phạm điều giới trộm cắp.

3. 5 *Dhuranikkhepa adinnādāna*: Người vay mượn tiền của người khác; hoặc nhận lãnh cất giữ tài sản của cải của người khác. Khi người chủ nhân đến đòi nợ; hoặc xin nhận lại tài sản của cải đã gửi gắm. Người vay mượn (con nợ) hoặc người nhận lãnh cất giữ của cải từ chối rằng:

— *Tôi không hề vay mượn tiền của của ông, hoặc tôi không hề nhận lãnh cất giữ tài sản của cải cho ông.*

Người chủ nhân quyết định buông bỏ rằng: “*Tiền của, hoặc tài sản của cải của ta chắc chắn đã bị người ấy chiếm đoạt rồi*”.

Ngay khi ấy, người vay mượn tiền của, hoặc người nhận lãnh cất giữ của cải mà không trả lại, hợp đủ 5 chi pháp phạm điều giới trộm cắp.

4- Pubbapayoya pañcaka: Phạm điều giới trộm cắp trước khi lấy trộm tài sản, của cải của người khác, có 5 cách.

4. 1 *Pubbapayoya adinnādāna*: Người ra lệnh cho người khác đi trộm cắp rằng: Bằng mọi cách người phải trộm cắp cho được của cải ấy. Khi ra lệnh xong, người ấy phạm điều giới trộm cắp ngay khi ấy.

4. 2 *Sahapayoya adinnādāna*: Người nào phát sinh tâm trộm cắp tài sản, của cải của người khác, đồng thời cố gắng di chuyển tài sản, của cải ra khỏi

chỗ cũ; người ấy phạm điều giới trộm cắp. Người nào phát sinh tâm gian lận, lấn chiếm đất đai của người khác, đồng thời cố gắng dời cột mốc ranh giới sang phần đất của người bên cạnh. Người ấy phạm điều giới trộm cắp.

4. 3 *Sa□vidāvahāra adinnādāna*: Một nhóm người (từ 2 người trở lên) hợp thành nhóm cùng nhau đi trộm cướp. Trong nhóm người ấy, nếu có một người nào trộm cướp được của cải, tài sản của người khác, thì cả nhóm người ấy đều phạm điều giới trộm cắp.

4. 4 *Sa□ketakamma adinnādāna*: Người sai khiến bọn tay sai đi trộm cắp, có quy định thời gian rõ ràng, ví dụ vào lúc nửa đêm 24 giờ chẳng hạn.

- Nếu bọn tay sai thực hiện hành động trộm cắp đúng theo giờ quy định (24 giờ), thì người sai khiến phạm điều giới trộm cắp, và bọn tay sai cũng phạm điều giới trộm cắp.

- Nếu bọn tay sai thực hiện hành động trộm cắp vào lúc thời gian sớm hoặc muộn hơn thời gian quy định (trước hoặc sau 24 giờ), thì người sai khiến không phạm điều giới trộm cắp; chỉ có bọn tay sai phạm điều giới trộm cắp mà thôi.

4. 5 *Nimittakamma adinnādāna*: Người sai khiến bọn tay sai đi trộm cắp, theo hiệu lệnh như vỗ tay, huýt sáo (huýt gió)... để thực hiện hành động trộm cắp.

- Nếu bọn tay sai thực hiện hành động trộm cắp đúng theo hiệu lệnh, thì người sai khiến phạm điều giới trộm cắp, và bọn tay sai cũng phạm điều giới trộm cắp.

- Nếu bọn tay sai thực hiện hành động trộm cắp mà không theo hiệu lệnh đã quy định, thì người sai khiến không phạm điều giới trộm cắp; chỉ có bọn tay sai phạm điều giới trộm cắp mà thôi.

5- Theyyāvahāra pañcaka: Trộm cắp bằng cách lừa bịp, có 5 cách.

5. 1 *Theyyāvahāra adinnādāna*: Người bán hàng cân hàng hóa thiếu, bán đồ giả, buôn bán hàng lậu, trốn thuế,... người ấy phạm điều giới trộm cắp.

5. 2 *Pasayhāra adinnādāna*: Người dùng vũ khí (súng, dao,...) để hăm dọa người khác, bắt buộc người khác phải trao của cải, vàng bạc,... Người ấy phạm điều giới trộm cắp.

5. 3 *Parikappāvahāra adinnādāna*: Người muốn trộm cắp một thứ nào đó, dù đã được thứ ấy, hoặc được một thứ nào khác, mà vẫn hài lòng, thì người ấy phạm điều giới trộm cắp.

5. 4 *Pañicchannāvahāra adinnādāna*: Một người vào nhà người khác nhìn thấy món đồ quý giá (nhẫn kim cương, hột xoàn, v.v...) mà người chủ để trên bàn. Người ấy phát sinh tâm tham, muốn chiếm đoạt món đồ ấy trở thành của mình, nên đã lấy món đồ ấy đem giấu kín một nơi khác, chờ cơ hội người chủ đi khỏi nơi đó, mới lấy món đồ ấy đem đi. Trong khi lấy món đồ ấy đem giấu kín một nơi, người ấy chưa phạm điều giới trộm cắp. Đến khi người chủ tìm không thấy món đồ của mình, do công việc gấp phải đi khỏi nơi đó và có ý định sau khi xong công việc sẽ trở lại tìm kỹ hơn.

Khi người chủ rời khỏi nơi đó rồi, người trộm cắp lấy món đồ ấy, người ấy phạm điều giới trộm cắp.

5. 5 *Kusāvahāra adinnādāna*: Trộm cắp lấy món đồ quý giá của người khác rồi thay thế vào đó món đồ không giá trị của mình.

Ví dụ: Một người lấy chiếc đồng hồ đắt giá của người khác, rồi thay thế vào đó một chiếc đồng hồ xấu, rẻ tiền của mình; hoặc có hai gói đồ, một gói có tên của mình và một gói là tên của người khác. Người ấy nhìn thấy gói đồ có tên của người khác gồm các món đồ quý giá, còn gói đồ có tên của mình gồm các món đồ tầm thường; người ấy liền bóc cái nhãn ghi tên của mình gắn vào gói đồ dùng của người khác, và bóc cái nhãn có ghi tên của người khác gắn vào gói đồ dùng của mình, v.v...

Người có tâm tham thay đổi món đồ xấu lấy đồ tốt, hoặc thay đổi tên của mình thế vào chỗ tên của người khác,... người ấy phạm điều giới trộm cắp.

Phạm Điều Giới - Không Phạm Điều Giới Trộm Cắp

Để nhận định có phạm điều giới hay không phạm điều giới trộm cắp đều căn cứ vào *tác ý* (*cetanā*). Nếu có *tác ý bất thiện* (*tác ý ác*) cộng với hợp đủ chi của giới, thì bị phạm điều giới; còn nếu có *tác ý bất thiện* mà không đủ chi của giới, thì không phạm điều giới.

Ví dụ: Nhìn thấy con mèo bắt cắn cổ con gà chết của người khác, rồi người ấy bắt buộc con mèo thả con gà ra để cho y ăn thịt, mà không cho con mèo ăn thịt con gà. Vậy, người ấy đã phạm điều giới trộm cắp.

Nhưng khi nhìn thấy con mèo bắt con gà còn sống, người ấy bắt buộc con mèo thả con gà, để cứu mạng con gà, không cho con mèo ăn thịt con gà. Vậy, người ấy không phạm điều giới trộm cắp, mà còn tạo được phước thiện cứu mạng.

Trường hợp ông **Bàlamôn Doṅka** là người đứng ra làm trung gian phân chia Xá lợi của Đức Phật Gotama cho các nước lớn; Đức vua mỗi nước thỉnh Xá lợi Phật đem về, rồi tạo ngôi Tháp Bảo để tôn thờ Xá lợi Đức Phật. Trong khi phân chia Xá lợi Phật, ông Bàlamôn Doṅka thỉnh ‘**Xá lợi Răng Nhọn**’ giấu kín trên đầu tóc của mình, để tôn thờ.

Đức vua Sakka [8] trên cõi trời Tam Thập Tam Thiên nhìn thấy, suy xét rằng: “*Ông Bàlamôn Doṅka không thể có một ngôi Tháp Bảo xứng đáng để tôn thờ Xá lợi Răng Nhọn của Đức Phật. Ta nên hiện xuống thỉnh Xá lợi Răng Nhọn về cõi trời này*”.

Suy nghĩ xong, Đức vua trời Sakka hiện xuống cõi người, thỉnh ‘**Xá lợi Răng Nhọn**’ từ trên đầu tóc của ông Bàlamôn Doṅka, mà ông chẳng hề hay biết. Đức vua trời Sakka thỉnh về tôn thờ trong ngôi Tháp Cūṅgāmaṅgī tại cõi trời Tam Thập Tam Thiên, để cho toàn thể chư thiên lễ bái cúng dường.

Như vậy, Đức vua trời Sakka không thể phạm điều giới trộm cắp, bởi vì Đức vua trời (là bậc Thánh Nhập Lưu) có tác ý thiện, có giới hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn, nên không có tội, chỉ có nhiều phước thiện cao thượng mà thôi.

Cho nên phạm điều giới hay không phạm điều giới được căn cứ vào **tác ý** (*cetanā*) là chính. Nếu có **tác ý bất thiện** (*tác ý ác*) rồi tạo nên ác nghiệp do thân hoặc khẩu, thì gọi là phạm điều giới; ngược lại, nếu có **tác ý thiện** rồi tạo nên thiện nghiệp do thân hoặc khẩu, thì không phạm điều giới, không có tội, chỉ có phước thiện mà thôi.

3- Điều Giới Tránh Xa Sự Tà Dâm

Kāmesumicchācārā veramaṅgī isikkhāpadaṅgī samādiyāmi.

* Nghĩa phân tích chữ:

— *Kāmesumicchācāra* P Kāmesu + micchā + cara

+ *Kāmesu*: Trong sự hành dâm (*Kāmesu' ti methunasamācaresu*: *Kāmesu* có nghĩa là hành dâm).

+ *Micchā*: Tà, bất chính.

+ *Cara*: Hành vi.

— *Verama*□*isikkhāpada*□ Đ *Verama*□*ī* + *sikkhāpada*□

+ *Verama*□*ī*: Tác ý tránh xa.

+ *Sikkhāpada*□: Điều giới, giới.

— *Samādiyāmi*: Con xin thọ trì.

Kāmesumicchācāra: Hành vi tà, bất chính xấu xa trong sự hành dâm, mà chư thiện trí thường chê trách.

Bậc thiện trí chê trách những người đàn ông hoặc người đàn bà nào có hành vi tà, bất chính xấu xa trong quan hệ tình dục, mà không phải là vợ chồng của nhau, những người ấy bị phạm điều giới tà dâm.

Nếu hai người là vợ chồng của nhau đúng theo phong tục tập quán, được sự công nhận của hai bên cha mẹ, bà con dòng họ, và cũng được chính quyền chấp thuận, mọi người công nhận... thì sự quan hệ tình dục giữa hai vợ chồng với nhau là việc bình thường của người đời, không bị chê trách.

Người phạm điều giới tà dâm chỉ tạo *thân ác nghiệp* hoặc *thân hành ác* mà thôi, không liên quan đến khẩu và ý.

* Nghĩa tổng hợp:

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự tà dâm.

Chi Pháp Phạm Điều Giới Tà Dâm

Người phạm điều giới tà dâm cần phải hợp đủ 4 chi pháp:

1- *Đối tượng nữ không được quan hệ tình dục (agamaniyavatthu).*

2- *Tâm tham muốn quan hệ tình dục (tasmi□ sevanacitta□).*

- 3- *Sự cố gắng hành dâm (payogo).*
- 4- *Tâm thỏa thích trong sự tiếp xúc giữa hai bộ phận sinh dục nam - nữ với nhau (maggena-maggapa \square ipatti addhivāsa \square).*

Nếu hội đầy đủ 4 chi pháp này, thì gọi là *phạm điều giới tà dâm*. Nếu thiếu 1 trong 4 chi, thì *không thể gọi là phạm điều giới tà dâm*.

Giảng Giải Về Sự Tà Dâm

Con trai, đàn ông không được quan hệ tình dục với 20 hạng con gái, đàn bà sau đây:

- 1- *Con gái có mẹ trông nom (cha chết hay ở xa).*
- 2- *Con gái có cha trông nom (mẹ chết hay ở xa).*
- 3- *Con gái có mẹ cha trông nom.*
- 4- *Con gái có chị hoặc em gái trông nom.*
- 5- *Con gái có anh hoặc em trai trông nom.*
- 6- *Con gái có bà con trông nom.*
- 7- *Con gái có dòng họ trông nom (nếu con gái sống ở ngoại quốc, thì có người cùng nòi giống trông nom).*
- 8- *Con gái hành phạm hạnh có thầy, bạn trông nom.*
- 9- *Con gái đã được Đức vua hoặc người có quyền thế đến mai mối rồi.*
- 10- *Con gái đã nhận lễ hứa hôn (lễ ăn hỏi) của đàn trai.*
- 11- *Con gái đã được một người đàn ông chuộc về làm vợ.*
- 12- *Con gái đã ưng thuận đi theo người mình yêu, để làm vợ.*
- 13- *Con gái đã ưng thuận làm vợ của một người đàn ông với hy vọng có được của cải.*

- 14- *Con gái đã ưng thuận làm vợ của một người đàn ông với hy vọng có được đồ trang sức.*
- 15- *Con gái đã làm lễ thành hôn với một người đàn ông đúng theo phong tục tập quán.*
- 16- *Con gái nghèo buôn bán, đã được một người đàn ông thương yêu, rồi đem về nuôi, để làm vợ (con gái không còn buôn bán nữa).*
- 17- *Con gái là tù nhân đã được người đàn ông lấy làm vợ.*
- 18- *Con gái làm trong công sở đã được người chủ sở lấy làm vợ.*
- 19- *Con gái tới tớ trong nhà đã được người chủ nhà lấy làm vợ.*
- 20- *Con gái chịu làm vợ trong thời gian ngắn (như các cô kỹ nữ).*

Trong 20 hạng con gái ấy, 8 hạng con gái phần đầu kể từ “con gái có mẹ trông nom” cho đến “con gái là người hành phạm hạnh” tuy có người thân trông nom bảo vệ, nhưng những người thân này không phải là chủ cuộc đời của họ. 8 hạng con gái này là người chưa có chồng, chưa có người đàn ông nào làm chủ cuộc đời của họ.

Do đó, nếu những người con gái này tự ý lén lút yêu thương một người con trai còn độc thân, và hai người này đã có quan hệ tình dục với nhau, nếu xét về giới, thì người con gái ấy không phạm điều giới tà dâm, chỉ có người con trai phạm điều giới tà dâm mà thôi, bởi vì người con trai ấy đã xúc phạm đến hạng người con gái mà người thân của cô ấy chưa cho phép.

Tuy người con gái không phạm điều giới tà dâm, nhưng đó là hành vi xấu xa không đúng theo phong tục tập quán, đáng cho mọi người chê trách, cha mẹ, bà con dòng họ bị mang tiếng xấu. Cho nên, người con gái cảm thấy hổ thẹn, hối hận, làm cho tâm bị ô nhiễm, có thể cho quả tái sinh trong cõi ác giới (địa ngục, atula, nga quỷ, súc sinh).

12 hạng con gái còn lại, kể từ hạng con gái thứ 9 cho đến hạng con gái thứ 20, là người đã có chồng, đã có người đàn ông làm chủ cuộc đời của họ (cô kỹ nữ ưng thuận làm vợ của một người đàn ông trong thời gian ngắn, cô vẫn được xem như đã có chồng).

Trong 12 hạng con gái này, nếu người con gái nào tự ý ngoại tình và có quan hệ tình dục với một người đàn ông nào khác (không phải là chồng của mình), thì người con gái ấy *phạm điều giới tà dâm*.

Như vậy, người con trai không được phép quan hệ tình dục với 20 hạng con gái này. Nếu người con trai nào có quan hệ tình dục với 1 trong 20 hạng người con gái này, thì *người con trai ấy phạm điều giới tà dâm*. Và người đàn ông nào đã có vợ (dù là vợ chưa cưới), người vợ ấy đã là chủ cuộc đời của ông, nếu người đàn ông ấy tự ý ngoại tình và có quan hệ tình dục với một người đàn bà nào khác (không phải là vợ của mình), thì *người đàn ông ấy phạm điều giới tà dâm*.

Tội Nặng - Tội Nhẹ Của Sự Tà Dâm

- Người phạm điều giới tà dâm với người có giới đức, thì phạm tội nặng.
- Người phạm điều giới tà dâm với người không có giới đức, thì phạm tội nhẹ.
- Người phạm điều giới tà dâm bằng cách hiếp dâm, dù với người không có giới, thì vẫn phạm tội nặng.
- Người phạm điều giới tà dâm giữa hai bên nam nữ cùng thỏa thích với nhau, thì phạm tội nhẹ.
- Người phạm điều giới tà dâm với bậc Thánh Nhân, thì phạm tội nặng hơn phạm điều giới tà dâm với hạng phàm nhân.
- Người phạm điều giới tà dâm với bậc Thánh Nhân càng cao, thì phạm tội càng nặng.
- Người hiếp dâm bậc Thánh nữ Arahán, thì phạm tội nặng nhất.

Như trường hợp tên *Nanda* hiếp dâm Ngài Đại đức Tỳ khưu ni Uppalava□□ā, là bậc Thánh Arahán. Tên *Nanda* đã phạm tội nặng làm cho mặt đất nứt nẻ ra hút gã vào sâu trong lòng đất. Sau khi chết, do ác nghiệp ấy cho quả tái sinh vào cõi đại địa ngục Avīci, chịu khổ cực suốt thời gian lâu dài.

Vấn Đề Liên Quan Đến Tà Dâm

Người đàn bà nào đã có chồng, nghĩa là người đàn bà đã có người đàn ông làm chủ và cũng đã chấp nhận làm vợ của người đàn ông ấy rồi. Như vậy, phần thể xác của cô đã có chủ, cô có phận sự giữ gìn thể xác của mình, chỉ dành cho người chồng của cô mà thôi.

Nếu cô ấy ngoại tình, yêu một người đàn ông khác, và có quan hệ tình dục với người đàn ông ấy, thì cô đã tự trộm cắp thể xác đã có chủ đem trao cho người đàn ông khác, cho nên cô ấy *phạm điều giới tà dâm*.

Cũng tương tự như vậy, người đàn ông đã có vợ, nghĩa là người đàn ông đã có một người đàn bà làm chủ và cũng đã chấp nhận làm chồng của cô ấy rồi. Như vậy, phần thể xác của ông ấy đã có chủ, ông ấy có phận sự giữ gìn thể xác của mình, chỉ dành cho người vợ của mình mà thôi.

Nếu ông ấy ngoại tình, yêu một người đàn bà nào khác, và có quan hệ tình dục với người đàn bà ấy, thì ông đã tự trộm cắp thể xác đã có chủ đem trao cho người đàn bà khác, cho nên ông ấy *phạm điều giới tà dâm*.

Vấn: *Trong đời, nếu đàn ông đã có người vợ cả rồi, còn có thêm người vợ lẽ nữa. Như vậy, người đàn ông ấy có phạm điều giới tà dâm hay không?*

Đáp: *Người đàn ông ấy phạm điều giới tà dâm, và cũng có thể không phạm điều giới tà dâm.*

a) Trường hợp phạm điều giới tà dâm:

*Người đàn ông đã có người vợ cả, rồi lén lút ngoại tình, yêu một người đàn bà khác như một nhân tình hoặc như người vợ lẽ, và có quan hệ tình dục bất chính. Vậy người đàn ông ấy đã tự trộm cắp thể xác của mình đã có vợ cả làm chủ, đem trao cho người đàn bà khác. Do đó, người đàn ông ấy **phạm điều giới tà dâm**.*

b) Trường hợp không phạm điều giới tà dâm:

*Người đàn ông đã có người vợ cả rồi, người vợ cả không có con để nối dòng dõi. Người đàn ông ấy muốn có người vợ lẽ. Chính người vợ cả sẽ đi hỏi cưới người đàn bà khác đem về cho chồng mình làm người vợ lẽ. Như vậy, người vợ cả đã đồng ý chia quyền làm chủ thể xác của người chồng cho người vợ lẽ. Cho nên, người chồng được phép quan hệ tình dục với người vợ lẽ, mà không **phạm điều giới tà dâm**.*

Vấn: Trường hợp đồng tính luyến ái có phạm điều giới tà dâm hay không?

Đáp: Đối với người tại gia cư sĩ, nếu hai người đàn ông độc thân với nhau, hoặc hai người đàn bà độc thân với nhau, thì họ không phạm điều giới tà dâm. Nhưng đó là hành động xấu xa đáng chê trách; bởi vì, theo phong tục tập quán của người đời không chấp nhận những hành vi như vậy. Còn đối với bậc xuất gia, nếu hành động như vậy, thì chắc chắn **phạm điều giới hành dâm**, không còn phạm hạnh của bậc xuất gia nữa.

Vấn: Người đàn bà hoặc người đàn ông có quan hệ tình dục với loài gia súc (chó, khỉ, ...) có phạm điều giới tà dâm hay không?

Đáp: Trong trường hợp ấy, có thể phạm điều giới tà dâm và cũng có thể không **phạm điều giới tà dâm**.

a) Trường hợp phạm điều giới tà dâm:

Nếu người đàn bà nào đã có chồng, hoặc người đàn ông nào đã có vợ rồi, mà có quan hệ tình dục với loài gia súc (chó, khỉ...), thì người đàn bà ấy hoặc người đàn ông ấy phạm điều giới tà dâm.

Ví dụ: Trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế gian, bà Mallikā [\[9\]](#) chánh cung Hoàng hậu của Đức vua Pasenadi-kosala phạm điều giới tà dâm với con chó trong phòng tắm, Đức vua nhìn thấy nhưng bà nói dối là không có làm như vậy.

Bà chánh cung Hoàng hậu Mallikā vốn là người cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, có trí tuệ, hết lòng thành kính làm phước bố thí cúng dường đến Đức Phật cùng chư Đại đức Tăng. Thế mà, sau khi bà chết, do giới không trong sạch, ác nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái sinh trong cõi đại địa ngục Avīci suốt 7 ngày, đến ngày thứ 7 mới mãn quả của ác nghiệp, rồi được tái sinh lên cõi trời Tusita (Đầu Xuất Đà Thiên - cõi trời thứ 4 trong 6 tầng trời dục giới) hưởng mọi sự an lạc của cõi trời ấy.

Và trong Tạng Luật, phân giới Tỳ khuru có một Tỳ khuru phạm điều giới hành dâm với con khỉ cái. Do đó, Đức Phật chế định thêm vào điều giới: “Tỳ khuru nào hành dâm với người hoặc loài súc sinh; Tỳ khuru ấy bị phạm điều giới pārajika (bất cộng trụ) mất phạm hạnh Tỳ khuru”.

Đối với người tại gia cư sĩ độc thân (không có vợ hoặc không có chồng), mà hành dâm với loài gia súc (chó, khỉ, ...) có chủ, là phạm điều giới tà dâm.

b) Trường hợp không phạm điều giới tà dâm:

Người tại gia cư sĩ độc thân (không có vợ hoặc không có chồng) nếu hành dâm với loài gia súc (chó, khỉ, ...) vô chủ, thì không phạm điều giới tà dâm. Nhưng đó là một hành vi đáng xấu hổ, trái với luân thường đạo lý, đáng chê trách; bởi vì không phù hợp với phong tục tập quán trong đời.

— *Sự hành dâm* là sự quan hệ tình dục giữa nam và nữ, đó là việc thường xảy ra đối với chúng sinh trong cõi dục giới.

- Bậc thiện trí hành phạm hạnh có tác ý tránh xa sự hành dâm. Nếu người cận sự nam, cận sự nữ thọ trì 8 giới uposatha-sīla, thì trong những ngày giới hằng tháng, họ tránh xa sự hành dâm với vợ hoặc chồng trong những ngày giới ấy.

- Những tu nữ hoặc những người sống trong chùa hành phạm hạnh thọ trì 8 giới uposathasīla, thì họ tránh xa sự hành dâm suốt đời.

- Những bậc xuất gia là Sadi, Tỳ khuru hành phạm hạnh tránh xa sự hành dâm trọn đời.

4- Điều Giới Tránh Xa Sự Nói Dối

Musāvādā verama □ *isikkhāpada* □ *samādiyāmi*.

* Nghĩa phân tích chữ:

— *Musāvāda* P Musā + vāda

+ *Musā*: Chuyện dối trá, điều không thật, vật không có thật...

+ *Vāda*: Lời nói.

Ví dụ: Mình biết chuyện ấy mà nói không biết; mình không biết chuyện ấy mà nói biết,... như vậy “*chuyện ấy*” là chuyện *musā*: *Lừa dối*. Mình có tiền mà nói không có tiền; mình không có tiền mà nói có tiền,... như vậy “*tiền*” là vật *musā*: *Lừa dối*. Như vậy, *musā* không phải trực tiếp bằng lời nói.

— *Verama* □ *isikkhāpada* □ P *Verama* □ ī + *sikkhāpada* □

+ *Verama* □ ī: Tác ý tránh xa.

+ *Sikkhāpada* □: Điều giới, giới.

— *Samādiyāmi*: Con xin thọ trì.

Người ta nói điều không thật, vật không có... với tác ý bất thiện (*tác ý ác*) nói là thật, là có gọi là *nói dối* (*musāvāda*) cốt để làm cho người khác hiểu lầm.

Sự nói dối này phát sinh phần nhiều bằng lời nói; và đôi khi cũng phát sinh ở thân bằng cử động lắc đầu phủ định, gật đầu khẳng định... dù vậy, vẫn gọi là *nói dối* (*musāvāda*).

* Nghĩa tổng hợp:

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói dối.

Chi Pháp Phạm Điều Giới Nói Dối

Người phạm điều giới nói dối cần phải hợp đủ 4 chi pháp:

- 1- *Điều không thật, vật không có* (*atthavatthu*).
- 2- *Tâm nghĩ lừa dối* (*visa□vādanacittatā*).
- 3- *Cố gắng lừa dối bằng lời nói hoặc bằng thân cử động theo tâm nghĩ lừa dối của mình* (*payoga*).
- 4- *Người nghe tin theo sự lừa dối ấy* (*tadattha vijānana* □).

Nếu hội đầy đủ 4 chi pháp này, thì gọi là *phạm điều giới nói dối*. Nếu thiếu 1 trong 4 chi, thì *không thể* gọi là *phạm điều giới nói dối*.

Giảng Giải Về Sự Nói Dối

* Những điều không thật như:

- *Điều mình không thấy, nói tôi thấy.*
- *Điều mình không nghe, nói tôi nghe.*
- *Điều mình không tiếp xúc, nói tôi tiếp xúc.*

- *Điều mình không biết, nói tôi biết.*
- *Điều mình thấy, nói tôi không thấy.*
- *Điều mình nghe, nói tôi không nghe.*
- *Điều mình tiếp xúc, nói tôi không tiếp xúc.*
- *Điều mình biết, nói tôi không biết.*

* Những vật không có như:

- *Vật ấy mình không có, nói tôi có.*
- *Vật ấy mình có, nói tôi không có, v.v...*

* **Tâm nghĩ lừa dối người nghe:** Có 2 trường hợp.

1- Tâm nghĩ lừa dối người nghe, nhưng không gây thiệt hại đến người tin theo, thì chỉ là lừa dối mà *không phạm điều giới nói dối*, không cho quả tái sinh trong cõi ác giới.

2- Tâm nghĩ lừa dối người nghe, để gây thiệt hại đến người tin theo, thì thật là lừa dối, cho nên *phạm điều giới nói dối*, cho quả tái sinh trong cõi ác giới.

* **Sự cố gắng lừa dối bằng lời nói hoặc bằng thân cử động:** Có 4 cách.

1- Tự mình cố gắng lừa dối bằng lời nói dối hoặc bằng thân cử động lắc đầu phủ định điều có thật, hoặc gật đầu khẳng định điều không có thật.

2- Sai khiến người khác lừa dối bằng khẩu hoặc bằng thân.

3- Viết chuyện không thật trên báo, trong thư, nói trên đài phát thanh,... lan truyền ra làm cho độc giả, thính giả,... tin theo.

4- Viết sách nội dung không có thật, ghi âm thanh vào băng đĩa,... có tính cách lâu dài, để lừa dối độc giả, thính giả tin theo.

Người có tâm ác lừa dối người khác, nếu người khác tin theo sự lừa dối của mình, thì người ấy tạo ác nghiệp nói dối, hội đầy đủ 4 chi pháp *phạm điều*

giới nói dối. Nhưng nếu người khác không tin theo sự lừa dối ấy, thì người ấy không đủ chi, *không phạm điều giới nói dối.*

Tội Nặng - Tội Nhẹ Của Sự Nói Dối

Người phạm điều giới nói dối phạm tội nặng hoặc tội nhẹ căn cứ vào sự thiệt hại nhiều hoặc ít đến cho người tin theo sự nói dối ấy.

- Nếu người phạm điều giới nói dối đã gây ra sự thiệt hại nhiều đến cho người tin theo sự nói dối, thì người nói dối ấy phạm tội nặng, có thể cho quả tái sinh trong cõi ác giới.
- Nếu người phạm điều giới nói dối không gây ra sự thiệt hại nào đáng kể đến cho người tin theo sự nói dối, thì người nói dối ấy phạm tội nhẹ, không thể cho quả tái sinh trong cõi ác giới.

Tính Chất Của Sự Nói Dối

* Đối với người tại gia cư sĩ là cận sự nam, cận sự nữ:

Nói dối là 1 giới cấm trong ngũ giới, trong bát giới, trong cửu giới,... mà người tại gia nói chung cần phải giữ gìn cho được trong sạch, thì được nhiều phước thiện cao quý. Ngược lại, nếu người nào phạm đến giới nói dối, thì người ấy phải chịu *phạm tội nặng* hoặc *nhẹ* tùy theo sự thiệt hại đã gây ra đối với người tin theo sự lừa dối ấy. Ngay trong kiếp hiện tại người ấy bị mất uy tín đối với mọi người; nếu phạm tội nặng, thì ác nghiệp ấy có thể cho quả tái sinh trong cõi ác giới trong những kiếp vị lai.

* Đối với bậc xuất gia là Sadi hoặc Tỳ khuru:

- Đối với vị Sadi:

Sự nói dối là 1 giới cấm trong 10 giới của Sadi; nếu vị Sadi nào phạm điều giới nói dối, thì vị *Sadi ấy bị hư hỏng phạm hạnh, không còn là vị Sadi nữa.*

Nếu vị Sadi ấy biết mình không còn phạm hạnh Sadi nữa, thì nên biết phục hồi phạm hạnh Sadi trở lại, bằng cách tìm đến vị Thầy tế độ hoặc vị Đại đức Tỳ khuru, đánh lễ Ngài, xin Ngài hướng dẫn phép quy y Tam Bảo. Khi vị ấy thọ phép quy y Tam Bảo đến lần thứ ba xong, ngay khi ấy, vị ấy trở thành vị Sadi trở lại như trước.

- Đối với vị Tỳ khuru:

Phạm điều giới nói dối có nhiều mức độ nhẹ - nặng khác nhau.

Trong khi hành Tăng sự tụng giới bản của Tỳ khuru (Bhikkhupātimokkha) một vị Tỳ khuru luật sư tụng xong mỗi phần giới, hỏi nhóm Tỳ khuru hội họp tại Sīmā đều trong sạch phải không?

+ Nếu vị Tỳ khuru nào có giới không trong sạch, mà vẫn ngồi im lặng, không nói, đó cũng là một cách lừa dối, thì vị Tỳ khuru ấy *phạm điều giới dukkaṅga (tác ác)*.

+ Nếu vị Tỳ khuru nào nói lời không đúng sự thật, thì vị Tỳ khuru ấy *phạm điều giới pācittiya (đối trị)*.

+ Nếu vị Tỳ khuru nào nói lời vu khống vị Tỳ khuru khác phạm điều giới Pārājika (Bất cộng trụ), thì vị Tỳ khuru ấy bị *phạm điều giới Saṅghādisesa (Tăng tàn)*.

+ Nếu vị Tỳ khuru nào tự nói khoe khoang pháp của bậc Thánh Nhân như chứng đắc thiên định, phép thần thông; chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn mà chính mình không có, thì vị Tỳ khuru ấy bị *phạm điều giới Pārājika (Bất cộng trụ) không còn phạm hạnh Tỳ khuru nữa*.

Đối với vị Tỳ khuru phạm điều giới nói dối có nhiều mức độ nhẹ - nặng khác nhau, tùy theo lời nói dối.

Nói Dối, Lừa Dối Vô Tội

Người nói dối bằng khẩu hoặc lừa dối bằng thân, nhưng không gây ra sự thiệt hại nào đến cho người tin theo lời nói dối, sự lừa dối ấy; thậm chí còn đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài cho người tin theo lời nói dối, sự lừa dối ấy; thì người ấy *không có tội*, mà còn có phước thiện lớn nữa.

* Như câu chuyện **vị quan cận thân** thân tín tâu với Đức vua, được tóm lược như sau:

Một đôi vợ chồng trẻ nghèo khổ sống trong túp lều nhỏ ngoại thành. Lần đầu tiên, người vợ mang thai nghén, lại sinh chứng lạ thường là thèm ăn đồ ăn của Đức vua; nếu nàng không được ăn món vật thực thèm muốn ấy, thì nàng không thể sống được. Người chồng quá thương vợ, thương con, muốn

bảo vệ vợ và con, nên người chồng liền tìm cách cứu vợ và con. Người chồng giả làm một vị Tỳ khuru, biết đến giờ Đức vua sắp độ vật thực, vị Tỳ khuru giả mang bát đi vào trong cung điện của Đức vua để khát thực, với hành vi cử chỉ đi chậm rãi từng bước - từng bước thật đáng kính.

Đức vua nhìn thấy vị Tỳ khuru ấy, liền phát sinh đức tin mà nghĩ rằng: “*Vị Tỳ khuru kia chắc không phải là vị Tỳ khuru tầm thường, Ngài là bậc có pháp đặc biệt nào đó*”, nên Đức vua truyền lệnh cho các quan thỉnh vị Tỳ khuru ấy vào trong cung điện, rồi Đức vua cung kính để bát những món ăn của mình đến vị Tỳ khuru. Vị Tỳ khuru giả ấy im lặng chậm rãi từng bước - từng bước ra khỏi cung điện.

Đức vua truyền gọi một vị quan cận thân thân tín, có trí tuệ, theo dõi xem vị Đại đức ấy ở nơi nào, rồi trở về tâu cho Đức vua biết rõ.

Vị quan cận thân đi sau theo dõi vị Tỳ khuru ấy, mà vị Tỳ khuru giả ấy chẳng hề hay biết gì; khi đi ra khỏi thành về đến túp lều nhỏ, vị Tỳ khuru cởi bỏ y ra, rồi mặc bộ đồ người tại gia, ôm bát đồ ăn của Đức vua trao cho người vợ đang mang thai nghén ăn. Vị quan cận thân đã theo dõi mọi hành vi cử chỉ của vị Tỳ khuru giả từ đầu đến cuối, nên biết rõ rằng: “*Người ấy không phải là Tỳ khuru, mà chỉ giả làm Tỳ khuru với một ý đồ của y mà thôi. Khi trở về, nếu ta tâu lên Đức vua những điều đã trông thấy đúng theo sự thật, thì chắc chắn sẽ đem lại những hậu quả không tốt cho cả hai bên: ‘Đức vua sẽ mất đức tin, còn người lừa bịp giả làm Tỳ khuru kia sẽ phải chịu tội tử hình’. Vậy ta nên tâu lên Đức vua với lời lẽ thật khéo léo, để đem lại sự lợi ích cho cả hai bên*”.

Nghĩ vậy, vị quan cận thân thân tín có trí tuệ đến chầu Đức vua bèn bạch rằng:

— *Muôn tâu bệ hạ, thừa lệnh bệ hạ, hạ thần đã đi theo dõi sát vị Đại đức ấy; sau khi ra khỏi thành đến một nơi, thì hình ảnh tâm y vàng ấy biến mất khỏi tầm mắt của hạ thần, và từ đó hạ thần không còn nhìn thấy hình dáng vị Đại đức ấy nữa.*

Đức vua nghe vị quan tâu xong, liền phát sinh tâm thiện vô cùng hoan hỷ, truyền bảo rằng:

“*Bậc Đại đức ấy chắc là bậc Thánh Arahán, hôm nay sự bố thí cúng dường của ta thật cao thượng*”.

Qua câu chuyện trên, vị quan cận thần thân tín có trí tuệ sâu với lời lẽ không đúng về sự thật, Đức vua đã tin theo rồi hiểu sai sự thật, nhưng không gây ra sự thiệt hại; mà lại làm cho phát sinh sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc cho Đức vua. Như vậy, vị quan cận thần ấy, *tuy phạm điều giới nói dối, nhưng không có tội*; cho nên không thể cho quả tái sinh trong cõi ác giới.

* Chuyện tiền kiếp của Đức Phật Gotama là **Đức Bồ Tát Pañcāvudhakumāra [10]** bị Dạ xoa tên Silesaloma bắt để ăn thịt. Đức Bồ Tát Pañcāvudhakumāra bảo Dạ xoa rằng:

— *Này Dạ xoa, trong thân của ta có khí giới, nếu ngươi ăn thịt ta, thì khí giới của ta sẽ sát hại sinh mạng của ngươi luôn.*

Dạ xoa nghe Đức Bồ Tát nói như vậy, tin theo lời của Đức Bồ Tát, nên Dạ xoa không dám ăn thịt, mà thả Đức Bồ Tát trở về.

Đức Bồ Tát Pañcāvudhakumāra nói trong thân của mình có vũ khí, danh từ **khí giới** mà Đức Bồ Tát sử dụng ở đây là **khí giới trí tuệ (ñāñāvudha)**, nhưng Dạ xoa lại tin và hiểu rằng **khí giới** ở đây là **khí giới sát hại**.

Đức Bồ Tát nói lời lẽ khó hiểu, tuy Dạ xoa tin theo và hiểu sai, nhưng không gây ra sự thiệt hại đến cho Dạ xoa. Như vậy, tuy Đức Bồ Tát nói như vậy nhưng không có tội.

* Chuyện tiền kiếp của Đức Phật Gotama là **Đức Bồ Tát khỉ chúa [11]** sống trong rừng. Một hôm con cá sấu bò lên bờ gặp khỉ chúa, nói dối lừa gạt khỉ chúa rằng:

— *Này chú khỉ, bờ sông bên kia có nhiều thứ trái cây ngon, nếu chú muốn qua bên đó thì chú lên ngồi trên lưng tôi, tôi sẽ chở chú qua bên kia.*

Con khỉ chúa tin theo lời của cá sấu leo lên ngồi trên lưng; cá sấu bơi ra giữa dòng sông định lặn xuống, thì khỉ chúa bèn hỏi rằng:

— *Này anh cá sấu, anh định cho tôi chìm trong nước để được sự lợi ích gì cho anh?*

Cá sấu nói thật rằng:

— *Này chú khỉ, tôi nói dối lừa gạt chú để ăn trái tim của chú.*

Khi chúa bảo rằng:

— *Này anh cá sấu, trái tim của tôi không có trong thân này, tôi đã gỡ trái tim ra và đem treo lủng lẳng trên cành cây kia kia.*

Vừa nói, khi chúa vừa đưa tay chỉ cho cá sấu thấy chùm trái cây gần bờ sông và bảo tiếp với cá sấu rằng:

— *Nếu anh muốn ăn trái tim, thì anh chở tôi vào lại bờ cây kia.*

Cá sấu nghe vậy tin theo lời của Đức Bồ Tát khi chúa, bơi vào gần bờ, Đức Bồ Tát khi chúa liền nhảy lên cành cây, sinh mạng được an toàn.

Như vậy, Đức Bồ Tát khi chúa nói dối lừa gạt cá sấu, nhưng không gây sự thiệt hại nào đến cá sấu. Cho nên, tuy Đức Bồ Tát khi chúa nói dối nhưng không có tội.

* Một người làm cử chỉ đuổi chim, bằng cách giả làm bộ ném một vật gì, hoặc giương cung mà không có mũi tên ra hăm dọa... làm cho chim tưởng ném thật, hoặc bắn thật, chúng hoảng sợ bay đi...

Đó là hành vi cử chỉ lừa dối bằng thân, nhưng không gây ra sự tai hại nào đến đối tượng bị lừa dối. Cho nên, sự lừa dối ấy vô tội.

Như vậy, nói dối bằng lời nói, hoặc lừa dối bằng thân, mà không gây ra sự thiệt hại nào đến cho người tin theo, đều là vô tội, không thể cho quả tái sinh trong cõi ác giới.

5- Điều Giới Tránh Xa Uống Rượu Và Các Chất Say

Surāmerayamajjappamāda □ □ *hānā verama* □ *isikkhāpada* □ *samādiyāmi*.

* Nghĩa phân tích chữ:

— *Surāmerayamajjappamāda* □ □ *hānā* P Surā + meraya + majja + pamāda + □ *hānā*.

+ *Surā*: Rượu là nhân sinh bạo dạn, liêu lĩnh,...

+ *Meraya*: Chất say làm cho ngất ngưỡng, không biết tự chủ.

+ *Majja*: Say sưa, say mê, ngất ngưỡng.

- + *Pamāda*: Sự dễ dãi trong mọi thiện pháp.
- + □ *hānā*: Nhân sinh.
- *Verama* □ *isikkhāpada* □ P *Verama* □ *ī* + *sikkhāpada* □
- + *Verama* □ *ī*: Tác ý tránh xa.
- + *Sikkhāpada* □: Điều giới, giới.
- *Samādiyāmi*: Con xin thọ trì.

Rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ dãi trong mọi thiện pháp nói chung; cũng là nhân sinh sự bạo dạn, liều lĩnh dám tạo mọi ác nghiệp bằng thân, khẩu, ý.

* Nghĩa tổng hợp:

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa uống rượu và các chất say là nhân phát sinh sự dễ dãi trong mọi thiện pháp.

Chi Pháp Phạm Điều Giới Uống Rượu Và Các Chất Say

Người phạm điều giới uống rượu và các chất say cần phải hợp đủ 4 chi pháp:

- 1- *Rượu hoặc các chất say (surāmerayabhāvo).*
- 2- *Tâm muốn uống rượu hoặc các chất say (pivitukāmatā).*
- 3- *Cố gắng uống rượu hoặc các chất say (pivana □).*
- 4- *Uống rượu hoặc các chất say qua khỏi cổ (maddana □).*

Nếu hội đầy đủ 4 chi pháp này, thì gọi là *phạm điều giới uống rượu và các chất say*. Nếu thiếu 1 trong 4 chi, thì *không thể gọi là phạm điều giới uống rượu và các chất say*.

Giải Giải Về Sự Uống Rượu Và Các Chất Say

* ***Surā***: Rượu là một chất nước được làm bằng cơm gạo, trái cây, v.v...

Mỗi khi uống rượu vào say sưa, mất tự chủ, làm kích thích tâm tham, tâm sân, tâm si, ... trở nên người hung hăng, bạo dạn, liều lĩnh, ... không còn biết hổ thẹn tội lỗi, không còn biết ghê sợ tội lỗi, nên dám tạo mọi ác nghiệp bằng thân, khẩu, ý.

Rượu (surā) có 5 loại:

- 1- Rượu được làm từ gạo (gạo tẻ, gạo nếp,...).
- 2- Rượu được làm từ cơm như cơm rượu.
- 3- Rượu được làm từ các trái cây (trái nho, táo,...).
- 4- Rượu được làm từ bánh.
- 5- Rượu được làm từ các chất có men rượu.

* **Meraya:** Chất say là một chất nước ngâm các thứ trái cây, hoa, ... lâu ngày trở thành chất say.

Mỗi khi người uống chất say vào, cảm thấy say sưa ngất ngưỡng không còn biết mình, không còn tự chủ, không biết hổ thẹn tội lỗi, không biết ghê sợ tội lỗi, nên tạo mọi ác nghiệp bằng thân, khẩu, ý.

Chất say (meraya) có 5 loại:

- 1- *Chất say do ngâm các loại hoa, ... lâu ngày.*
- 2- *Chất say do ngâm các loại trái cây, ... lâu ngày.*
- 3- *Chất say do ngâm các trái nho lâu ngày.*
- 4- *Chất say do ngâm nước mía lâu ngày.*
- 5- *Chất say do ngâm các trái cây làm thuốc lâu ngày.*

Ngoài ra, còn có các loại chất say khác rất nguy hiểm như *ma túy, thuốc phiện, cần sa, thuốc lá, v.v...* cũng là loại chất say, mà khi người nào dùng đến chúng lâu ngày trở thành bệnh nghiện, rất khó từ bỏ.

* **Majja:** Làm cho say, có 2 loại:

1- Rượu và các chất say mà người uống vào làm cho say sưa, không còn biết tự chủ, trở nên người hung hăng, bạo dạn, liều lĩnh không biết hổ thẹn tội lỗi, không biết ghê sợ tội lỗi, dám làm mọi ác nghiệp bằng thân, khẩu, ý.

2- Thuốc phiện, ma túy, cần sa, thuốc lá, v.v... mà người dùng các chất say này thành thói quen, trở nên nghiện rồi khó từ bỏ.

* ***Pamāda***: Sự dễ dãi quên mình trong mọi thiện pháp, chìm đắm trong mọi ác pháp.

* □ ***hāna***: Nhân sinh, nguyên nhân.

Tổng hợp lại: *Surāmerayamajjappamāda* □ □ *hānā*: Rượu và các chất say... là nhân sinh sự dễ dãi trong mọi thiện pháp.

* Nghĩa tổng hợp: Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa uống rượu và các chất say là nhân phát sinh sự dễ dãi trong mọi thiện pháp.

4 Hạng Người Dùng Rượu

1- Dùng rượu trộn trong thuốc hoặc trong vật thực.

2- Dùng rượu làm thuốc trị bệnh.

3- Uống rượu để thưởng thức hương vị của rượu.

4- Uống rượu làm cho tâm trở nên bạo dạn, liều lĩnh, để tạo mọi ác nghiệp bằng thân, khẩu, ý.

Trong 4 trường hợp người dùng rượu này, hạng người nào phạm điều giới uống rượu và các chất say? Và có tội nhẹ - nặng như thế nào?

* ***Trường hợp thứ nhất***: Khi rượu được trộn trong thuốc để trị bệnh, hoặc trộn trong vật thực,... rượu hoàn toàn bị biến chất không còn mùi rượu, không có khả năng làm say nữa; nên người dùng thuốc ấy hoặc vật thực ấy không phạm điều giới uống rượu và các chất say, không có tội.

* ***Trường hợp thứ hai***: Dùng rượu trực tiếp hoặc pha lẫn với thuốc nước (còn có mùi rượu, có khả năng làm choáng váng chút đỉnh).

— Nếu người dùng biết rõ thuốc nước có rượu, nhưng với mục đích trị bệnh, không phải muốn hưởng hương vị rượu, thì phạm điều giới uống rượu và các chất say, có tội rất nhẹ.

— Nếu người dùng thuốc nước không biết rõ có rượu, chỉ dùng với mục đích trị bệnh mà thôi, thì không phạm điều giới uống rượu và các chất say, không có tội.

* **Trường hợp thứ ba:** Người uống rượu để thưởng thức hương vị của rượu, rồi say túy lúy, hoàn toàn không còn biết gì nữa; người ấy đã phạm điều giới uống rượu và các chất say, vì say mê chìm đắm trong hương vị của rượu, nên có tội nặng.

Đức Phật dạy:

“Này chư Tỳ khuru, người thường thường uống rượu và các chất say, uống nhiều rượu và các chất say, uống nhiều lần, ác nghiệp này có thể cho quả tái sinh trong cõi địa ngục, atula, ngạ quỷ, trong loài súc sinh. Tội nhẹ nhất của sự uống rượu và các chất say không cho quả tái sinh, nếu nhờ thiện nghiệp khác cho quả được tái sinh làm người, thì người ấy sẽ là người điên cuồng mất trí (ummattakasa□vattiko) [12]”.

* **Trường hợp thứ tư:** Uống rượu làm cho tâm trở nên bạo dạn, liều lĩnh dám tạo mọi ác nghiệp bằng thân, khẩu, ý.

Một người bình thường có tính nhút nhát, biết hổ thẹn tội lỗi, biết ghê sợ tội lỗi, không dám làm mọi tội ác. Nhưng một khi người ấy uống rượu và các chất say vào làm kích thích, không còn tự chủ, trở thành người hung hăng, bạo dạn, liều lĩnh dám làm mọi ác nghiệp như sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói năng chửi rủa gây gổ lung tung, v.v...

Người ấy phạm điều giới uống rượu và các chất say có tội nặng, nếu ác nghiệp này cho quả tái sinh, thì chắc chắn tái sinh trong cõi ác giới (địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh), chịu quả khổ do ác nghiệp mà mình đã tạo.

Tính Chất Của Sự Uống Rượu Và Các Chất Say

Phạm điều giới uống rượu và các chất say đối với người tại gia cư sĩ và đối với bậc xuất gia Tỳ khuru Sadi có tính chất nhẹ - nặng khác nhau.

* Đối với hàng tại gia cư sĩ là cận sự nam, cận sự nữ, sự uống rượu và các chất say là 1 giới cấm trong ngũ giới, bát giới, cửu giới...

Nếu người cận sự nam, cận sự nữ nào đã phạm điều giới uống rượu và các chất say, thì người cận sự nam, cận sự nữ ấy xem như bị đứt ngũ giới (đứt bát giới, đứt cửu giới). Người cận sự nam, cận sự nữ ấy cần phải xin thọ trì lại ngũ giới (hoặc bát giới, hoặc cửu giới) để cho mình là người có giới trở lại.

* Đối với vị Sadi, sự uống rượu và các chất say là 1 giới cấm trong thập giới Sadi. Nếu vị Sadi nào phạm điều giới uống rượu và các chất say, thì giới của vị Sadi ấy bị đứt đồng thời *hư phạm hạnh Sadi, không còn là Sadi nữa*. Dù hình thức thân bên ngoài còn mặc y, song nội dung tâm bên trong không còn phạm hạnh Sadi nữa.

Vị Sadi ấy biết mình bị đứt giới, hư phạm hạnh Sadi, vị ấy cần phải đến hầu vị Thầy tế độ, hoặc một vị Đại đức Tỳ khuru hiểu rõ giới luật, xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì Sadi thập giới trở lại. Sau khi thọ phép quy y Tam Bảo xong rồi, vị Sadi ấy được phục hồi lại phạm hạnh như trước.

* Đối với vị Tỳ khuru, sự uống rượu và các chất say là 1 giới cấm trong 227 điều giới bốn của Tỳ khuru. Nếu vị Tỳ khuru nào phạm điều giới uống rượu và các chất say, thì vị Tỳ khuru ấy *phạm điều giới pācittiya (đổi trị)*.

- Vị Tỳ khuru dù biết, hay không biết rượu và các chất say, khi uống vào khỏi cổ vẫn bị phạm điều giới pācittiya.

- Vị Tỳ khuru đã phạm điều giới ấy rồi cần phải tìm đến một vị Tỳ khuru khác không uống rượu và các chất say, để làm lễ xin sám hối theo nghi thức trong luật của Đức Phật đã chế định; sau khi sám hối xong, vị Tỳ khuru ấy có giới trở lại trong sạch như trước.

Một người uống rượu và các chất say đã trở thành thói quen nghiện rượu, nghiện thuốc phiện, nghiện thuốc lá, v.v... không dễ dàng từ bỏ; bởi vì, cảm thấy chưa biết no đủ, vẫn còn thèm khát mãi mãi.

Đức Phật dạy:

Có 3 điều không biết no đủ, vẫn thèm khát mãi mãi như sau:

“Này chư Tỳ khuru, có 3 điều không biết no đủ, 3 điều ấy là gì?”

- *Này chư Tỳ khuru, không biết no đủ trong sự nằm ngủ.*
- *Này chư Tỳ khuru, không biết no đủ trong sự uống rượu và các chất say.*
- *Này chư Tỳ khuru, không biết no đủ trong sự hành dâm.*

Này chư Tỳ khuru, 3 điều này không biết no đủ” [13].

Thật ra, 3 điều này thường phát sinh do phiền não tham muốn, mà tâm tham là nhân sinh khổ cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp vị lai.

- *Nằm ngủ* là một sự cần thiết để nghỉ ngơi do cơ thể mệt nhọc; nhưng người say mê trong giấc ngủ, ngủ nhiều, thì cũng dễ sinh bệnh.

Bậc thiện trí biết thức tỉnh tâm của mình, không để say mê trong giấc ngủ. Bậc thiện trí biết thì giờ ngủ nghỉ, biết thì giờ thức giấc, để làm những công việc có ích trong cuộc sống.

- *Sự uống rượu và các chất say* là một thói hư tật xấu, do phiền não tham muốn là nhân sinh sự dễ dãi trong mọi thiện pháp, say mê trong mọi ác pháp.

Bậc thiện trí có giới, có tác ý tránh xa sự uống rượu và các chất say, không dễ dãi, tránh được các thứ bệnh phát sinh do rượu và các chất say.

Uống rượu và các chất say thuộc về ác nghiệp nào trong 10 ác nghiệp?

10 ác nghiệp được tạo bằng thân, khẩu, ý như sau:

- * *Thân ác nghiệp* hoặc gọi *thân hành ác* có 3 loại ác nghiệp:

- *Ác nghiệp sát sinh.*
- *Ác nghiệp trộm cắp.*
- *Ác nghiệp tà dâm.*

- * *Khẩu ác nghiệp* hoặc gọi *khẩu hành ác* có 4 loại ác nghiệp:

- *Ác nghiệp nói dối.*

- Ác nghiệp nói lời chia rẽ.
- Ác nghiệp nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc).
- Ác nghiệp nói lời vô ích.
- * Ý ác nghiệp hoặc gọi ý hành ác có 3 loại ác nghiệp:
 - Ác nghiệp nghĩ tham lam của người khác.
 - Ác nghiệp nghĩ thù hận người khác.
 - Ác nghiệp nghĩ tà kiến, thấy sai chấp làm.

Uống rượu và các chất say là 1 giới cấm trong ngũ giới, trong bát giới, trong cửu giới... mà trong 10 ác nghiệp này không có tên gọi 1 ác nghiệp riêng biệt như những ác nghiệp khác. Vì sao vậy?

Bởi vì xét về **nghiệp**, thì uống rượu và các chất say thuộc về **ác nghiệp bất định**, nên không có tên gọi 1 ác nghiệp riêng biệt. Ác nghiệp này tùy thuộc vào ác nghiệp nào mà nó liên quan, thì nó có tên gọi chung với ác nghiệp ấy.

Xét trong những trường hợp sau:

* Trường hợp một người phạm điều giới uống rượu và các chất say, cốt chỉ để thưởng thức vị trần của rượu rồi say túy lúy, hoàn toàn không còn biết mình, nằm ngủ cho đến khi tỉnh say rượu. Vậy, người ấy đã tạo ác nghiệp nào?

Người phạm điều giới uống rượu hoặc các chất say, muốn thưởng thức **ngũ trần** đó là **vị trần**, **hương trần** của chất rượu hoặc chất say,...; cũng như người tạo ác nghiệp tà dâm muốn thưởng thức ngũ trần (kāmesumicchācāra) đó là **xúc trần**, hoặc **xúc trần** và **vị trần** của người khác phái.

Như vậy, **phạm điều giới tà dâm** có đối tượng **xúc trần**, hoặc **xúc trần** và **vị trần** trong ngũ trần, còn **phạm điều giới uống rượu và các chất say** cũng có đối tượng **vị trần**, **hương trần** trong ngũ trần. Do đó, hai giới này có đối tượng tương tự như nhau. Cho nên, người **phạm điều giới uống rượu và các chất say** được ghép chung vào **ác nghiệp tà dâm**.

* Trường hợp một người vốn có tính nhút nhát, biết hổ thẹn tội lỗi, biết ghê sợ tội lỗi, không dám làm mọi ác nghiệp. Khi người ấy phạm điều giới uống rượu hoặc các chất say; chất rượu hoặc chất say kích thích tâm tham, sân, si, người ấy trở nên người hung hăng, bạo dạn, liều lĩnh không còn biết hổ thẹn tội lỗi, không còn biết ghê sợ tội lỗi, dám tạo 10 ác nghiệp.

Người phạm điều giới uống rượu và các chất say, rồi say sưa không còn biết hổ thẹn tội lỗi, không còn biết ghê sợ tội lỗi, dám tạo ác nghiệp nào, thì người phạm điều giới uống rượu và các chất say được ghép chung vào ác nghiệp ấy.

- Nếu như người phạm điều giới uống rượu và các chất say, rồi tạo ác nghiệp sát sinh, thì phạm điều giới uống rượu và các chất say được ghép chung vào ác nghiệp sát sinh.

- Tương tự như vậy, nếu người phạm điều giới uống rượu và các chất say, rồi tạo ác nghiệp trộm cắp, thì phạm điều giới uống rượu và các chất say được ghép chung vào ác nghiệp trộm cắp.

- Nếu người phạm điều giới uống rượu và các chất say, rồi tạo ác nghiệp tà dâm, thì phạm điều giới uống rượu và các chất say được ghép chung vào ác nghiệp tà dâm.

- Nếu người phạm điều giới uống rượu và các chất say, rồi tạo ác nghiệp nói dối, thì phạm điều giới uống rượu và các chất say được ghép chung vào ác nghiệp nói dối.

- Nếu người phạm điều giới uống rượu và các chất say, rồi tạo ác nghiệp nói lời chia rẽ, thì phạm điều giới uống rượu và các chất say được ghép chung vào ác nghiệp nói lời chia rẽ.

- Nếu người phạm điều giới uống rượu và các chất say, rồi tạo ác nghiệp nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc), thì phạm điều giới uống rượu và các chất say được ghép chung vào ác nghiệp nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc).

- Nếu người phạm điều giới uống rượu và các chất say, rồi tạo ác nghiệp nói lời vô ích, thì phạm điều giới uống rượu và các chất say được ghép chung vào ác nghiệp nói lời vô ích.

- Nếu người phạm điều giới uống rượu và các chất say, rồi tâm nghĩ tham lam của cái của người khác, thì *phạm điều giới uống rượu và các chất say* được ghép chung vào *ác nghiệp tham lam của cái của người khác*.
- Nếu người phạm điều giới uống rượu và các chất say, rồi tâm nghĩ thù oán người khác, thì *phạm điều giới uống rượu và các chất say* được ghép chung vào *ác nghiệp thù oán người khác*.
- Nếu người phạm điều giới uống rượu và các chất say, rồi phát sinh tà kiến thấy sai chấp lầm, thì *phạm điều giới uống rượu và các chất say* được ghép chung vào *ác nghiệp tà kiến thấy sai chấp lầm*.

Do đó, uống rượu và các chất say là nhân tạo nên 10 ác nghiệp. Cho nên, uống rượu và các chất say thuộc về ác nghiệp bất định, nên không chế định ra 1 ác nghiệp riêng biệt nào.

Thật vậy, Ngài Đại đức Ānanda (lớp người hậu sinh) biên soạn bộ *Mūlaśīlā* giải rằng:

“*Tassa sabhāgattena micchācāre, upakārakattena dasasu pi kamma pathesu anuppaveso hoti*”.

(*Sự uống rượu này được ghép chung vào ác nghiệp tà dâm, bởi vì nó có đối tượng tương tự với tà dâm. Và sự uống rượu cũng được ghép chung vào trong 10 ác nghiệp, bởi vì nó là nhân tạo nên 10 ác nghiệp*).

Tính Chất Nghiêm Trọng Của Người Phạm Điều Giới Uống Rượu Và Các Chất Say

Người đã phạm điều giới uống rượu và các chất say, có thể dám làm mọi tội ác nghiêm trọng:

Khi nào đã *uống rượu*, lên cơn say, thì người ấy không còn tự chủ, trở nên người hung hăng, tàn bạo, không còn biết hổ thẹn tội lỗi, không còn biết ghê sợ tội lỗi, dám làm mọi tội ác nghiêm trọng mà lúc tỉnh không dám làm.

Khi người nào thường dùng *các chất say* như thuốc phiện, ma túy,... trở thành bệnh nghiện nặng, đến khi người ấy lên cơn thèm khát các chất say ấy mà không có sẵn, khiến cho người ấy lên cơn điên loạn, dám làm mọi tội ác nghiêm trọng mà lúc tỉnh không dám làm.

Như vậy, phạm điều giới uống rượu và các chất say là nguyên nhân dẫn đến tạo mọi ác nghiệp nghiêm trọng, có nguy hại trong kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai.

Trong Chú giải *Suttanipāta*, giải về tội lỗi của sự uống rượu và các chất say như sau:

“*Yasmā pana majjapāyī attha □ na jānāti, dhamma □ na jānāti, mātupi antarāya □ karoti, pitupi Buddhapacceka buddhatathāgatasāvakanampi antaraya □ karoti, di □ □ hadhamme ca garaha □ samparāye ca duggati □ aparāpariyāye ummāda □ pāpu □ āti*”.

(Người thường uống rượu và các chất say, không biết quả, không biết nhân, gây ra sự tai hại đến với sinh mạng của cha mẹ, Đức Phật, Đức Phật Độc Giác, các hàng đệ tử của Như Lai. Trong kiếp hiện tại, người uống rượu và các chất say thường bị chư thiện trí chê trách. Sau khi người ấy chết, ác nghiệp ấy cho quả tái sinh trong cõi ác giới (địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh), khi mãn quả của ác nghiệp trong cõi ác giới, do nhờ thiện nghiệp khác cho quả tái sinh làm người, người ấy sẽ là người mất trí, người điên cuồng).

Và Ngài Đại đức Mahābuddhaghosa dạy về tội lỗi của sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp, dảm tạo mọi ác pháp, có tội lỗi lớn như sau:

“*Apicettha surāmerayamajjappamāda □ □ hānameva mahāsāvajja □ na tathā pā □ ātipātā-dayo, kasmā manussabhūtasapi ummattakabhavasa □ vattanena ariyadhammantarāya kara □ ato*”.

(Thật sự, trong ngũ giới ấy, phạm điều giới uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp, có tội lỗi lớn hơn 4 giới còn lại là phạm điều giới sát sinh, phạm điều giới trộm cắp, phạm điều giới tà dâm, phạm điều giới nói dối; 4 giới này gây hậu quả ít nghiêm trọng hơn phạm điều giới uống rượu và các chất say. Bởi vì, phạm điều giới uống rượu và các chất say này còn là nhân làm cho người ấy có bệnh điên, mất trí, làm nguy hại cho sự chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả).

Thật vậy, trong ngũ giới, người phạm điều giới sát sinh như giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh Arahán, ..., đã tạo ác nghiệp trọng tội (*akusalagarukakamma*) gọi là *anantariya-kamma* (ác nghiệp vô gián); sau

khi người ấy chết, chắc chắn ác nghiệp ấy cho quả tái sinh trong cõi đại địa ngục Avīci, chịu quả khổ trong suốt thời gian lâu dài trong cõi đại địa ngục, cho đến khi mãn quả ác nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa ngục. Nếu có thiện nghiệp cho quả tái sinh làm người, thì người ấy có thể là người có trí tuệ sáng suốt, có khả năng thực hành thiền định, thực hành thiền tuệ dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn được.

* Như trường hợp *Đức vua Ajātasattu* giết Phụ vương của ông là Đức vua Bimbisāra (bậc Thánh Nhập Lưu). Về sau, *Đức vua Ajātasattu* biết ăn năn hối lỗi, đến xin sám hối nơi Đức Phật; Đức vua có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, xin thọ phép quy y Tam Bảo, hết lòng hộ độ Tam Bảo. Sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn, *Đức vua Ajātasattu* là người hộ độ chư Đại đức Tăng trong kỳ kết tập Tam Tạng và Chú giải lần thứ nhất, thời gian khoảng 3 tháng 4 ngày sau khi Đức Phật tịch diệt Niết Bàn.

Sau khi *Đức vua Ajātasattu* băng hà, do năng lực ác nghiệp “*giết phụ vương*” là ác nghiệp vô gián cho quả, thay vì phải tái sinh trong cõi đại địa ngục Avīci, thì chỉ bị tái sinh trong *địa ngục Lohakumbhī* chịu khổ suốt thời gian 60.000 (sáu mươi ngàn) năm thôi. Sau khi mãn quả ác nghiệp ấy, sẽ được thoát ra khỏi địa ngục, do thiện nghiệp cho quả tái sinh làm người trong thời kỳ không có Đức Phật Toàn Giác và giáo pháp của Ngài. Hậu thân của *Đức vua Ajātasattu* sẽ chứng đắc thành *Đức Phật Độc Giác* có danh hiệu *Đức Phật Độc Giác Vijitāvi*. Đó là lời thọ ký của Đức Phật Gotama của chúng ta.

* Trong thời kỳ Đức Phật Gotama, có *Ngài Đại đức Mahāmoggallāna* là bậc *Thánh Tối Thượng Thanh Văn đệ tử của Đức Phật*. Trong tiền kiếp xa xưa, Ngài đã từng nghe lời vợ, bày mưu đánh xe chở cha mẹ già đui mù đi vào khu rừng, Ngài xuống xe giả làm tên cướp đánh đập cha mẹ chết. Sau khi Ngài chết, do *ác nghiệp vô gián* giết cha mẹ ấy cho quả tái sinh trong cõi đại địa ngục Avīci, trong suốt thời gian lâu dài cho đến khi mãn quả ác nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi địa ngục.

* Trong thời kỳ Đức Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, Ngài sinh vào trong dòng Bàlamôn có tên Kolita, xuất gia trở thành Tỳ khưu nơi Đức Phật, rồi chứng đắc thành bậc Thánh Arahán, trở thành bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn đệ tử của Đức Phật Gotama, Ngài là *Đại đức Mahāmoggallāna*, có thần thông xuất chúng nhất trong hàng Thanh Văn đệ tử của Đức Phật Gotama, v.v...

Những dẫn chứng trên để có được sự nhận thức rõ ràng: “Mặc dù *ác nghiệp trọng tội* như ác nghiệp giết cha, giết mẹ, ... thuộc *ác nghiệp vô gián* chắc chắn phải tái sinh trong cõi địa ngục Avīci, chịu quả khổ suốt thời gian lâu dài cho đến khi mãn quả ác nghiệp ấy, mới thoát khỏi địa ngục. Thế mà, sau khi thoát khỏi địa ngục, do nhờ thiện nghiệp khác cho quả tái sinh làm người, người ấy vẫn có cơ hội thực hành thiện định, thực hành thiện tuệ dẫn đến chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán được. Còn như *phạm điều giới uống rượu và các chất say*; sau khi chết, nếu ác nghiệp này cho quả tái sinh trong cõi địa ngục, hoặc cõi atula hoặc cõi naga quỷ hoặc cõi súc sinh, chịu quả khổ của ác nghiệp ấy suốt thời gian lâu hoặc mau, cho đến khi mãn quả ác nghiệp mới mong thoát khỏi cõi ác giới ấy. Sau khi thoát khỏi cõi ác giới rồi, do thiện nghiệp khác cho quả nếu được tái sinh làm người, người ấy sẽ là **người có bệnh điên cuồng, mất trí**, không có khả năng thực hành thiện định, thực hành thiện tuệ, không dẫn đến chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn”.

Sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp, dảm tạo mọi ác pháp, đem lại cho người say những hậu quả nguy hại vô cùng khủng khiếp cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp vị lai.

Những bậc thiện trí từ ngàn xưa đã chế định **ngũ giới là thường giới (nīcasīla)** của con người, mọi người cần phải giữ gìn ngũ giới cho được trong sạch và trọn vẹn. Trong ngũ giới có giới tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi, mà Đức Phật cũng công nhận điều ấy, và Ngài truyền dạy những người cận sự nam, cận sự nữ phải giữ gìn ngũ giới cho được trong sạch và trọn vẹn, không để cho giới bị đứt, giới bị thủng, giới bị đốm, giới bị đứt lan.

Đức Phật đã thuyết dạy 5 điều tai hại của sự phạm điều giới, và 5 quả báu tốt lành của sự giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn.

Như vậy, sự uống rượu và các chất say đem lại cho người say những hậu quả nguy hại vô cùng kinh khủng; nhưng một số người có tính dễ duôi xem thường, xem sự uống rượu và các chất say là thú tiêu khiển; cũng có một số người biết rượu và các chất say có hại cho sức khỏe, sinh nhiều bệnh tật khó chữa, một số người này đã trở thành nghiện rượu, nghiện thuốc phiện, nghiện ma túy, nghiện thuốc lá, v.v... trở thành người yếu đuối, không còn khả năng từ bỏ rượu, thuốc phiện, thuốc lá, v.v... tự làm khổ mình, làm khổ người thân của mình...

Tội Lỗi Từ Say Rượu

Đức Phật đang ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh thành Sāvatti, khi ấy, Đức Phật thuyết về tích tiền thân của Ngài là Đức Bồ Tát *Dhammadhaja* [14] có một đoạn giảng giải về tội lỗi phát sinh từ say rượu, được tóm lược như sau:

Đức Bồ Tát *Dhammadhaja* là quan cận thần của Đức vua *Yasapānī*, có một người bạn thân tên *Chattapānī*. *Chattapānī* là người thợ cắt tóc, sửa râu của Đức vua. Ông có bản tính tự nhiên do lời chân thật phát nguyện không bao giờ uống rượu trong suốt mỗi kiếp cho đến khi chứng đắc thành bậc Thánh Arahán. Bởi vì, ông nhận thức thấy rõ tội lỗi phát sinh từ uống rượu, say rượu...

Một hôm, người thợ cắt tóc *Chattapānī* tâu lên Đức vua *Yasapānī* rằng:

— *Muôn tâu Đại vương, trong tiền kiếp kẻ hạ thân đã từng ăn thịt con bởi vì say rượu. Sau khi tỉnh say rượu, kẻ hạ thân vô cùng sầu não, khổ tâm cùng cực, vì thương nhớ đến đứa con yêu quý nhất. Rồi từ kiếp đó, hạ thân đã phát nguyện trong suốt mỗi kiếp không bao giờ uống rượu nữa.*

Người thợ cắt tóc thuật lại câu chuyện xảy ra rằng:

— *Muôn tâu Đại vương, tiền kiếp của hạ thân cũng làm vua trị vì xứ *Bārānasi*, khi hạ thân là Đức vua, hằng ngày không thể thiếu **món rượu**, và trong mỗi bữa ăn không thể thiếu **món thịt**. Trong kinh thành *Bārānasi* thời ấy, vào ngày giới hằng tháng, người ta không sát sinh; cho nên người đầu bếp phải mua thêm thịt vào trước ngày giới, để dành phần cho ngày hôm sau. Do sơ suất, ông cất giữ món thịt ấy không cẩn thận, nên bị con chó ăn mất hết.*

Sáng hôm ấy, nhằm vào ngày giới, người đầu bếp đi tìm mua thịt khắp nơi, mà không có món thịt nào cả. Ông cố gắng làm những món ăn thơm tho ngon lành xong, mà chưa dám đem đến dâng Đức vua đang ở trên lầu đài. Ông vào tâu với bà chánh cung Hoàng hậu rằng:

— *Tâu Hoàng hậu, hôm nay, kẻ hạ thân đi tìm mua thịt khắp nơi mà không có thịt. Bữa ăn này không có món thịt, nên kẻ hạ thân chưa dám dâng lên Đức vua. Bây giờ, kẻ hạ thân phải làm thế nào? Thưa bà.*

— *Này người, Hoàng tử của ta được Đức vua thương yêu quý mến nhất, khi Đức vua đang thương yêu, âu yếm ôm Hoàng tử vào lòng, chắc Người không còn quan tâm đến bữa ăn có món thịt hay không.*

Bà chánh cung Hoàng hậu trang điểm cho Hoàng tử thật đáng yêu, rồi bồng Hoàng tử đặt ngồi trên vế của Đức vua. Đức vua say mê vui đùa với Hoàng tử. Khi ấy, người đầu bếp mang vật thực vào dâng lên Đức vua. Khi đang say rượu, Đức vua nhìn trong mâm thức ăn không thấy món thịt, bèn phán rằng:

— *Tại sao hôm nay không có món thịt?*

Người đầu bếp hoảng sợ tâu rằng:

— *Muôn tâu Bệ hạ, hôm nay là ngày giới, nên kẻ hạ thần đi tìm khắp nơi, mà vẫn không mua được thịt.*

Đức vua đang trong lúc say ngất ngưỡng phán rằng:

— *Tìm thịt làm món ăn cho Trẫm, khó như vậy sao?*

Đức vua bèn nắm đầu Hoàng tử vặn cổ chết tươi, rồi ném xuống trước mặt người đầu bếp, mà phán tiếp rằng:

— *Người hãy mau đem đi làm món ăn cho ta!*

Người đầu bếp tuân theo lệnh của Đức vua, làm món ăn bằng thịt của Hoàng tử, rồi đem lên dâng Đức vua dùng trong bữa ăn tối hôm ấy.

Chánh cung Hoàng hậu và tất cả những người hầu chẳng có một ai dám khóc than, phản đối gì cả, vì họ rất sợ Đức vua.

Đức vua dùng bữa ăn tối xong, nằm ngủ cho đến sáng ngày hôm sau mới thức dậy. Đã tỉnh cơn say, Đức vua truyền lệnh rằng:

— *Hãy bồng Hoàng tử yêu quý của ta đến đây!*

Bà chánh cung Hoàng hậu đến châu, cúi lạy dưới chân Đức vua mà than khóc.

Đức vua bèn truyền hỏi rằng:

— Ai khanh khóc vì chuyện gì? Tại sao lại không bồng Hoàng tử yêu quý của ta đến đây?

Chánh cung Hoàng hậu bạch thưa rằng:

— Tâu Hoàng thượng, chiều hôm qua Hoàng thượng đã vắn cổ Hoàng tử chết tươi, rồi trao cho người đầu bếp bảo làm món ăn cho Hoàng thượng. Hoàng thượng đã dùng bữa ăn với món thịt của Hoàng tử từ tối hôm qua rồi.

Lắng nghe chánh cung Hoàng hậu tâu như vậy, Đức vua cảm thấy vô cùng đau xót sâu nặng, vì vô cùng thương tiếc Hoàng tử yêu quý. Khi đã nhận thức rõ tội lỗi lớn lao phát sinh ra từ việc uống rượu, say rượu, Đức vua bèn chấp chặt đôi tay đưa lên trán, rồi phát nguyện rằng:

“Kể từ kiếp này về sau, và những kiếp sau kế tiếp cho đến kiếp chót trở thành bậc Thánh Arahán, ta nguyện sẽ không bao giờ uống rượu nữa, để không còn thấy cảnh tự làm khổ mình và làm khổ những người thân yêu của ta nữa”.

Thật vậy, kể từ đó cho đến trọn kiếp và trải qua vô số kiếp tử sinh luân hồi, kiếp nào hạ thân cũng không bao giờ uống một chút rượu nào cả.

(Một đoạn trích trong tiền kiếp Đức Bồ Tát Dhammadhaja)

Tính Chất Của Ngũ Giới

Ngũ giới là **thường giới (niccasīla)** của tất cả mọi người tại gia cư sĩ. Nếu người nào không giữ ngũ giới đầy đủ (dù chỉ phạm 1 trong 5 điều giới cũng gọi là không giữ ngũ giới đầy đủ), thì người ấy phải chịu những tai hại xấu xa. Và nếu người nào giữ ngũ giới đầy đủ trọn vẹn, thì người ấy được những quả báu tốt lành.

Như vậy, quả ác nghiệp của người không có giới, và quả thiện nghiệp của người có giới hoàn toàn trái ngược với nhau.

Đức Phật thuyết giảng bài kinh *Sīlasutta* [15] dạy về 5 tai hại của người không có giới, và 5 quả báu của người có giới đầy đủ trọn vẹn hoàn toàn trái ngược nhau như sau:

* **Tai hại của người không có giới:**

— *Này chư Tỳ khuru, 5 điều tai hại của người không có giới, người phạm giới. 5 điều ấy như thế nào?*

— *Này chư Tỳ khuru, 5 điều tai hại của người không có giới, người phạm giới. 5 điều tai hại ấy là:*

1- *Này chư Tỳ khuru, trong đời này, người không có giới, người phạm giới làm tiêu tan nhiều của cải to lớn vì nhân để duôi.*

- *Này chư Tỳ khuru, đó là tai hại thứ nhất của người không có giới, người phạm giới.*

2- *Này chư Tỳ khuru, còn điều này, người không có giới, người phạm giới có tiếng xấu lan truyền khắp mọi nơi.*

- *Này chư Tỳ khuru, đó là tai hại thứ nhì của người không có giới, người phạm giới.*

3- *Này chư Tỳ khuru, còn điều này, người không có giới, người phạm giới có tâm sợ sệt, rụt rè e thẹn khi đi vào nơi hội đoàn Hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Samôn, hội đoàn Balamôn.*

- *Này chư Tỳ khuru, đó là tai hại thứ ba của người không có giới, người phạm giới.*

4- *Này chư Tỳ khuru, còn điều này, người không có giới, người phạm giới phát sinh tâm mê muội lúc lâm chung.*

- *Này chư Tỳ khuru, đó là tai hại thứ tư của người không có giới, người phạm giới.*

5- *Này chư Tỳ khuru, còn điều này, người không có giới, người phạm giới, sau khi chết, ác nghiệp không giữ giới cho quả tái sinh trong cõi địa ngục, atula, nga quý, súc sinh.*

- *Này chư Tỳ khuru, đó là tai hại thứ năm của người không có giới, người phạm giới.*

— *Này chư Tỳ khuru, đó là 5 điều tai hại của người không có giới, người phạm giới như vậy.*

*** Quả báu của người có giới:**

— *Này chư Tỳ khuru, 5 quả báu của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch đầy đủ trọn vẹn. 5 quả báu ấy như thế nào?*

— *Này chư Tỳ khuru, 5 quả báu của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch đầy đủ trọn vẹn. 5 quả báu ấy là:*

1- *Này chư Tỳ khuru, trong đời này, người có giới, người giữ gìn giới trong sạch đầy đủ trọn vẹn có được nhiều của cải lớn lao, do nhờ nhân không dễ duôi.*

- *Này chư Tỳ khuru, đó là quả báu thứ nhất của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch đầy đủ trọn vẹn.*

2- *Này chư Tỳ khuru, còn điều này, người có giới, người giữ gìn giới đầy đủ trong sạch trọn vẹn có được danh thơm tiếng tốt lan truyền khắp mọi nơi.*

- *Này chư Tỳ khuru, đó là quả báu thứ nhì của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch đầy đủ trọn vẹn.*

3- *Này chư Tỳ khuru, còn điều này, người có giới, người giữ gìn giới trong sạch đầy đủ trọn vẹn có tâm dũng cảm, không rụt rè e thẹn khi đi vào nơi hội đoàn Hoàng gia, hội đoàn gia chủ, hội đoàn Samôn, hội đoàn Balamôn.*

- *Này chư Tỳ khuru, đó là quả báu thứ ba của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch đầy đủ trọn vẹn.*

4- *Này chư Tỳ khuru, còn điều này, người có giới, người giữ gìn giới trong sạch đầy đủ trọn vẹn phát sinh tâm không mê muội, tâm trí sáng suốt lúc lâm chung.*

- *Này chư Tỳ khuru, đó là quả báu thứ tư của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch đầy đủ trọn vẹn.*

5- *Này chư Tỳ khuru, còn điều này, người có giới, người giữ gìn giới trong sạch đầy đủ trọn vẹn, sau khi chết, thiện nghiệp giữ giới cho quả tái sinh cõi thiện dục giới: Cõi người, các cõi trời dục giới,...*

- *Này chư Tỳ khuru, đó là quả báu thứ năm của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch đầy đủ trọn vẹn.*

— *Này chư Tỳ khuru, đó là 5 quả báu của người có giới, người giữ gìn giới trong sạch đầy đủ trọn vẹn như vậy.*

Quả Nghiệp Của Mỗi Giới

Ngũ giới có 5 điều giới, mà mỗi điều giới có đối tượng khác nhau, nên cách phạm mỗi điều giới, cách tạo ác nghiệp của mỗi điều giới khác nhau. Và cách giữ gìn mỗi điều giới, cách tạo thiện nghiệp của mỗi điều giới cũng khác nhau. Do đó, quả ác nghiệp của mỗi điều giới, và quả thiện nghiệp của mỗi điều giới khác nhau.

1- Sự Sát Sinh

Sự sát sinh liên quan đến sinh mạng của chúng sinh, có thể tạo nên 2 loại nghiệp:

- *Người phạm điều giới sát sinh là giết hại chúng sinh, tạo nên ác nghiệp sát sinh.*

- *Người giữ giới tránh xa sự sát sinh, không sát sinh, tạo nên thiện nghiệp không sát sinh.*

Quả của ác nghiệp sát sinh và quả của thiện nghiệp không sát sinh hoàn toàn trái ngược nhau.

1. 1 Quả của ác nghiệp của người phạm điều giới sát sinh

Người nào *phạm điều giới sát sinh*, giết hại sinh mạng của chúng sinh, dù lớn dù nhỏ cũng tạo nên *ác nghiệp sát sinh*. Nếu có tội nặng, thì sau khi người ấy chết, *ác nghiệp sát sinh* ấy cho quả tái sinh trong cõi ác giới, chịu *quả khổ của ác nghiệp* ấy cho đến khi mãn quả của ác nghiệp, mới thoát được khỏi cõi ác giới.

Sau khi thoát khỏi cõi ác giới, trường hợp nếu có thiện nghiệp nào khác cho quả tái sinh trở lại làm người. Và trường hợp, nếu người nào *phạm điều giới sát sinh*, tạo ác nghiệp sát sinh có tội nhẹ, sau khi người ấy chết, ác nghiệp sát sinh ấy không có khả năng cho quả tái sinh, mà thiện nghiệp nào khác có

cơ hội cho quả tái sinh trở lại làm người; thì cả hai trường hợp này, người ấy sẽ còn phải chịu quả xấu của ác nghiệp sát sinh từ kiếp quá khứ.

Trong Chú giải *Khuddakapāṭha* giảng giải về 23 quả xấu của ác nghiệp sát sinh từ kiếp quá khứ như sau:

- 1- *Có thân hình tật nguyên.*
- 2- *Có thân hình không cân đối, xấu xí.*
- 3- *Là người chậm chạp.*
- 4- *Có lòng bàn tay, và dưới lòng bàn chân lõm sâu (không đều đặn).*
- 5- *Có thân hình xấu xí, đầy sẹo.*
- 6- *Có sắc diện tối tăm.*
- 7- *Có da thịt sần sùi.*
- 8- *Có tính hay sợ hãi.*
- 9- *Có sức khỏe yếu đuối.*
- 10- *Có lời nói lặ đi lặ lại, không suôn sẻ.*
- 11- *Bị mọi người ghét bỏ.*
- 12- *Có những bộ hạ tùy tùng bị chia rẽ.*
- 13- *Có tính hay giết mình, hoảng sợ.*
- 14- *Thường bị tai nạn do khí giới, thuốc độc...*
- 15- *Là người si mê, ngu dốt.*
- 16- *Có rất ít bạn bè.*
- 17- *Có thân hình dị hợm, đáng ghê sợ.*
- 18- *Có thân hình kỳ dị.*

- 19- *Hay bệnh hoạn ốm đau.*
- 20- *Thường sầu não, lo sợ.*
- 21- *Con cháu thường xa lánh.*
- 22- *Mỗi kiếp thường bị chết yểu.*
- 23- *Bị chết do người khác giết.*

Đó là 23 quả xấu của ác nghiệp sát sinh từ trong kiếp quá khứ.

1. 2 Quả của thiện nghiệp của người giữ điều giới không sát sinh

Người nào giữ gìn ngũ giới trong sạch và trọn vẹn, trong đó có điều giới “*có tác ý tránh xa sự sát sinh*”; sau khi người ấy chết, *thiện nghiệp không sát sinh* ấy cho quả tái sinh làm vị thiên nam hoặc thiên nữ trong cõi trời dục giới, hưởng mọi sự an lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Sau khi chết tại cõi trời ấy, nếu trường hợp *thiện nghiệp không sát sinh* cho quả tái sinh trở lại làm người trong cõi người. Và trường hợp, nếu sau khi người ấy chết, *thiện nghiệp không sát sinh* không cho quả tái sinh lên cõi trời dục giới, mà lại cho quả tái sinh trở lại làm người trong cõi người; thì cả hai trường hợp này, người ấy sẽ có được quả báu tốt của thiện nghiệp không sát sinh từ kiếp quá khứ đáng hài lòng hoan hỷ.

Trong Chú giải *Khuddakapātha* giảng giải 23 quả báu của thiện nghiệp không sát sinh từ kiếp quá khứ như sau:

- 1- *Có thân hình không tật nguyên, đầy đủ các bộ phận lớn nhỏ trong cơ thể.*
- 2- *Có thân hình cân đối xinh đẹp.*
- 3- *Là người nhanh nhẹn.*
- 4- *Có lòng bàn tay, lòng bàn chân đầy đặn.*
- 5- *Có thân hình xinh đẹp, không tỳ vết.*
- 6- *Có da thịt mềm mại, hồng hào.*

- 7- *Có thân hình sạch sẽ, trong sáng.*
- 8- *Có tâm dũng cảm, không sợ hãi.*
- 9- *Có sức khỏe dồi dào.*
- 10- *Có giọng nói thanh tao, lời nói ngọt ngào, suôn sẻ.*
- 11- *Được mọi người quý mến.*
- 12- *Có bộ hạ tùy tùng, bạn bè đoàn kết gắn bó thương yêu nhau.*
- 13- *Thân tâm được an lạc tự tại, không hoảng sợ.*
- 14- *Không bị tai nạn do khí giới, thuốc độc*
- 15- *Có trí tuệ sáng suốt.*
- 16- *Có nhiều bạn bè thân thiết.*
- 17- *Có thân hình đẹp đẽ, đáng quý mến.*
- 18- *Có các bộ phận lớn nhỏ trong thân thể cân đối đẹp đẽ.*
- 19- *Là người ít bệnh hoạn ốm đau.*
- 20- *Là người có tâm thường an lạc.*
- 21- *Là người thường được sống gần gũi với con cháu yêu quý.*
- 22- *Là người được trường thọ, sống lâu.*
- 23- *Không có một ai có thể mưu sát được.*

Đó là 23 quả báu tốt của thiện nghiệp không sát sinh từ trong kiếp quá khứ.

2- Sự Trộm Cắp

Sự trộm cắp liên quan đến của cải tài sản của người khác, có thể tạo nên 2 loại nghiệp:

- Người *phạm điều giới trộm cắp* của cải tài sản của người khác, tạo nên *ác nghiệp trộm cắp*.
- Người *giữ giới tránh xa sự trộm cắp*, không trộm cắp, tạo nên *thiện nghiệp không trộm cắp*.

Quả của ác nghiệp trộm cắp và quả của thiện nghiệp không trộm cắp hoàn toàn trái ngược nhau.

2. 1 Quả ác nghiệp của người phạm điều giới trộm cắp

Người nào *phạm điều giới trộm cắp* của cải tài sản của người khác dù ít dù nhiều cũng tạo nên *ác nghiệp trộm cắp*. Nếu có tội nặng, thì sau khi người ấy chết, *ác nghiệp trộm cắp* cho quả tái sinh trong cõi ác giới, chịu *quả khổ của ác nghiệp* ấy cho đến khi mãn quả của ác nghiệp, mới thoát được khỏi cõi ác giới.

Sau khi thoát khỏi cõi ác giới, trường hợp nếu có thiện nghiệp nào cho quả tái sinh trở lại làm người. Và trường hợp, nếu người nào *phạm điều giới trộm cắp*, tạo nên ác nghiệp trộm cắp có tội nhẹ, sau khi người ấy chết, ác nghiệp trộm cắp ấy không có khả năng cho quả tái sinh, mà thiện nghiệp nào khác cho quả tái sinh trở lại làm người; thì cả hai trường hợp này, người ấy sẽ còn phải chịu quả xấu của ác nghiệp trộm cắp từ kiếp quá khứ.

Trong Chú giải *Khuddakapāṭha* giảng giải về 11 quả xấu của ác nghiệp trộm cắp từ kiếp quá khứ như sau:

- 1- *Không thể có những thứ của cải quý giá.*
- 2- *Thiếu thốn những nhu yếu phẩm như lúa gạo, tiền bạc, đồ dùng, v.v...*
- 3- *Là người nghèo khổ túng thiếu của cải.*
- 4- *Không phát triển được những thứ của cải mới.*
- 5- *Khi làm ra được của cải quý giá, thì không giữ gìn được lâu dài.*
- 6- *Không thể có được thứ của cải mà mình mong muốn.*
- 7- *Khi có được của cải, thì thường bị thiệt hại do lửa thiêu cháy, do nước lũ cuốn trôi, do kẻ trộm cướp chiếm đoạt, do nhà Vua tịch thu...*

- 8- *Của cải được phát triển, thì cũng liên quan đến nhiều người, không riêng cho mình được.*
- 9- *Là người không thể nào chứng đắc được pháp Siêu tam giới (4 Thánh Đạo + 4 Thánh Quả và Niết Bàn).*
- 10- *Là người thường nghe đến danh từ 'không có'.*
- 11- *Là người sống không được an lạc.*

Đó là 11 quả xấu của ác nghiệp trộm cắp từ kiếp quá khứ.

2. 2 Quả thiện nghiệp của người giữ điều giới không trộm cắp

Người nào giữ gìn ngũ giới trong sạch và trọn vẹn, trong đó có điều giới “*có tác ý tránh xa sự trộm cắp*”; sau khi người ấy chết, thiện nghiệp *không trộm cắp* ấy cho quả tái sinh làm vị thiên nam hoặc thiên nữ trong cõi trời dục giới, hưởng mọi sự an lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Sau khi chết tại cõi trời ấy, nếu trường hợp *thiện nghiệp không trộm cắp* cho quả tái sinh trở lại làm người trong cõi người. Và trường hợp, nếu sau khi người ấy chết, *thiện nghiệp không trộm cắp* không cho quả tái sinh lên cõi trời dục giới, mà lại cho quả tái sinh trở lại làm người trong cõi người; thì cả hai trường hợp này, người ấy sẽ có được quả báu tốt của thiện nghiệp không trộm cắp từ kiếp quá khứ đáng hài lòng hoan hỷ.

Trong Chú giải *Khuddakapātha* giảng giải về 11 quả báu của thiện nghiệp không trộm cắp từ kiếp quá khứ như sau:

- 1- *Là người có nhiều của cải quý giá, giàu sang.*
- 2- *Có đầy đủ của cải, tài sản như lúa gạo, vàng bạc, châu báu,...*
- 3- *Là người có nhiều của cải, tài sản lớn lao, giàu sang phú quý, tiêu dùng không sao hết được.*
- 4- *Của cải nào chưa phát sinh, thì của cải ấy sẽ được phát sinh và càng phát triển nhiều.*

5- *Những thứ của cải quý giá nào như vàng bạc, ngọc ngà, châu báu, ... đã có rồi, thì những thứ của cải quý giá ấy được giữ gìn duy trì bền vững lâu dài.*

6- *Mong muốn những thứ của cải quý giá nào, thì chắc chắn mau chóng thành tựu như ý.*

7- *Những thứ của cải, tài sản lớn lao của người ấy, không bị thiệt hại do lửa thiêu cháy, do nước lũ cuốn trôi, do kẻ trộm cướp chiếm đoạt, do nhà Vua tịch thu, do người không ưa thích đoạt lấy...*

8- *Của cải được phát triển, không liên quan đến người khác, chính mình sở hữu.*

9- *Là người có thể chứng đắc được pháp Siêu tam giới (4 Thánh Đạo + 4 Thánh Quả và Niết Bàn).*

10- *Là người không thường nghe đến danh từ 'không có', bởi vì muốn thứ nào, thì có ngay thứ ấy.*

11- *Là người sống được an lạc.*

Đó là 11 quả báu tốt của thiện nghiệp không trộm cắp từ trong kiếp quá khứ.

3- Sự Tà Dâm

Sự tà dâm liên quan đến tà dâm với vợ, chồng, con của người khác, có thể tạo nên 2 loại nghiệp:

- Người phạm điều giới tà dâm với vợ, chồng, con của người khác, tạo nên ác nghiệp tà dâm.

- Người giữ giới tránh xa sự tà dâm, không tà dâm với vợ, chồng, con của người khác, tạo nên thiện nghiệp không tà dâm.

Quả của ác nghiệp tà dâm và quả của thiện nghiệp không tà dâm hoàn toàn trái ngược nhau.

3.1 Quả ác nghiệp của người phạm điều giới tà dâm

Người nào phạm điều giới tà dâm với vợ, chồng, con của người khác, tạo nên ác nghiệp tà dâm. Nếu có tội nặng, thì sau khi người ấy chết, ác nghiệp

tà dâm ấy cho quả tái sinh trong cõi ác giới, chịu *quả khổ của ác nghiệp* ấy cho đến khi mãn quả của ác nghiệp, mới thoát được khỏi cõi ác giới.

Sau khi thoát khỏi cõi ác giới, trường hợp nếu có thiện nghiệp nào khác cho quả tái sinh làm người. Và trường hợp, nếu người nào *phạm điều giới tà dâm*, tạo ác nghiệp, có tội nhẹ, thì sau khi người ấy chết, ác nghiệp tà dâm ấy không có khả năng cho quả tái sinh, mà thiện nghiệp nào khác cho quả tái sinh trở lại làm người; thì cả hai trường hợp này, người ấy sẽ còn phải chịu quả xấu của ác nghiệp tà dâm từ kiếp quá khứ.

Trong Chú giải *Khuddakapāṭha* giảng giải về 20 quả xấu của ác nghiệp tà dâm từ kiếp quá khứ như sau:

- 1- *Là người có nhiều người oan trái.*
- 2- *Là người có nhiều người thù ghét.*
- 3- *Là người nghèo khổ, thiếu thốn.*
- 4- *Là người ngủ không được an lạc.*
- 5- *Là người thức không được an lạc.*
- 6- *Là người không tránh khỏi 4 cõi ác giới (địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh).*
- 7- *Là người ái nam, ái nữ (không phải đàn ông, cũng không phải đàn bà).*
- 8- *Là người có tính hay nóng giận.*
- 9- *Là người sinh vào dòng họ thấp hèn, hạng người thấp hèn.*
- 10- *Là người có tính không minh bạch, hay che giấu tội lỗi.*
- 11- *Là người có thân hình tật nguyên, xấu xí.*
- 12- *Là người có sắc diện mặt mày sầu não, khổ tâm.*
- 13- *Là người bị mọi người coi thường khinh bỉ, không tin tưởng.*
- 14- *Là người khuyết tật: Đui mù, câm điếc,...*

- 15- *Sinh làm người đàn bà (tiền kiếp là người đàn ông).*
- 16- *Là người có nhiều chứng bệnh đáng ghê sợ.*
- 17- *Là người không biết đủ, sống khổ cực.*
- 18- *Là người sống nơi nào cũng không được an lạc.*
- 19- *Là người gặp nhiều tai hại, oan trái với mọi người.*
- 20- *Là người sống xa người thân yêu, hay bị ruồng bỏ.*

Đó là 20 quả xấu của ác nghiệp tà dâm từ kiếp quá khứ.

3. 2 Quả thiện nghiệp của người giữ điều giới không tà dâm

Người nào giữ gìn ngũ giới trong sạch và trọn vẹn, trong đó có điều giới “*có tác ý tránh xa sự tà dâm*”; sau khi người ấy chết, thiện nghiệp *không tà dâm* ấy cho quả tái sinh làm vị thiên nam hoặc thiên nữ trong cõi trời dục giới, hưởng mọi sự an lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Sau khi chết tại cõi trời ấy, nếu trường hợp *thiện nghiệp không tà dâm* cho quả tái sinh trở lại làm người trong cõi người. Và trường hợp, nếu sau khi người ấy chết, *thiện nghiệp không tà dâm* không cho quả tái sinh lên cõi trời dục giới, mà lại cho quả tái sinh trở lại làm người trong cõi người; thì cả hai trường hợp này người ấy sẽ có được quả báu tốt của thiện nghiệp không tà dâm từ kiếp quá khứ đáng hài lòng hoan hỷ.

Trong Chú giải *Khuddakapāṭha* giảng giải về 20 quả báu tốt của thiện nghiệp không tà dâm từ kiếp quá khứ như sau:

- 1- *Là người không có người oan trái.*
- 2- *Là người được mọi người thương yêu quý mến.*
- 3- *Là người có nhiều của cải giàu sang phú quý.*
- 4- *Là người ngủ được an lạc.*
- 5- *Là người thức được an lạc.*

- 6- *Là người có thể tránh được 4 cõi ác giới (địa ngục, atula, nga quý, súc sinh).*
- 7- *Sinh làm người đàn ông hoàn toàn 100%.*
- 8- *Là người có tính ôn hòa, ít nóng giận.*
- 9- *Là người sinh ra trong dòng họ cao quý, có tính khiêm nhường.*
- 10- *Là người có tính minh bạch rõ ràng, không che giấu tội lỗi.*
- 11- *Là người không có tật nguyền, có thân hình xinh đẹp, đáng ngưỡng mộ.*
- 12- *Là người có sắc diện trong sáng.*
- 13- *Là người được mọi người tin tưởng.*
- 14- *Là người có ngũ quan (5 giác quan của con người) đầy đủ và tốt đẹp.*
- 15- *Là người có tư cách đáng kính.*
- 16- *Là người không có những chứng bệnh đáng ghê sợ.*
- 17- *Là người có trí tuệ, đời sống được an lạc.*
- 18- *Là người sống nơi nào cũng được an lạc.*
- 19- *Là người không có tai hại, không có người gây oan trái.*
- 20- *Là người thường được sống gần gũi với người thân yêu.*

Đó là 20 quả báu tốt của thiện nghiệp không tà dâm từ kiếp quá khứ.

4- Sự Nói Dối

Sự nói dối liên quan đến nói lời không chân thật, lừa dối,... có thể tạo nên 2 loại nghiệp:

- Người phạm điều giới nói dối gây ra thiệt hại đến người khác, tạo nên ác nghiệp nói dối.

- Người giữ giới tránh xa sự nói dối, không nói dối, tạo nên *thiện nghiệp không nói dối*.

Quả của ác nghiệp nói dối và quả của thiện nghiệp không nói dối hoàn toàn trái ngược nhau.

4. 1 Quả ác nghiệp của người phạm điều giới nói dối

Người nào *phạm điều giới nói dối* gây ra sự thiệt hại dù ít dù nhiều cũng tạo nên *ác nghiệp nói dối*. Nếu có tội nặng, thì sau khi người ấy chết, *ác nghiệp nói dối* cho quả tái sinh trong cõi ác giới, chịu *quả khổ của ác nghiệp* ấy cho đến khi mãn quả của ác nghiệp, mới thoát được khỏi cõi ác giới.

Sau khi thoát khỏi cõi ác giới, trường hợp nếu có thiện nghiệp nào khác cho quả tái sinh trở lại làm người. Và trường hợp, nếu người nào *phạm điều giới nói dối*, tạo ác nghiệp, có tội nhẹ, thì sau khi người ấy chết, ác nghiệp nói dối ấy không có khả năng cho quả tái sinh, mà thiện nghiệp nào khác cho quả tái sinh trở lại làm người; thì cả hai trường hợp này, người ấy sẽ còn phải chịu quả xấu của ác nghiệp nói dối từ kiếp quá khứ.

Trong Chú giải *Khuddakapāṭha* giảng giải về 14 quả xấu của ác nghiệp nói dối từ kiếp quá khứ như sau:

- 1- Là người có ngũ quan (5 giác quan của con người) không trong sáng.
- 2- Là người có giọng nói không rõ, khó nghe.
- 3- Là người có đôi hàm răng không đều đặn, xấu xí.
- 4- Là người có thân hình quá mập, dị kỳ.
- 5- Là người có thân hình quá ốm, tong teo.
- 6- Là người có thân hình quá thấp, lùn tịt.
- 7- Là người có thân hình quá cao, lêu nghêu.
- 8- Là người có da thịt sần sùi, xấu xí.
- 9- Là người mà trong miệng thường thoát ra mùi hôi khó chịu.
- 10- Là người nói không ai tin theo.

- 11- Là người nói không ai muốn nghe.
- 12- Là người có cái lưỡi cứng và ngắn.
- 13- Là người có tâm thường thoái chí nản lòng.
- 14- Là người có tật nói cà lăm, hoặc bị câm điếc.

Đó là 14 quả xấu của ác nghiệp nói dối từ kiếp quá khứ.

4. 2 Quả thiện nghiệp của người giữ điều giới không nói dối

Người nào giữ gìn ngũ giới trong sạch và trọn vẹn, trong đó có điều giới “*có tác ý tránh xa sự nói dối*”; sau khi người ấy chết, thiện nghiệp *không nói dối* ấy cho quả tái sinh làm vị thiên nam hoặc thiên nữ trong cõi trời dục giới, hưởng mọi sự an lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Sau khi chết tại cõi trời ấy, nếu trường hợp *thiện nghiệp không nói dối* cho quả tái sinh trở lại làm người trong cõi người. Và trường hợp, nếu sau khi người ấy chết, *thiện nghiệp không nói dối* không cho quả tái sinh lên cõi trời dục giới, mà lại cho quả tái sinh trở lại làm người trong cõi người; thì cả hai trường hợp này người ấy sẽ có được quả báu tốt của thiện nghiệp không nói dối từ kiếp quá khứ đáng hài lòng hoan hỷ.

Trong Chú giải *Khuddakapātha* giảng giải về 14 quả báu tốt của thiện nghiệp không nói dối từ kiếp quá khứ như sau:

- 1- Là người có ngũ quan (5 giác quan của con người) trong sáng.
- 2- Là người có giọng nói ngọt ngào, dễ nghe.
- 3- Là người có đôi hàm răng đều đặn, đẹp đẽ.
- 4- Là người có thân hình không mập quá.
- 5- Là người có thân hình không ốm quá.
- 6- Là người có thân hình không thấp quá.
- 7- Là người có thân hình không cao quá.
- 8- Là người có da thịt mịn màng, mềm mại.

- 9- *Là người mà trong miệng có mùi thơm tho thoát ra dễ chịu như mùi hoa sen.*
- 10- *Là người nói được nhiều người tin theo, không có ai ganh tỵ.*
- 11- *Là người nói được nhiều người muốn nghe.*
- 12- *Là người có cái lưỡi mềm mỏng, màu hồng như cánh hoa sen đỏ.*
- 13- *Là người có định tâm vững vàng.*
- 14- *Là người có lời nói rõ ràng, ý nghĩa sâu sắc, được nhiều người tin tưởng và tôn trọng.*

Đó là 14 quả báu tốt của thiện nghiệp không nói dối từ kiếp quá khứ.

5- Sự Uống Rượu Và Các Chất Say

Rượu và các chất say liên quan đến uống rượu và các chất say, là nhân sinh sự dễ dãi trong mọi thiện pháp, có thể tạo nên 2 loại nghiệp:

- *Người phạm điều giới uống rượu và các chất say, tạo nên ác nghiệp do uống rượu và các chất say.*
- *Người giữ giới tránh xa sự uống rượu và các chất say, không uống rượu và các chất say, tạo thiện nghiệp do không uống rượu và các chất say.*

Quả của ác nghiệp do uống rượu và các chất say và quả của thiện nghiệp do không uống rượu và các chất say hoàn toàn trái ngược nhau.

5. 1 Quả ác nghiệp của người phạm điều giới uống rượu và các chất say

Người nào *phạm điều giới uống rượu và các chất say* dù ít dù nhiều cũng tạo nên *ác nghiệp do uống rượu và các chất say*. Nếu có tội nặng, thì sau khi người ấy chết, *ác nghiệp do uống rượu và các chất say* cho quả tái sinh trong cõi ác giới, chịu *quả khổ của ác nghiệp* ấy cho đến khi mãn quả của ác nghiệp, mới thoát được khỏi cõi ác giới.

Sau khi thoát khỏi cõi ác giới, trường hợp nếu có thiện nghiệp nào khác cho quả tái sinh trở lại làm người. Và trường hợp, nếu người nào *phạm điều giới uống rượu và các chất say*, tạo ác nghiệp, có tội nhẹ, thì sau khi người ấy chết, ác nghiệp do uống rượu và các chất say ấy không có khả năng cho quả

tái sinh, mà thiện nghiệp nào khác cho quả tái sinh trở lại làm người; thì cả hai trường hợp này người ấy sẽ còn phải chịu quả xấu của ác nghiệp do uống rượu và các chất say từ kiếp quá khứ.

Trong Chú giải *Khuddakapātha* giảng giải về 30 quả xấu của ác nghiệp do uống rượu và các chất say từ kiếp quá khứ như sau:

- 1- *Là người không biết những công việc đã làm, đang làm và sẽ làm.*
- 2- *Là người thường không có trí nhớ, hay quên mình.*
- 3- *Là người loạn trí, điên cuồng.*
- 4- *Là người không có trí tuệ.*
- 5- *Là người có tính lười biếng trong công việc.*
- 6- *Là người thường hay buồn ngủ.*
- 7- *Là người bị cảm điếc từ khi đầu thai.*
- 8- *Là người si mê, ngu dốt.*
- 9- *Là người khó nhớ, dễ quên.*
- 10- *Là người có sự hiểu biết kém cỏi, dốt nát.*
- 11- *Là người có thân hình nặng nề chậm chạp.*
- 12- *Là người thường bị tai nạn.*
- 13- *Là người sâu não, khổ tâm.*
- 14- *Là người hay nói làm nhảm.*
- 15- *Là người hay nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích.*
- 16- *Là người có tính biếng nhác ngày đêm trong công việc nặng, nhẹ.*
- 17- *Là người không biết ơn và không biết đền ơn đối với người ân nhân của mình.*

- 18- Là người không biết công việc đã làm xong.
- 19- Là người keo kiệt, bủn xỉn.
- 20- Là người không thích làm phước thiện bố thí đến cho người khác.
- 21- Là người không có giới, hoặc phạm điều giới.
- 22- Là người không chân thật, không ngay thẳng.
- 23- Là người hay sinh tâm sân hận.
- 24- Là người không biết hổ thẹn tội lỗi, khi làm ác.
- 25- Là người không biết ghê sợ tội lỗi, khi làm ác.
- 26- Là người có tà kiến hiểu lầm, chấp làm trong mọi đối tượng.
- 27- Là người dám tạo mọi tội ác.
- 28- Là người không có trí tuệ, không hiểu rõ chân lý.
- 29- Là người không thể phát sinh trí tuệ.
- 30- Là người không biết phân biệt được sự lợi, sự hại, điều chánh, lẽ tà.

Đó là 30 quả xấu của ác nghiệp do uống rượu và các chất say từ kiếp quá khứ.

5. 2 Quả thiện nghiệp của người giữ điều giới không uống rượu và các chất say

Người nào giữ gìn ngũ giới trong sạch và trọn vẹn, trong đó có điều giới “***có tác ý tránh xa sự uống rượu và các chất say***”; sau khi người ấy chết, *thiện nghiệp do không uống rượu và các chất say* ấy cho quả tái sinh làm vị thiên nam hoặc thiên nữ trong cõi trời dục giới, hưởng mọi sự an lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

Sau khi chết ở cõi trời ấy, nếu trường hợp *thiện nghiệp do không uống rượu và các chất say* ấy cho quả tái sinh làm người trong cõi người. Và trường hợp, nếu sau khi người ấy chết, *thiện nghiệp do không uống rượu và các chất say* không cho quả tái sinh lên cõi trời dục giới, mà lại cho quả tái sinh

trở lại làm người trong cõi người; thì cả hai trường hợp này người ấy sẽ có được quả báu tốt của thiện nghiệp do không uống rượu và các chất say từ kiếp quá khứ đáng hài lòng hoan hỷ.

Trong Chú giải *Khuddakapātha* giảng giải về 30 quả báu tốt của thiện nghiệp do không uống rượu và các chất say từ kiếp quá khứ như sau:

- 1- *Là người có trí tuệ sáng suốt, hiểu biết mau lẹ những công việc đã làm, đang làm và sẽ làm.*
- 2- *Là người thường có trí nhớ.*
- 3- *Là người không loạn trí, điên cuồng.*
- 4- *Là người có trí tuệ, thông minh, nhạy bén.*
- 5- *Là người có sự tinh tấn không ngừng.*
- 6- *Là hạng người có tam nhân (vô tham, vô sân, vô si) từ khi đầu thai.*
- 7- *Là người không bị cảm điếc, ... từ khi đầu thai.*
- 8- *Là người có trí tuệ sáng suốt, không mê muội.*
- 9- *Là hạng người không dễ duôi trong mọi thiện pháp.*
- 10- *Là hạng người đa văn túc trí, học nhiều hiểu rộng.*
- 11- *Là người có thân hình đầy đủ, cân đối các bộ phận lớn nhỏ xinh đẹp.*
- 12- *Là người ít gặp tai nạn.*
- 13- *Là người ít có sầu não, khổ tâm.*
- 14- *Là người thường nói lời chân thật, đáng tin.*
- 15- *Là người không nói lời chia rẽ, không nói lời thô tục, không nói lời vô ích.*
- 16- *Là người có sự tinh tấn không ngừng ngày đêm trong mọi công việc thiện.*

- 17- Là người có lòng biết ơn và biết đền ơn đối với người ân nhân của mình.
- 18- Là người hiểu biết những công việc đã làm.
- 19- Là người không có tính keo kiệt, bủn xỉn của cải của mình.
- 20- Là người có tâm hoan hỷ trong việc làm phước bố thí của cải đến cho người khác.
- 21- Là người có giới đầy đủ và trọn vẹn.
- 22- Là người trung thực với mình và mọi người.
- 23- Là người ít sinh tâm sân hận .
- 24- Là người biết hổ thẹn tội lỗi, không dám làm điều ác.
- 25- Là người biết ghê sợ tội lỗi, không dám làm điều ác.
- 26- Là người có chánh kiến thấy đúng, có khả năng thấy rõ, biết rõ thực tánh của các pháp.
- 27- Là người có nhiều phước thiện cao thượng.
- 28- Là người có nhiều trí tuệ, hiểu biết các pháp.
- 29- Là bậc thiện trí hiểu biết phân biệt được điều lợi, điều hại, điều chánh, lẽ tà,
- 30- Là bậc thiện trí biết sự lợi ích kiếp hiện tại, sự lợi ích kiếp vị lai, sự lợi ích Tối Thượng Niết Bàn.

Đó là 30 quả báu tốt của thiện nghiệp do không uống rượu và các chất say từ kiếp quá khứ.

Nhận Xét Về Nghiệp Và Quả Của Nghiệp Ngũ Giới

Ngũ giới có 5 điều giới, là **thường giới (nīcassīla)** đối với tất cả mọi người, không phân biệt tôn giáo, dân tộc, người có thọ trì ngũ giới hoặc người không có thọ trì ngũ giới. Hễ người nào phạm điều giới nào, thì người ấy đã

tạo nên ác nghiệp điều giới ấy. Và hễ người nào giữ gìn ngũ giới trong sạch và đầy đủ trọn vẹn, thì người ấy đã tạo nên thiện nghiệp của mỗi giới.

* **Ác nghiệp và quả của ác nghiệp ngũ giới**

— Nếu ác nghiệp cho quả trong kiếp hiện tại, thì người ấy phải chịu khổ do bị mất mát nhiều của cải, do tiếng xấu lan truyền mọi nơi, tâm sợ sệt, rụt rè,...

— Nếu ác nghiệp có cơ hội cho quả tái sinh kiếp sau, thì sẽ tái sinh trong 4 cõi ác giới (địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh) phải chịu quả khổ của ác nghiệp của mình đã tạo trong kiếp quá khứ, cho đến khi mãn quả của ác nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi ác giới.

— **Ác nghiệp trọng tội (*akusalagarukakamma*)** là ác nghiệp *giết mẹ, giết cha, giết bậc Thánh Arahán*, thuộc về **ác nghiệp vô gián (*ānantariyakamma*)**. Nếu người nào phạm ác nghiệp vô gián nào, thì sau khi chết, chắc chắn ác nghiệp vô gián ấy cho quả tái sinh kiếp sau kế tiếp trong cõi đại địa ngục Avīci, mà không có nghiệp nào khác có thể ngăn cản được, phải chịu quả khổ thiêu đốt suốt thời gian lâu dài trong đại địa ngục ấy, cho đến khi mãn quả của ác nghiệp.

* **Thiện nghiệp và quả của thiện nghiệp ngũ giới**

— Nếu thiện nghiệp ngũ giới cho quả trong kiếp hiện tại, thì người ấy được an lạc do có được nhiều của cải, có tiếng tốt lành lan truyền khắp mọi nơi, có tâm dũng cảm không sợ sệt, rụt rè...

— Nếu thiện nghiệp ngũ giới có cơ hội cho quả tái sinh kiếp sau, thì sẽ tái sinh làm người trong cõi người, hoặc tái sinh làm thiên nam (hoặc thiên nữ) trong 6 cõi trời dục giới, hưởng quả an lạc của thiện nghiệp mà mình đã tạo trong những tiền kiếp quá khứ, cho đến hết tuổi thọ.

Trường hợp thiện nghiệp ngũ giới cho quả trong cõi người, có 2 thời kỳ:

— **Thời kỳ tái sinh (*paṇisandhikāla*)** đó là *sát-na đại quả tâm* đầu tiên đầu thai vào lòng mẹ cùng với 3 sắc pháp: *Thân (*kāya*)*, *sắc nam tính* hoặc *sắc nữ tính (*bhava*)* và *sắc ý căn (*hadayavatthu*)* tạo thành *ngũ uẩn* đầu tiên.

— **Thời kỳ kiếp hiện hữu (*pavattikāla*)** đó là khoảng thời gian kể từ sau khi đã tái sinh, thai nhi được phát triển và tăng trưởng trong bụng người mẹ,

đến ngày sinh ra đời và duy trì sinh mạng kiếp sống hiện tại cho đến lúc chết.

Trong khoảng thời kỳ sau khi đã tái sinh, kiếp hiện hữu của mỗi người, tất cả mọi thiện nghiệp, mọi ác nghiệp đã được tích lũy từ vô số kiếp trong quá khứ cho đến kiếp hiện tại này, nếu nghiệp nào có cơ hội cho quả thì nghiệp ấy cho quả của nó. Cho nên, khi thì thiện nghiệp cho quả an lạc; khi thì ác nghiệp cho quả khổ, trong suốt khoảng thời kỳ kiếp hiện hữu này.

Trong bộ Chú giải *Khuddakapāṭha* có giảng giải về nghiệp và quả nghiệp ngũ giới như sau:

Hễ phạm điều giới nào thì tạo ác nghiệp điều giới ấy và chịu quả xấu của ác nghiệp ấy.

Hễ giữ gìn điều giới nào trong sạch thì tạo thiện nghiệp điều giới ấy và hưởng quả tốt lành của thiện nghiệp ấy.

Quả của thiện nghiệp, ác nghiệp hoàn toàn trái ngược với nhau, được tóm lược như sau:

1- Sự Sát Sinh

a) Phạm điều giới sát sinh, thì tạo nên ác nghiệp sát sinh và quả của ác nghiệp sát sinh có 23 điều xấu.

b) Giữ gìn điều giới tránh xa sự sát sinh, thì tạo nên thiện nghiệp không sát sinh và quả của thiện nghiệp không sát sinh có 23 điều tốt.

2- Sự Trộm Cắp

a) Phạm điều giới trộm cắp, thì tạo nên ác nghiệp trộm cắp và quả của ác nghiệp trộm cắp có 11 điều xấu.

b) Giữ gìn điều giới tránh xa sự trộm cắp, thì tạo nên thiện nghiệp không trộm cắp và quả của thiện nghiệp không trộm cắp có 11 điều tốt.

3- Sự Tà Dâm

a) Phạm điều giới tà dâm, thì tạo nên ác nghiệp tà dâm và quả của ác nghiệp tà dâm có 20 điều xấu.

b) Giữ gìn điều giới tránh xa sự tà dâm, thì tạo nên thiện nghiệp không tà dâm và quả của thiện nghiệp không tà dâm có 20 điều tốt.

4- Sự Nói Dối

a) Phạm điều giới nói dối, thì tạo nên ác nghiệp nói dối và quả của ác nghiệp nói dối có 14 điều xấu.

b) Giữ gìn điều giới tránh xa sự nói dối, thì tạo nên thiện nghiệp không nói dối và quả của thiện nghiệp không nói dối có 14 điều tốt.

5- Sự Uống Rượu Và Các Chất Say

a) Phạm điều giới uống rượu và các chất say, thì tạo nên ác nghiệp do uống rượu và các chất say và quả của ác nghiệp do uống rượu và các chất say có 30 điều xấu.

b) Giữ gìn điều giới tránh xa sự uống rượu và các chất say, thì tạo nên thiện nghiệp do không uống rượu và các chất say và quả của thiện nghiệp do không uống rượu và các chất say có 30 điều tốt.

(đã trình bày trong phần trước)

Như vậy, kiếp sống của mỗi người như thế nào, khổ hoặc an lạc, giàu hoặc nghèo, đại trí hoặc thiếu trí, có thân hình đẹp hoặc xấu, v.v... hoàn toàn tùy thuộc vào quả của nghiệp mà chính mình đã tạo từ vô số kiếp trong quá khứ cho đến kiếp hiện tại này.

Cho nên, vấn đề ***nghiệp và quả của nghiệp*** chỉ cần có *đức tin (saddhā)* mà thôi, không thể sử dụng *trí tuệ (paññā)* mà tư duy quán xét về nghiệp và quả của nghiệp, bởi vì nghiệp và quả của nghiệp là 1 trong 4 điều *bất khả tư nghì (acinteyya)* mà Đức Phật đã dạy cho các hàng Thanh Văn đệ tử. Thật ra, chỉ có Đức Phật Toàn Giác mới có khả năng thấy rõ, biết rõ nghiệp và quả của nghiệp của chúng sinh mà thôi, còn các bậc Thanh Văn, dù là bậc Thánh Arahán cũng không thể biết rõ mọi nghiệp và quả của nghiệp của tất cả chúng sinh được.

Cho nên, đối với các hàng Thanh Văn cần phải có đức tin rằng:

“*Kammassako ’mhi kammadāyādo kammayoni kammabandhu
kammappa□isara□o, ya□kamma□karissāmi kalyāna□vā pāpaka□vā,
tassa dāyādo bhavissāmi*” [\[16\]](#) .

(*Ta có nghiệp là của riêng, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào: “Thiện nghiệp hoặc ác nghiệp”, ta sẽ là người thừa hưởng quả của thiện nghiệp hoặc ác nghiệp ấy*).

Người nào có đức tin nơi nghiệp và quả của nghiệp, người ấy thuộc hạng người có **chánh kiến về nghiệp của mình** (*kammassakatā sammādi□□hi*)

Người nào không có đức tin nơi nghiệp và quả của nghiệp, mà tin nơi không đáng tin, người ấy thuộc hạng **người tà kiến**.

Nghiệp và quả của nghiệp rất công bằng, nếu nghiệp nào có cơ hội cho quả, thì nghiệp ấy cho quả của nó, mà không hề thiên vị một ai, thậm chí cả Đức Phật và chư Thánh Arahán.

Dù ai có tin hoặc không tin nghiệp và quả của nghiệp, khi nghiệp nào có cơ hội cho quả, thì nghiệp ấy vẫn cho quả của nó một cách tự nhiên.

Đức Phật dạy câu kệ rằng:

“*Yādisa□vapate bīja□,
tādisa□harate phala□.
Kalyā□akārī kalyāna□,
pāpakārī ca pāpaka□*” [\[17\]](#)

“*Người nào gieo hạt giống thế nào,
Người ấy gặt quả như thế ấy.
Người hành thiện thì được quả thiện,
Người hành ác thì chịu quả ác*”.

Như vậy, muốn quả thiện như thế nào, thì nên tạo thiện nghiệp như thế ấy. Không muốn quả ác như thế nào, thì chớ nên tạo ác nghiệp như thế ấy. Đó là lẽ công bằng của nghiệp và quả của nghiệp. Cho nên, nghiệp và quả của nghiệp không hề thiên vị một ai cả.

Tâm Quan Trọng Của Ngũ Giới

Sự an lạc hoặc sự khổ não của mỗi người tại gia trong kiếp sống hiện tại và trong những kiếp vị lai, hoàn toàn tùy thuộc vào cơ bản ngũ giới. Cho nên, ngũ giới có một tầm quan trọng rất lớn trong đời sống của người tại gia.

Nên tìm hiểu trong bài kinh *Verasutta* [18], mà Đức Phật thuyết dạy ông phú hộ Anātha-piṇḍika, được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, ông phú hộ Anāthapiṇḍika đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn xong, ngồi một nơi hợp lẽ; khi ấy, Đức Thế Tôn thuyết dạy ông phú hộ Anāthapiṇḍika rằng:

— *Này ông phú hộ, người tại gia chưa từ bỏ được 5 điều oan trái gọi là người **không có giới, người phạm điều giới**, sẽ tái sinh trong cõi địa ngục.*

5 điều oan trái ấy như thế nào?

5 điều oan trái ấy là sự sát sinh, sự trộm cắp, sự tà dâm, sự nói dối, sự uống rượu và các chất say là nhân sinh dễ duôi trong mọi thiện pháp.

— *Này ông phú hộ, người tại gia chưa từ bỏ được 5 điều oan trái này, gọi là người **không có giới, người phạm điều giới**, sẽ tái sinh trong cõi địa ngục.*

— *Này ông phú hộ, người tại gia đã từ bỏ được 5 điều oan trái này, gọi là người **có giới**, sẽ tái sinh cõi thiện dục giới* [19].

5 điều oan trái ấy như thế nào?

5 điều oan trái ấy là sự sát sinh, sự trộm cắp, sự tà dâm, sự nói dối, sự uống rượu và các chất say là nhân sinh dễ duôi trong mọi thiện pháp.

— *Này ông phú hộ, người tại gia đã từ bỏ được 5 điều oan trái này, gọi là người **có giới**, sẽ tái sinh trong cõi thiện dục giới.*

- *Này ông phú hộ, người tại gia phạm tội **sát sinh**, thì sẽ gặp điều tai hại, oan trái cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp trong vị lai, sẽ chịu cảnh khổ thân, khổ tâm, bởi vì nguyên nhân **sát sinh**.*

Người tại gia đã tránh xa sự **sát sinh**, thì sẽ không gặp tai hại, oan trái ấy cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp trong vị lai, sẽ không bị khổ thân, khổ tâm, bởi vì đã tránh xa sự **sát sinh** là tránh được tai hại, oan trái ấy.

- Nay ông phú hộ, người tại gia phạm tội **trộm cắp**, thì sẽ gặp điều tai hại, oan trái cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp trong vị lai, sẽ chịu cảnh khổ thân, khổ tâm, bởi vì nguyên nhân **trộm cắp**.

Người tại gia đã tránh xa sự **trộm cắp**, thì sẽ không gặp tai hại, oan trái ấy cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp trong vị lai, sẽ không bị khổ thân, khổ tâm, bởi vì đã tránh xa sự **trộm cắp** là tránh được tai hại, oan trái ấy.

- Nay ông phú hộ, người tại gia phạm tội **tà dâm**, thì sẽ gặp điều tai hại, oan trái cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp trong vị lai, sẽ chịu cảnh khổ thân, khổ tâm, bởi vì nguyên nhân **tà dâm**.

Người tại gia đã tránh xa sự **tà dâm**, thì sẽ không gặp tai hại, oan trái ấy cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp trong vị lai, sẽ không bị khổ thân, khổ tâm, bởi vì đã tránh xa sự **tà dâm** là tránh được tai hại, oan trái ấy.

- Nay ông phú hộ, người tại gia phạm tội **nói dối**, thì sẽ gặp điều tai hại, oan trái cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp trong vị lai, sẽ chịu cảnh khổ thân, khổ tâm, bởi vì nguyên nhân **nói dối**.

Người tại gia đã tránh xa sự **nói dối**, thì sẽ không gặp tai hại, oan trái ấy cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp trong vị lai, sẽ không bị khổ thân, khổ tâm, bởi vì đã tránh xa sự **nói dối** là tránh được tai hại, oan trái ấy.

- Nay ông phú hộ, người tại gia phạm tội **uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp**, thì sẽ gặp điều tai hại, oan trái cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp trong vị lai, sẽ chịu cảnh khổ thân, khổ tâm, bởi vì nguyên nhân **uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp**.

Người tại gia đã tránh xa sự **uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp**, thì sẽ không gặp tai hại, oan trái ấy cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp trong vị lai, sẽ không bị khổ thân, khổ tâm, bởi vì đã tránh xa sự **uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp** là tránh được tai hại, oan trái ấy.

Đức Phật thuyết bài kệ:

“Người nào trong đời tạo ác nghiệp.
Sát hại sinh mạng của chúng sinh,
Trộm cắp tài sản của người khác,
Thường nói dối không biết hổ thẹn,
Tà dâm với vợ, chồng người khác,
Thường uống rượu và các chất say,
Người ấy chưa tránh năm oan trái.
Gọi là người ác không có giới,
Là người si mê trước lúc chết,
Sẽ tái sinh trong cõi địa ngục.
Người nào trong đời tạo thiện nghiệp.
Không sát hại sinh mạng chúng sinh,
Không trộm cắp của cải người khác,
Không tà dâm với vợ, chồng người,
Không uống rượu và các chất say,
Người ấy đã tránh năm oan trái.
Gọi là người thiện trí có giới,
Có trí tuệ trước lúc lâm chung,
Sẽ tái sinh cõi thiện dục giới”.

Người Ác - Người Thiện

Danh từ **người ác - người thiện** được chế định ra để gọi do căn cứ vào *ngũ giới* và *nghiệp*. Người nào phạm *ngũ giới*, tạo ác nghiệp người ấy bị gọi là **người ác**.

Và người nào giữ gìn *ngũ giới* trong sạch trọn vẹn, tạo thiện nghiệp người ấy được gọi là **người thiện**.

Người nào tự mình phạm *ngũ giới*, tạo nên ác nghiệp, còn động viên, sai khiến người khác cùng phạm *ngũ giới*, tạo ác nghiệp, người ấy bị gọi là **người ác hơn người ác**.

Và người nào tự mình giữ gìn *ngũ giới* trong sạch, tạo thiện nghiệp, còn động viên khuyến khích người khác cùng giữ gìn *ngũ giới* trong sạch, tạo thiện nghiệp, người ấy được gọi là **người thiện hơn người thiện**.

Trong bài kinh *Sikkhapadasutta* [20], Đức Phật dạy rằng:

— “*Này chư Tỳ khuru, Như Lai sẽ thuyết giảng về người ác, và người ác hơn người ác; người thiện, và người thiện hơn người thiện. Các con hãy lắng nghe, nên chú tâm lắng nghe*”.

Chư Tỳ khuru vâng lời Đức Thế Tôn, chú tâm lắng nghe lời giáo huấn của Đức Thế Tôn.

* **Người ác - người ác hơn người ác:**

Đức Thế Tôn dạy rằng:

— “*Này chư Tỳ khuru, thế nào gọi là người ác?*”

— *Này chư Tỳ khuru, trong đời này, số người là người sát sinh, người trộm cắp, người tà dâm, người nói dối, người uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp.*

*Này chư Tỳ khuru, Như Lai gọi số người ấy là **người ác**.*

— *Này chư Tỳ khuru, thế nào gọi là người ác hơn người ác?*

— *Này chư Tỳ khuru, trong đời này, số người tự mình sát sinh, còn động viên, khuyến khích, sai khiến người khác cùng sát sinh.*

- *Số người tự mình trộm cắp, còn động viên, khuyến khích, sai khiến người khác cùng trộm cắp.*

- *Số người tự mình tà dâm, còn động viên, khuyến khích, sai khiến người khác cùng tà dâm.*

- *Số người tự mình nói dối, còn động viên, khuyến khích, sai khiến người khác cùng nói dối.*

- *Số người tự mình uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp, còn động viên, khuyến khích, sai khiến người khác cùng uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp.*

— *Này chư Tỳ khuru, Như Lai gọi số người ấy là **người ác hơn người ác**.*

* **Người thiện - người thiện hơn người thiện:**

Đức Thế Tôn dạy rằng:

— *Này chư Tỳ khuru, thế nào gọi là người thiện?*

— *Này chư Tỳ khuru, trong đời này, số người là người tránh xa sự sát sinh, người tránh xa sự trộm cắp, người tránh xa sự tà dâm, người tránh xa sự nói dối, người tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp.*

*Này chư Tỳ khuru, Như Lai gọi số người ấy là **người thiện**.*

— *Này chư Tỳ khuru, thế nào gọi là người thiện hơn người thiện?*

— *Này chư Tỳ khuru, trong đời này, số người tự mình tránh xa sự sát sinh, còn động viên, khuyến khích người khác cùng tránh xa sự sát sinh.*

- *Số người tự mình tránh xa sự trộm cắp, còn động viên, khuyến khích người khác cùng tránh xa sự trộm cắp.*

- *Số người tự mình tránh xa sự tà dâm, còn động viên, khuyến khích người khác cùng tránh xa sự tà dâm.*

- *Số người tự mình tránh xa sự nói dối, còn động viên, khuyến khích người khác cùng tránh xa sự nói dối.*

- *Số người tự mình tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp, còn động viên, khuyến khích người khác cùng tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp.*

— *Này chư Tỳ khuru, Như Lai gọi số người ấy là **người thiện hơn người thiện**.*

Ngũ Giới Với Con Người

Ngũ giới là cơ bản của con người, những người được sinh ra trong cõi người này, chắc chắn *kiếp trước ít nhất đã có ngũ giới trong sạch và trọn vẹn*. Thật vậy, nếu kiếp trước không có giới, phạm giới, thì kiếp hiện tại này chắc chắn không thể tái sinh được làm người như thế này!

Như vậy, đã được tái sinh làm người, thì người ấy vốn dĩ có ngũ giới trong sạch đã được tích lũy từ kiếp quá khứ.

Trong kiếp hiện tại, nếu người nào không có giới, phạm giới, ***làm mất phẩm chất cao quý của con người***, thì người ấy không chỉ lãnh chịu những hậu quả tai hại trong kiếp hiện tại, mà còn phải chịu hậu quả tai hại trong nhiều kiếp vị lai, do ác nghiệp ấy cho quả tái sinh trong cõi ác giới (địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh) chịu quả khổ cho đến khi mãn quả ác nghiệp ấy, mới mong thoát khỏi cõi ác giới.

Trong kiếp hiện tại, nếu người nào giữ gìn ngũ giới trong sạch và trọn vẹn là ***giữ gìn phẩm chất cao quý của con người***, thì người ấy không những hưởng được những quả báu tốt lành trong kiếp hiện tại, mà còn hưởng được những quả báu tốt lành trong nhiều kiếp vị lai, do nhờ thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh trong cõi thiện dục giới (cõi người, cõi trời dục giới) hưởng được mọi sự an lạc trong cõi ấy; đặc biệt còn có thể tạo mọi pháp hạnh ba-la-mật để tạo duyên lành trên con đường giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài nữa.

Sự Tích Giữ Gìn Ngũ Giới

* Trích sự tích Ngài Đại đức *Pañcasīlasamādāniyatthera* [21] thuật lại chuyện tiền kiếp của Ngài, được tóm lược như sau:

Trong thời quá khứ xa xưa, khi Đức Phật Anomadassī [22] xuất hiện trên thế gian, tôi là người nghèo khổ ở trong thành Candavati, sống bằng nghề làm thuê làm mướn cho người khác. Tôi chưa có duyên lành xuất gia trở thành Tỷ khưu, nhưng tôi suy nghĩ rằng: “*Chúng sinh sống trong đời này, thường bị màng vô minh che trùm phủ kín, tôi tâm không hiểu biết được chân lý, thường bị lửa tham, sân, si thiêu đốt không ngừng, luôn luôn chịu khổ não. Ta sẽ giải thoát khổ bằng cách nào đây?*”.

Tôi vốn là người nghèo khổ, làm thuê làm mướn vừa đủ sống qua ngày, không có của cải để làm phước thiện bố thí; nên tôi suy nghĩ rằng: “*Điều tốt hơn ta nên thọ trì ngũ giới và cố gắng giữ gìn ngũ giới cho được trong sạch và trọn vẹn*”.

Suy nghĩ như vậy, tôi liền đến hầu Ngài Đại đức Nisabha, bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn đệ tử của Đức Phật Anomadassī, kính xin thọ trì ngũ giới. Ngài đã hướng dẫn tôi thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới.

Vào thời đại ấy, tuổi thọ con người khoảng 100.000 (một trăm ngàn) năm, tôi đã cố gắng giữ gìn ngũ giới hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn cho đến trọn đời. Khi sắp lâm chung (sắp chết) *tôi niệm tưởng đến ngũ giới hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn của tôi*, nên chư thiên ở cõi trời Tam Thập Tam Thiên đem một cỗ xe sang trọng gồm có 1.000 con ngựa báu đến rước. Sau khi chết, thiện nghiệp giữ ngũ giới trong sạch và trọn vẹn ấy cho quả tái sinh lên cõi trời Tam Thập Tam Thiên. Tôi đã làm Đức vua trời cõi Tam Thập Tam Thiên suốt 30 kiếp, hưởng mọi sự an lạc trong cõi trời ấy. Khi tái sinh làm người trong cõi người, tôi trở thành Đức Chuyển Luân Thánh Vương suốt 75 kiếp, và Đức vua trị vì các nước lớn trải qua nhiều kiếp không sao kể xiết.

— Ngài Đại đức *Pañcasīlasamādānīyatthera* thuật lại rằng:

Tôi đã giữ gìn ngũ giới trong sạch và trọn vẹn, từ thời kỳ Đức Phật Anomadassī cho đến kiếp hiện tại này, trải qua thời gian 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất, tôi không từng tái sinh trong 4 cõi ác giới (địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh), kiếp nào cũng tái sinh trong cõi thiện dục giới (cõi người, cõi trời). Khi tái sinh trong cõi nào, tôi cũng có địa vị cao quý, hưởng mọi sự an lạc trong cõi ấy cho đến hết tuổi thọ. Đó là do năng lực quả báu của phước thiện giữ ngũ giới hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn của tôi. Tôi còn có 3 quả báu đặc biệt là:

- Là người sống lâu trường thọ.
- Là người có địa vị cao quý, giàu sang phú quý.
- Là người có nhiều trí tuệ.

Vào thời kỳ Đức Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, tôi ở trên cõi trời dục giới, sau khi từ già cõi trời ấy, thiện nghiệp giữ gìn ngũ giới trong sạch và trọn vẹn ấy, cho quả tái sinh làm người trong gia đình thuộc dòng dõi Balamôn giàu sang phú quý trong xứ Vesālī.

Gần đến ngày nhập hạ, cha mẹ dắt dẫn tôi đến hầu đánh lễ Đức Phật, cha mẹ bảo tôi kính xin thọ phép quy y Tam Bảo và ngũ giới. Vâng lời cha mẹ, tôi kính xin thọ phép quy y Tam Bảo và ngũ giới. Khi ấy, tôi *niệm tưởng lại ngũ giới*, do năng lực của ngũ giới mà tôi đã giữ gìn trong sạch và trọn vẹn từ kiếp quá khứ xa xưa. *Chính tại nơi đang ngồi thọ trì ngũ giới ấy, tôi liền chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành bậc Thánh Arahán.* Khi ấy tôi **vừa mới lên 5 tuổi**. Đức

Phật đã biết rõ duyên lành của tôi, Ngài cho tôi xuất gia trở thành *Tỳ khuru* trong giáo pháp của Ngài.

Tôi đã giữ gìn ngũ giới trong sạch đầy đủ và trọn vẹn đến trọn đời, mà được hưởng quả báu của thiện nghiệp ngũ giới như vậy. Còn như chư vị Sadi, chư Tỳ khuru, chư bậc Thánh Thanh Văn đệ tử của Phật có rất nhiều điều giới, thì quả báu của thiện nghiệp giữ giới nhiều biết dường nào kể xiết được.

Những Sự Tích Liên Quan Mỗi Giới

1- Sự tích người phạm điều giới sát sinh

Trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế gian, một *cận sự nam tên Mahākāla* là bậc Thánh Nhập Lưu, bị vu oan giá họa là kẻ trộm cắp, với tang chứng rõ ràng, và ông bị đánh chết. Câu chuyện được tóm lược như sau:

Một thửa nợ, Đức Thế Tôn đang ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh thành Sāvattthi, khi ấy một người cận sự nam Mahākāla [23] là bậc Thánh Nhập Lưu có ngũ giới hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn; ông thường thọ *bát giới* (*uposathasīla*) vào những ngày giới hằng tháng. Hôm ấy, nhằm vào ngày giới (*uposathasīla*), ông cận sự nam Mahākāla đến ngôi chùa Jetavana xin thọ bát giới xong, rồi ở lại chùa nghe pháp, hành thiền suốt đêm, gần sáng ông mới trở về nhà. Khi ra khỏi chùa Jetavana, ông đến hồ nước trước cổng chùa để rửa mặt. Trong đêm ấy, bọn trộm cắp lén vào một nhà trong thành lấy trộm của cải, tài sản. Người chủ nhà hay biết thức dậy, bọn trộm cắp liền mang theo của cải chạy trốn thoát. Người chủ nhà cho người đuổi theo bọn trộm cắp khắp các ngõ đường. Một tên trong bọn chạy dọc theo ven đường đến chùa Jetavana, biết đằng sau có người đuổi theo mình và không thể mang theo gói của cải đã lấy trộm, nên liền ném gói đồ xuống hồ nước, để nhẹ người chạy thoát thân cho nhanh. Chẳng may gói đồ lấy trộm ấy lại rơi đúng gần bên cạnh ông cận sự nam Mahākāla đang ngồi rửa mặt lúc rạng đông. Khi ấy, nhóm người chủ nhà đến, nhìn thấy gói của cải lấy trộm nằm bên cạnh ông cận sự nam Mahākāla, chúng bắt ông cận sự nam Mahākāla rồi bảo rằng:

— *Đêm qua, người vào nhà lấy trộm của cải của chúng tôi, có tang chứng rõ ràng, người đừng giả vờ, đêm qua đã ở chùa giữ giới, nghe pháp, hành thiền trở về.*

Người cận sự nam Mahākāla bị đánh đập đến chết, rồi chúng bỏ thây bên hồ nước.

Buổi sáng hôm ấy, một số Tỳ khuru trẻ và Sadi mang nôi đi lấy nước ở hồ, nhìn thấy tử thi của ông cận sự nam Mahākāla, rồi bảo nhau rằng:

— Ông cận sự nam Mahākāla giữ bát giới, nghe pháp, hành thiền suốt đêm hôm qua tại chùa; nay ông bị đánh đập chết oan, thật không công bằng.

Chư Tỳ khuru đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn, bạch về cái chết oan của ông cận sự nam Mahākāla.

Đức Phật dạy rằng:

— Nay chư Tỳ khuru, người cận sự nam Mahākāla bị chết như vậy là không công bằng ở kiếp hiện tại này, nhưng lại công bằng theo ác nghiệp sát sinh của người cận sự nam Mahākāla đã tạo trong kiếp quá khứ.

Chư Tỳ khuru, Sadi lắng nghe Đức Phật dạy như vậy, liền đánh lễ Đức Thế Tôn, kính thỉnh Ngài thuyết giảng về ác nghiệp sát sinh nào của người cận sự nam Mahākāla đã tạo trong kiếp quá khứ.

* *Tiền kiếp của người cận sự nam Mahākāla đã tạo ác nghiệp sát sinh như thế nào?*

Trong thời kỳ quá khứ, trong nước của Đức vua Bārāṣī, vùng biên giới có bọn cướp ần náu thường quấy nhiễu dân chúng qua lại, cướp của giết người; nên Đức vua truyền phái một đội binh lính đến vùng biên giới, đặt trạm canh phòng làm phận sự dẫn đường đưa dân chúng đi lại từ vùng này đến vùng khác, để bảo vệ dân chúng được an toàn cả sinh mạng lẫn của cải.

Một hôm, có đôi vợ chồng trẻ, người vợ rất xinh đẹp đi trên một chiếc xe bò nhỏ đến trạm canh phòng lúc về chiều. Người trạm trưởng nhìn thấy người vợ trẻ xinh đẹp đem lòng thương yêu, và ganh tỵ với người chồng trẻ. Hai vợ chồng trẻ yêu cầu người trạm trưởng cho lính dẫn đường sang vùng bên kia. Người trạm trưởng đang có mưu đồ đen tối xấu xa, nên đã từ chối một cách khéo léo rằng:

— *Này anh chị, trời sắp tối rồi, đợi sáng mai tôi sẽ cho lính đưa anh chị đi sớm.*

Hai vợ chồng trẻ khẩn khoản năn nỉ nhờ người trạm trưởng cho lính dẫn đường đi ngay lúc đó, bởi vì, thời gian còn đi lại được, hai vợ chồng trẻ cũng có công việc gấp, nên không muốn về nhà trễ.

Người trạm trưởng có mưu đồ đen tối xấu xa, nên vẫn tiếp tục khuyên hai vợ chồng trẻ rằng:

— *Này anh chị, tối nay xin mời anh chị về nhà tôi nghỉ lại, sáng sớm tôi sẽ cho lính dẫn đường đưa anh chị đi.*

Hai vợ chồng trẻ không còn cách nào khác, nên đành phải đến nhà người trạm trưởng, tạm ở lại qua đêm.

Người trạm trưởng mời hai vợ chồng trẻ nghỉ trọ trong nhà khách, tiếp đãi cơm nước rất đàng hoàng, tử tế. Ban đêm, khi hai vợ chồng đang ngủ say, người trạm trưởng lén đem viên ngọc ma□ĩ giấu vào chiếc xe nhỏ của họ. Gần rạng đông, người trạm trưởng kêu la lên là có kẻ trộm lén vào nhà lấy viên ngọc ma□ĩ quý giá, rồi cho người nhà đi lục soát tìm khắp mọi nơi. Lúc ấy, hai vợ chồng trẻ thức dậy đang sửa soạn chiếc xe bò nhỏ để đi sớm, người trạm trưởng bảo người nhà lục soát trong chiếc xe bò nhỏ, nhìn thấy viên ngọc ma□ĩ giấu trong chiếc xe. Chúng bảo với hai vợ chồng trẻ rằng:

— *Ngươi lấy trộm viên ngọc ma□ĩ quý của chủ ta, rồi sáng sớm định sửa soạn chạy trốn thoát hay sao!*

Chúng liền bắt người chồng trẻ đem đến trình chủ là người trạm trưởng rồi thưa rằng:

— *Thưa ông chủ, chúng tôi bắt được người này lấy trộm viên ngọc ma□ĩ của ông, đây là viên ngọc ma□ĩ tang chứng rõ ràng.*

Người trạm trưởng quở mắng người chồng trẻ rằng:

— *Ta đã cho vợ chồng ngươi đến nghỉ đêm nhà ta, cho ăn uống tử tế, thế mà ngươi không biết ơn, còn lén vào nhà lấy trộm viên ngọc ma□ĩ quý giá của ta.*

Ông chủ trạm sai bảo người nhà đánh đập người chồng trẻ đến chết, đem thân vào bỏ trong rừng..., rồi bắt người vợ trẻ xinh đẹp làm vợ của mình.

Người trạm trưởng sau khi chết, ác nghiệp sát sinh ấy cho quả tái sinh vào đại địa ngục Avīci, bị thiêu đốt, bị hành hạ chết đi rồi tái sinh trở lại trong địa ngục, chịu bao nỗi khổ cực suốt thời gian trong cõi địa ngục, do ác nghiệp mà mình đã tạo, cho đến khi mãn quả ác nghiệp mới thoát ra khỏi cõi

địa ngục. Do nhờ thiện nghiệp khác cho quả tái sinh trở lại làm người, kiếp nào cũng bị vu oan giá họa, rồi bị đánh đập đến chết suốt 100 kiếp.

Người trạm trưởng *phạm điều giới sát sinh trong thời quá khứ, chính là tiền kiếp của người cận sự nam Mahākāla*. Do nhờ thiện nghiệp cho quả tái sinh làm người, người cận sự nam Mahākāla đã chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, song quả của ác nghiệp sát sinh còn có năng lực dư sót, nên kiếp hiện tại này bị vu oan giá họa, rồi bị đánh đập đến chết như vậy.

Do đó, người cận sự nam Mahākāla bị đánh chết là công bằng theo ác nghiệp sát sinh của ông đã tạo trong kiếp quá khứ (khi làm người trạm trưởng).

* **Sự tích người phạm điều giới sát sinh và gây oan trái**

Một thửa nợ, Đức Thế Tôn đang ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh thành Sāvattthi, khi ấy Đức Thế Tôn thuyết giảng đề cập đến *nữ Dạ xoa Yakkhinī* [24], được tóm lược như sau:

Một đôi vợ chồng không có con, người vợ lớn đi tìm một người đàn bà về làm vợ nhỏ cho chồng, để sinh con nối dòng và giữ gìn của cải, tài sản gia đình. Khi tìm được người vợ nhỏ cho chồng, người vợ lớn lại nghĩ rằng: “*Nếu người vợ nhỏ có con, thì tất cả của cải, tài sản đều thuộc về người vợ nhỏ*”. Nên bà vợ lớn bảo với bà vợ nhỏ rằng:

— *Khi nào em có thai, hãy báo cho chị biết.*

Vâng lời bà vợ lớn, khi có thai, bà vợ nhỏ liền báo cho bà vợ lớn biết. Bà vợ lớn làm thuốc phá thai trộn lẫn vào thức ăn, đồ uống cho bà vợ nhỏ dùng, nên người vợ nhỏ đã bị hư thai lần thứ nhất. Người vợ nhỏ có thai lần thứ nhì, cũng như lần trước người vợ nhỏ liền báo cho người vợ lớn biết, người vợ lớn làm thuốc phá thai làm cho người vợ nhỏ bị hư thai lần thứ nhì. Người vợ nhỏ có thai lần thứ ba, bà nghĩ rằng: “*Ta đã bị hư thai hai lần là bởi do bà vợ lớn, lần này ta không báo cho bà vợ lớn biết*”. Cái thai trong bụng của bà vợ nhỏ càng ngày càng lớn dần; bà vợ lớn biết vậy, liền quở trách bà vợ nhỏ rằng:

— *Tại sao em có thai, mà không báo cho chị biết!*

Bà vợ nhỏ thưa rằng:

— Hai lần trước em có thai, báo cho chị biết, chị cho uống thuốc làm cho em hư thai hai lần, cho nên, lần này em không dám báo cho chị biết.

Bà vợ lớn sẵn có mưu đồ đen tối xấu xa, nên bà tìm cơ hội lúc bà vợ nhỏ sơ hở, bà trộn thuốc vào thức ăn, đồ uống; bà vợ nhỏ không biết nên ăn uống vào, làm cho bào thai bị hư. Lần này bào thai không thể ra ngoài được, làm cho bà vợ nhỏ phải chết.

Trước khi chết, bà vợ nhỏ nguyện **kết oan trái** với bà vợ lớn rằng: “*Kiếp này, người đã hại ta hai lần bị hư thai, lần thứ ba này, người không chỉ làm cho ta bị hư thai, mà còn sát hại sinh mạng của ta nữa. Kiếp sau ta sẽ sát hại con của người và cả người nữa*”.

Sau khi bà vợ nhỏ chết, với tâm oan trái trả thù, do **ác nghiệp** ấy cho quả tái sinh làm **con mèo cái** trong gia đình ấy.

* **Oan trái gây oan trái lẫn nhau**

Người chồng biết được người vợ lớn là thủ phạm đã hai lần làm người vợ nhỏ bị hư thai, lần này không chỉ làm hư thai, mà còn làm người vợ nhỏ chết; ông nổi giận đánh đập người vợ lớn đến chết. Sau khi người vợ lớn chết, **ác nghiệp sát sinh** cho quả tái sinh làm **con gà mái** cũng ở trong gia đình ấy.

Khi gà mái đẻ trứng ra, cả hai lần đều bị con mèo cái đến ăn trứng; đến lần thứ ba, sau khi ăn trứng xong, con mèo cái vô con gà mái cắn cổ chết rồi ăn thịt gà luôn. Con gà mái trước khi chết nguyện gây oan trái với con mèo cái rằng: “*Kiếp này, người đã ăn trứng của ta hai lần, lần thứ ba này, người không chỉ ăn trứng của ta mà còn giết ta ăn thịt nữa. Kiếp sau ta sẽ sát hại con của người và cả người nữa*”.

Con gà mái sau khi chết, **ác nghiệp oan trái** trả thù cho quả tái sinh làm **con cọp cái**. Còn con mèo cái sau khi chết, do **ác nghiệp sát sinh** cho quả tái sinh làm **con nai cái**. Khi con nai cái sinh con lần thứ nhất, con cọp cái tìm đến ăn thịt nai con; khi con nai cái sinh con lần thứ nhì, con cọp cái cũng tìm đến ăn thịt nai con; khi con nai cái sinh con lần thứ ba, lần này con cọp cái tìm đến không chỉ ăn thịt nai con, mà còn bắt nai mẹ giết chết ăn thịt nữa.

Con nai mẹ trước khi chết, nguyện **kết oan trái** với con cọp cái rằng: “*Kiếp này, người đã ăn thịt con của ta hai lần, lần thứ ba này, người đã ăn thịt con*

ta lại còn giết ta ăn thịt nữa. Kiếp sau, ta sẽ sát hại con của người và cả người nữa”.

Con nai cái sau khi chết, *thiện nghiệp khác cho quả tái sinh làm nữ Dạ xoa Yakkhinī* ở phương Bắc thuộc cõi trời Tứ Đại Thiên Vương. Còn con cọp cái sau khi chết, *thiện nghiệp khác cho quả tái sinh làm con gái của một gia đình trong kinh thành Sāvatti*. Khi nàng trưởng thành khôn lớn có chồng, và sống ở bên gia đình chồng. Lúc nàng sinh đứa con thứ nhất, nữ Dạ xoa theo dõi biết rõ, rồi biến hóa thành người bạn thân đến thăm nàng. Nhìn thấy con nàng, nữ Dạ xoa liền bắt đứa con của nàng để ăn thịt. Nàng sinh đứa con lần thứ nhì, nữ Dạ xoa theo dõi biết, liền xuất hiện đến bắt đứa con của nàng để ăn thịt như lần trước. Khi nàng có thai lần thứ ba, gần đến ngày sinh, nàng bàn tính với chồng, xin về nhà cha mẹ của nàng để sinh con; bởi vì nếu nàng sinh ở đây, thì nữ Dạ xoa sẽ đến bắt con của nàng để ăn thịt như hai lần trước. Người chồng đồng ý, hai vợ chồng cùng đưa nhau về bên nhà cha mẹ nàng để sinh con.

Khi nàng sinh đứa con và làm lễ đặt tên cho con xong, hai vợ chồng bỗng đứa con trở về lại bên nhà chồng. Trên đường đang trở về nhà, khi đi ngang qua ngôi chùa Jetavana, nàng nhìn thấy nữ Dạ xoa đang đi tìm nàng, để bắt đứa con của nàng; nàng hoảng sợ quá, liền bỗng đứa con chạy vào chùa trốn thoát.

Khi ấy, Đức Thế Tôn đang thuyết pháp tế độ chúng sinh, nàng bỗng đứa con đến gần Đức Thế Tôn rồi đặt đứa con phía dưới đôi bàn chân của Ngài, bèn bạch rằng:

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, con xin kính dâng đứa con này đến Ngài, cầu xin Ngài rải tâm đại bi cứu mạng đứa con của con.*

Lúc này, bên ngoài cửa ngôi chùa, chư thiên giữ cửa cấm không cho nữ Dạ xoa đi vào trong ngôi chùa Jetavana. Đức Thế Tôn truyền dạy Ngài Đại đức Ānanda cho gọi nữ Dạ xoa được phép vào hầu Ngài. Khi nữ Dạ xoa đi vào hầu đánh lễ Đức Thế Tôn. Nhìn thấy nữ Dạ xoa, nàng hoảng sợ vô cùng, khóc la bèn bạch rằng:

— *Kính bạch Đức Thế Tôn, nữ Dạ xoa.*

Đức Thế Tôn khuyên dạy, trấn an tâm của nàng rằng:

— “Này con! Con đừng sợ, không có điều tai hại nào xảy đến cho đứa con của con và con đâu!”

Khi ấy, Đức Thế Tôn khuyên dạy nữ Dạ xoa rằng:

— “Này các con! Nếu các con không đến gặp Như Lai, thì sự oan trái giữa các con sẽ tiếp diễn mãi mãi. Tại sao các con oan trái trả thù lại bằng oan trái? Sự thật, sự oan trái được dập tắt bằng sự không oan trái, chứ không phải dập tắt bằng sự oan trái”.

Đức Phật thuyết câu kệ rằng:

“Na hi verena verāni,
sammantīdha kudācana□.
Averena ca sammanti,
esa dhammo sanantano” [\[25\]](#) .

“Trong đời này những sự oan trái,
Chẳng bao giờ dập tắt oan trái,
Bằng hành động oan trái đáp lại.
Sự oan trái chỉ được dập tắt,
Bằng sự không oan trái mà thôi.
Đó là pháp có từ ngàn xưa,
Của chư bậc thiện trí cao thượng”.

Sau khi lắng nghe câu kệ xong, nữ Dạ xoa liền chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, và các hàng đệ tử cũng được nhiều lợi ích, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn tùy theo trí tuệ ba-la-mật của mỗi người.

Bắt đầu từ khi ấy, sự oan trái hoàn toàn bị dập tắt, tâm từ và nhẫn nại phát sinh giữa nữ Dạ xoa và nàng có đứa con, họ thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau thương yêu đứa con nhỏ.

Tóm lược tiến trình thay đổi qua mỗi kiếp và gây oan trái

Người vợ lớn → Người vợ nhỏ

↓

Sinh kiếp gà mái ← Sinh kiếp mèo cái

↓

Sinh kiếp còp cái → Sinh kiếp nai cái

↓

Sinh kiếp con gái → Sinh kiếp nữ Da xoa

Vấn: *Sự khác nhau giữa oan trái và ác nghiệp như thế nào?*

Đáp: *Người gây oan trái chắc chắn tạo ác nghiệp.*

Người tạo ác nghiệp, có khi có oan trái, có khi không có oan trái.

Oan trái có thể dập tắt bằng sự không oan trái; còn ác nghiệp không thể dập tắt bằng thiện nghiệp, song thiện nghiệp có khả năng làm giảm bớt tiềm lực cho quả của ác nghiệp.

Vấn: *Hai người đàn bà gây oan trái với nhau, những đứa con của mỗi người có liên quan gì mà phải chịu khổ?*

Đáp: *Cái thai (của người vợ nhỏ), trứng gà (của gà mái), nai con (của nai cái), đứa con (của người đàn bà) không liên quan trực tiếp đến oan trái của người mẹ, mà chịu ảnh hưởng gián tiếp về quả của ác nghiệp của mẹ mình.*

Những người con còn nhỏ thường chịu ảnh hưởng quả của thiện nghiệp, ác nghiệp của cha mẹ. Nếu cha mẹ giàu có, thì đứa con sinh ra được sống sung túc; nếu cha mẹ nghèo khổ, thì đứa con sinh ra chịu cảnh thiếu thốn.

Ngược lại có trường hợp đặc biệt, cha mẹ chịu ảnh hưởng quả của thiện nghiệp, hoặc ác nghiệp của người con, từ khi mới đầu thai hoặc khi sinh ra đời rồi.

Ví như:

* *Trường hợp Ngài Đại đức Sivali, khi Ngài đầu thai vào lòng mẹ là bà Suppavāsa, công nương dòng Koliya; trong nhà các kho của cải lúc nào cũng đầy đủ, sung túc, không bao giờ thấy bị hao hụt, giảm bớt chút nào. Đó*

là quả của thiện nghiệp của Ngài làm ảnh hưởng tốt lành đến gia đình cha mẹ của Ngài và những người thân trong dòng họ.

* *Trường hợp Ngài Đại đức Losaka, khi Ngài đầu thai vào một gia đình trong xóm dân chài gồm 500 gia đình; từ khi Ngài đầu thai, không chỉ gia đình cha mẹ của Ngài phải chịu cảnh đói khổ thiếu thốn, mà còn ảnh hưởng đến 500 gia đình trong xóm dân chài ấy cũng phải chịu cảnh đói khổ thiếu thốn nữa. Đó là quả của ác nghiệp của Ngài gây ảnh hưởng đói khổ đến gia đình cha mẹ của Ngài và những gia đình trong xóm dân chài.*

* **Bậc Thánh Arahán không tránh khỏi quả ác nghiệp sát sinh**

Một thوره nạn, Đức Thế Tôn đang ngự tại ngôi chùa Veṅṅuvana gần kinh thành Rājagaha, đề cập đến sự tích Ngài Đại đức Mahāmoggallāna, bị bọn cướp sát nhân đánh đập Ngài cho đến gần chết, phải tịch diệt Niết Bàn. Câu chuyện được tóm lược như sau:

Nhóm ngoại đạo tà giáo hội họp lại với nhau, cùng nghĩ rằng: “*Sở dĩ chúng ta mất nhiều lợi lộc cúng dường là vì Đại đức Mahāmoggallāna xuất hiện lên cõi trời hỏi các chư thiên, khi ở cõi người đã tạo thiện nghiệp nào, mà nay được hưởng mọi sự an lạc như thế này; hoặc gặp các loài ngạ quỷ hỏi kiếp trước đã tạo ác nghiệp nào, mà nay phải chịu khổ như thế này v.v...* Ngài tường thuật lại cho dân chúng nghe và họ tin theo Ngài, nên phần đông họ chỉ làm phước thiện bố thí cúng dường đến Đức Phật cùng chư Tỳ khuru Tăng đệ tử của Đức Phật mà thôi. Do đó chúng ta càng ngày càng mất nhiều lợi lộc cúng dường. Chúng ta nên tìm cách giết hại Đại đức Mahāmoggallāna, rồi chúng ta sẽ có lại những lợi lộc cúng dường như trước đây”.

Nhóm ngoại đạo tà giáo đều đồng tâm nhất trí, họ thuê mướn bọn cướp sát nhân với số tiền trên 1.000 (một ngàn) đồng kahāpana (tiền Ấn Độ thời xưa) để giết hại Đại đức Mahāmoggallāna. Bọn cướp đồng ý làm theo sự yêu cầu của nhóm ngoại đạo tà giáo.

Bọn chúng kéo nhau đến vây hãm chỗ ở của Ngài Đại đức Mahāmoggallāna tại làng Kāṅṅasila. Ngài vốn là bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, đệ nhất xuất chúng về thần thông. Khi biết bọn cướp đến vây hãm, Ngài bay lên hư không, cho nên bọn chúng vào không thấy Ngài. Những ngày kế tiếp, bọn chúng cũng đến vây hãm chỗ ở của Ngài, khi thì Ngài bay lên hư không, khi thì Ngài biến mất; bọn chúng không sao tìm gặp được Ngài, cứ như vậy kéo dài cả tháng mà bọn chúng vẫn không sao bắt

được Ngài. Đến cuối tháng, khi bọn chúng kéo đến vây hãm chỗ ở của Ngài, lần này quán xét thấy đến lúc hết tuổi thọ, đồng thời ác nghiệp xưa cũng đến lúc cho quả, nên Ngài không dùng thần thông thoát ra khỏi chỗ ở. Bọn cướp xông vào bắt Ngài, rồi đánh đập Ngài tan xương nát thịt, bọn cướp tưởng Ngài đã chết nên đem bỏ thây ở bụi cây.

Ngài Đại đức Mahāmogallāna nghĩ rằng: “*Ta nên đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn, xin Ngài cho phép tịch diệt Niết Bàn*”.

Nghĩ xong, Ngài dùng năng lực thiên định và thần thông gắn liền xương thịt lại rồi bay lên không trung đến hầu đánh lễ Đức Phật xong, bèn bạch rằng:

— *Kính bạch Đức Thế Tôn, kính xin Ngài cho phép con tịch diệt Niết Bàn ngay trong ngày hôm nay. Bạch Ngài.*

Đức Thế Tôn cho phép Ngài Mahāmogallāna tịch diệt Niết Bàn tại làng Kāśasīla xứ Magadha.

Như vậy, 1 tháng sau hạ thứ 45 của Đức Phật, vào rằm tháng 10, Ngài Đại đức Sāriputta, bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn đệ tử, tịch diệt Niết Bàn tại làng Nālākagāma xứ Magadha; cuối tháng 10 (30 tháng 10) Ngài Đại đức Mahāmogallāna tịch diệt Niết Bàn tại làng Kāśasīla xứ Magadha. Thế là hai vị Thánh Tối Thượng Thanh Văn đệ tử của Đức Phật đều đã tịch diệt Niết Bàn.

Sau khi Ngài Đại đức Mahāmogallāna tịch diệt Niết Bàn, Đức vua Ajātasattu truyền lệnh truy tìm kẻ chủ mưu sát hại Ngài Đại đức Mahāmogallāna. Quân lính điều tra biết rõ bọn cướp sát nhân đã nhận tiền thuê mướn của nhóm ngoại đạo, để sát hại Ngài Đại đức Mahāmogallāna.

Đức vua truyền lệnh bắt bọn cướp sát nhân và nhóm ngoại đạo tà giáo 500 người để xét xử, tất cả đều nhận tội. Đức vua truyền lệnh đem tất cả bọn chúng chôn một nửa người xuống đất, phủ rơm lên trên thiêu sống, dùng cày sắt cày xới, làm cho bọn cướp sát nhân và nhóm ngoại đạo chết tan xương nát thịt cả thảy. Đó là quả của ác nghiệp sát sinh, đánh đập bậc Thánh Arahán đến chết (tịch diệt Niết Bàn).

Ngài Đại đức Mahāmogallāna đã tịch diệt Niết Bàn, chư Tỳ khưu bàn luận rằng:

— *Thật đáng động tâm, Ngài Đại đức Mahāmogallāna là bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn đệ tử đệ nhất thân thông xuất chúng trong hàng đệ tử, thế mà Ngài tịch diệt Niết Bàn như vậy, thật không công bằng chút nào!*

Khi ấy, Đức Phật vừa ngự đến, bèn hỏi rằng:

— *Này các con, các con đang hội họp bàn luận chuyện gì vậy?*

Chư Tỳ khưu bạch với Đức Thế Tôn rằng:

— *Kính bạch Đức Thế Tôn, chúng con đang bàn luận về Ngài Đại đức Mahāmogallāna tịch diệt Niết Bàn như vậy là không công bằng chút nào. Bạch Ngài.*

Đức Thế Tôn truyền dạy rằng:

— *Này chư Tỳ khưu, Mahāmogallāna tịch diệt Niết Bàn không công bằng trong kiếp hiện tại này, song Mahāmogallāna tịch diệt Niết Bàn lại công bằng xét theo ác nghiệp sát sinh mà tiền kiếp của Mahāmogallāna đã tạo trong quá khứ xa xưa.*

Chư Tỳ khưu đánh lễ kính thỉnh Đức Phật thuyết giảng về ác nghiệp sát sinh trong tiền kiếp của Ngài Đại đức Mahāmogallāna như sau:

Trong thời quá khứ xa xưa, trong xứ Bārāṇasi, một người con trai có lòng hiếu thảo đối với cha mẹ mù lòa, có lòng biết ơn và đền đáp công sinh thành dưỡng dục của cha mẹ mình.

Hằng ngày, người con trai lo cơm nước, giặt quần áo, phụng dưỡng cha mẹ. Sau khi xong công việc trong nhà mới đi làm việc ngoài như vào rừng, ra ruộng,... để kiếm tiền bạc của cải đem về nuôi dưỡng cha mẹ già một cách rất chu đáo, với tấm lòng hiếu thảo và tôn kính cha mẹ.

Một hôm, cha mẹ nói với đứa con yêu quý của mình rằng:

— *Này con yêu quý, một mình con chịu làm lụng vất vả ngoài đồng, về nhà còn phải lo bao nhiêu công việc trong nhà. Cha mẹ muốn tìm cho con một người vợ, để giúp đỡ con lo công việc trong nhà, nghe con!*

Người con trai một mực từ chối, xin với cha mẹ rằng:

— *Thưa cha mẹ, con không muốn lấy vợ, con muốn chỉ một mình con lo phụng dưỡng cha mẹ mà thôi.*

Mỗi ngày, cha mẹ khẩn khoản năn nỉ, người con trai đành phải chiều theo ý của cha mẹ, chịu cưới vợ để làm cho cha mẹ hài lòng.

Người vợ giúp đỡ chồng lo công việc trong nhà, lo phục vụ cha mẹ chồng mới chỉ được 2 - 3 ngày mà thôi, rồi những ngày tiếp theo nàng tỏ vẻ bực dọc cảnh cha mẹ chồng mù lòa, không muốn sống chung với cha mẹ chồng nữa.

Người vợ than vãn với chồng rằng:

— *Này anh, em không muốn sống chung với cha mẹ mù lòa của anh nữa.*

Nàng đặt điều nói xấu cha mẹ chồng. Ban đầu người chồng không tin theo lời người vợ.

Một hôm, khi người chồng đi ra ngoài làm công việc, người vợ ở nhà bày đồ đạc, đồ vỡ rã rác trong nhà. Người chồng đi làm về hỏi người vợ:

— *Tại sao đồ đạc đồ vỡ rã rác như thế này?*

Người vợ nói với người chồng là do hai ông bà mù lòa làm đồ đạc đồ vỡ rã rác, nàng phải dọn dẹp mệt như cả người, mà vẫn không làm hết việc; nàng không thể nào chịu nổi. Bây giờ nàng không muốn sống chung với hai ông bà già mù lòa đó nữa.

Mỗi ngày, từ đồng ruộng trở về, người chồng nghe vợ than vãn, không sao chịu nổi. Người con trai liền lập mưu kế nói lừa dối cha mẹ rằng muốn đưa cha mẹ đi thăm người bà con. Người con thưa rằng:

— *Thưa cha mẹ, người bà con bên làng ấy muốn mời cha mẹ đến thăm viếng, để con đánh xe đưa cha mẹ đi.*

Cha mẹ tin con nói thật, nên đồng ý đi thăm, người con sửa soạn chiếc xe bò rồi bồng cha mẹ đặt ngồi lên xe và đánh chiếc xe bò chở cha mẹ đến một khu rừng rậm; tại đây người con thưa với cha mẹ rằng:

— *Thưa cha mẹ, nơi đây thường có bọn cướp sát nhân, xin cha mẹ hãy giữ lấy dây và roi, để con xuống xe xem xét.*

Người con bước xuống xe bò, rồi một lát sau giả làm bọn cướp sát nhân hung ác la hét chạy đến đánh đập cha mẹ mù lòa. Tuy thân già yếu mù lòa chịu đánh đập đau đớn, nhưng vẫn luôn nghĩ thương đứa con thân yêu, nên hai ông bà la lớn bảo rằng:

— *Này con yêu quý, con hãy chạy thoát thân, cha mẹ già yếu mù lòa có chết cũng cam phận.*

Mặc dù cha mẹ gào thét như vậy, nhưng người con vẫn giả giọng kẻ cướp sát nhân đánh đập cha mẹ già cho đến chết, và đem thân cha mẹ ném trong rừng, rồi đánh xe trở về nhà.

Đức Phật thuyết thuật lại, người con giả làm bọn cướp sát nhân đánh đập cha mẹ đến chết, bỏ thân trong rừng trong thời quá khứ ấy, chính là tiền kiếp của Ngài Đại đức Mahāmoggallāna.

Người con ấy đã tạo ác nghiệp giết cha mẹ thuộc **ác nghiệp vô gián** (*anantariyakamma*), chắc chắn cho quả tái sinh trong cõi đại địa ngục Avīci, chịu quả khổ thiêu đốt, chết đi tái sinh trở lại trong địa ngục suốt thời gian lâu dài, đến khi mãn quả ác nghiệp, mới được thoát ra khỏi cõi địa ngục. Do nhờ thiện nghiệp khác cho quả tái sinh làm người, đã tạo mọi phước thiện, tạo mười pháp hạnh ba-la-mật. Nhưng do năng lực của ác nghiệp giết cha mẹ còn dư sót có cơ hội cho quả trong kiếp người, nên *bị bọn cướp sát nhân đánh đập tan xương nát thịt chết như vậy, suốt hàng trăm kiếp*. Đến kiếp chót này Ngài Đại đức Mahāmoggallāna đã trở thành bậc Thánh Tối Thượng Thanh Văn đệ tử, đệ nhất thân thông trong hàng Thanh Văn đệ tử Phật, thế mà do năng lực của ác nghiệp giết cha mẹ từ tiền kiếp trong quá khứ xa xưa ấy vẫn có cơ hội cho quả lần cuối cùng, Ngài bị bọn cướp sát nhân đánh đập tan xương nát thịt gần chết, phải tịch diệt Niết Bàn.

Do đó, Đức Phật dạy:

— *Này chư Tỳ khuru, Mahāmoggallāna tịch diệt Niết Bàn không công bằng trong kiếp hiện tại này, song Mahāmoggallāna tịch diệt Niết Bàn ấy, lại công bằng xét theo ác nghiệp sát sinh mà tiền kiếp của Mahāmoggallāna đã tạo trong quá khứ xa xưa.*

Còn bọn cướp sát nhân và nhóm ngoại đạo tà giáo đã có *tác ý bất thiện* thuê mướn sai khiến bọn cướp sát nhân đánh đập Ngài Đại đức Mahāmoggallāna, bậc Thánh Arahán đến chết, tất cả đều phạm ác nghiệp giết hại bậc Thánh Arahán thuộc **ác nghiệp vô gián**, nên chúng đều bị hành hình theo lệnh truyền của Đức vua. Sau khi chết, ác nghiệp vô gián cho quả tái sinh trong cõi địa ngục Āvici, chịu quả khổ của ác nghiệp ấy.

* **Sự Chết Của Chúng Sinh**

Tất cả mọi chúng sinh trong ba giới [26] bốn loài [27] đều phải chết. Sự chết có 4 trường hợp.

- 1- *Chết vì hết tuổi thọ.*
- 2- *Chết vì mãn nghiệp hỗ trợ.*
- 3- *Chết vì hết tuổi thọ và mãn nghiệp hỗ trợ.*
- 4- *Chết vì tai nạn (chưa hết tuổi thọ, chưa mãn nghiệp hỗ trợ).*

* **Người có phước tránh được tai nạn**

Không đề cập đến 3 trường hợp trên, mà chỉ đề cập đến trường hợp thứ tư: *Chết vì tai nạn*. Người có phước thoát khỏi mọi tai nạn một cách mâu nhiệm tự nhiên, ngoài khả năng của con người, dù người khác có tác ý ác, cũng không thể giết được người có phước, bởi vì phước thiện hộ mệnh người ấy.

Như trường hợp **phú hộ Ghosaka**:

Trong Chú giải bộ *Pháp Cú* [28], Đức Phật đang ngụ tại ngôi chùa Ghositārāma trong xứ Kosambi, Ngài thuyết pháp đề cập đến *cuộc đời ông phú hộ Ghosaka* một đoạn trong sự tích Sāmāvativattu, được tóm lược như sau:

Trong thời quá khứ, vùng Allakappa xảy ra nạn đói khát và bệnh dịch làm nhiều người chết. Người chồng tên *Kotuhali* dẫn người vợ và đứa con đi đến xứ Kosambi để lánh nạn. Hai vợ chồng đi đường đồ ăn uống đã hết, bệnh đói khát làm rã rời tay chân, bỗng đứa con cũng không nổi nữa, người chồng bàn với vợ rằng:

— *Này em, vợ chồng chúng ta còn sống, hy vọng sẽ có con nữa, bỏ đứa con này ta đi thôi.*

Người mẹ thương yêu con không đành bỏ con khi nó đang còn sống. Hai vợ chồng đồng ý thay phiên nhau bồng đứa con, mỗi người một đoạn đường. Sự đói khát lại càng làm bủn rủn tay chân; người chồng lại bàn tính với vợ bỏ đứa con; người vợ một mực năn nỉ chồng đừng bỏ đứa con. Đứa con nhỏ được trao từ tay chồng sang tay vợ, rồi trao từ tay vợ sang tay chồng làm cho đứa trẻ như ngắt xiủ trên tay người cha. Người cha biết đứa con mệt ngủ thiếp đi, nên đặt nó nằm trên đồng lá cây khô, ở dưới bóng mát gốc cây, rồi bỏ đi theo vợ ở phía trước. Người vợ nhìn lại không thấy đứa con bèn hỏi:

Con của chúng ta đâu rồi?

Người chồng trả lời:

— *Anh để nó nằm dưới bóng mát ở góc cây kia.*

Người vợ khóc lóc, van xin chồng bồng đứa con lại cho mình, người chồng trở lại bồng đứa con, thì đứa trẻ đã chết [29].

Hai vợ chồng tiếp tục đi đến một vùng nạn và gặp một gia đình nuôi bò.

Hôm ấy, gia đình nuôi bò làm lễ cầu an cho bò. Hằng ngày, nhà ấy có thỉnh Đức Phật Độc Giác đến độ vật thực, nhưng đặc biệt hôm ấy là ngày lễ cầu an, nên người nuôi bò nấu cơm sữa bò nhiều. Người chủ nhà nhìn thấy hai vợ chồng đói khát từ nơi xa đến, nên tiếp đãi rất tử tế và cho hai phần cơm sữa bò. Người vợ nói với chồng:

— *Này anh, có anh thì em sống được an lạc; đã 7 ngày qua, anh chịu đói khát nhiều, vậy anh nên dùng thêm phần cơm sữa bò của em cho no đủ.*

Người vợ nhường một phần cơm của mình thêm cho chồng ăn, còn mình chỉ dùng một ít cơm với bơ thôi. Người chồng chịu đói khát đã 7 ngày qua, nay gặp món cơm sữa bơ ngon miệng nên ăn quá no, nhìn thấy người chủ nhà cho con chó nằm dưới ghé, ăn cơm sữa bơ, người ấy ngồi nghĩ rằng: “*Con chó này có quả phước tốt thật, được ăn những đồ ăn ngon lành đến thế!*”. Đêm ấy, người chồng ăn vật thực quá no, không tiêu hóa được, nên bị chết. Sau khi chết, *do tâm tưởng đến con chó, nên tái sinh vào bụng con chó cái của chủ nhà*. Người vợ lo làm lễ hỏa táng cho chồng xong, xin ở lại làm

công trong nhà người chủ nuôi bò ấy. Người góa phụ làm công được một ít gạo, nấu cơm để bát cúng đường Đức Phật Độc Giác, rồi bạch rằng:

— *Kính bạch Ngài, cầu xin phước thiện này được thành tựu đến người chồng của con vừa qua đời.*

Người góa phụ suy nghĩ rằng: “*Ta nên ở lại làm công nơi này, hằng ngày Đức Phật Độc Giác đến đây khát thực, dù ta không có gì để bố thí, đặt bát cúng đường làm phước, nhưng ta cũng có cơ hội để đánh lễ Ngài, có đức tin trong sạch ở nơi Ngài, ta cũng có được nhiều phước thiện*”.

Mấy tháng sau, con chó mẹ sinh ra một con chó con, người chủ nuôi con chó con bằng sữa bò, nên chó con mau lớn khôn. Mỗi khi Đức Phật Độc Giác độ vật thực xong, Ngài cho chó con ăn vật thực còn thừa. Vì vậy con chó rất kính yêu Đức Phật Độc Giác. Mỗi ngày nó đi theo người chủ nuôi bò đến hầu Đức Phật Độc Giác. Trên đường đi đến nơi rừng cây rậm rạp, e sợ có thú dữ rình mò, người chủ lên tiếng ‘*sù! sù!*’ 3 lần, nếu có thú dữ thì chúng lánh đi nơi khác.

Một hôm, người nuôi bò bạch với Đức Phật Độc Giác rằng:

— *Kính bạch Ngài, ngày nào con không có cơ hội đến kính thỉnh Ngài được, con sẽ cho con chó này đến kính thỉnh Ngài đến nhà con.*

Từ đó trở về sau, khi nào người chủ nhà nuôi bò không có cơ hội đến hầu Đức Phật Độc Giác được, thì người chủ nuôi bò sai bảo con chó rằng:

— *Này con, con hãy đến kính thỉnh Đức Phật Độc Giác nhé con!*

Nghe xong, con chó liền vẫy đuôi chạy thẳng đến cốc của Đức Phật Độc Giác. Trên đường đi, đến nơi rừng cây rậm rạp, chó phát tiếng sủa 3 lần để cho thú dữ lánh đi nơi khác. Con chó đến cốc lá của Đức Phật Độc Giác, nhẹ nhàng đến trước cửa nằm mọp xuống ngẩng đầu sủa 3 tiếng, để báo tin cho Đức Phật Độc Giác biết, rồi nằm im lặng chờ Đức Phật Độc Giác đi ra. Con chó đi đằng trước dẫn đường, Đức Phật Độc Giác đi theo đường về nhà, nó rất kính yêu Đức Phật Độc Giác.

Về sau y của Đức Phật Độc Giác cũ quá, người chủ nuôi bò dâng vải, để cho Đức Phật Độc Giác may y mặc. Đức Phật Độc Giác nói với người chủ nuôi bò rằng:

— *Một mình may y rất khó, cho nên Như Lai phải tìm bạn đồng phạm hạnh cùng giúp may.*

Người chủ nuôi bò bạch rằng:

— *Kính thỉnh Ngài đi may y xong, kính thỉnh Ngài trở lại.*

Con chó đứng nghe Đức Phật Độc Giác và người chủ nuôi bò nói chuyện với nhau. Tại nơi ấy, Đức Phật Độc Giác dùng thần thông bay lên hư không hướng về núi Gandha-mādana. Con chó đứng nhìn theo Đức Phật Độc Giác bay lên hư không, và sủa theo với tất cả tấm lòng kính yêu Đức Phật Độc Giác, cho đến khi không còn nhìn thấy bóng dáng nữa, thì con chó chết ngay tại nơi ấy.

Con chó chết với lòng kính yêu vô hạn nơi Đức Phật Độc Giác, nên sau khi chết, thiện nghiệp ấy cho quả tái sinh làm thiên nam trong cõi trời Tam Thập Tam Thiên, có lâu đài nguy nga, có 1.000 (một ngàn) nữ chư thiên hầu hạ, hưởng mọi sự an lạc ở cõi trời. Khi thiên nam này nói nhỏ bên tai chư thiên nào, thì tiếng nói ấy vang xa đến 16 do tuần (1 do tuần khoảng 20 km), nếu thiên nam này nói bình thường, tiếng nói vang rộng xa đến 10.000 (mười ngàn) do tuần; vì vậy, vị thiên nam này có tên là “Ghosakadevaputta: Thiên nam có giọng nói vang”. Đó là quả của phước thiện kiếp chó sủa với lòng kính yêu vô hạn đối với Đức Phật Độc Giác. Vị thiên nam Ghosaka hưởng mọi sự an vui ở cõi trời Tam Thập Tam Thiên.

Vị thiên nam Ghosaka say mê trong ngũ trần, quên dùng vật thực, thể xác không thể duy trì được, nên phải *chết từ cõi trời, do thiện nghiệp cũ cho quả tái sinh đầu thai vào lòng một kỹ nữ xinh đẹp ở thành Kosambi.*

* **Cuộc đời Ghosaka có phước thoát chết 7 lần**

1- Trẻ sơ sinh Ghosaka bị bỏ rơi trong đồng rác

Ngày Ghosaka chào đời, người kỹ nữ hỏi người tở gái rằng:

— *Bé trai hay bé gái?*

Người tở gái thưa rằng:

— *Bé trai.*

Người kỹ nữ bảo người tớ gái đem đứa bé trai ấy bỏ nơi đồng rác, vì kỹ nữ chỉ nuôi con gái, không nuôi con trai, bởi vì con trai không kế nghiệp nghề kỹ nữ được. Đứa bé trai sơ sinh bị bỏ nơi đồng rác, bày quạ, diều, chó vây quanh đứa bé, mà không con nào dám ăn thịt. Đó là quả của phước thiện kiếp chớ sửa với lòng kính yêu vô hạn đối với Đức Phật Độc Giác. Khi ấy, một người thấy bày quạ, diều, chó vây quanh đồng rác, liền đi lại xem có gì lạ thường, thì thấy một đứa bé trai; người ấy vui mừng hơn hờ bỗng đứa bé như đứa con của mình, sung sướng kêu lên rằng: “*Ta được đứa con trai!*”, rồi người ấy bỗng đứa bé về nhà nuôi nấng tử tế.

2- Bé Ghosaka bỏ trước cổng chuồng bò

Khi ấy, phú hộ thành Kosambi đi đến châu Đức vua, giữa đường gặp vị quân sư nhà vua chuyên môn xem sao đoán số. Ông phú hộ hỏi vị quan rằng:

— *Thưa vị quân sư, hôm nay có điều lành dữ thế nào?*

Vị quân sư thưa:

— *Hôm nay Đức vua và triều đình, Hoàng gia cho đến thần dân thiên hạ đều bình an và có một việc lành: “Đặc biệt, đứa bé nào sinh ra đời ngày hôm nay, về sau, nó sẽ trở thành một phú hộ trong xứ này”.*

Lúc này, phu nhân của phú hộ đang mang thai, già ngày già tháng rồi; phú hộ cho người trở về nhà xem phu nhân đã sinh hay chưa. Người nhà báo tin phu nhân chưa sinh. Ông phú hộ đến châu Đức vua xong, vội vàng trở về, gọi bà tớ gái thân tín tên Kāñi và trao cho bà 1.000 đồng (một ngàn đồng) kahāpana (tiền Ấn Độ thời xưa), để bà đi tìm kiếm trong kinh thành có đứa bé nào sinh trong ngày, thì bà trao cho họ số tiền 1.000 đồng kahāpana ấy, rồi bỗng đứa bé về.

Bà Kāñi đi tìm hỏi khắp nơi, lần lượt đến nhà một người, nhìn thấy có đứa bé bèn hỏi người nhà ngày sinh của đứa bé ấy. Người nhà bảo đứa bé vừa mới sinh trong ngày.

Bà Kāñi trao cho người chủ nhà 1.000 đồng kahāpana, rồi bỗng đứa bé về cho ông phú hộ. Ông phú hộ nghĩ rằng:

“*Nếu phu nhân ta sinh con gái, ta sẽ cho con gái của ta làm vợ nó, rồi cho nó chức tước phú hộ; nếu phu nhân ta sinh con trai, thì ta sẽ giết nó*”.

Ông phú hộ bảo người nuôi nấng săn sóc đứa bé ở trong nhà. Về sau, phu nhân của phú hộ sinh con trai, ông phú hộ tính kế giết đứa bé này, để con mình lớn lên được chức tước phú hộ. Ông phú hộ gọi bà Kāśi đến sai bảo rằng:

— *Sáng sớm này, bà hãy bồng đứa bé Ghosaka này bỏ trước cổng chuồng bò, để khi bò ra sẽ đạp chết đứa bé này. Bà đừng xem đứa bé chết hay sống thế nào rồi về trình cho ta biết.*

Bà Kāśi làm theo lời của phú hộ, bồng đứa bé Ghosaka bỏ trước cửa cổng chuồng bò. Người chăn bò mở cổng, thường ngày con bò đầu đàn đi ra sau chót, nhưng hôm ấy nó đi ra trước, bốn chân đứng như bốn trụ cột, đứa bé nằm ở giữa, đàn bò hằng trăm con lần hai bên sườn con bò đầu đàn đi ra. Người chăn bò thấy điều lạ thường, nghĩ rằng: “Bò đầu đàn này hằng ngày đi ra sau cùng, hôm nay ra trước đứng yên một chỗ, có chuyện gì lạ vậy!”.

Đến xem thấy đứa bé đang nằm giữa bốn chân bò đầu đàn, người chăn bò sung sướng vui mừng bồng đứa bé, kêu lên rằng: “Ta được đứa con trai!”, rồi bồng đứa bé về nhà nuôi nấng tử tế.

Bà Kāśi trở về trình cho ông phú hộ biết tất cả sự việc đã xảy ra. Ông phú hộ liền trao cho bà 1.000 đồng kahāpana, bảo bà đưa cho người chăn bò và bồng đứa bé trở về.

3- Bé Ghosaka bị bỏ trên đường

Khi ấy, ông phú hộ gọi bà tứ gái Kāśi rồi sai bảo rằng:

— *Này Kāśi, sáng sớm hôm nay sẽ có đoàn xe bò 500 chiếc chở hàng hóa đi bán. Bà bồng đứa bé Ghosaka này đặt nằm ngang trên đường bánh xe lăn, để cho bò đạp chết, hoặc xe cán nó chết. Bà đứng đó theo dõi nó sống chết thế nào rồi về trình cho ta biết.*

Bà Kāśi làm theo lời của ông phú hộ, bồng đứa bé Ghosaka đặt nằm ngang trên đường bánh xe. Khi ấy, người trưởng đoàn xe đi trước, khi đi đến gần chỗ đứa bé nằm, con bò đứng sừng lại, không chịu bước tới trước, dù người trưởng đoàn la bảo thế nào hai con bò vẫn không chịu bước, chỉ đứng sừng sừng tại một chỗ. Chờ đến gần sáng, người trưởng đoàn nghĩ rằng: “Tại sao hai con bò này lại đứng sừng sừng như vậy?”.

Người trưởng đoàn bước xuống xe xem đường, nhìn thấy đứa bé nằm ngang trên đường bánh xe lăn, người trưởng đoàn vui mừng sung sướng kêu lên rằng: “*Ta được đưa con trai!*”, rồi bồng đứa bé về nhà nuôi nấng tử tế.

Bà Kāśi về trình lại sự việc đã xảy ra cho ông phú hộ nghe. Ông phú hộ lại trao cho bà 1.000 đồng kahāpana, bảo bà đưa cho người trưởng đoàn xe, rồi bồng đứa bé trở về.

4- Bé Ghosaka bị bỏ nơi nghĩa địa

Khi ấy, ông phú hộ gọi bà tứ gái Kāśi rồi sai bảo rằng:

— *Này Kāśi, bà bồng đứa bé Ghosaka này bỏ nơi nghĩa địa, cho nằm giữa bụi cây, để cho chó rừng, quạ, điều ăn thịt, hoặc hạng phi nhân sát hại nó chết. Bà xem xét nó sống chết thế nào, về trình cho ta biết.*

Bà Kāśi làm theo lời của ông phú hộ, bồng đứa bé Ghosaka bỏ nơi nghĩa địa, cho nằm giữa bụi cây, bà đứng ở một nơi theo dõi xem xét. Bầy quạ, điều, chó rừng, phi nhân v.v... không con nào dám đến gần đứa bé, vì phước thiện của đứa bé trong tiền kiếp hộ mệnh nó.

Khi ấy, người chăn dê thả đàn dê vào nghĩa địa ăn lá cây, một con dê mẹ đi ăn vào giữa bụi cây, nhìn thấy đứa bé, dê mẹ quỳ gối xuống để cho đứa bé bú sữa. Người chăn dê la bảo dê mẹ không chịu ra, nên đi vào bụi cây đuổi dê mẹ thì nhìn thấy dê mẹ đang quỳ gối cho đứa bé bú sữa. Người chăn dê sung sướng vui mừng kêu lên rằng: “*Ta được đưa con trai!*”, rồi bồng đứa bé về nhà nuôi nấng tử tế.

Bà Kāśi trở về trình lại sự việc đã xảy ra cho ông phú hộ nghe, ông phú hộ lại trao cho bà 1.000 đồng kahāpana, bảo bà đưa cho người chăn dê, rồi bồng đứa bé về.

5- Bé Ghosaka bị ném xuống hố sâu

Khi ấy, ông phú hộ gọi bà tứ gái Kāśi rồi sai bảo rằng:

— *Này Kāśi, bà bồng đứa bé Ghosaka này lên đỉnh núi nơi ném bọn cướp, rồi ném đứa trẻ xuống hố sâu để thân hình nó đụng vào đá tan xương nát thịt rơi xuống đất. Bà theo dõi xem xét nó sống chết thế nào, về trình cho ta biết.*

Bà Kāṣi làm theo lời của ông phú hộ, bồng đứa bé Ghosaka lên đỉnh núi rồi ném đứa bé xuống. Đứa bé rơi xuống nằm trên bụi tre có dây tơ hồng chằng chịt như nằm trên tấm thảm làm bằng lông thú êm ấm. Hôm ấy, người thợ đan tre và đứa con lên núi đốn tre. Khi đốn cây tre xong, lõi cây tre ra, làm cho bụi cây rung chuyển, đứa trẻ phát ra tiếng khóc, người thợ nói rằng:

“Giống như tiếng khóc của một đứa bé”.

Người thợ đi vòng quanh, nhìn lên ngọn bụi tre, thấy đứa bé nằm trên ấy, người thợ sung sướng kêu lên rằng: *“Ta được đứa con trai!”*, rồi bồng đứa bé về nhà nuôi nấng tử tế.

Bà Kāṣi trở về trình lại sự việc xảy ra cho ông phú hộ nghe, ông phú hộ lại trao cho bà 1.000 đồng kahāpana, bảo bà đưa cho người thợ đan tre, rồi bồng đứa bé về.

6- Nghĩ hại người, lại tự làm khổ mình

Ông phú hộ nghĩ mưu kế nào cũng không sát hại được đứa bé Ghosaka, đành nuôi nấng chờ tìm mưu kế khác. Đứa bé Ghosaka càng ngày càng khôn lớn trưởng thành, ngây thơ và tưởng mình là con của ông phú hộ, không hề hay biết ông phú hộ tìm mưu kế sát hại mình. Khi ấy, phú hộ nghĩ ra mưu kế sát hại cậu Ghosaka, ông phú hộ đến chỗ làm đồ gốm, gặp người thợ đồ gốm quen thân, hỏi rằng:

— *Khi nào anh sẽ đốt lò.*

Người thợ trả lời:

— *Ngày mai, thưa ông!*

Ông phú hộ bảo rằng:

— *Như vậy, anh nhận số tiền 1.000 đồng kahāpana này, rồi giúp tôi một việc.*

Người thợ hỏi:

— *Thưa ông việc gì?*

Ông phú hộ bảo rằng:

— *Tôi có một đứa con ngỗ nghịch, vọng ơn, tôi sẽ sai nó đến chỗ anh, anh dẫn nó vào trong phòng chặt nó làm nhiều đoạn, bỏ vào trong hũ, rồi đem đốt trong lò. Tôi xin thưởng cho anh trước 1.000 đồng kahāpana, khi nào anh làm xong, tôi sẽ hậu tạ xứng đáng cho anh.*

Người thợ đồ gốm nhận lời.

Hôm sau, ông phú hộ gọi cậu Ghosaka đến rồi bảo rằng:

— *Này Ghosaka, hôm qua, cha có gặp người thợ đồ gốm nhờ làm một việc, con hãy đến nơi ấy, gặp người thợ đồ gốm nói rằng: “Cha tôi sai tôi đến hỏi ông, công việc cha tôi nhờ ông làm hôm qua, hãy làm cho xong”.*

Cậu Ghosaka vâng lời cha ra đi, vừa ra khỏi nhà, gặp đứa em trai (con ruột của ông phú hộ) đang chơi bắn bi với tính cách ăn thua với nhóm trẻ con. Người em thấy anh Ghosaka đến vui mừng nói rằng:

— *Này anh Ghosaka, em chơi bị thua bọn trẻ này rất nhiều bi, bây giờ nhờ anh chơi hộ, bắn thắng lại số bi ấy cho em.*

Cậu Ghosaka bảo với em rằng:

— *Anh phải đem tin của cha đến chỗ lò gốm đất nung, ở đây chơi trò bắn bi sẽ bị cha rầy la, anh sợ cha lắm!*

Biết cậu Ghosaka có tài chơi trò bắn bi rất giỏi, lúc nào cũng thắng bọn trẻ, nên người em năn nỉ rằng:

— *Thôi anh đừng sợ, để em đem tin của cha đến chỗ lò gốm đất nung thay anh, còn anh ở đây chơi trò bắn bi với nhóm trẻ, thắng lại số bi cho em; anh chờ em trở lại.*

Cậu Ghosaka nói với em rằng:

— *Nếu như vậy, em đến chỗ lò gốm, gặp người thợ đồ gốm nói rằng: “Cha tôi sai bảo tôi đến hỏi ông, công việc cha tôi nhờ ông làm hôm qua, hãy làm cho xong”.*

Người em là người con ruột của ông phú hộ đến gặp người thợ đồ gốm nói như vậy. Khi ấy, người thợ đồ gốm liền giết đứa con của ông phú hộ theo lời

yêu cầu của ông, chặt đũa con từng đoạn bỏ vào hũ đặt vào lò nung thiêu cháy.

Cậu Ghosaka chơi trò bắn bi đợi cho đến chiều không thấy em trở lại, nên trở về nhà. Ông phú hộ nhìn thấy Ghosaka liền hỏi:

— *Con không đi hay sao?*

Cậu Ghosaka thưa với cha (ông phú hộ) rằng:

— *Kính thưa cha, khi con đi ra, gặp em trai chơi trò bắn bi bị thua bọn trẻ, nên nó nhờ con chơi để gỡ lại, còn nó thay con đi đến nhà bác thợ nung lò gốm.*

Khi nghe như vậy, ông phú hộ liền kêu la rằng:

— *Đừng có giết con tôi.*

Ông phú hộ đầu óc choáng váng, bước đi khệnh khạng, đến chỗ người thợ đồ gốm, hai tay ôm đầu kêu la:

— *Hỡi anh thợ thân yêu! Xin đừng làm cho tôi thiệt hại.*

Người thợ đồ gốm thấy ông phú hộ đến kêu la như vậy, bèn thưa với ông phú hộ rằng:

— *Thưa ông phú hộ, ông đừng lớn tiếng kêu la như vậy, công việc ông yêu cầu tôi đã hoàn thành xong rồi.*

Ông phú hộ khổ tâm sâu não tột cùng, như bị quả núi lớn đè lên ngực của ông.

* Người này mưu hại người kia, mà người kia không có tâm mưu hại trở lại; hoặc người này mưu làm khổ người kia, mà người kia không có tâm mưu làm khổ trở lại, thì người mưu làm hại này sẽ phải chịu 10 điều khổ não, như Đức Phật đã dạy:

1- *Chịu khổ tâm cùng cực.*

2- *Bị thiệt hại lớn.*

3- *Bị đau đầu, đứt mạch máu (vì sự nóng nảy quá độ).*

- 4- *Bị bệnh trầm trọng.*
- 5- *Bị phóng tâm, loạn trí, điên cuồng.*
- 6- *Bị tai hại do từ Đức vua.*
- 7- *Bị chê trách dũ dội.*
- 8- *Bà con, bè bạn bị tai nạn.*
- 9- *Của cải, sự nghiệp bị thiệt hại.*
- 10- *Sau khi chết sa vào địa ngục.*

7- **Mưu kế sát hại Ghosaka lần cuối cùng**

Mặc dù vậy, vẫn chưa từ bỏ ý định sát hại cậu Ghosaka, ông phú hộ nghĩ ra được mưu kế:

“Ta sẽ sai Ghosaka đi đến nhà bác thâu thuế 100 gia đình của ta, nhờ bác thâu thuế giết nó”.

Nghĩ xong, ông phú hộ liền viết một lá thư gửi cho bác thâu thuế ấy rằng:

“Người cầm thư này là đứa con ngỗ nghịch vong ơn của tôi, tôi nhờ bác giết nó chết rồi ném xuống hầm phân. Khi giết chết nó xong rồi, tôi sẽ ban thưởng cho bác trọng hậu”.

Ông phú hộ gọi cậu Ghosaka rồi bảo rằng:

— *Này Ghosaka, con mang thư này đưa đến cho bác thâu thuế của nhà ta.*

Ông phú hộ đem lá thư cột vào chéo áo của Ghosaka. Cậu Ghosaka không biết đọc chữ, vì từ nhỏ đến lớn cậu không được học hành chữ nghĩa, cho nên cậu Ghosaka đem thư giết mình, nhưng vẫn không biết, cậu thưa với người cha rằng:

- *Thưa cha, trên đường đi con sẽ ở trọ nơi nào?.*

Ông phú hộ bảo rằng:

- *Con đừng lo, trên đường đi sang tỉnh bên ấy, có một phú hộ là bạn thân của cha, con đến nhà ông phú hộ ăn và nghỉ lại đêm nơi ấy, rồi sáng mai đi tiếp.*

Ghosaka đánh lễ cha rồi từ giã ra đi, đến tỉnh bên hỏi thăm nhà phú hộ, gặp phu nhân của phú hộ, cậu tự giới thiệu tên là Ghosaka, con trai của phú hộ xứ Kosambi. Được biết như vậy, bà phú hộ vô cùng hoan hỷ, bởi vì phú hộ xứ Kosambi với gia đình bà vốn là bạn thân thiết với nhau. Phu nhân phú hộ nhìn thấy Ghosaka đem lòng thương yêu như con của mình.

* **Tình thương yêu phát sinh do hai nguyên nhân**

Gia đình phú hộ tỉnh này có một đứa con gái 16 tuổi rất xinh đẹp đáng yêu. Cô ở trong một căn phòng sang trọng đặc biệt trên tầng lầu thứ 7, với một người tớ gái lo phục vụ cho cô. Khi ấy, cô sai bảo đứa tớ gái đi chợ. Phu nhân phú hộ nhìn thấy đứa tớ gái, gọi lại hỏi rằng:

— *Con đi đâu?*

Người tớ gái thưa rằng:

— *Thưa bà, tiểu thư sai con đi chợ mua sắm đồ.*

Phu nhân phú hộ sai bảo người tớ gái rằng:

— *Con hãy lo nước tắm, nước rửa chân, sắp đặt chỗ nghỉ cho cậu Ghosaka, con của phú hộ xứ Kosambi, rồi đi chợ sau.*

Người tớ gái đi chợ về trễ, bị tiểu thư quở trách. Người tớ gái thưa chuyện với tiểu thư rằng:

“Sở dĩ em về trễ là vì phải lo phục vụ chỗ ở cho công tử phú hộ xứ Kosambi tên Ghosaka xong, rồi mới đi chợ, xin tiểu thư đừng trách em”.

Nghe đến tên Ghosaka, con trai phú hộ Kosambi, con gái phú hộ rung động con tim, lòng yêu thương dạt dào trong lòng, khiến nàng không thể ngồi yên.

Thật ra, cô con gái phú hộ này vốn là vợ yêu quý của cậu Ghosaka trong tiền kiếp. Tiền kiếp Ghosaka tên là Kotuhaliika, người chồng yêu quý nhất của nàng, hai vợ chồng bỗng đứa con nhỏ đi sang xứ khác sinh sống, người vợ hết mực thương yêu chồng. Khi người chồng chết, trở thành góa phụ, người

vợ làm công được ít gạo, nấu cơm để bát dâng cúng đường Đức Phật Độc Giác rồi hồi hướng đền cho người chồng quá cố. Do phước thiện bố thí ấy, nay kiếp này được sinh làm con gái của phú hộ. Cho nên, tình yêu thương trong kiếp trước đã phát sinh trở lại với nàng, khi nghe đến tên, liền cảm thấy thân thương gần gũi lắm.

Do đó, Đức Phật dạy rằng:

“Tình yêu phát sinh do hai nguyên nhân:

- *Do tình yêu vợ chồng sống chung trong kiếp trước.*
- *Do tình nghĩa giúp đỡ lẫn nhau ở kiếp hiện tại”.*

Cô gái phú hộ hỏi người tớ gái rằng:

— *Bây giờ công tử Ghosaka đang ở đâu?*

Người tớ gái:

— *Thưa tiểu thư, công tử đang nghỉ ở trong phòng khách.*

Cô gái phú hộ hỏi:

— *Công tử có mang gì theo không?*

Người tớ gái:

— *Thưa tiểu thư, công tử có mang theo lá thư đeo ở chéo áo.*

Cô gái phú hộ nôn nao muốn biết nội dung của lá thư.

Cô gái phú hộ từ tầng lầu thứ 7 vội vàng đi xuống. Trong nhà, cả người làm lẫn cha mẹ đều không hay biết, nàng lên vào phòng ngủ của công tử Ghosaka, thấy cậu Ghosaka đang nằm ngủ say, tình yêu thương vô hạn phát sinh, nàng muốn biết lá thư nói gì, nên lấy lá thư trở về phòng đọc, nàng giật mình nghĩ rằng:

“Người gì mà khờ khạo đến thế! Mang thư giết mình, mà không hay biết, nếu ta không đọc thư này, thì chắc anh ta chết mất thôi!”.

Nàng xé bỏ lá thư ấy viết lại lá thư khác, dựa theo lời của ông phú hộ, nhưng đổi ý nghĩa lại rằng: *“Thưa bác, con của tôi tên Ghosaka, mang thư này đến bác, nhờ bác thuê 100 nhà, rồi làm một nhà lầu 2 tầng, có hàng rào xung quanh chắc chắn, có người canh gác cửa ngày đêm. Nhờ bác thay mặt tôi đừng làm lễ thành hôn con trai của tôi Ghosaka với con gái phú hộ ở tỉnh ấy. Khi công việc xong rồi, bác báo tin cho tôi biết, tôi sẽ hậu tạ bác”*.

Viết xong nàng gấp lại như cũ, xuống lầu đến phòng ngủ công tử Ghosaka, cột vào chéo áo của cậu ta như trước.

Cậu Ghosaka nghỉ một đêm, sáng dậy ăn uống no đủ, từ giã ông bà phú hộ đi đến nhà bác thuê. Bác thuê nhìn thấy cậu Ghosaka hỏi:

— *Này công tử, công tử đến có công việc gì?*

Cậu Ghosaka thưa rằng:

— *Thân phụ của con gửi thư cho bác đây!*

Ghosaka đưa thư cho bác thuê xem, đọc xong thư bác thuê vô cùng hoan hỷ nghĩ rằng ông phú hộ đã giao cho ông công việc quan trọng, một vinh dự quá lớn lao. Ông tuyên bố với 100 gia đình thuê rằng:

— *Thưa quý bà con, con trai của ông phú hộ mang thư đến cho tôi, giao phận sự cho tôi lo công việc thành hôn đưa con trai lớn của phú hộ với đưa con gái phú hộ tỉnh ấy. Chúng ta hãy mang vật liệu v.v... để xây cất một căn nhà lầu 2 tầng thật xinh đẹp, rồi làm lễ thành hôn cho con trai phú hộ.*

Tất cả mọi người vô cùng hoan hỷ, chung lo xây cất nhà, rồi làm lễ thành hôn con trai lớn của phú hộ với con gái của phú hộ tỉnh ấy xong, cho người báo tin cho ông phú hộ xứ Kosambi biết rằng:

“Công việc ông phú hộ giao cho tôi, bây giờ tôi đã làm xong”.

Ông phú hộ nghe người đem tin thuật lại sự việc ngoài ý muốn của mình, ông than thở rằng:

“Ta muốn làm điều nào, thì điều ấy không thành tựu, ta không muốn làm điều nào, thì điều ấy lại thành tựu”.

Ông phú hộ khổ tâm buồn phiền lâm bệnh nặng, một phần vì thương tiếc đứa con ruột, một phần uất ức đứa con nuôi, bao nhiêu lần giết nó mà vẫn không thành; căn bệnh của phú hộ càng ngày càng trầm trọng, không có thuốc men nào điều trị cho khỏi được.

Về phần con gái phú hộ, sau khi làm lễ thành hôn với cậu Ghosaka rồi, nàng điều khiển nhóm gia nhân, bảo rằng:

— *Nếu có người nhà ông phú hộ xứ Kosambi đến đây, mang tin tức gì, các người hãy cho ta biết trước, không được cho cậu Ghosaka biết trước.*

Ông phú hộ lâm bệnh nặng, nhưng nghĩ rằng:

“Ta sẽ không cho đứa con nuôi xấu số này thừa hưởng của cải sự nghiệp của ta”.

Ông phú hộ sai người đem thư đến gọi đứa con nuôi Ghosaka về gặp ông hai lần mà phu nhân của Ghosaka vẫn giấu kín tin, không cho công tử Ghosaka biết; mãi đến lần thứ ba, người nhà phú hộ đem tin đến, bảo công tử Ghosaka trở về nhà cho ông phú hộ gặp mặt. Lần này phu nhân của Ghosaka hỏi thăm tình hình và biết ông phú hộ lâm bệnh nặng trầm trọng, không thể sống lâu được nữa, nàng mới báo tin cho chồng biết:

— *Cha của anh bị bệnh nặng trầm trọng, hai vợ chồng chúng ta nên sắp đặt trở về thăm cha.*

Nàng muốn kéo dài thời gian, nên nàng tính đem xe chở của cải hàng hóa thu thuế 100 nhà về nhà chồng. Khi cậu Ghosaka về đến nhà, thì ông phú hộ đã quá yếu rồi, người nhà báo tin cho ông phú hộ biết cậu Ghosaka về đến. Cậu Ghosaka đứng phía dưới chân của người cha, vợ của Ghosaka đứng ở phía trên đầu. Ông phú hộ gọi người thủ kho báo cáo tất cả của cải vàng bạc trong kho của ông và của cải bên ngoài. Người thủ kho báo cáo: *“Của cải có 400.000.000 (bốn trăm triệu), còn ruộng đất, đàn gia súc: trâu, bò, ngựa, xe cộ, v.v... có chừng ấy, chừng ấy, ...”.* Ông phú hộ nghĩ không muốn cho cậu Ghosaka số của cải, tài sản ấy, nhưng miệng lại nói cho, ngược lại với điều ông đã nghĩ. Bởi vì, do phước thiện của cậu Ghosaka khiến ông phú hộ nói trái với điều ông suy nghĩ; sau đó, ông phú hộ chết, tất cả của cải, tài sản sự nghiệp của ông ta đều thuộc về cậu Ghosaka.

* **Cuộc đời Ghosaka trở thành phú hộ**

Sau khi ông phú hộ xứ Kosambi chết, các quan tâu lên Đức vua Udena xứ Kosambi.

Đức vua hỏi:

— Ông phú hộ có đứa con nào không?

Các quan tâu:

— Thưa có một đứa con tên là Ghosaka.

Đức vua truyền lệnh gọi cậu Ghosaka đến, rồi ban cho Ghosaka thừa kế chức tước phú hộ của người cha để lại. Từ đó Ghosaka trở thành phú hộ xứ Kosambi.

Một hôm, phu nhân phú hộ nhìn Ghosaka mỉm cười, phú hộ hỏi phu nhân cười việc gì, nàng nói cho Ghosaka biết, ngày nay chàng trở thành phú hộ như thế này là nhờ nàng giúp một phần.

Phú hộ Ghosaka không thể tin lời phu nhân, phú hộ Ghosaka tin rằng:

“Ta là người con thừa kế của cải và chức tước của người cha để lại”.

Phú hộ Ghosaka không hề hay biết gì về thân phận của mình, và những sự việc mà ông phú hộ đã đối xử với mình. Do đó, phú hộ Ghosaka không thể tin lời phu nhân. Nàng kể lại việc cậu Ghosaka đem lá thư đến bác thủ thuế, nhờ bác ấy giết cậu, chính nàng đã xé bỏ thư ấy, rồi viết lại thư khác, nhờ bác ấy làm lễ thành hôn với con gái phú hộ, v.v...

Phú hộ Ghosaka vẫn chưa tin, nàng cho người gọi bà tở gái Kāśi đứng ra làm chứng. Bà tở gái thân tín đứng ra làm chứng thuật lại, kể từ khi Ghosaka còn là đứa trẻ sơ sinh, ông phú hộ đã tốn nhiều tiền, với cố tâm giết chết Ghosaka, nhưng không thể nào giết được.

Ghosaka thoát chết 7 lần, nay trở thành phú hộ ở xứ Kosambi này. Phú hộ Ghosaka nghe qua tiểu sử cuộc đời của mình như vậy, nên suy nghĩ rằng:

“Ta đã làm nghiệp gì nặng mà ta bị tai nạn như thế ấy, ta đã làm phước thiện gì, mới được thoát chết như vậy, từ nay ta không nên để đuôi, cố gắng tạo mọi phước thiện”.

Từ đó, phú hộ Ghosaka mỗi ngày đem của cải ra làm phước bố thí, cho mọi người đói khát đi đường, v.v...

Về sau, khi nghe tin **Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng** xuất hiện trên thế gian, **phú hộ Ghosaka** cùng với hai người bạn cũng là phú hộ tên **Kukkuā** và **Pāvārika** cùng nhau đến hầu Đức Phật tại xứ Sāvatti, nghe pháp xong, cả ba phú hộ đều chứng đắc **bậc Thánh Nhập Lưu**. Cả 3 phú hộ thỉnh Đức Phật cùng chư Đại đức Tăng ngự đến xứ Kosambi, rồi mỗi người xây cất một ngôi chùa dâng cúng dường đến Đức Phật cùng chư Đại đức Tăng.

- Phú hộ Ghosaka xây cất ngôi chùa đặt tên *Ghositārāma*.
- Phú hộ Kukkuā xây cất ngôi chùa đặt tên *Kukkuārāma*.
- Phú hộ Pāvārika xây cất ngôi chùa đặt tên *Pāvāritārāma*.

3 ông hộ độ Tam Bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.

2- Sự tích người phạm điều giới trộm cắp

Khi ấy, Đức Phật ngự tại cung điện Vua Bimbisāra trong kinh thành Magadha thuyết kinh *Tirokuāasutta* này.

Trong Chú giải kinh *Tirokuāasutta* [30] Đức Phật thuyết về *nhóm ngạ quỷ* tiền kiếp là bà con của Đức vua Bimbisāra, được tóm lược như sau:

Ở thời Đức Phật Phussa xuất hiện trên thế gian, lúc đó tuổi thọ của con người khoảng 90.000 (chín chục ngàn) năm, cách thời kỳ Đức Phật Gotama 92 đại kiếp trái đất, đã trải qua 7 Đức Phật là *Đức Phật Vipassī, Đức Phật Sikhī, Đức Phật Vessabhū, Đức Phật Kakusandha, Đức Phật Koāgamana, Đức Phật Kassapa*, rồi đến *Đức Phật Gotama* của chúng ta hiện tại.

Đức Phật Phussa nguyên là Hoàng thái tử của Đức vua Jayasena và Mẫu hậu Sirimā, cùng có 3 hoàng đệ cùng Phụ vương khác Mẫu hậu.

3 Hoàng tử huynh đệ xin phép Vua cha hộ độ Đức Phật Phussa cùng chư Đại đức Tỳ khưu Tăng suốt 3 tháng hạ. 3 Hoàng tử cùng 2.500 người tùy tùng hộ độ Tam Bảo. 3 huynh đệ Hoàng tử truyền lệnh cho quan thủ kho cùng với vợ là người có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, hằng ngày lo giúp công việc làm phước bố thí vật thực đến Đức Phật Phussa cùng chư Đại đức Tỳ khưu Tăng một cách tôn kính; truyền lệnh cho vị quan thu thuế cùng dân chúng

khoảng 11.000 (mười một ngàn) người làm. Trong số người ấy, một số không có đức tin nơi Tam Bảo, có tâm ganh tỵ và bủn xỉn, họ đã **phạm điều giới trộm cắp** những thứ dùng để làm thức ăn cúng dường Đức Phật cùng chư Đại đức Tăng, đem ăn trước và đem phân phát cho các con của họ cùng ăn nữa, đã *tạo ác nghiệp trộm cắp của Tăng*, lại còn đốt cháy nhà bếp.

Đến khi ra hạ, 3 Hoàng tử huynh đệ làm phước lớn cúng dường Đức Phật cùng chư Đại đức Tăng, kính thỉnh Đức Phật cùng chư Đại đức Tăng ngự về thăm Vua cha.

Đức Phật Phussa thọ 90.000 tuổi; sau đó Ngài tịch diệt Niết Bàn, Đức vua băng hà, 3 Hoàng tử huynh đệ, các vị quan thủ kho, các vị quan thu thuế cùng vợ và một số dân chúng có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo làm phước bố thí cúng dường đến Đức Phật cùng chư Đại đức Tăng một cách tôn kính, lần lượt chết. Sau khi chết, do nhờ thiện nghiệp cho quả đều tái sinh lên cõi trời hưởng mọi sự an lạc, từ cõi trời này đến cõi trời khác.

Còn nhóm người không có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, đã **phạm điều giới trộm cắp** những thứ dùng để làm thức ăn cúng dường Đức Phật cùng chư Đại đức Tăng, đem ăn trước và phân phát cho các con của họ cùng ăn nữa, *tạo ác nghiệp trộm cắp của chư Tăng*. Cho nên, sau khi chết, do *ác nghiệp trộm cắp cho quả tái sinh vào địa ngục này đến địa ngục khác* suốt thời gian 92 đại kiếp trái đất, trải qua 5 Đức Phật là *Đức Phật Vipassī, Đức Phật Sikhī, Đức Phật Vessabhū, Đức Phật Kakusandha, Đức Phật Koāgamana*, cho đến thời kỳ của *Đức Phật Kassapa*, tiền kiếp của nhóm người trộm cắp của chư Tăng trước đây, mới thoát ra khỏi địa ngục, do *ác nghiệp trộm cắp còn dư sót cho quả tái sinh làm ngạ quỷ*.

Trong thời kỳ Đức Phật Kassapa xuất hiện trên thế gian, vào thời đại con người có tuổi thọ 20.000 (hai mươi ngàn) năm, những người cận sự nam, cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, làm phước bố thí cúng dường đến Đức Phật cùng chư Đại đức Tỳ khưu Tăng rồi hồi hướng đến thân bằng quyến thuộc của họ là hàng ngạ quỷ. Những hàng ngạ quỷ khi hoan hỷ nhận được phước hồi hướng của thân bằng quyến thuộc, tất cả bọn chúng được thoát khỏi cảnh ngạ quỷ đói khát, đau khổ, tái sinh làm chư thiên được sự no đủ an lạc hạnh phúc. Khi ấy, nhóm ngạ quỷ kiếp trước là bà con của vị quan thu thuế trong thời kỳ Đức vua Jayasena, thấy nhóm ngạ quỷ kia thoát khỏi cảnh đói khát, đau khổ, được sự no đủ an lạc hạnh phúc, nên kéo nhau đến hầu Đức Phật Kassapa bạch rằng:

— *Kính bạch Đức Thế Tôn, đến bao giờ tất cả chúng con mới có thân quyến hồi hướng phước thiện bố thí đến nhóm nga quý chúng con, để chúng con thoát khỏi cảnh khổ, được hưởng sự an lạc? Bạch Ngài.*

Đức Phật Kassapa dạy rằng:

— *Này các nga quý, bây giờ các con chưa được gì đâu! Các con hãy chờ cho đến thời kỳ Đức Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, thuở ấy, Đức vua gọi là Bimbisāra đã từng là thân quyến của các con cách đây 92 đại kiếp trái đất. Đức vua Bimbisāra sẽ làm phước cúng dường đến Đức Phật Gotama cùng chư Đại đức Tăng, rồi hồi hướng phước thiện bố thí ấy đến cho các con.*

Nhóm nga quý nghe lời thọ ký của Đức Phật Kassapa [31], tâm cảm thấy vô cùng hoan hỷ trông ngóng như sắp được hoan hỷ phần phước thiện vào ngày hôm sau.

Khi Đức Phật Kassapa tịch diệt Niết Bàn và giáo pháp của Ngài cũng hoàn toàn tiêu hoại. Từ đó, con người làm cho mọi thiện pháp từ từ suy thoái, còn ác pháp càng ngày càng phát triển, do đó, tuổi thọ con người càng ngày càng giảm dần, giảm dần từ 20.000 năm xuống còn khoảng 10 năm. Từ đó, con người kinh sợ tội lỗi, tránh xa ác pháp; cố gắng tạo thiện pháp; mọi thiện pháp dần dần phát triển, còn ác pháp từ từ suy thoái; cho nên, tuổi thọ con người tăng dần, tăng dần từ 10 năm lên đến tột cùng a-tăng-kỳ năm [32]. Sau đó, con người bắt đầu dễ dãi, ác pháp phát sinh, làm cho tuổi thọ con người lại giảm dần, giảm dần cho đến khi tuổi thọ còn khoảng 100 năm. Khi ấy, Đức Phật Gotama hiện tại của chúng ta xuất hiện trên thế gian.

Như vậy, từ Đức Phật Kassapa cho đến Đức Phật Gotama, trải qua thời gian lâu dài không thể tính bằng số được.

Trong thời kỳ Đức Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, hậu kiếp của 3 Hoàng tử huynh đệ của Đức vua Jayasena cùng nhóm tùy tùng, các quan trong kiếp quá khứ như sau:

— *Hậu kiếp của 3 Hoàng tử huynh đệ trong kiếp quá khứ, nay kiếp hiện tại sinh làm người đã xuất gia trở thành 3 Đạo sĩ trưởng. Và nhóm tùy tùng 2.500 người trong kiếp quá khứ, nay cũng xuất gia trở thành 2.500 Đạo sĩ, đệ tử của 3 Đạo sĩ trưởng. Đức Phật Gotama ngự đến tế độ 3 Đạo sĩ trưởng cùng nhóm đệ tử, tất cả đều xuất gia trở thành Tỳ khưu, rồi đều chứng đắc thành bậc Thánh Arahán.*

— Hậu kiếp của *vị quan thủ kho* trong quá khứ, nay kiếp hiện tại ông là *phụ hộ Visakha*; và *vợ vị quan thủ kho* trong kiếp quá khứ, nay bà là *vợ của phụ hộ Visakha, có tên là Dhammadinnā*. Đức Phật cùng chư Tỳ khuru Tăng ngự đến tế độ ông phú hộ Visakha, ông phú hộ chứng đắc thành bậc Thánh Bất Lai; và vợ của ông phú hộ là bà Dhammadinnā xuất gia trở thành Tỳ khuru Ni rồi chứng đắc thành bậc Thánh Arahán.

— Hậu kiếp của *vị quan thu thuế* kiếp quá khứ, nay kiếp hiện tại ông là *Đức vua Bimbisāra* ngự tại kinh thành Rājagaha, trị vì xứ Magadha. Đức Phật ngự đến tế độ Đức vua Bimbisāra, Đức vua đã chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, cùng với số đông các quan và dân chúng trong kinh thành Rājagaha.

— Hậu kiếp *những người bà con của vị quan thu thuế*, mà không có đức tin nơi Tam Bảo, ***đã phạm điều giới trộm cắp*** đồ ăn của chư Tỳ khuru Tăng trong kiếp quá khứ, nay kiếp hiện tại chúng là *nhóm nga quỹ đói khát*.

Đức vua Bimbisāra có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, Tam Bảo, xây dựng ngôi chùa Veṅgavana dâng đến chư Đại đức Tăng tứ phương có Đức Phật chủ trì chứng minh. Nhóm nga quỹ thân quyến đang trông chờ Đức vua hồi hướng phần phước thiện đến cho họ; nhưng trong dịp ấy, Đức vua quên không hồi hướng phần phước thiện bố thí đến cho chúng. Nhóm nga quỹ thân quyến thất vọng đêm khuya đến kêu la, than khóc phát ra âm thanh đáng kinh sợ.

Sáng ngày, Đức vua đến hầu Đức Phật, bạch hỏi do nhân nào có hiện tượng như vậy.

Đức Phật dạy:

“Này Đại vương, không có gì đáng kinh sợ, đó là tiếng kêu la than khóc của nhóm nga quỹ thân quyến của Đại vương trong quá khứ. Nhóm nga quỹ này trông ngóng Đại vương làm phước thiện bố thí, rồi hồi hướng phần phước thiện cho chúng, để chúng thoát khỏi cảnh khổ, được tái sinh nơi cõi thiện dục giới ”.

Lắng nghe Đức Phật dạy như vậy, Đức vua liền bạch:

— *Kính bạch Đức Thế Tôn, ngày mai con kính thỉnh Đức Thế Tôn cùng chư Đại đức Tăng ngự đến cung điện của con, để con làm phước thiện bố thí*

một lần nữa, lần này con sẽ hồi hướng phước thiện đến nhóm nga quý thân quyến của con.

Đức Phật im lặng nhận lời thỉnh mời của Đức vua.

Đức vua Bimbisāra đánh lễ Đức Thế Tôn trở về cung điện, sửa soạn vật thực làm phước thiện bố thí cho ngày hôm sau.

Phước thiện bố thí và hồi hướng

Sáng hôm sau, Đức Phật cùng chư Đại đức Tăng ngự đến cung điện của Đức vua. Chính tự tay Đức vua cúng dường vật thực đến Đức Phật cùng chư Đại đức Tăng xong, Đức Phật thuyết bài kinh “*Tiroku□□apetavattthu*” tế độ nhóm nga quý, đồng thời Đức vua Bimbisāra hồi hướng phần phước thiện bố thí ấy đến nhóm nga quý thân quyến. Chúng phát sinh thiện tâm hoan hỷ thọ hưởng phần phước thiện ấy, nên tất cả bọn chúng đều thoát khỏi kiếp nga quý đói khát ngay khi ấy; do nhờ *năng lực phước thiện cho quả, được tái sinh làm chư thiên*, hưởng mọi sự an lạc trong cõi trời dục giới.

Chúng ta được sinh làm người, có cơ hội làm phước thiện bố thí, còn các chúng sinh khác khó có cơ hội bố thí. Cho nên, chúng ta nên tìm cơ hội tốt để làm phước thiện bố thí, rồi hồi hướng phần phước thiện ấy đến cho thân quyến của chúng ta đang chịu đói khát, khổ cực trong hàng nga quý; lúc nào họ cũng trông ngóng đến sự hồi hướng phước thiện của thân quyến. Khi họ hay biết hoan hỷ phần phước thiện, mà chúng ta hồi hướng đến cho họ, chắc chắn họ thoát ra khỏi kiếp nga quý đói khát, do nhờ phước thiện ấy cho quả được tái sinh cõi thiện dục giới : *Cõi trời, cõi người*.

Cho nên, khi thí chủ tạo được phước thiện nào xong rồi, nên đọc câu hồi hướng rằng:

*“Ida□ no ñātina□ hotu,
Sukhitā hontu ñātayo...”* [\[33\]](#) .

“Phước thiện bố thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả thân quyến của chúng tôi, từ kiếp hiện tại cho đến vô lượng kiếp trong quá khứ. Cầu mong tất cả thân quyến phát sinh thiện tâm hoan hỷ thọ nhận phần phước thiện này, để thoát khỏi cảnh khổ, được an lạc lâu dài”.

Như vậy, thân quyến là loài nga quý đang đứng trông chờ hoan hỷ phần phước thiện mà thân quyến đã hồi hướng, ngay khi ấy, do năng lực phước

thiện cho quả, họ được thoát khỏi kiếp sống nọ quý đói khát, được chuyển kiếp tái sinh làm người hoặc làm chư thiên, hưởng mọi sự an lạc trong cõi trời.

3- Sự tích của người phạm điều giới tà dâm

Người phạm điều giới tà dâm là người có quan hệ tình dục bất chính với vợ hoặc chồng của người khác, đã tạo nên ác nghiệp tà dâm.

* Quả khổ của ác nghiệp tà dâm

Trích trong bộ *Therīgāthā* (Đại đức Tỳ khuru ni kệ), Đại đức Tỳ khuru ni *Isidāsitheri* [34] thuật lại rằng:

Tỳ khuru ni Isidāsi và *Tỳ khuru ni Bodhī* là bậc có giới đức hoàn toàn trong sạch, nhập thiên an hưởng sự an lạc trong thiên, là bậc đa văn túc trí, bậc Thánh Arahán đã tận diệt mọi phiền não.

2 Đại đức Tỳ khuru ni cùng nhau đi khất thực, độ xong cùng trở về, ngồi nghỉ một nơi thanh vắng đàm đạo với nhau.

Đại đức Tỳ khuru ni Bodhī hỏi Đại đức Tỳ khuru ni Isidāsi rằng:

— *Này em Isidāsi, em là bậc đáng kính trọng, em đang còn trẻ, em thấy tội lỗi gì trong đời mà em xuất gia Tỳ khuru ni vậy?*

Đại đức Tỳ khuru ni Isidāsi là bậc trí tuệ thông minh, có tài thuyết pháp đã thưa rằng:

— *Thưa chị Bodhī, xin chị nghe em thuật lại câu chuyện cuộc đời em, khiến em đi xuất gia như vậy:*

“Em là đứa con gái duy nhất trong gia đình, cha em là phú hộ ở trong thành Ujjeni, là người có giới, có lòng từ bi thương yêu em.

Khi em đã trưởng thành, có một người con trai phú hộ ở xứ Sāketa đến xin làm lễ cưới em về làm vợ, thân phụ của em bằng lòng cho em về làm dâu gia đình phú hộ xứ Sāketa.

Em đã về nhà cha mẹ chồng, hằng ngày, em đánh lễ cha mẹ chồng; cha mẹ chồng dạy bảo điều nào em cũng làm tròn phận sự điều ấy.

Chị gái, em gái, anh trai, em trai, bà con, bạn bè người quen biết bên chồng, em chỉ thấy một lần, về sau khi gặp lại em cư xử kính trọng lễ phép, tiếp đón tử tế bằng thức ăn, nước uống, đồ dùng v.v..., em biết những gì hợp với người nào, em tiếp đãi biếu tặng cho người ấy.

Buổi sáng, em thường thức dậy sớm, rửa mặt rửa tay xong, chấp tay đi vào hầu hạ chồng, nào lấy nước nóng nhúng khăn lau mặt, chải tóc, xoa vật thơm, lấy gương soi mặt, đem áo quần thay mới, hầu hạ chồng em, như người tớ gái ngoan ngoãn vâng lời chủ.

Em tự nấu cơm canh, rửa chén bát, giặt quần áo cho chồng, ... Người mẹ hiền sẵn sóc đũa con yêu quý duy nhất như thế nào, em cũng sẵn sóc chồng như thế ấy.

Em chỉ có một mực hết lòng thương yêu, chiều chuộng chồng, chung thủy với chồng, làm tròn bổn phận người vợ trung thực đối với chồng. Em không hề có tính ngã mạn khó dạy, không hề lười biếng, nhác làm. Em là người siêng năng cần mẫn, dễ dạy, có giới trong sạch và đầy đủ.

Thế mà chồng em không vừa lòng với em, không thương yêu em, chồng em thưa với cha mẹ rằng:

— *Kính thưa cha mẹ, con sẽ bỏ nhà ra đi, con không thể nào sống chung cùng trong một ngôi nhà với nàng Isidāsi được.*

Cha mẹ chồng bảo chồng em rằng:

— *Này con yêu quý, con chớ nên nói như vậy, nàng Isidāsi là người thiện thông minh, siêng năng chăm chỉ, làm tròn phận sự của người vợ hiền, dâu thảo. Tại sao con không vừa lòng, không thương yêu Isidāsi vậy con!*

Chồng em thưa với cha mẹ rằng:

— *Kính thưa cha mẹ, Isidāsi không hề làm điều gì để cho con phật ý, không vừa lòng cả, nhưng thưa cha mẹ, con không thể sống chung với Isidāsi được, con không muốn nhìn thấy mặt Isidāsi, con xin phép từ giã cha mẹ, con xin đi nơi khác.*

Cha mẹ chồng khi nghe chồng em nói như vậy, đến hỏi em rằng:

— *Này con yêu quý, con đã làm điều gì sai quấy, làm cho chồng con không vừa lòng mà muốn từ bỏ con, con hãy nói thật cho cha mẹ nghe điều ấy?*

Em thưa với cha mẹ chồng rằng:

— *Kính thưa cha mẹ, con không hề làm điều gì sai quấy, con không hề làm điều gì khiến cho chồng con phật ý, không vừa lòng cả. Con không hề coi thường chồng con, con không hề nói lời thô tục khiến chồng con không vừa lòng hoặc giận hờn con cả.*

Cha mẹ chồng em khổ tâm vô cùng, không nói gì cả, nhưng dù sao cũng phải giữ con trai ở lại nhà, không cho con trai đi nơi khác, nên đành phải trả em trở về nhà cha mẹ em ở thành Ujjeni.

Thế là kể từ đó, em trở thành người đàn bà đẹp bị chồng bỏ.

Em về sống với gia đình cha mẹ em được một thời gian, cha của em lại gả em cho một người con trai của một gia đình giàu có, của cải bằng một nửa gia đình cha mẹ người chồng thứ nhất.

Em sống chung với người chồng thứ hai, em cố gắng làm tròn phận sự của một người vợ, một người con dâu trong gia đình cha mẹ chồng, em hầu hạ săn sóc chồng em như một người đầy tớ gái hầu hạ săn sóc chủ.

Mặc dù vậy, em hầu hạ săn sóc chồng em được một tháng, người chồng thứ hai cũng gửi trả em về lại với cha mẹ của em.

Em trở về sống với gia đình cha mẹ em. Một hôm, cha em gặp một chàng trai trẻ đi lang thang, đi xin ăn sống nhờ vào lòng từ bi của người khác, chàng trai trẻ có thân, khẩu, ý hành thiện tốt. Cha em bảo chàng trai hành khát ấy:

— *Anh hãy đến làm rể của nhà tôi, anh hãy vất bỏ cái nôi đất nhỏ, cái bát xin cơm, bộ đồ rách rưới dơ bẩn của anh đi.*

Anh ấy đồng ý đến làm rể của cha mẹ em, làm chồng của em.

Em sống chung với người con trai hành khát ấy là người chồng thứ ba được trọn mười lăm (15) ngày. Người con trai hành khát ấy thưa với cha em rằng:

— Thưa ông, xin ông trả lại cái nồi đất nhỏ, cái bát xin cơm, và bộ đồ rách rưới dơ bẩn ấy lại cho con, để cho con đi xin ăn, con không thể sống chung với nàng Isidāsi được.

Cha mẹ em và người bà con hỏi anh chàng hành khất ấy rằng:

— Có điều gì làm con không được vừa lòng trong căn nhà ấy, con hãy nói, cha mẹ và bà con sẽ giúp đỡ cho con được vừa lòng như ý.

Chàng trai hành khất thưa với cha mẹ em và bà con rằng:

— Tôi muốn được sống tự do, tôi không muốn sống chung với nàng Isidāsi.

Cha mẹ em phải để cho chàng trai hành khất ra đi sống tự do, còn lại một mình em suy nghĩ: “Em nên từ biệt cha mẹ, em nên đi tự tử, hoặc nên đi xuất gia Tỳ khuru ni”.

Khi ấy, Đại đức Tỳ khuru ni Jinadattā, Ngài có giới đức trang nghiêm, bậc đa văn túc trí đến khất thực tại nhà em. Em nhìn thấy Đại đức Tỳ khuru ni, cung kính đón rước tiếp đãi, trải chỗ cho Ngài ngồi, em đánh lễ dưới hai bàn chân của Ngài, rồi kính dâng vật thực cúng dường đến Ngài. Khi Đại đức Tỳ khuru ni Jinadattā độ vật thực xong, em đánh lễ và bạch rằng:

— Kính thưa Đại đức ni, con có nguyện vọng muốn xuất gia Tỳ khuru ni, kính xin Ngài từ bi tế độ cho con.

Khi ấy cha mẹ em bảo với em rằng:

— Này con gái yêu quý, con nên sống tại nhà, thực hành pháp, dâng vật thực cúng dường đến Samôn, Balamôn, như vậy cũng tốt chứ con!

Em chấp tay lạy cha mẹ, vừa khóc vừa thưa với cha mẹ rằng:

— Kính xin cha mẹ từ bi cho phép con được xuất gia Tỳ khuru ni, con cố gắng thực hành phạm hạnh để làm cho ác nghiệp cũ của con hết hiệu lực cho quả.

Cha mẹ em biết không thể ngăn được ý nguyện của em, cha mẹ đành cho phép em xuất gia Tỳ khuru ni. Cha mẹ em còn cầu chúc cho em chứng đắc Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn cao thượng mà Chư

Phật đã dạy: “Niết Bàn là pháp an lạc tuyệt đối, đối với chúng sinh đã chứng ngộ”.

Em chấp tay lạy cha mẹ và bà con, rồi xin đi xuất gia Tỳ khuru ni.

Sau khi em xuất gia Tỳ khuru ni được 7 ngày, em đã chứng đắc Arahán Thánh Đạo đến Arahán Thánh Quả cùng Tam minh, trở thành bậc Thánh Arahán. Em đã nhớ rõ lại tiền kiếp của em suốt 7 kiếp, kể từ kiếp hiện tại này trở lại theo tuần tự 7 kiếp quá khứ của em, để biết ác nghiệp nào cho quả khiến cho cuộc đời của em bị chông không vừa lòng bỏ em như vậy.

Em xin kể lại quả của ác nghiệp đã tạo trong tiền kiếp. Xin chị lắng tai nghe ác nghiệp và quả ác nghiệp ấy:

* **Quả khổ não của ác nghiệp tà dâm**

- **Tiền kiếp thứ 7**, kể từ kiếp này trở lui, em là **con trai tiệm vàng** có nhiều của cải giàu sang ở thành Erakaccha, là người dễ dãi si mê trong thời trẻ trung, **đã phạm điều giới tà dâm với vợ người khác**, đã tạo nên **ác nghiệp tà dâm**.
- **Tiền kiếp thứ 6**, sau khi con trai tiệm vàng chết, do ác nghiệp tà dâm cho quả tái sinh vào **cõi địa ngục**, chịu khổ não suốt thời gian lâu dài trong đại địa ngục Avīci, là quả khổ của ác nghiệp phạm điều giới tà dâm, cho đến khi mãn quả ác nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cảnh địa ngục.
- **Tiền kiếp thứ 5**, sau khi thoát ra khỏi cảnh địa ngục, do ác nghiệp tà dâm cho quả tái sinh làm **con khỉ đực**. Khỉ đực con sinh ra được 7 ngày, bị con khỉ chúa cắt đứt bộ dương vật. Đó là quả của ác nghiệp tà dâm.
- **Tiền kiếp thứ 4**, sau khi kiếp con khỉ chết, do ác nghiệp tà dâm cho quả tái sinh làm **con dê đực** bị mù mắt, què chân; về sau, cũng bị cắt đứt bộ dương vật, rồi sinh bệnh sưng làm mù, đòi ăn bộ sinh dục, phải chịu đau khổ suốt 12 năm rồi chết. Đó là quả của ác nghiệp tà dâm.
- **Tiền kiếp thứ 3**, sau khi dê đực chết, do ác nghiệp tà dâm cho quả tái sinh làm **con bò đực** có bộ lông nâu. Khi lớn lên được 12 tháng cũng bị thiếu bộ sinh dục. Kiếp làm bò đực, khi thì người chủ bắt kéo cày, khi thì người chủ bắt kéo xe, không có lúc nào được nghỉ ngơi; về sau, kiếp bò đực ấy bị mù đôi mắt, bệnh hoạn rồi chết. Đó là quả của ác nghiệp tà dâm.

— **Tiền kiếp thứ 2**, sau khi kiếp bò đực chết, do thiện nghiệp khác cho quả tái sinh làm con của một người tó gái, là **đứa trẻ ái nam ái nữ** (không phải trai cũng không phải gái), sống được 30 tuổi rồi chết. Đó là quả của ác nghiệp tà dâm.

— **Tiền kiếp thứ nhất**, sau khi kiếp ái nam ái nữ chết, do thiện nghiệp khác cho quả tái sinh làm **người con gái** ở gia đình thợ dệt chiếu nghèo nàn cực khổ, túng thiếu mang nợ, chủ nợ đến đòi, không trả nổi, người chủ nợ lấy tất cả của cải, bắt gia đình, kể cả con gái về làm tôi tớ. Về sau, khi đứa con gái (là em) lớn được 16 tuổi rất xinh đẹp, người con trai chủ nợ tên Giridāsa bắt ép làm vợ, mặc dù ông ta đã có vợ lớn rồi. Người vợ lớn là người có giới, có đức hạnh tốt, thương yêu chiều chuộng chung thủy với chồng. Song ông Giridāsa rất say mê người vợ nhỏ xinh đẹp. Thấy vậy, người vợ nhỏ (là em) năn nỉ, lời ngon, tiếng ngọt, xúi dục ông Giridāsa đuổi người vợ lớn ra khỏi nhà. Do ác nghiệp đó nên kiếp này 3 người chồng đều ruồng bỏ em, đuổi ra khỏi nhà, không muốn nhìn mặt em, mặc dù em hết lòng hầu hạ chồng như người tó gái ngoan lo phục vụ chủ. Đó là ác nghiệp xúi dục chồng đuổi vợ lớn ra khỏi nhà.

Kiếp hiện tại này là kiếp cuối cùng của em, quả của mọi ác nghiệp sẽ kết thúc trong kiếp sống chót này, vì kiếp này em đã chứng đắc thành bậc Thánh Arahán, sẽ tịch diệt Niết Bàn chấm dứt mọi cảnh khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài, không còn tái sinh trở lại kiếp nào nữa.

* **Quả khổ của ác nghiệp tà dâm**

Trích trong bộ Chú giải Pháp cú, khi ấy Đức Phật đang ngự tại chùa Jetavana đề cập đến câu chuyện *Aññatarapurisavatthu* [35] : Có một đoạn nói về **quả khổ của ác nghiệp tà dâm**, được tóm lược như sau:

Một hôm, Đức vua Pasenadi Kosala cỡi bạch tượng trang sức lộng lẫy có đoàn quân lính hầu ngự đi trong thành biểu dương oai lực của Đức vua. Khi ấy, một người đàn bà rất xinh đẹp, đứng ở cửa sổ trên tầng 7 của lầu đài nhìn Đức vua; Đức vua ngẩng lên nhìn thấy nàng đẹp như tiên nữ, Đức vua sinh tâm yêu say đắm nàng ấy. Khi trở về cung điện, Đức vua gọi vị quan cận thần đi dò hỏi xem nàng đã có chồng hay chưa. Vị quan cận thần về tâu cho Đức vua biết, nàng đã có chồng rồi. Đức vua truyền lệnh đòi chồng của nàng vào, Đức vua bày mưu kế hiểm giết người chồng, để chiếm người vợ trẻ rất xinh đẹp ấy. Mưu kế đã đặt bày, đợi ngày hôm sau mới giết người đàn ông

và sẽ chiếm người vợ trẻ xinh đẹp, Đức vua bị lửa tình dục thiêu đốt, suốt đêm không sao ngủ được, trông cho mau đến sáng.

Khi ấy, có 4 chúng sinh trong địa ngục **Lohakumbhi** “**Địa ngục nước đồng sôi**” (chiều sâu 60 do tuần) bị lửa ngục thiêu đốt, nước đồng sôi làm cho cả 4 chúng sinh ấy nhào lên rồi lộn xuống, giống như hạt gạo đang sôi trong nồi cháo lỏng. Từ miệng địa ngục nước đồng sôi chìm đến đáy thời gian 30.000 (ba mươi ngàn) năm; rồi từ đáy nước đồng sôi nổi lên đến miệng thời gian 30.000 (ba mươi ngàn) năm, vừa đến miệng 4 chúng sinh nhìn nhau định đọc một câu kệ, nhưng thời gian không kịp, cho nên mỗi chúng sinh ấy chỉ đọc được âm: **Du, sa, na, so**. Đức vua suốt đêm không ngủ được, vào canh giữa đêm nghe rõ 4 âm đầu “*du, sa, na, so*”. Đức vua kinh sợ không biết chuyện gì sẽ xảy đến cho mình, cho Hoàng hậu hoặc cho ngai vàng của mình, không sao nhắm mắt được cho đến sáng. Đức vua truyền lệnh gọi vị quân sư đến hỏi, vị quân sư không biết, nhưng sợ mất mặt nên nói bậy: “*Có sự nguy hiểm đến sinh mạng của Đức vua*”. Vị quân sư bày ra việc lấy máu tế thân, bắt 100 con voi, 100 con ngựa, 100 con bò đực, 100 con bò sữa, 100 con dê, 100 con cừu, 100 con gà, 100 con heo, 100 đứa con trai, 100 đứa con gái cắt cổ lấy máu tế thân, để Đức vua khỏi bị nguy hiểm đến tính mạng.

Hoàng hậu Mallikā hay tin Đức vua tin theo lời vị quân sư, truyền lệnh bắt sinh vật làm lễ tế thân. Hoàng hậu Mallikā ngăn cản việc sát sinh và mời Đức vua đến hầu Đức Phật.

Đức vua cùng Hoàng hậu Mallikā đến hầu Đức Phật, Hoàng hậu Mallikā kính bạch Đức Phật rằng:

— *Kính bạch Đức Thế Tôn, vào canh giữa đêm Đức vua không ngủ được, nằm nghe 4 tiếng rùng rợn, Đức vua hỏi vị quân sư, quân sư tâu có sự nguy hiểm đến tính mạng của Đức vua, nên bày ra việc sát sinh làm lễ tế thân, để khỏi nguy hiểm đến tính mạng. Sự thật như thế nào? Bạch Ngài.*

Đức Phật truyền dạy rằng:

— *Này Đại vương, Đại vương nghe tiếng như thế nào?*

Đức vua bạch rằng:

— *Kính bạch Đức Thế Tôn, đêm qua con không ngủ được, vào canh giữa đêm con nghe 4 âm **du, sa, na, so**, con cảm thấy kinh sợ không biết sự việc gì sẽ xảy đến cho con? Bạch Ngài.*

Đức Phật dạy:

— *Này Đại vương, không có sự nguy hiểm gì xảy đến cho Đại vương. Đó là 4 chúng sinh trong địa ngục đã từng tạo ác nghiệp trong tiền kiếp, khi chúng nhìn thấy lại nhau, muốn đọc câu kệ, nhưng thời gian không kịp, mới đọc được âm đầu của câu, rồi bị chìm lại xuống đại địa ngục.*

Đức vua bạch hỏi:

— *Kính bạch Đức Thế Tôn, 4 chúng sinh ấy đã tạo ác nghiệp gì? Bạch Ngài.*

Đức Thế Tôn thuyết dạy về ác nghiệp của 4 chúng sinh ấy rằng:

— *Này Đại vương, Đại vương hãy lắng nghe ác nghiệp mà 4 chúng sinh ấy đã tạo trong kiếp quá khứ.*

Trong quá khứ, thời kỳ Đức Phật Kassapa xuất hiện trên thế gian, tuổi thọ của con người khoảng 20.000 (hai mươi ngàn) năm.

Đức Phật Kassapa cùng chư Tỳ khuru Tăng ngự đi khắp mọi nơi tế độ chúng sinh.

Trong xứ Bārāṅasi, 4 người con trai của 4 ông phú hộ, có của cải đến 400 triệu, là bạn hữu với nhau, chúng không nghĩ làm phước bố thí cúng dường Đức Phật cùng chư Tỳ khuru Tăng, không nghĩ giữ gìn giới và tạo mọi thiện pháp, nhưng chúng lại bàn tính với nhau rằng:

“Trong nhà chúng ta có nhiều của cải, chúng ta sẽ làm gì với số của cải ấy để được sung sướng”.

Một người nói rằng:

— *Chúng ta uống rượu ngon, ăn đồ ngon, đi chơi, thì đời sống của chúng ta được sung sướng.*

Một người khác lại nói rằng:

— *Chúng ta ăn cơm nấu từ gạo sālī, có mùi thơm được cất giữ suốt 3 năm, với đồ ăn ngon, đi chơi, thì đời sống của chúng ta được sung sướng.*

Một người khác nói rằng:

— *Chúng ta sai người làm đồ ăn ngon đặc biệt, ăn rồi đi chơi, thì cuộc sống chúng ta được sung sướng.*

Một người khác nói rằng:

— *Này các bạn, phân đông đàn bà ham tiền của, chúng ta đem tiền của ra dụ dỗ vợ của người khác sống chung với chúng ta, thì cuộc sống của chúng ta sẽ được sung sướng nhiều.*

Cả 4 người con của 4 ông phú hộ đồng tình với nhau theo ý kiến cuối cùng. Từ đó, cả 4 người ấy đem tiền bạc dụ dỗ con gái, vợ người khác, **đã phạm điều giới tà dâm tạo ác nghiệp**. Cả 4 người sau khi chết, do ác nghiệp tà dâm cho quả tái sinh vào cõi *đại địa ngục Avīci*, suốt khoảng thời gian lâu dài, từ thời kỳ Đức Phật Kassapa cho đến thời kỳ Đức Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian. Khi *chúng mãi quả ác nghiệp tà dâm trong đại địa ngục Avīci*, song quả ác nghiệp ấy còn dư sót, cho quả tái sinh vào *địa ngục Lohakumbhi “Địa ngục nước đồng sôi”* chiều sâu 60 do tuần (yojana), từ miệng địa ngục chìm xuống đến đáy trải qua thời gian 30.000 (ba mươi ngàn) năm, rồi từ đáy địa ngục nước đồng sôi trôi lên đến miệng địa ngục trải qua thời gian 30.000 năm, khi nổi lên đến miệng địa ngục thì 4 người nhìn nhau định đọc câu kệ, nhưng vì thời gian ngắn ngủi không kịp, mỗi người chỉ đọc được một âm đầu, rồi chìm xuống đáy trở lại.

— *Này Đại vương, Đại vương nghe âm đầu của câu kệ “du”, còn câu kệ đầy đủ là:*

*“Dujjīvitamajjīvimha,
Ye sante na dadamhase,
Vijjamānesu bhojesu,
Dīpa□ nākamha attano”* [36].

*“Này các bạn thân mến của tôi!
Khi chúng ta có nhiều của cải,
Đã không đem làm phước bố thí,
Làm hòn đảo nương nhờ của mình.
Chúng ta có tuổi thọ sống lâu.
Mà sống đời thấp hèn đáng khinh”.*

— *Này Đại vương, Đại vương nghe âm đầu của câu kệ “sa”, còn câu kệ đầy đủ là:*

“**Sa**□□hivassasahassāni,
Paripu□□āni sabbaso,
Niraye paccamānāna□,
Kadā anto bhavissati” [37].

“Này các bạn thân mến của tôi!
Chúng ta chịu khổ trong địa ngục,
Đầy đủ suốt sáu chục ngàn năm.
Khi nào chúng ta mới mãn hạn,
Trong địa ngục này các bạn nhỉ?”.

— Này Đại vương, Đại vương nghe âm đầu của câu kệ “**na**”, còn câu kệ đầy đủ là:

“**Natthi** anto kato anto,
Na anto pa□idissati,
Tadā hi pakata□, pāpa□,
Mama tuyhañca, mārisā”².

“Này các bạn thân mến của tôi!
Mãn hạn trong địa ngục không có,
Sự mãn hạn từ đâu có được?
Mãn hạn địa ngục không hiện rõ.
Bởi vì khi chúng ta làm người,
Tôi và các bạn tạo ác nghiệp”.

— Này Đại vương, Đại vương nghe âm đầu của câu kệ “**so**”, còn câu kệ đầy đủ là:

“**Soha**□ nūna ito gantvā,
Yoni□ laddhāna mānusi□.
Vadaññū sīlasampanno,
Kāhāmi kusala□ bahu□” [38].

“Này các bạn thân mến của tôi!
Sau khi tôi thoát khỏi địa ngục,
Nếu được tái sinh lại làm người,
Sẽ là người biết lắng nghe pháp,
Giữ giới trong sạch và trọn vẹn.
Chắc chắn sẽ tạo nhiều phước thiện”.

Khi Đức Phật giảng giải xong ý nghĩa 4 âm đầu của 4 câu kệ đầy đủ của 4 chúng sinh địa ngục vốn là 4 người con của 4 ông phú hộ trong tiền kiếp, Đức vua lắng nghe phát sinh động tâm nghĩ rằng:

“Tạo ác nghiệp tà dâm này nặng đến thế! 4 người con của 4 ông phú hộ phạm điều giới tà dâm, phải chịu thiêu đốt ở đại địa ngục Avīci, suốt khoảng thời gian từ Đức Phật Kassapa đến Đức Phật Gotama. Sau khi thoát ra khỏi đại địa ngục Avīci, rồi còn phải sa vào địa ngục nước đồng sôi Lohakumbhi chiều sâu 60 do tuần, chịu thiêu đốt 60.000 (sáu mươi ngàn) năm rồi, cũng chưa biết lúc nào mãn hạn quả khổ ở địa ngục nước đồng sôi này. Còn ta đem lòng thương yêu, say mê vợ người khác, làm suốt đêm không ngủ được. Kể từ nay, ta sẽ không dám sinh tâm thương yêu, say mê vợ người khác nữa”.

* **Quả khổ của ác nghiệp tà dâm**

Trong bộ Chú giải Pháp cú (Dhammapada □□hakathā).

Khi ấy, Đức Phật đang ngự tại ngôi chùa Jetavana, đề cập chuyện Đại đức Tỳ khuru ni Uppalava□□ā [39], một đoạn nói đến **quả khổ của ác nghiệp tà dâm**, được tóm lược như sau:

Đại đức Tỳ khuru ni Uppalava□□ā vốn có sắc đẹp tuyệt trần, có màu da đẹp như đóa hoa sen hồng. Ngài là bậc Thánh Arahán, với ngôi vị Thánh nữ Tối Thượng Thanh Văn có Thần thông xuất sắc nhất trong hàng Thánh nữ Thanh Văn đệ tử của Đức Phật Gotama

Khi Ngài còn sống tại gia, có tên Nanda say mê sắc đẹp của Ngài. Mặc dù Ngài đã xuất gia Tỳ khuru ni trở thành bậc Thánh Arahán rồi, tên Nanda vẫn say mê Ngài, luôn luôn theo dõi để biết chỗ ở của Ngài, còn biết rõ ràng Ngài đi khát thực giờ nào, trở về vào giờ nào...

Khi ấy, Ngài Đại đức Tỳ khuru ni Uppalava□□ā ở một cốc nhỏ trong khu rừng rất yên tĩnh. Buổi sáng Ngài đi vào xóm để khát thực, tên Nanda lén vào rừng, chui vào cốc nằm trốn dưới gầm giường.

Sau khi khát thực độ xong, trở về cốc nhỏ ở trong rừng, Ngài vừa ngồi lên giường, thì tên Nanda từ dưới gầm giường bò ra, leo lên giường dùng sức mạnh hãm hiếp Ngài.

Tuy Ngài Đại đức Tỳ khuru ni Uppalava□□ā ngăn cấm rằng:

*Này kẻ ngu muội, người chớ nên làm điều tội lỗi!
Này kẻ ngu muội, người chớ nên làm điều tội lỗi!*

Nhưng tên Nanda quá si mê tăm tối, không nghe lời ngăn cấm của Ngài mà vẫn dùng sức mạnh cưỡng hiếp Ngài Đại đức Tỳ khuru ni Uppalava□□ā.

Sau khi hành động xong, tên Nanda đã tạo *ác nghiệp trọng tội* khiến mặt đất nứt ra làm hai, ngọn lửa phun lên hút y vào trong lòng đất. Sau khi chết, *ác nghiệp tà dâm cho quả tái sinh trong đại địa ngục Avīci*, chịu khổ thiêu đốt trong đại địa ngục ấy.

Ngài Đại đức Tỳ khuru ni Uppalava□□ā trình sự việc ấy lên Tỳ khuru ni Tăng, Tỳ khuru ni Tăng trình bày lên Tỳ khuru Tăng, Tỳ khuru Tăng trình lên Đức Phật.

Nhân sự việc xảy ra, Đức Phật thuyết câu kệ rằng:

*“Madhu vā maññati bālo,
Yāva pāpa□ na paccati.
Yadā ca paccati pāpa□,
Bālo dukkha□ nigacchati”* [40].

*“Này chư Tỳ khuru,
Kẻ ác tạo ác nghiệp,
Ác nghiệp chưa cho quả.
Kẻ ác tưởng như ngọt.
Khi ác nghiệp cho quả.
Kẻ ác chịu khổ đắng”.*

Chuyện Đại đức Tỳ khuru ni Uppalava□□ā bị tên Nanda hãm hiếp; có số người không biết sinh tâm hoài nghi rằng: *“Bậc Thánh Arahán có còn thỏa thích trong dục lạc hay không?”*.

Để diệt bỏ tâm hoài nghi ấy, nên Đức Phật truyền dạy rằng:

— *Này chư Tỳ khuru, chư bậc Thánh Arahán hoàn toàn không còn thỏa thích trong dục lạc nữa, không thích trong sự hành dâm; giống như hột nước không dính trên lá sen, không đọng lại trên lá sen mà chảy rơi xuống ngay; hoặc giống như hạt cải nhỏ không dính trên đầu mũi kim, không đứng vững trên đầu mũi kim mà phải rơi xuống ngay. Giống như vậy, phiền não dục (kilesakāma) và vật dục (vatthukāma) không bao giờ làm ô nhiễm tâm của*

bậc Thánh Arahán. Bậc Thánh Arahán không bao giờ dính mắc hai loại dục này.

4- Sự tích người phạm điều giới nói dối

Người phạm điều giới nói dối là người nói lời lừa dối, trái với sự thật, khiến cho người nghe tin theo, đem lại sự tai hại trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp vị lai. Cho nên, *người phạm điều giới nói dối, tạo ác nghiệp nói dối, rồi phải chịu quả khổ tái sinh trong cõi ác giới: Địa ngục, atula, nga quý, súc sinh.*

*** Tích con cá vàng Kapila**

Sự tích con cá vàng *Kapila* trong bộ Chú giải Dhamma-pada □ □ hakathā, được tóm lược như sau:

Khi ấy, Đức Phật đang ngự tại chùa Jetavana, đề cập đến sự tích con cá tên là *Kapila* [\[41\]](#) , tóm lược một đoạn liên quan đến *ác nghiệp nói dối* như sau:

Trong thời kỳ giáo pháp của Đức Phật Kassapa, có hai anh em, người anh tên *Sāgata*, người em tên *Kapila*. Cả hai anh em có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, xin xuất gia trở thành Tỳ khuru trong giáo pháp của Đức Phật Kassapa. Còn thân mẫu tên *Sādhinī*, và em gái tên *Tapanā*, cả hai người đều xuất gia trở thành Tỳ khuru ni.

Sau khi hai anh em trở thành Tỳ khuru xong, một hôm hai huynh đệ Tỳ khuru bạch hỏi Thầy tế độ rằng:

— *Kính bạch Thầy, phận sự trong Phật giáo có bao nhiêu? Bạch Thầy.*

Vị Thầy tế độ dạy rằng:

— *Này con, trong Phật giáo này có hai phận sự chính là:*

1- *Gandhadhura*: Phận sự học pháp học đó là học Tam Tạng, Chú giải, v.v...

2- *Vipassanādhara*: Phận sự hành pháp hành thiền tuệ, để chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

Vị Tỳ khuru Sāgata suy nghĩ rằng: “*Ta lớn tuổi, ta nên theo phận sự hành pháp hành thiền tuệ, để chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn*”. Vị Tỳ khuru Sāgata ở với vị Thầy tế độ 5 hạ (5 năm) học hiểu rõ về giới-định-tuệ, pháp hành thiền tuệ với Thầy tế độ xong, xin phép đi vào rừng để thực hành thiền tuệ; về sau chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn trở thành bậc *Thánh Arahán*.

Vị Tỳ khuru Kapila nghĩ rằng: “*Ta còn nhỏ tuổi, ta nên theo phận sự học pháp học trước, khi lớn tuổi ta sẽ theo phận sự hành pháp hành thiền tuệ sau*”. Vị Tỳ khuru Kapila cố gắng theo học pháp học, ghi nhớ Tam Tạng, nhờ ghi nhớ pháp học giỏi, có tài biện luận, có tài thuyết pháp hay, nên có nhiều người nghe theo. Do có nhiều người nghe theo, nên có nhiều lợi lộc phát sinh, vị Tỳ khuru Kapila say mê trong lợi lộc, y lại vào tài năng sở học của mình, nên phát sinh tâm ngã mạn, tự cho mình là tài giỏi hơn người, coi thường bậc phạm hạnh có giới đức, dùng sở học của mình áp chế người khác, nguy hiểm đảo lộn.

- *Điều nên hành (kappiya), nói không nên hành (akappiya).*
- *Điều không nên hành (akappiya), nói nên hành (kappiya).*
- *Điều có lỗi (sāvajja), nói không có lỗi (anavajja).*
- *Điều không có lỗi (anavajja), nói có lỗi (sāvajja)...*

Những bậc thiện trí có giới đức, có lòng từ bi, đến khuyên bảo nhắc nhở rằng:

- *Này pháp hữu Kapila, không nên nói như vậy, làm hư hoại Phật giáo.*

Tỳ khuru Kapila không kính trọng bậc thiện trí, lại còn coi thường trách rằng:

- *Quý vị không hiểu biết gì, quý vị chỉ có nắm tay không...*

Những bậc thiện trí đem chuyện này thưa với Ngài Đại đức Sāgata, bậc Thánh Arahán, là pháp huynh của Tỳ khuru Kapila.

Ngài Đại đức Sāgata đến khuyên bảo nhắc nhở rằng:

— *Này Kapila, pháp đệ nên thực hành đúng đắn như chư thiện trí khuyên dạy, làm cho Phật giáo được trường tồn. Vì vậy, cho nên pháp đệ hãy từ bỏ tà kiến sai lầm, như điều nên hành nói không nên hành, v.v...*

Tỳ khuru Kapila ngã mạn khó dạy, không làm theo lời khuyên của pháp huynh. Ngài Đại đức Sāgata từ bi đến khuyên dạy 2-3 lần, biết Tỳ khuru Kapila không nghe lời khuyên bảo nhắc nhở, mới dạy rằng:

— *Này Kapila, như vậy, pháp đệ sẽ thọ lãnh quả ác nghiệp của mình.*

Tỳ khuru Kapila càng ngày càng tạo ác nghiệp nói dối, sau khi chết, ác nghiệp nói dối ấy cho quả tái sinh vào cõi đại địa ngục Avīci chịu khổ do ác nghiệp của mình đã tạo. Thân mẫu và em gái là Tỳ khuru ni có tính thiện vị, bênh vực Tỳ khuru Kapila, rồi mắng nhiếc những Tỳ khuru có giới đức, nên cả hai sau khi chết, cũng do ác nghiệp cho quả đều tái sinh vào cõi đại địa ngục Avīci, chịu quả khổ do ác nghiệp của mình đã tạo.

* **Kapila sinh làm con cá vàng lớn**

Hậu kiếp Tỳ khuru Kapila ở trong đại địa ngục Avīci, bị thiêu đốt chịu bao nhiêu khổ cực, suốt khoảng thời gian từ thời Đức Phật Kassapa cho đến thời Đức Phật Gotama, mới thoát ra khỏi địa ngục. Do ác nghiệp nói dối ấy còn dư sót cho quả tái sinh làm con cá lớn ở sông Aciravatī có vảy như màu vàng, nhưng miệng có mùi hôi thối ghê tởm, đó là quả của ác nghiệp nói dối.

Một hôm nhóm trẻ xóm dân chài, bàn tính nhau đi bắt cá, đem lưới giăng ở sông Aciravatī, cá vàng lớn này bị mắc lưới, được bắt lên trên ghe, dân chài thấy cá lạ, mang đến trình Đức vua để lãnh thưởng.

Đức vua nhìn thấy con cá vàng lớn lạ thường, nên nghĩ rằng: “Mang con cá này đến trình Đức Phật để biết rõ thế nào”. Con cá được mang đến chùa Jetavana, khi con cá mở miệng mùi hôi thối tỏa ra khắp chùa Jetavana.

Đức vua bạch hỏi Đức Phật rằng:

— *Kính bạch Đức Thế Tôn, do nhân nào con cá có màu như vàng? Do nhân nào miệng con cá lại hôi thối đến như thế? Bạch Ngài.*

Đức Phật dạy rằng:

— *Này Đại vương, con cá này tiền kiếp là Tỳ khuru tên Kapila trong giáo pháp của Đức Phật Kassapa, là bậc đa văn túc trí, học Tam Tạng có tài thuyết pháp; được nhiều người nghe theo. Vì lòng tham muốn trong lợi lộc chế ngự, mắng nhiếc Tỳ khuru có giới đức không nghe theo mình. Khi giáo pháp của Đức Phật Kassapa bị mai một; Tỳ khuru Kapila sau khi chết, do ác nghiệp nói dối cho quả tái sinh trong cõi đại địa ngục Avīci, chịu quả khổ ác nghiệp mà y đã tạo. Bây giờ cũng do ác nghiệp nói dối ấy cho quả tái sinh làm con cá màu vàng này.*

Con cá có màu như vàng là do quả của thiện nghiệp, học pháp học Phật giáo nhiều năm và tán dương ca tụng Ân đức Phật lâu năm.

Miệng của con cá có mùi hôi thối ghê tởm là do quả của ác nghiệp mắng nhiếc Tỳ khuru có giới, thuyết pháp sai chánh pháp..

Này Đại vương, Như Lai sẽ làm cho con cá nói được.

— *Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài làm cho con cá nói. Bạch Ngài.*

Đức Phật hỏi con cá rằng:

— *Ngươi có tên là Kapila phải không?*

Con cá bạch rằng:

— *Kính bạch Đức Thế Tôn, con tên là Kapila. Bạch Ngài.*

— *Ngươi từ đâu đến tái sinh?*

— *Kính bạch Đức Thế Tôn, kiếp trước con từ đại địa ngục Avīci, do ác nghiệp cho quả tái sinh đến làm con cá. Bạch Ngài.*

— *Tỳ khuru Sāgata, pháp huynh của ngươi ở đâu?*

— *Kính bạch Đức Thế Tôn, pháp huynh Sāgata đã tịch diệt Niết Bàn. Bạch Ngài.*

— *Tỳ khuru ni Sādhinī, thân mẫu của ngươi ở đâu?*

— *Kính bạch Đức Thế Tôn, thân mẫu của con đang ở trong địa ngục.*

— *Tỳ khuru ni Tāpana, em gái của ngươi ở đâu?*

- *Kính bạch Đức Thế Tôn, em gái của con cũng đang ở trong địa ngục.*
- *Bây giờ người sẽ đi đâu?*
- *Kính bạch Đức Thế Tôn, sau khi chết, ác nghiệp sẽ cho quả tái sinh kiếp sau trong cõi đại địa ngục Avīci như trước. Bạch Ngài.*

Con cá Kapila hồi hận tức mình tự đập đầu chết tức thì, cũng do ác nghiệp nói dối cho quả tái sinh vào cõi đại địa ngục Avīci trở lại. Tất cả mọi người nghe cuộc đối thoại giữa Đức Phật và con cá vàng, phát sinh động tâm nổi da gà, rợn tóc gáy.

*** Nàng kỹ nữ Ciñcāmā□avikā vu oan cho Đức Phật**

Thuở ấy, Đức Thế Tôn ngụ tại chùa Jetavana gần thành Sāvatti, nhóm các tu sĩ ngoại đạo bày mưu với nàng kỹ nữ Ciñcāmā□avikā [42] vu oan, mắng nhiếc Đức Phật, để làm mất uy tín của Ngài trước tứ chúng đệ tử [43].

Vào thời kỳ đầu của chánh pháp, các hàng đệ tử ngày một thêm đông, chư thiên, phạm thiên, nhân loại đã chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả vô số, không sao kể xiết. Vì vậy, danh thơm tiếng tốt của Đức Phật lan tỏa khắp mọi nơi. Đại đa số quần chúng trước kia có truyền thống theo các giáo phái ngoại đạo, nay đã trở thành đệ tử của Đức Phật. Đó là điều mà các tu sĩ ngoại đạo cảm thấy bị tổn thương, những tín đồ cũ không giữ lại được, tín đồ mới không thêm, sự cúng dường lợi lộc càng ngày càng giảm dần.

Khi thấy quần chúng lũ lượt kéo nhau đi nghe pháp cúng dường tứ vật dụng đến Đức Phật và Tăng chúng, các tu sĩ ngoại đạo đã ra đứng chặn giữa đường rồi lớn tiếng thuyết phục:

- *Không chỉ Samôn Gotama là Đức Phật mà chúng tôi đây cũng là Thế Tôn. Bớ thí cúng dường đến Samôn Gotama có phước nhiều, quả báu nhiều, thì bớ thí cúng dường đến chúng tôi cũng được như vậy!*

Mặc dù các tu sĩ ngoại đạo gắng sức rao truyền quảng cáo, cũng không thể đem lại đức tin cho quần chúng được nữa. Khi phần đông dân chúng mất đức tin nơi các tu sĩ đạo, thì họ cũng bị mất nhiều lợi lộc. Do đó, chúng họp bàn với nhau bày mưu kế thâm độc để hạ uy tín của Đức Phật.

Thời ấy, trong thành Sāvatti có người kỹ nữ duyên dáng, xinh đẹp như thiên nữ tên là Ciñcāmā□avikā. Nàng vốn là đệ tử thuần thành của các tu sĩ

ngoại đạo. Thấy sắc đẹp tuyệt trần của nàng *Ciñcāmā*□*avikā*, các tu sĩ ngoại đạo nghĩ ra diệu kế: “*Chúng ta dùng nàng kỹ nữ Ciñcāmā*□*avikā* *giả mang thai với Samôn Gotama, gây ra sự hiểu lầm, để làm mất uy tín của Samôn!*”.

Mưu kế ấy được họ chấp nhận.

Một hôm, như lệ thường nàng *Ciñcāmā*□*avikā* đến tu viện ngoại đạo, đánh lễ các tu sĩ xong, nàng ngồi một bên. Nàng *Ciñcāmā*□*avikā* rất ngạc nhiên không hiểu sao các tu sĩ ngồi im lặng không nói với nàng một câu nào. Nàng nghĩ: “*Minh có lỗi gì đây!*”.

Nàng bạch vị Trưởng Lão rằng:

— *Kính bạch Ngài, con đã lễ bái quý Ngài ba lần rồi, nhưng con không biết con có lỗi gì mà quý Ngài không nói với con một lời nào?*

Vị Trưởng Lão tỏ vẻ nghiêm nghị nói với nàng:

— *Không! Này con, con là một đệ tử rất tốt, con không có lỗi gì! Hiện nay đời sống của quý thầy khổ sở, thiếu thốn lắm con à! Vì vậy, quý thầy buồn bực, khổ tâm, không ai buồn nói với ai điều gì nữa.*

Nàng *Ciñcāmā*□*avikā* ngạc nhiên, nóng lòng hỏi:

— *Kính bạch quý Ngài, trước đây đời sống của quý Ngài được đầy đủ lắm, sao hiện nay lại lâm vào hoàn cảnh khổ cực như vậy?*

— *Này Ciñcāmā*□*avikā*, *con không biết gì hay sao? Chính Samôn Gotama đã làm khổ quý thầy, chính Samôn Gotama đã làm cho quý thầy mất hết cả uy tín, danh vọng và những lợi lộc cúng dường, ... cho nên, quý thầy phải sống trong cảnh thiếu thốn khổ cực như vậy!*

Nàng *Ciñcāmā*□*avikā* cảm thấy rất đau lòng, chân tình thưa:

— *Vậy mà con có hay biết gì đâu? Không biết con có thể làm gì, để giúp đỡ cho quý Ngài?*

Các vị tu sĩ ngoại đạo giả vờ im lặng một lúc rồi có vị nói:

— *Chỉ sợ con ngại khó, mà không giúp quý thầy đó thôi.*

Nàng *Ciñcāmā*□*avikā* mau mắn đáp:

— *Không! khó khăn gì con cũng có thể làm được, miễn là làm sao cho quý Ngài được sống an lạc, thế là con mãn nguyện lắm rồi!*

Vị tu sĩ ngoại đạo nghiêm chỉnh nói:

— *Đây là việc rất hệ trọng, đòi hỏi con phải khôn khéo. Nếu con thật tình muốn giúp đỡ quý thầy, thì chỉ có một phương pháp duy nhất là con hãy dùng cái sắc đẹp duyên dáng, đầy quyến rũ của con, làm thế nào đó giả mang thai với Samôn Gotama. Con làm được như vậy, sẽ làm giảm uy tín của Samôn Gotama, như thế thì phần đông tín đồ của Samôn Gotama sẽ trở về lại với chúng ta.*

Nàng Ciñcāmā□avikā hớn hờ nói:

— *Đúng vậy, kế này rất hay! Xin quý Ngài hãy tin tưởng nơi con, con sẽ cố gắng làm tròn bốn phận để đền đáp công ơn của quý Ngài đối với con.*

Từ hôm ấy, cứ vào mỗi buổi chiều dân chúng trong thành Sāvatti sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp tại chùa Jetavana xong, đánh lễ Đức Phật trở về nhà, họ thường gặp nàng Ciñcāmā□avikā ăn mặc đẹp đẽ rất quyến rũ, cầm một bó hoa trên tay đang đi trên đường hướng đến chùa Jetavana, có người tò mò dừng lại hỏi:

— *Chiều tối rồi, cô đi đâu mà ăn mặc đẹp vậy?*

Nàng Ciñcāmā□avikā trả lời cô ý tạo ra một sự nghi ngờ:

— *Tôi đi đâu là việc của tôi, quý vị biết phỏng có ích lợi gì!*

Nói xong, nàng bước đi theo hướng đến chùa Jetavana, nhưng lại nghỉ qua đêm tại một tu viện ngoại đạo ở gần đó.

Rồi sáng hôm sau, khi có một số cận sự nam, cận sự nữ đem vật dụng đến chùa Jetavana để cúng dường Đức Phật và Tăng chúng, thì thấy nàng Ciñcāmā□avikā từ hướng chùa Jetavana trở lại thành Sāvatti, người ta lại hỏi nàng:

— *Đêm hôm qua cô nghỉ ở đâu mà sáng nay lại vào thành sớm vậy?*

Nàng Ciñcāmā□avikā ồm ờ đáp:

— *Tôi nghỉ ở đâu có nơi có chỗ của tôi, quý vị biết phỏng có lợi ích gì!*

Và từ đó, cứ vào mỗi buổi chiều và mỗi buổi sáng, từ tháng này sang tháng khác, nàng *Ciñcāmā*□*avikā* đều làm như vậy. Cho đến một hôm, có số người cận sự nam, cận sự nữ khác hỏi rằng:

— *Đêm hôm qua cô nghỉ ở đâu mà sáng nay lại vào thành sớm vậy?*

Nàng *Ciñcāmā*□*avikā* thấy đã đến lúc cần phải nói, để bắt đầu gây ra sự ngờ vực.

— *Chuyện riêng tư của tôi mà quý vị muốn biết hay sao? Sớm muộn gì quý vị cũng sẽ biết thôi mà! Nếu quý vị muốn biết bây giờ tôi xin khai thật: “Đêm qua tôi nghỉ ở Gandhaku□i chung với Samôn Gotama để phục vụ Ngài, đó là một niềm vinh dự lớn lao của đời tôi”.*

Nói xong, nàng tỏ vẻ đắc ý bỏ vào thành.

Khi nghe nàng *Ciñcāmā*□*avikā* nói vậy, một số cận sự nam, cận sự nữ thiếu trí, sinh tâm bán tín bán nghi. 3 - 4 tháng sau, nàng *Ciñcāmā*□*avikā* lấy vải độn bụng, mặc áo lưng thụng che bên ngoài làm như người đang mang thai. Có một số người không có trí tuệ, không hiểu biết về giáo pháp của Đức Phật nghĩ là cô *Ciñcāmā*□*avikā* thật sự có thai với Samôn Gotama rồi.

Thời gian đã đến 9 tháng, màn kịch hạ uy tín Đức Thế Tôn đến hồi chung cuộc. Nhóm tu sĩ ngoại đạo gọi nàng *Ciñcāmā*□*avikā* đến, họ dùng một miếng gỗ dẻo hình dạng giống như cái thai sắp đến ngày sinh nở, có 4 đầu dây giăng. Nàng *Ciñcāmā*□*avikā* mang vào buộc chặt sau lưng, mặc áo phủ kín lại, nhìn giống như người mang thai thật; sau đó, nhóm tu sĩ ngoại đạo dùng cây đánh vào sớng bàn tay, bàn chân của nàng cho sưng lên nhìn đúng là người đàn bà sắp đến thời kỳ sinh nở.

* **Đức Phật thắg nàng *Ciñcāmā*□*avikā***

Vào một buổi chiều, khi Đức Phật đang ngự trên pháp tòa, tại giảng đường chùa Jetavana, tứ chúng đệ tử đang ngồi im lặng lắng nghe pháp như thường lệ, thì nàng *Ciñcāmā*□*avikā* từ ngoài xông xộc đi vào, đến trước Đức Phật, chỉ tay buông lời mắng nhiếc:

— *Này ông đại Samôn Gotama! Ông thuyết pháp thật là hay, thật là giỏi, ông té độ biết bao nhiêu người, còn tôi sao ông không té độ? Tôi bụng*

mang dạ chứa là vì ông, ông nói ngon nói ngọt với tôi, bảo là sẽ giúp tôi thế này, thế nọ.... Hôm nay, sắp đến ngày sinh nở, ông lo thuyết pháp tế độ người khác, chẳng đoái hoài gì đến tôi. Dầu ông bận không lo cho tôi được, thì ông bảo những người hộ độ ông như Đức vua Pasenadi, ông phú hộ Anāthapiṇḍika, bà Visākhā,... lo cho tôi cũng được. Nhưng đằng này, ông chỉ biết thỏa mãn dục vọng cá nhân, ông không hề biết đến nỗi khổ của tôi phải chịu bụng mang dạ chứa như thế này đây!

Nghe nàng *Ciñcāmā*ṇavikā mắng nhiếc, Đức Phật ngưng thuyết pháp, vẫn ngồi an nhiên tự tại, an tịnh trên pháp tòa rồi từ tốn nói:

“Bhagini, tayā kathitassa tathabhāvaṇ vā vitathabhāvaṇ vā ahameva ca tvañca jānāma” [44].

— *Này cô! Cô nói lời chân thật hay giả dối chỉ có Như Lai và cô biết rõ mà thôi?*

Nàng *Ciñcāmā*ṇavikā liền đáp:

— *Đúng vậy, này ông Đại Samôn, chỉ có ông và tôi biết rõ mà thôi!*

Ngay giây phút ấy, tại cung trời Tam Thập Tam Thiên, bảo tòa của Vua trời Sakka nóng lên, bằng thiên nhãn quan sát nguyên nhân, vua trời thấy rõ nàng *Ciñcāmā*ṇavikā đang mắng nhiếc Đức Phật trước tứ chúng đệ tử, bởi những chuyện không có thật. Đây là âm mưu thâm độc của nhóm tu sĩ ngoại đạo, dùng cô kỹ nữ *Ciñcāmā*ṇavikā vô liêm sỉ, cố ý làm hạ uy tín của Đức Phật trước tứ chúng đệ tử. Vua trời Sakka quyết định phải làm sáng tỏ chuyện này. Vua trời cùng 4 thiên nam xuất hiện xuống giảng đường chùa Jetavana ngay tức khắc. Theo lệnh của Đức vua trời, 4 vị thiên nam hóa thành 4 con chuột, cùng một lúc bò lên cắn đứt 4 sợi dây dùng để cột tấm gỗ, hình dạng giống bào thai, sau lưng nàng *Ciñcāmā*ṇavikā, đồng thời Vua trời hóa một luồng gió thổi cho tấm gỗ kia rơi xuống đất đụng nhằm vào hai bàn chân của nàng *Ciñcāmā*ṇavikā, làm cho đôi chân của nàng bầm máu.

Sự việc xảy ra trong thời gian ngắn ngủi, mọi sự thật hiển nhiên được phơi bày trước mắt tứ chúng đệ tử. Nàng *Ciñcāmā*ṇavikā bị mắng nhiếc không tiếc lời, có người nhỏ nước bọt rồi xua đuổi nàng ra khỏi khuôn viên chùa. Nàng *Ciñcāmā*ṇavikā thất vọng, thất tha, thất thểu bước đi ra vừa khuất tầm mắt của mọi người, ác nghiệp nói dối của nàng quá nặng nên mặt đất liền nứt ra làm hai, phát lên một tia lửa thiêu cháy nàng rồi hút xác nàng xuống sâu dưới lòng đất. Sau khi nàng *Ciñcāmā*ṇavikā chết, do ác nghiệp nói dối

ấy cho quả tái sinh vào đại địa ngục Avīci chịu quả khổ của ác nghiệp nói dối ấy.

* **Quả khổ của ác nghiệp nói dối**

Trích trong Chú giải Pháp cú, khi ấy Đức Phật đang ngự tại chùa Jetavana, Ngài đề cập đến chuyện tu nữ ngoại đạo tên *Sundarī*, tạo ác nghiệp nói dối, được tóm lược như sau:

Đức Phật Gotama thuyết pháp tế độ chúng sinh, càng ngày càng nhiều người bỏ nhà đi xuất gia trở thành Tỳ khưu trong giáo pháp của Ngài; và cũng càng ngày càng nhiều người có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, xin thọ phép quy y Tam Bảo trở thành người cận sự nam hoặc người cận sự nữ trong giáo pháp của Ngài.

Trong số Thanh Văn đệ tử của Đức Phật, có số trước kia là tín đồ của các nhóm ngoại đạo, nay đã trở thành đệ tử của Đức Phật. Những người cận sự nam, cận sự nữ này có đức tin trong sạch nơi Đức Phật cùng chư Đại đức Tỳ khưu Tăng, nên thường đem những lễ vật, 4 thứ vật dụng đến cúng dường Đức Phật và chư Đại đức Tỳ khưu Tăng càng ngày càng nhiều. Ngược lại nhóm tu sĩ ngoại đạo có số tín đồ càng ngày càng giảm dần, cho nên những thứ lễ vật cúng dường càng ngày càng ít lại, không sung túc như trước, thậm chí còn lâm vào cảnh thiếu thốn nữa. Nhóm tu sĩ ngoại đạo hội họp, bàn tán với nhau rằng: “*Từ khi Samôn Gotama xuất hiện trên thế gian, chúng ta mất dần lợi lộc, chúng ta phải tìm cách làm mất uy tín của Samôn Gotama, để cho lợi lộc của chúng ta được phát sinh trở lại*”.

* **Dùng nàng Sundarī làm mất uy tín của Đức Phật**

Thời ấy, nữ tu sĩ ngoại đạo tên *Sundarī* rất xinh đẹp, đến viếng thăm các tu sĩ ngoại đạo, đánh lễ xong rồi, thấy nhóm tu sĩ ngoại đạo ngồi im lặng không nói với cô một lời nào.

Cô bèn bạch hỏi:

– *Kính thưa quý Ngài, con có lỗi gì mà quý Ngài không nói với con lời nào?*

Một tu sĩ ngoại đạo than vãn rằng:

– *Tất cả chúng tôi bị Samôn Gotama làm khổ, mà con không quan tâm hay biết gì, đó là lỗi của con đó! Con có thể vu khống Samôn Gotama được hay không?*

– *Kính thưa quý Ngài, con có thể làm được.*

Từ hôm ấy, cứ vào mỗi buổi chiều dân chúng trong thành Sāvatti, sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp tại ngôi chùa Jetavana xong, đánh lễ Đức Phật trở về nhà, họ thường gặp cô tu sĩ *Sundarī* cầm một bó hoa trong tay đang đi trên đường hướng đến ngôi chùa Jetavana, có người tò mò dừng lại hỏi:

– *Chiều tối rồi, cô đi đâu vậy?*

Cô tu nữ *Sundarī* trả lời gây ra sự nghi ngờ:

– *Tôi đi đâu là việc của tôi, quý vị biết phỏng có ích lợi gì!*

Nói xong, cô liền bước đi theo hướng đến ngôi chùa Jetavana, nhưng lại nghỉ qua đêm tại một tu viện ngoại đạo ở gần đó.

Rồi sáng hôm sau, khi có số cận sự nam, cận sự nữ đem phẩm vật đến chùa Jetavana, để cúng dường Đức Phật và chư Tỳ khưu Tăng, họ lại thấy cô tu nữ *Sundarī* từ hướng chùa Jetavana trở lại thành Sāvatti. Người ta hỏi cô:

– *Đêm hôm qua cô nghỉ ở đâu, mà sáng nay lại vào thành sớm vậy?*

Cô tu nữ *Sundarī* muốn gây ra sự ngờ vực bèn đáp rằng:

– *Chuyện riêng tư của tôi mà quý vị muốn biết hay sao? Nếu quý vị muốn biết, thì tôi sẽ nói thật: “Đời tôi rất vinh hạnh, đêm đêm được đến phục vụ Samôn Gotama tại cốc Gandhaku□i của Ngài”.*

Nhóm tu sĩ ngoại đạo chờ tin này, nay có cơ hội, họ liền truyền tin vu khống rằng:

– *Thưa quý vị, quý vị đã nghe rõ hành vi xấu xa của Samôn Gotama như vậy!*

Chính cô tu nữ *Sundarī* cũng rêu rao vu khống hành vi xấu của Đức Phật đối với cô nữa, gieo rắc hoang mang, gây ra sự ngờ vực đến mọi người.

Đối với các hàng Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Phật thì chắc chắn không bao giờ tin lời vu khống của các tu sĩ nhóm ngoại đạo và cô tu nữ ngoại đạo *Sundarī*. Còn đối với một số phạm nhân thiếu trí thì sinh tâm ngờ vực. Đó là âm mưu của các tu sĩ ngoại đạo làm giảm uy tín của Đức Phật, để mong phục hồi uy tín của mình.

* **Giết nàng Sundarī đổ tội cho Tỳ khưu**

Dù các tu sĩ ngoại đạo và cô *Sundarī* vu khống Đức Phật những điều xấu không có thật, vẫn không làm giảm uy tín Đức Phật được, nên nhóm tu sĩ ngoại đạo dùng đến thủ đoạn thâm độc là thuê mướn nhóm côn đồ nghiện rượu giết cô tu nữ ngoại đạo *Sundarī*, rồi giấu xác chết của cô trong đồng rác trước cổng ra vào ngôi chùa Jetavana. Nhóm côn đồ nghiện rượu đã hành động y theo kế của họ.

Sau đó, nhóm tu sĩ ngoại đạo xin vào trình Đức vua Pasenadi Kosala:

– *Tâu Đức vua, cô tu nữ Sundarī, đệ tử của chúng tôi đã mất tích.*

Đức vua truyền lệnh cho phép đi tìm kiếm cô tu nữ *Sundarī*.

Nhóm tu sĩ ngoại đạo kéo nhau giả vờ đi tìm, đến gặp xác chết cô tu nữ *Sundarī* trong đồng rác trước cổng ra vào ngôi chùa Jetavana, họ đặt xác chết cô tu nữ *Sundarī* trên cang đem vào trình Đức vua, rồi khiêng đi quanh thành Sāvatti rêu rao, vu khống rằng:

“Thưa quý vị! Xin quý vị hãy nhìn thấy hành vi xấu xa của Samôn Gotama, và nhóm đệ tử của y đã giết chết cô tu nữ Sundarī, đệ tử ngoan đạo của chúng tôi, để che giấu tội lỗi của Samôn Gotama”.

* **Nhóm tu sĩ ngoại đạo và nhóm sát nhân chịu tội**

Đức vua Pasenadi Kosala anh minh và sáng suốt, truyền lệnh quân lính đi điều tra tìm rõ kẻ đã giết cô tu nữ *Sundarī*.

Khi ấy, nhóm côn đồ nghiện rượu đang uống rượu say sưa rồi cãi cọ với nhau và đổ lỗi cho nhau rằng:

– *Mày giết cô tu nữ Sundarī!*

– *Không phải tao, mà chính mày!...*

Lính trong triều đình nghe được câu chuyện, liền bắt nhóm côn đồ nghiện rượu đem trình lên Đức vua xét hỏi.

Đức vua truyền hỏi:

- *Các người đã giết chết cô tu nữ Sundarī có phải không?*
- *Muôn tâu Đức vua! Dạ phải, chính bọn con giết cô tu nữ Sundarī.*

Đức vua truyền hỏi tiếp:

- *Ai thuê mướn các người giết chết cô tu nữ Sundarī.*

Nhóm côn đồ nghiện rượu liền khai:

- *Muôn tâu Đức vua! Chính nhóm tu sĩ ngoại đạo thuê mướn chúng con giết chết cô tu nữ Sundarī, rồi bảo chúng con đem giấu xác chết của cô trong đồng rác trước cổng ra vào của ngôi chùa Jetavana.*

Đức vua liền truyền lệnh cho bắt nhóm tu sĩ ngoại đạo, bắt chúng phải nhận tội; rồi phải đi quanh thành Sāvatti cải chính lại lời vu khống Đức Phật Gotama và chư Tỳ khuru Tăng trước kia rằng:

- *Kính thưa tất cả mọi người! Chính chúng tôi là người đã thuê mướn nhóm côn đồ nghiện rượu giết chết cô tu nữ Sundarī, để đổ tội cho Samôn Gotama và chư Tỳ khuru Tăng Thanh Văn đệ tử của Ngài. Sự thật, Đức Phật Gotama và nhóm Thanh Văn đệ tử hoàn toàn vô tội.*

Khi nhóm tu sĩ ngoại đạo làm như vậy, dân chúng trong thành Sāvatti không còn ngờ vực gì nữa. Nhóm côn đồ nghiện rượu và nhóm tu sĩ ngoại đạo chủ mưu giết hại cô tu nữ Sundarī đều bị hành hình. Tất cả bọn chúng bị chết do ác nghiệp nói lời vu khống Đức Phật cùng chư Tỳ khuru. Sau khi chết, do ác nghiệp nói lời vu khống ấy cho quả tái sinh trong cõi địa ngục Avīci, chịu quả khổ của ác nghiệp ấy.

5- Sự tích người phạm điều giới uống rượu và các chất say

Trích trong Chú giải Pháp cú, thủa ấy, Đức Thế Tôn đang ngự tại khu rừng phóng sinh nai gọi là Isipatana, Ngài đã đề cập đến hai người con của hai nhà phú hộ (Mahāghanase □ □ hiputta-vatthu) [45], được sơ lược như sau:

Một nhà phú hộ trong thành Bārānasī có của cải, tài sản nhiều đến 800 triệu, chỉ có một người **con trai** duy nhất. Hai ông bà phú hộ bàn với nhau rằng:

– *Gia đình chúng ta có nhiều tiền, nhiều của như thế này, chúng ta chỉ có một đứa con trai, sau này chúng ta sẽ giao tất cả gia tài lại cho con mình, để nó thừa hưởng sung sướng suốt cuộc đời cũng không sao hết được. Con chúng ta không cần làm việc gì cho vất vả.*

Hai ông bà phú hộ nhất trí như vậy, nên cho đứa con trai đi học đàn ca, múa hát vui chơi, không học nghề hay chuyên môn nào khác.

Một nhà phú hộ khác cũng trong thành Bārānasī này, cũng có của cải, tài sản nhiều đến 800 triệu, cũng chỉ có một người **con gái** duy nhất. Hai ông bà phú hộ cùng bàn với nhau, như nhà phú hộ có người con trai, nên cho đứa con gái đi học đàn ca, múa hát vui chơi, như con trai nhà phú hộ kể trên.

Đến khi người con trai và người con gái của hai nhà phú hộ đến tuổi trưởng thành, hai bên kết làm thông gia, cho con cái họ kết hôn với nhau. Sau khi cha mẹ hai bên lần lượt qua đời, tất cả gia tài của hai nhà phú hộ gom chung lại thành 1.600 triệu. Như vậy, họ có một tài sản của cải rất lớn, nên gọi là “*Mahādhana*”, và hai người con của hai nhà phú hộ gọi là “*Se□□hiputtā*”. Hai danh từ ghép lại nhau gọi là “*Mahādhanase□□hiputtā*”, nghĩa là: “*Hai đứa con của hai nhà phú hộ có tài sản lớn*”.

Hai vợ chồng trẻ, con nhà phú hộ, không biết công việc làm ăn nào khác, chỉ biết đàn ca, múa hát vui chơi mà thôi. Thường ngày, hai vợ chồng đến chào Đức vua. Bên đường đi, có một nhóm người ăn chơi, rượu chè ca hát; chúng nhìn thấy hai vợ chồng con của phú hộ thường qua lại, nên bàn tính với nhau rằng: “*Chúng ta có thể làm cách nào để cho hai vợ chồng con của phú hộ này nghiện rượu, chúng ta sẽ sống bám vào họ, và được sung sướng suốt đời*”.

Chúng bàn mưu tính kế vừa xong, khi thấy hai vợ chồng con của phú hộ đang đi tới, bọn chúng vừa uống rượu, vừa ca hát, nhảy múa có vẻ rất vui sướng, rồi đồng thanh nói lời chúc tụng rằng:

– *Chúng tôi cầu chúc hai vợ chồng con của phú hộ được sống lâu trăm tuổi, được hạnh phúc an lạc; chúng tôi nương nhờ nơi hai người, cũng sẽ được an lạc, sung sướng.*

Người con trai phú hộ nghe bọn chúng chúc tụng mình có vẻ thích thú hoan hỷ lắm, mới hỏi người đánh xe rằng:

- *Này chú, chúng nó uống nước gì vậy?*
- *Thưa cậu chủ, chúng nó uống rượu ạ!*
- *Rượu có vị ngon không?*
- *Thưa cậu chủ, trong các loại nước, rượu là loại nước có vị ngon, làm cho người ta ngây ngất.*

Người con trai của phú hộ bèn nói với người đánh xe rằng:

- *Nếu như vậy, thì ta cũng nên uống chơi cho biết vị của rượu.*

Người con của phú hộ sai người đánh xe đến gặp nhóm người kia lấy một chút rượu, uống thử cho biết. Về sau không lâu, uống rượu được nhiều, người con trai phú hộ đã trở thành người nghiện rượu nặng.

Nhóm người nghiện rượu kia biết người con trai của phú hộ đã nghiện rượu rồi, chúng rủ nhau đến tận nhà người con trai phú hộ để uống rượu cho có bạn. Lâu ngày, tiếng đồn càng xa, bọn chúng rủ nhau đến ngày càng đông. Người con trai của phú hộ sai gia nhân mua rượu, mỗi lần 100 kahāpana, rồi 200 kahāpana, v.v... Ngoài việc tốn tiền mua rượu, còn tốn thêm tiền mua bông hoa, nước thơm, tiền mướn đoàn vũ nữ nổi tiếng đến ca hát, nhảy múa, xong rồi còn ban thưởng, mỗi lần 1.000 kahāpana, 2.000 kahāpana, v.v...

Người con trai phú hộ phung phí tiền bạc suốt ngày đêm như vậy, trải qua một thời gian lâu, của cải, tài sản 800 (tám trăm) triệu phần của mình đã hết sạch.

Người quản gia đến trình cho người con trai phú hộ biết rằng:

- *Thưa cậu chủ, của cải, tài sản phần của cậu đã hết sạch rồi!*

Người con trai của phú hộ bèn hỏi:

- *Của cải, tài sản phần của phu nhân ta không còn hay sao?*

Người quản gia thưa rằng:

– *Thưa cậu chủ, của cải, tài sản phần của vợ vẫn còn ạ!*

Người con trai của phú hộ ra lệnh:

– *Hãy lấy của cải phần của phu nhân ta ra xài.*

Người con trai của phú hộ phung phí như vậy trải qua thêm một thời gian lâu nữa, tài sản phần của người vợ cũng hết sạch. Những ngày tiếp theo sau, bán dần ruộng, vườn, xe cộ, đồ đạc trong nhà, đến cuối cùng cũng bán cả căn nhà đang ở để tiêu xài.

Đến lúc hai vợ chồng con của phú hộ tuổi già, không có nhà ở, phải dẫn nhau ra ở bên hiên nhà người khác. Hằng ngày, hai vợ chồng cầm mảnh bát đi xin những đồ ăn thừa của người ta, để sống qua ngày.

Một hôm, ông già đứng gần cửa trai tăng đường để chờ nhận đồ ăn còn dư của chư Tỷ khuru, Sadi. Đức Thế Tôn nhìn thấy mỉm cười. Khi ấy, Đại đức Ānanda bạch hỏi Đức Thế Tôn, do nguyên nhân nào Ngài mỉm cười. Đức Thế Tôn dạy Đại đức Ānanda rằng:

– *Này Ānanda, ông già kia, trước đây là con của nhà phú hộ, có một tài sản lớn lao, nhưng đã tiêu xài phung phí hết sạch; sau đó lại còn bán hết tất cả ruộng, vườn, đồ đạc, nhà cửa, Bây giờ, không còn gì nữa, ông ta phải dẫn vợ đi xin ăn trong thành phố này.*

Đức Thế Tôn dạy rằng:

– *Nếu người con của phú hộ, trong **tuổi thiếu niên** không tiêu xài phung phí của cải, tài sản, biết lo kinh doanh, khuếch trương công việc làm ăn, thì sẽ trở thành **phú hộ thứ nhất** trong thành Bārānasī này.*

– *Nếu cả hai vợ chồng, con của phú hộ trong **tuổi thiếu niên**, xuất gia trong Phật giáo, biết thực hành thiền tuệ, thì người chồng có thể sẽ chứng đắc đến Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn trở thành **bậc Thánh Arahán**; còn người vợ có thể sẽ chứng đắc đến Bất Lai Thánh Đạo - Bất Lai Thánh Quả và Niết Bàn trở thành **bậc Thánh Bất Lai**.*

– *Nếu người con của phú hộ, trong **tuổi trung niên**, với phần của cải, tài sản còn lại, biết lo kinh doanh, khuếch trương công việc làm ăn, thì sẽ trở thành **phú hộ thứ nhì** trong thành Bārānasī này.*

– Nếu cả hai vợ chồng, con của phú hộ, trong **tuổi trung niên**, xuất gia trong Phật giáo, biết thực hành thiền tuệ, thì người chồng có thể sẽ chứng đắc Bất Lai Thánh Đạo, Bất Lai Thánh Quả và Niết Bàn, trở thành **bậc Thánh Bất Lai**; còn người vợ có thể sẽ chứng đắc đến Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả và Niết Bàn trở thành **bậc Thánh Nhất Lai**.

– Nếu người con của phú hộ, trong **tuổi lão niên**, với phần của cải, tài sản còn lại, biết lo kinh doanh, khuếch trương công việc làm ăn, thì sẽ trở thành **phú hộ thứ ba** trong thành Bārānasī này.

– Nếu cả hai vợ chồng, con của phú hộ, trong **tuổi lão niên**, xuất gia trong Phật giáo, biết thực hành thiền tuệ, thì người chồng có thể sẽ chứng đắc đến Nhất Lai Thánh Đạo - Nhất Lai Thánh Quả và Niết Bàn trở thành **bậc Thánh Nhất Lai**; còn người vợ có thể sẽ chứng đắc Nhập Lưu Thánh Đạo - Nhập Lưu Thánh Quả và Niết Bàn trở thành **bậc Thánh Nhập Lưu**.

Nhưng bây giờ, hai vợ chồng, con của phú hộ này, đã trải qua hết cả 3 thời rồi, của cải, tài sản trong thế gian của họ đã bị khánh kiệt; của báu Siêu tam giới là Thánh Đạo và Thánh Quả trong Phật giáo cũng bị hủy hoại luôn, như con cò già rụng hết lông cánh, nằm thoi thóp trong vũng bùn khô.

Đức Phật dạy bài kệ rằng:

“Acaritvā brahmacariya□,
Aladdhā yobbane dhana□,
Ji□□akoñcāva jhāyanti,
Khī□amaccheva pallale.
Acaritvā brahmacariya□,
Aladdhā yobbane dhana□,
Senti cāpātikhī□āva,
Purā□āni anutthuna□” [46].

“Người ngu dốt không biết hành phạm hạnh.
Không được của báu lúc còn trẻ trung,
Như con cò già yếu nằm than thở,
Trên vũng bùn khô, không còn tôm cá.
Người ngu dốt không biết hành phạm hạnh,
Không được của báu lúc còn trẻ trung,
Năm hồi tiếc của cải xưa đã hết,
Như mũi tên đã rời khỏi cây cung,
Rơi xuống đất làm đồ ăn cho mối”.

* **Nhận xét chung:** Nghiệp và quả của nghiệp thật là công bằng, không bao giờ thiên vị một ai cả, dù là Đức Phật hoặc chư Thánh Arahán, nghiệp nào có cơ hội cho quả, thì nghiệp ấy vẫn cứ cho quả của nó, không một ai có quyền năng ngăn cản được.

Nghiệp và quả của nghiệp là 1 trong 4 điều “**bất khả tư nghĩ**”, người bình thường không dễ gì hiểu biết rõ, không có khả năng suy tư được. Duy chỉ có Đức Phật với trí tuệ đặc biệt gọi là **Cutūpapatañā** □ **a: Trí tuệ thấy rõ biết rõ sự tử, sự sinh của mỗi chúng sinh, do đã tạo nghiệp nào, hưởng quả ấy ra sao.**

Những người bình thường có đức tin nơi nghiệp và quả của nghiệp tin rằng:

- *Thiện nghiệp cho quả tốt, quả an lạc; hay hưởng được quả an lạc, quả tốt là do thiện nghiệp mà mình đã tạo.*
- *Ác nghiệp cho quả xấu, quả khổ não; hay chịu quả khổ não, quả xấu là do ác nghiệp mà mình đã tạo.*
- *Quả an lạc chắc chắn phát sinh từ thiện nghiệp, và quả khổ não chắc chắn phát sinh từ ác nghiệp. Song tất cả mọi thiện nghiệp, ác nghiệp không phải lúc nào cũng có thể cho quả của chúng được.*

Sự thật, thiện nghiệp hoặc ác nghiệp nào có cơ hội, hoặc hội đủ nhân duyên của nó, thì thiện nghiệp hoặc ác nghiệp ấy mới có cơ hội cho quả của nó. Nếu nghiệp nào không có cơ hội, không hội đủ nhân duyên, thì nghiệp ấy cũng phải chờ khi có đủ điều kiện mới cho quả của nó.

Ngũ Giới Đem Lại Sự An Lành

Ngũ giới có tầm quan trọng trực tiếp đem lại sự an lành đến cho mình nói riêng, đến cho mọi chúng sinh nói chung. Tầm quan trọng của ngũ giới trong sạch và trọn vẹn đem lại sự an lành tùy theo địa vị mỗi người trong đời.

Nếu người ấy là một Đức vua có giới, thì trong toàn xứ sở có mưa thuận gió hòa, dân giàu nước mạnh, thanh bình thịnh vượng, thần dân thiên hạ đều sống an cư lạc nghiệp...

Sự tích tiền kiếp Đức Bồ Tát gọi *Karudhammajātaka* [47] , được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh thành Sāvatti. Đức Thế Tôn thuyết sự tích tiền kiếp của Ngài khi còn là Đức Bồ Tát rằng:

Trong thời quá khứ, Đức vua Bồ Tát Dhanañcayakorabya trị vì kinh thành Indapattha trong vùng Karu. Đức vua Bồ Tát hành *pháp karu (karudhamma)* “*tên gọi của ngũ giới*”, và có 10 người hành theo Đức Bồ Tát, giữ gìn *karudhamma (ngũ giới)* trong sạch đó là:

- 1- Mẫu hậu của Đức Bồ Tát.
- 2- Chánh cung Hoàng hậu của Đức vua.
- 3- Hoàng đệ - Đức phó vương.
- 4- Vị Bàlamôn quân sư của Đức vua.
- 5- Vị quan đo điền thổ.
- 6- Người đánh xe ngựa của Đức vua.
- 7- Phú hộ trong thành.
- 8- Vị quan trông coi kho thóc gạo.
- 9- Người đóng cửa thành.
- 10- Cô kỹ nữ trong thành Indapattha.

Đức vua Bồ Tát lập ra trại bố thí vật thực và đồ dùng tại 6 nơi: *4 cửa thành, trung tâm kinh thành và trước cửa cung điện Đức vua*. Đức Bồ Tát là người rất hoan hỷ trong sự bố thí ba-la-mật. Mỗi ngày, đem của cải trị giá 600.000 (sáu trăm ngàn) phân phát tại 6 trại bố thí, cho mọi người nghèo khổ, đói khát, người đi đường.

Đức vua Bồ Tát trị vì kinh thành Indapattha mưa thuận gió hòa, dân giàu nước mạnh, thái bình thịnh vượng, dân chúng được an cư lạc nghiệp.

Thời ấy, Đức vua Kāli᳚ga trị vì kinh thành Dantapura trong vùng Kāli᳚ga. Vùng Kāli᳚ga gặp cơn hạn hán, trời không mưa, nên mùa màng không cày cấy trồng trọt gì được, dân chúng thiếu ăn; còn sinh ra 3 nạn: *Nạn đói khát, nạn dịch bệnh và nạn cướp bóc*. Dân chúng trong vùng kéo đến kinh thành, đứng trước cung điện Đức vua kêu la, than khóc xin Đức vua cứu giúp.

Đức vua Kāli᳚ga truyền hội các quan cận thần bèn hỏi:

– *Này các quan, có chuyện gì xảy ra?*

Các quan tâu rằng:

– *Tâu Bệ hạ, trong xứ sở của Đức vua gặp cơn hạn hán, trời không mưa, nên mùa màng không cày cấy trồng trọt gì được, dân chúng thiếu ăn, còn sinh ra 3 nạn: Nạn đói khát, nạn dịch bệnh và nạn cướp bóc. Dân chúng trong vùng kéo đến kinh thành, đứng trước cung điện Đức vua kêu la, than khóc xin Đức vua cứu giúp, cầu xin Đức vua làm cho mưa thuận gió hòa.*

Đức vua bèn truyền lệnh hỏi các quan rằng:

– *Này các quan, các đời Vua trước làm cách nào để cho mưa thuận gió hòa?*

Các quan tâu rằng:

– *Tâu Bệ hạ, các đời Vua trước, khi trời mưa không thuận gió không hòa, thì Đức vua đem của cải ra bố thí, nguyện thọ giới, nằm trên giường không lát nệm bông suốt 7 ngày, trời sẽ mưa.*

Đức vua làm theo lời thỉnh cầu của các quan cận thần, nhưng trời vẫn không chịu mưa. Đức vua bèn hỏi các quan rằng:

– *Này các quan, Trẫm nên làm thế nào để cho trời mưa?*

Các quan tâu rằng:

– *Tâu Bệ hạ, ở kinh thành Indapattha, Đức vua Dhanañcayakorabya có con voi báu tên là Añjanava᳚᳚a, nếu Bệ hạ có được voi báu ấy, thì trời ắt phải mưa.*

Đức vua truyền lệnh hỏi rằng:

– *Này các quan, làm thế nào để chúng ta có được con voi báu ấy?*

Các quan tâu rằng:

– *Tâu Bệ hạ, chúng ta không thể chiến thắng Đức vua Dhanañcayakorabya bằng sức mạnh, Đức vua ấy là bậc thiện trí cao thượng, hoan hỷ bố thí đến người thọ thí theo nhu cầu; dù người ta muốn xin ngôi Vua, Đức vua cũng truyền ngôi lại cho; dù muốn xin đôi mắt, Đức vua cũng móc mắt ra cho; dù muốn xin sinh mạng, Đức vua cũng cho sinh mạng được. Vậy huống gì xin con voi báu chỉ là chuyện nhỏ. Chúng ta sẽ đến xin voi báu ấy, chắc chắn Đức vua sẽ ban cho chúng ta ngay.*

Đức vua truyền hỏi rằng:

– *Này các quan, bây giờ ai là người có thể đi đến xin con voi báu ấy được?*

Đức vua phái nhóm 8 vị Bàlamôn đi xin voi báu. Nhóm 8 vị Bàlamôn đến kinh thành Indapattha dò hỏi để biết Đức vua ngày nào sẽ ngự đến trại bố thí. Dân chúng cho biết Đức vua thường ngự đến trại bố thí mỗi tháng 6 ngày: 8 - 14 - 15 - 23 - 29 - 30. Ngày hôm sau nhằm vào ngày rằm (ngày 15), Đức vua sẽ ngự đến trại bố thí. Nhóm 8 vị Bàlamôn vội đến trước cửa thành phía Đông chờ đợi từ sáng sớm. Đức vua ngự trên voi báu trang điểm đầy đủ đồ trang sức, vòng vàng, ngọc quý. Khi Đức vua ngự đến phía Đông, tự tay Đức vua bố thí đến cho 7 - 8 người xong, rồi truyền lệnh cho các quan làm phận sự bố thí. Đức vua cỡi lên voi báu ngự đến cửa thành phía Nam. Vì các quan theo hầu đông đảo, nên nhóm 8 vị Bàlamôn không thể đến gần Đức vua được. Nhóm 8 vị Bàlamôn vội đến cửa thành phía Nam đứng chờ đợi. Khi Đức vua đến, nhóm 8 vị Bàlamôn chấp tay chúc tụng Đức vua rằng:

– *Cầu xin Đại vương sống trường thọ.*

Đức vua nghe vậy, liền giục voi báu đến gần nhóm 8 vị Bàlamôn bèn hỏi rằng:

– *Này các vị Bàlamôn, các vị muốn được gì?*

Nhóm 8 vị Bàlamôn ca tụng ân đức của Đức vua bằng câu kệ rằng:

*Muôn tâu Đại vương, bậc cao thượng.
Người có tâm đại bi vô lượng,*

*Có tâm thiện hoan hỷ bố thí.
Chúng hạ thần kính xin Đại vương.
Ban voi báu hạnh phúc an lành,
Dem về xứ sở Ka-lin-ga,
Để thân dân thoát khỏi tai hại.
Chúng hạ thần dâng số vàng này.*

Đức vua Bồ Tát nghe như vậy, truyền dạy cho an tâm rằng:

– *Này các vị Bàlamôn, nếu các người dâng vàng để đổi lấy voi báu này, thì thật là việc làm không hợp lẽ chút nào. Trẫm sẽ ban cho voi báu này cùng với đồ trang sức của nó, và người nài voi tài giỏi này. Con voi báu này là vật xứng đáng dành cho Đức vua làm phương tiện.*

Đức vua ngự xuống voi, đi vòng quanh xem xét mọi đồ trang sức đầy đủ, sau đó, Đức vua Bồ Tát cầm lấy vòi voi đặt lên bàn tay nhóm 8 vị Bàlamôn, rồi lấy bình nước bằng vàng đựng đầy nước thơm rót từ trên vòi voi chảy xuống tay Bàlamôn rơi xuống đất, gọi là làm lễ **bố thí voi báu**, cùng người nài voi tài giỏi và cả nhóm tùy tùng đến cho nhóm 8 vị Bàlamôn.

Nhóm 8 vị Bàlamôn dẫn voi báu, người nài voi tài giỏi và đoàn tùy tùng trở về kinh thành Dantapura, để dâng lên Đức vua Kāliṅga. Bây giờ đã có voi báu, nhưng trời vẫn không chịu mưa, nên Đức vua Kāliṅga bèn hỏi các quan rằng:

– *Này các quan, Trẫm nên làm thế nào nữa, để cho mưa thuận gió hòa, để dân chúng sống no đủ thái bình an lạc.*

Các quan tâu rằng:

– *Tâu Bệ hạ, Đức vua Dhanañcayakorabya là bậc thiện trí giữ gìn karudhamma (ngũ giới). Chính do nhờ thiện pháp ấy, nên trong nước mưa thuận gió hòa, dân giàu nước mạnh, thái bình thịnh vượng, dân chúng được sống an cư lạc nghiệp. Đó chắc chắn là do oai lực của pháp karu (ngũ giới) trong sạch của Đức vua. Con voi báu này không có oai lực bằng pháp karu (ngũ giới).*

Nghe các quan tâu như vậy, Đức vua liền truyền lệnh các quan đem voi báu cũng như người nài voi tài giỏi và tất cả nhóm tùy tùng dâng trở lại cho Đức vua Dhanañcayakorabya, rồi kính xin ghi chép **pháp karu (ngũ giới)** trên tấm biển vàng đem về. Đức vua phái nhóm Bàlamôn và các quan đi đến kinh

thành Indapattha, châu Đức vua Dhanañcayakorabya, xin ghi chép pháp karu (ngũ giới) đem về thực hành theo.

Pháp Karu Là Tên Gọi Của Ngũ Giới

1- Đức vua Bồ Tát Dhanañcayakorabya giữ gìn pháp karu

Các quan cận thân của Đức vua Kāliṅga và nhóm Bàlamôn đến kinh thành Indapattha vào châu Đức vua Dhanañcayakorabya dâng trở lại voi báu, người nài voi tài giỏi và nhóm tùy tùng, rồi kính tâu lên với Đức vua rằng:

– *Muôn tâu Đại vương, trong nước chúng hạ thần, khi đem voi báu trở về, trời vẫn hạn hán không có mưa, được biết Đại vương là bậc giữ gìn pháp karu (ngũ giới) trong sạch, Đức vua của hạ thần muốn giữ gìn pháp karu (ngũ giới), nên phái chúng hạ thần đến kính xin Đại vương cho ghi chép pháp karu (ngũ giới) trên tám biển vàng này đem về dâng cho Đức vua của chúng hạ thần để thực hành. Kính xin Đại vương mở lòng từ bi ban cho pháp karu (ngũ giới) cho chúng hạ thần.*

Đức vua Bồ Tát dạy rằng:

– *Này các người, Trẫm có giữ gìn pháp karu (ngũ giới) thật, nhưng bây giờ Trẫm rất ái ngại pháp karu (ngũ giới) của Trẫm. Do đó, Trẫm không muốn ban pháp karu (ngũ giới) đến cho các người.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

“Theo lệ thường, cứ 3 năm tổ chức lễ một lần, các quan đều hội họp đông đủ, mỗi đời Đức vua đều đóng vai chư thiên đứng trên cung điện Yakkha tên Cittarāja bắn cây tên được trang điểm bằng các thứ hoa từ 4 phương; cũng như vậy, khi Trẫm cầm cây cung đứng trên cung điện Yakkha Cittarāja, gắp mặt hồ nước, bắn mũi tên đến bốn phương, Trẫm thấy rõ 3 mũi tên theo 3 hướng, còn một mũi tên rơi xuống hồ nước, cho nên Trẫm ái ngại rằng:

– *Không biết mũi tên của Trẫm rơi xuống nước có đụng phải con cá nào hay không?.*

Khi niệm tưởng đến giới mà Trẫm đang giữ gìn, Trẫm e ngại rằng:

– *Trẫm có phạm điều giới sát sinh hay không?.”*

Vì vậy, Trẫm không hài lòng pháp karu (ngũ giới) của mình, Trẫm xin giới thiệu đến Mẫu hậu của Trẫm, người giữ gìn pháp karu (ngũ giới) trong sạch và trọn vẹn. Các người hãy đến xin ghi chép pháp karu (ngũ giới) từ nơi Mẫu hậu của Trẫm.

Các sứ giả đều tâu rằng:

– Tâu Đại vương, Đại vương không có tác ý sát sinh, thì không thể gọi là phạm điều giới sát sinh được. Vậy kính xin Đại vương từ bi ban cho pháp karu (ngũ giới), mà Đức đại vương đã giữ gìn cho chúng hạ thân.

Đức vua Bồ Tát truyền dạy rằng:

– Nếu vậy các người hãy ghi chép.

Các sứ giả đem tấm biển vàng ra ghi chép:

+ Pāṇāna hantabbo: Không nên sát sinh.

+ Adinnaṃ nādātabbaṃ: Không nên trộm cắp.

+ Kāmesu micchā na caritabbaṃ: Không nên tà dâm với vợ hoặc chồng người khác.

+ Musā na bhanitabbaṃ: Không nên nói dối.

+ Majjaṃ na pātabbaṃ: Không nên uống rượu và các chất say.

Đức vua Bồ Tát dạy:

– Mặc dù vậy, Trẫm vẫn chưa hài lòng, Trẫm xin giới thiệu đến Mẫu hậu của Trẫm là người giữ gìn pháp karu (ngũ giới) trong sạch và trọn vẹn. Các người hãy đến xin ghi chép pháp karu (ngũ giới) nơi Mẫu hậu của Trẫm.

2- Mẫu hậu của Đức vua giữ gìn pháp karu

Các sứ giả đến hầu Mẫu hậu của Đức vua bèn tâu rằng:

– Muôn tâu Hoàng thái hậu, chúng con được biết rằng Bà giữ gìn pháp karu (ngũ giới). Kính xin Bà mở lòng từ bi ban pháp karu (ngũ giới) cho chúng con.

Hoàng thái hậu truyền dạy rằng:

– *Này các người, ta có giữ gìn pháp karu (ngũ giới) thật, nhưng bây giờ ta rất ái ngại pháp karu (ngũ giới) của ta. Do đó, ta không muốn ban pháp karu (ngũ giới) đến cho các người.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

*“Ta có hai Hoàng tử, Hoàng tử trưởng là Chánh vương, và Hoàng tử thứ là Phó vương. Một lần có một Đức vua ở nước lân bang, gửi đồ cống hiến Đức vua Chánh vương của ta **một lõi trầm** thơm giá trị 100.000 (một trăm ngàn) đồng kahāpana, và **một nhánh hoa bằng vàng** giá trị 1.000 (một ngàn) đồng kahāpana. Đức vua Chánh vương đem hai món quà ấy dâng cho ta. Ta nghĩ rằng: Lõi trầm ta cũng không thoa và nhánh hoa vàng ta cũng không trang điểm, ta nên đem cho hai nàng dâu của ta.*

*Ta đem **nhánh hoa bằng vàng** có giá trị ít cho nàng dâu trưởng là chánh cung Hoàng hậu của Hoàng tử trưởng Chánh vương; và đem **lõi trầm** có giá trị cao hơn cho nàng dâu thứ là vợ của Hoàng tử thứ, Phó vương.*

*Khi ta đem cho xong, nghĩ lại ta là người giữ gìn pháp karu (ngũ giới) lẽ ra ta không nên có tâm thiên vị nàng dâu nào giàu, nàng dâu nào nghèo; ta nên nghĩ đến địa vị lớn nhỏ. Đúng ra, vật có **giá trị cao** ta nên cho **nàng dâu trưởng**, ta đã không làm như vậy, giới của ta có bị ô nhiễm hay không?”*

Vì vậy, ta ái ngại không muốn ban pháp karu (ngũ giới) cho các người.

Các sứ giả tâu rằng:

– *Tâu Thái hậu, của cải của mình muốn cho đến ai tùy theo mình, điều ấy không làm cho giới bị ô nhiễm. Vậy xin Bà từ bi ban pháp karu (ngũ giới) cho chúng con.*

Sau khi các sứ giả ghi chép pháp karu (ngũ giới) nơi Thái hậu của Đức vua trên tấm biển vàng xong, Bà truyền dạy rằng:

– *Mặc dù vậy, ta vẫn chưa hài lòng, ta xin giới thiệu đến nàng dâu trưởng là chánh cung Hoàng hậu của Hoàng tử Chánh vương, là người giữ gìn pháp karu (ngũ giới) trong sạch và trọn vẹn. Các người hãy đến xin ghi chép pháp karu (ngũ giới) từ nơi nàng dâu trưởng của ta.*

3- Chánh cung Hoàng hậu của Đức vua giữ gìn pháp karu

Các sứ giả đến hầu chánh cung Hoàng hậu tâu rằng:

– *Muôn tâu Hoàng hậu, chúng hạ thần được biết chánh cung Hoàng hậu giữ gìn pháp karu (ngũ giới). Kính xin chánh cung Hoàng hậu mở lòng từ bi ban pháp karu (ngũ giới) cho chúng hạ thần.*

Chánh cung Hoàng hậu truyền dạy rằng:

– *Này các người, ta có giữ gìn pháp karu (ngũ giới) thật, nhưng bây giờ ta rất ái ngại pháp karu (ngũ giới) của ta. Do đó, ta không muốn ban pháp karu (ngũ giới) đến cho các người.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

“Một hôm, ta đứng trên bao lơn cung điện, nhìn thấy Đức chánh vương ngồi trước, Đức phó vương ngồi sau trên lưng voi đang ngự ra khỏi thành, ta trộm nghĩ thầm rằng: Ta nên thân cận Đức phó vương này, khi Đức chánh vương băng hà; Đức phó vương lên ngôi Chánh vương sẽ có lòng ưu ái đến ta. Sau đó, ta cảm thấy hổ thẹn tội lỗi, vì ta là người hành pháp karu (ngũ giới), Đức vua phu quân của ta vẫn còn sống, ta lại trộm nghĩ đến một người đàn ông khác, như vậy giới của ta có bị ô nhiễm hay không?”.

Vì vậy, ta ái ngại không muốn ban pháp karu (ngũ giới) cho các người.

Các sứ giả tâu rằng:

– *Tâu Hoàng hậu, chỉ có suy nghĩ ở trong tâm, không thể phạm điều giới tà dâm được. Vì vậy, kính xin chánh cung Hoàng hậu từ bi ban pháp karu (ngũ giới) cho chúng hạ thần.*

Sau khi các sứ giả ghi chép pháp karu (ngũ giới) nơi chánh cung Hoàng hậu của Đức vua trên tấm biển vàng xong, Hoàng hậu truyền dạy rằng:

– *Mặc dù vậy, ta vẫn chưa hài lòng, ta xin giới thiệu đến Đức phó vương, là người giữ gìn pháp karu (ngũ giới) trong sạch và trọn vẹn. Các người hãy đến xin ghi chép pháp karu (ngũ giới) từ nơi Đức phó vương ấy.*

4- Đức phó vương - Hoàng đệ của Đức vua giữ gìn pháp karu

Các sứ giả đến hầu Đức phó vương tâu rằng:

– *Muôn tâu Đức phó vương, chúng hạ thần được biết Đức phó vương giữ gìn pháp karu (ngũ giới). Kính xin Đức phó vương mở lòng từ bi ban pháp karu (ngũ giới) cho chúng hạ thần.*

Đức phó vương dạy rằng:

– *Này các người, ta có giữ gìn pháp karu (ngũ giới) thật, nhưng bây giờ ta rất ái ngại pháp karu (ngũ giới) của ta. Do đó, ta không muốn ban pháp karu (ngũ giới) đến cho các người.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

“Một buổi chiều, ta đến châu Đức chánh vương bằng xe ngựa, ta nghĩ, khi đến châu Đức hoàng huynh xong, sẽ xin cáo lui trở về. Nhưng khi đến châu xong, lại gặp phải cơn mưa lớn có sấm sét, Đức hoàng huynh ngăn cản không cho ta về, nên ta phải nghỉ đêm tại cung điện. Phần người lái xe và đoàn người tùy tùng nghĩ rằng: ‘Đức phó vương sẽ trở về, nên chờ đợi suốt đêm đến sáng’. Sáng ngày hôm sau, ta xin phép ra về, khi ra đến cửa, ta thấy người lái xe và đoàn người tùy tùng đứng chờ suốt đêm, bị trời mưa ướt phải chịu cực khổ, ta cảm thấy ân hận và thương cảm cho người lái xe và đoàn người tùy tùng. Ta nghĩ, ta là người giữ gìn pháp karu (ngũ giới) mà làm khổ người khác như vậy, giới của ta có bị ô nhiễm hay không?”

Vì vậy, ta ái ngại không muốn ban pháp karu (ngũ giới) cho các người.

Các sứ giả tâu rằng:

– *Muôn tâu Đức phó vương, Đức phó vương không cố ý làm khổ người khác, còn giới của Đức phó vương không hề bị ô nhiễm một điều giới nào cả. Vậy, kính xin Đức phó vương từ bi ban pháp karu (ngũ giới) cho chúng hạ thần.*

Sau khi các sứ giả ghi chép pháp karu (ngũ giới) nơi Đức phó vương trên tấm biển vàng xong, Đức phó vương truyền dạy rằng:

– *Mặc dù vậy, ta vẫn chưa hài lòng, ta xin giới thiệu đến vị Balamôn quân sư của Đức vua, là người giữ gìn pháp karu (ngũ giới) trong sạch và trọn vẹn. Các người hãy đến xin ghi chép pháp karu (ngũ giới) từ nơi vị quân sư ấy.*

5- Vị Balamôn quân sư của Đức vua giữ gìn pháp karu

Các sứ giả đến hầu vị quân sư Balamôn tâu rằng:

– *Thưa quân sư, chúng thần được biết quân sư giữ gìn pháp karu (ngũ giới). Kính xin quân sư mở lòng từ bi ban pháp karu (ngũ giới) cho chúng hạ thần.*

Vị Balamôn quân sư dạy rằng:

– *Này các người, ta có giữ gìn pháp karu (ngũ giới) thật, nhưng bây giờ ta rất ái ngại pháp karu (ngũ giới) của ta. Do đó, ta không muốn ban pháp karu (ngũ giới) đến cho các người.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

“Một hôm, ta đến châu Đức vua, trên đường đi ta thấy một chiếc xe mới xinh đẹp, được biết chiếc xe ấy của Đức vua lân bang đem đến cống hiến Đức vua Dhanañcayakorabya. Ta thầm nghĩ rằng: ‘Ta đã già rồi, nếu được Đức vua ban chiếc xe này cho ta; ta sẽ dùng chiếc xe này làm phương tiện đi lại châu Đức vua thì tốt biết dường nào!’.

Khi ta vào châu Đức vua, sứ giả tâu cống hiến chiếc xe xinh đẹp lên Đức vua. Đức vua khen ngợi chiếc xe rất xinh đẹp, rồi truyền dạy rằng:

– *Này sứ giả, các người nên cống hiến chiếc xe xinh đẹp này đến vị Balamôn quân sư khả kính của ta.*

Ban đầu ta không chịu nhận, nhưng Đức vua khấn khoản mãi ta mới chịu nhận. Vì ta là vị quân sư giữ gìn pháp karu (ngũ giới), sao lại phát sinh tâm tham muốn trong của cải của người khác, như vậy giới của ta có bị ô nhiễm hay không?”.

Vì vậy, ta ái ngại không muốn ban pháp karu (ngũ giới) cho các người.

Các sứ giả bạch rằng:

– *Thưa quân sư, tâm nghĩ tham muốn của cải người khác, thì chưa phạm điều giới được. Bởi vì phạm điều giới phải do thân và khẩu. Vậy, kính xin quân sư từ bi ban pháp karu (ngũ giới) cho chúng hạ thần.*

Sau khi các sứ giả ghi chép pháp karu (ngũ giới) nơi vị quân sư trên tấm biển vàng xong, vị quân sư truyền dạy rằng:

– *Mặc dù vậy, ta vẫn chưa hài lòng, ta xin giới thiệu đến vị quan đo điền thổ của Đức vua, là người giữ gìn pháp karu (ngũ giới) trong sạch và trọn vẹn. Các ngươi hãy đến xin ghi chép pháp karu (ngũ giới) từ vị quan ấy.*

6- Vị quan đo điền thổ của Đức vua giữ gìn pháp karu

Các sứ giả đến hầu vị quan đo điền thổ thưa rằng:

– *Thưa quan đo điền thổ, chúng tôi được biết ông giữ gìn pháp karu (ngũ giới). Kính xin ông mở lòng từ bi ban pháp karu (ngũ giới) cho chúng tôi.*

Vị quan đo điền thổ bảo rằng:

– *Thưa quý vị, tôi có giữ gìn pháp karu (ngũ giới) thật, nhưng bây giờ tôi rất ái ngại pháp karu (ngũ giới) của tôi. Do đó, tôi không muốn ban pháp karu (ngũ giới) đến cho quý vị.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

“Một hôm, tôi có phận sự đo điền thổ ở tỉnh ngoài, tôi lấy sợi dây cột vào hai đầu cây, người chủ đất cầm một đầu, còn tôi cầm một đầu. Khi tôi giăng dây để đo đất, đầu cây của tôi nhằm ngay vào hang con cua, tôi nghĩ rằng: ‘Nếu tôi cắm cây ngay vào hang con cua, thì có thể làm con cua chết; nếu tôi cắm cây tránh quá hang con cua, thì bị thâm lạm đất nhà nước; nếu tôi cắm cây trước hang con cua, thì thiếu hụt đất của chủ điền. Tôi nghĩ nếu trong hang này có con cua, thì tôi đã thấy nó, tôi đã xem xét không nhìn thấy con cua nào, có lẽ nó đã bỏ hang đi rồi. Khi tôi cắm cây nhằm ngay vào hang cua, tôi lắng nghe có tiếng kêu, và nghĩ có lẽ tôi đã cắm cây đụng phải con cua bị đau, nhưng tôi không biết con cua sống chết thế nào, như vậy, giới của tôi có bị ô nhiễm hay không?’”

Vì vậy, nên tôi ái ngại không muốn truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho quý vị.

Các sứ giả thưa rằng:

– *Thưa vị quan đo điền thổ, Ngài không có tác ý sát sinh, dù con của có chết hay không Ngài cũng không phạm điều giới sát sinh. Vậy, xin Ngài từ bi truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho chúng tôi.*

Sau khi các sứ giả ghi chép pháp karu (ngũ giới) nơi vị quan đo điền thổ trên tấm biển vàng xong, vị quan đo điền thổ khuyên rằng:

– *Mặc dù vậy, tôi vẫn chưa hài lòng, tôi xin giới thiệu người đánh xe ngựa của Đức vua, là người giữ gìn pháp karu (ngũ giới) trong sạch và trọn vẹn. Các người hãy đến xin ghi chép pháp karu (ngũ giới) từ ông ấy.*

7- Người đánh xe ngựa của Đức vua giữ gìn pháp karu

Các sứ giả đến gặp người đánh xe ngựa cho Đức vua thưa rằng:

– *Thưa anh đánh xe ngựa, chúng tôi được biết anh giữ gìn pháp karu (ngũ giới). Kính xin anh mở lòng từ bi truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho chúng tôi.*

Người đánh xe ngựa thưa rằng:

– *Thưa quý vị, tôi có giữ gìn pháp karu (ngũ giới) thật, nhưng bây giờ tôi rất ái ngại pháp karu (ngũ giới) của tôi. Do đó, tôi không muốn truyền lại pháp karu (ngũ giới) đến cho quý ông.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

“Một hôm, tôi đánh xe ngựa đưa Đức vua dạo chơi vườn thượng uyển. Đức vua mãi ngắm cảnh, đến quá chiều Đức vua mới ngự lên xe hồi cung; xe đi được một đoạn đường, tôi nhìn thấy bầu trời mây kéo đen nghịt, báo hiệu trời sắp mưa, lo Đức vua sẽ bị mưa ướt, nên tôi dùng roi báo hiệu cho ngựa chạy nhanh về cung điện. Bắt đầu từ đó về sau, mỗi khi đến đoạn đường này, con ngựa vụt chạy nhanh với ý nghĩ nơi đoạn đường này có nguy hiểm, nên trước đây người lái xe đã báo hiệu cho chạy nhanh. Sự thật, hôm ấy trời mưa ướt hay không, chính tôi không có lỗi, thế mà tôi dùng roi ra hiệu cho ngựa chạy nhanh, tôi đã làm khổ con ngựa từ ngày ấy cho đến nay; tôi cảm thấy ân hận thương cảm cho con ngựa. Vì tôi là người giữ gìn pháp karu (ngũ giới) không nên làm khổ chúng sinh khác, như vậy giới của tôi có bị ô nhiễm hay không?”

Vì vậy, nên tôi ái ngại không muốn truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho các ông.

Các sứ giả nói rằng:

– *Này anh lái xe ngựa, tâm của anh không nghĩ làm khổ đến con ngựa, còn giới của anh không phạm một điều nào cả. Vậy, xin anh từ bi truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho chúng tôi.*

Sau khi các sứ giả ghi chép pháp karu (ngũ giới) nơi người đánh xe ngựa trên tấm biển vàng xong, người đánh xe ngựa khuyên rằng:

– *Mặc dù vậy, tôi vẫn chưa hài lòng, tôi xin giới thiệu ông phú hộ, là người giữ gìn pháp karu (ngũ giới) trong sạch và trọn vẹn. Quý vị nên đến xin ghi chép pháp karu (ngũ giới) từ nơi ông ấy.*

8- Ông phú hộ ở kinh thành Indapattha, giữ gìn pháp karu

Các sứ giả đến gặp ông phú hộ thưa rằng:

– *Thưa ông phú hộ, chúng tôi được biết ông giữ gìn pháp karu (ngũ giới). Kính xin ông mở lòng từ bi truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho chúng tôi.*

Ông phú hộ thưa rằng:

– *Thưa quý vị, tôi có giữ gìn pháp karu (ngũ giới) thật, nhưng bây giờ tôi rất ái ngại pháp karu (ngũ giới) của tôi. Do đó, tôi không muốn truyền lại pháp karu (ngũ giới) đến cho quý ông.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

“Một hôm, tôi đi thăm ruộng của tôi, xem xét lúa sālī đến thời kỳ chín, có thể gặt được chưa. Trước khi trở về, tôi sai người cắt một nắm đem về, sau đó tôi nghĩ rằng: ‘Lúa ruộng của tôi chưa được đóng thuế cho nhà nước, nhưng tôi đã đem về một nắm lúa, mà tôi chưa đóng thuế’. Tôi là người giữ gìn pháp karu (ngũ giới) lẽ ra, tôi phải đóng thuế lúa cho nhà nước xong rồi, phần lúa còn lại là phần của mình mới đem về nhà được, tôi đã vô ý, như vậy giới của tôi có bị ô nhiễm hay không?”

Vì vậy, nên tôi ái ngại không muốn truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho quý vị.

Các sứ giả thưa rằng:

– *Thưa ông phú hộ, ông không có tác ý trộm cắp, nên giới của ông không phạm gì cả, vậy xin ông từ bi truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho chúng tôi.*

Sau khi các sứ giả ghi chép pháp karu (ngũ giới) nơi ông phú hộ trên tấm biển vàng xong, ông phú hộ khuyên rằng:

– *Mặc dù vậy, tôi vẫn chưa hài lòng, tôi xin giới thiệu vị quan trông coi kho thóc gạo, là người giữ gìn pháp karu (ngũ giới) trong sạch và trọn vẹn. Quý vị nên đến xin ghi chép pháp karu (ngũ giới) từ nơi vị quan ấy.*

9- Vị quan trông coi kho thóc gạo của Đức vua, giữ gìn pháp karu

Các sứ giả đến tìm gặp vị quan trông coi kho thóc gạo của Đức vua rồi thưa rằng:

– *Thưa quan trông coi kho thóc gạo, chúng tôi được biết ông giữ gìn pháp karu (ngũ giới). Kính xin ông mở lòng từ bi truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho chúng tôi.*

Vị quan trông coi kho thóc gạo thưa rằng:

– *Thưa quý vị, tôi có giữ gìn pháp karu (ngũ giới) thật, nhưng bây giờ tôi rất ái ngại pháp karu (ngũ giới) của tôi. Do đó, tôi không muốn truyền lại pháp karu (ngũ giới) đến cho các ông.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

“Một hôm, tôi ngồi trước cửa kho, dùng thẻ để đếm lúa đem nạp vào kho thóc lúa nhà Vua. Trong khi đang đếm lúa, thì trời mưa; vì sợ trời mưa ướt lúa, tôi vội vàng sai người đóng lúa đóng thuế nạp vào kho. Khi công việc xong rồi, tôi nghĩ lại rằng: ‘Trong khi vội vàng lỡ đếm nhầm, nếu thiếu lúa thì có hại cho nhà nước, hoặc nếu dư lúa thì có hại cho dân chúng’. Tôi là người giữ gìn pháp karu (ngũ giới) mà không thận trọng trong phận sự của mình, như vậy giới của tôi có bị ô nhiễm hay không?”.

Vì vậy, nên tôi ái ngại không muốn truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho quý vị.

Các sứ giả thưa rằng:

– *Thưa ông, ông không có tác ý gì, nên ông không thể phạm điều giới được. Vậy, xin ông từ bi truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho chúng tôi.*

Sau khi các sứ giả ghi chép pháp karu (ngũ giới) nơi vị quan trông coi kho thóc gạo trên tấm biển vàng xong, vị quan ấy khuyên rằng:

– *Mặc dù vậy, tôi vẫn chưa hài lòng, tôi xin giới thiệu người đóng cửa thành, là người giữ gìn pháp karu (ngũ giới) trong sạch và trọn vẹn. Quý vị nên đến xin ghi chép pháp karu (ngũ giới) từ nơi ông ấy.*

10- Người đóng cửa thành giữ gìn pháp karu

Các sứ giả đến gặp người đóng cửa thành thưa rằng:

– *Thưa anh, chúng tôi được biết anh giữ gìn pháp karu (ngũ giới). Kính xin anh mở lòng từ bi truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho chúng tôi.*

Người đóng cửa thành thưa rằng:

– *Thưa quý vị, tôi có giữ gìn pháp karu (ngũ giới) thật, nhưng bây giờ tôi rất ái ngại pháp karu (ngũ giới) của tôi. Do đó, tôi không muốn truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho quý vị.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

“Một hôm, đến giờ đóng cửa thành, tôi đã công bố lớn tiếng đến 3 lần; khi ấy, một người nghèo với một đứa em gái vào rừng tìm củi, củ xong, đang trên đường đi vào cửa thành. Hai anh em vội vàng chạy đến, cũng vừa đúng lúc đóng cửa thành. Tôi quả trách người nghèo ấy rằng:

– *Anh không biết có Đức vua trong thành, anh không biết đến giờ đóng cửa thành hay sao! Mà anh ham vui dẫn vợ đi dạo chơi trong rừng mãi cho đến giờ này mới trở về?*

Anh chàng nghèo ấy đáp rằng:

– *Người con gái ấy là em của tôi, không phải là vợ.*

Tôi nghĩ lại rằng: ‘Em gái của anh ấy mà ta nói là vợ’. Tôi là người giữ gìn pháp karu (ngũ giới), tôi không biết rõ, nên nói lời không chân thật, tôi rất ân hận, như vậy giới của tôi có bị phạm hay không?’.

Vì vậy, nên tôi ái ngại không muốn truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho quý vị.

Các sứ giả bảo rằng:

– *Này anh đóng cổng thành, người nào nói theo sự hiểu lầm của mình, thì người ấy không gọi là phạm điều giới. Vậy, xin anh từ bi truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho chúng tôi.*

Sau khi các sứ giả ghi chép pháp karu (ngũ giới) nơi người đóng cửa thành trên tấm biển vàng xong, người ấy khuyên rằng:

– *Mặc dù vậy, tôi vẫn chưa hài lòng, tôi xin giới thiệu cô kỹ nữ Va□□adasī, là người giữ gìn pháp karu (ngũ giới) trong sạch và trọn vẹn. Quý vị nên đến xin ghi chép pháp karu (ngũ giới) từ nơi cô ấy.*

11- Cô kỹ nữ trong kinh thành Indapattha, giữ gìn pháp karu

Các sứ giả đến gặp cô kỹ nữ Va□□adasī rồi thưa rằng:

– *Thưa cô, chúng tôi được biết cô giữ gìn pháp karu (ngũ giới). Kính xin cô mở lòng từ bi truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho chúng tôi.*

Cô kỹ nữ Va□□adasī thưa rằng:

– *Thưa quý vị, tôi có giữ gìn pháp karu (ngũ giới) thật, nhưng bây giờ tôi rất ái ngại pháp karu (ngũ giới) của tôi. Do đó, tôi không muốn truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho quý vị.*

Nguyên do câu chuyện xảy ra như thế này:

“Một thuở nọ, để thử xem tôi có đức tin giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn hay không, Đức vua trời Sakka (Đế Thích) đã biến hóa thành một chàng trai trẻ đến tìm tôi và trao trước cho tôi một số tiền 1.000 đồng kahāpana, rồi bảo với tôi rằng:

– *Hãy chờ tôi! Tôi sẽ trở lại.*

Chàng trai trẻ ấy ra đi (hồi cung trời Tam Thập Tam Thiên), tôi đã chờ đợi suốt 3 năm ròng rã vẫn không thấy chàng trai trẻ ấy trở lại sống chung với tôi. Trong suốt thời gian 3 năm trường ấy, tôi không dám nhận tiền bạc của cải từ một người đàn ông nào khác, sợ rằng giới của mình bị phạm. Tôi phải chịu sống nghèo khổ túng thiếu, đến lúc tôi không thể nào tiếp tục chịu đựng kéo dài cuộc sống được nữa, nên tôi thưa trình chuyện này, nhờ tòa án phán xét. Khi tôi đến tòa trình bày rằng:

– Thưa quan tòa, xin tòa phán xét trường hợp của tôi như vậy: “Cách đây tròn đúng 3 năm, một chàng trai trẻ trao trước cho tôi số tiền 1.000 đồng kahāpana, rồi ra đi bảo tôi chờ đợi chàng sẽ trở lại. Tôi đã chờ đợi chàng trai trẻ ấy tròn đúng 3 năm rồi, mà vẫn không thấy chàng trai trẻ ấy trở lại tìm tôi, nên tôi không dám nhận tiền bạc của người đàn ông khác nữa, vì sợ bị phạm giới. Do đó, cuộc sống của tôi càng ngày càng túng thiếu, nghèo khổ; đến nay, tôi không thể tiếp tục chịu đựng kéo dài cuộc sống như vậy”. Kính xin tòa phán xét giải quyết hoàn cảnh của tôi thế nào cho được công minh.

Tòa phán xét rằng:

– Kể từ nay, nàng có thể nhận tiền bạc từ người đàn ông khác được.

Khi tòa phán xét xong, tôi vừa bước ra khỏi tòa, thì có một người đàn ông lại tìm tôi, trao cho tôi một số tiền 1.000 đồng kahāpana, tôi vừa đưa tay ra định nhận; nhưng chưa nhận, thì ngay khi ấy Đức vua trời Sakka (Đế Thích) hiện ra là một chàng trai trẻ cách đây đúng 3 năm về trước. Tôi vừa thấy chàng trai ấy, liền rút tay lui lại và kêu lên rằng:

– Chàng trai trẻ năm xưa đã đến rồi! Tôi không thể nhận số tiền 1.000 đồng kahāpana của ông được, xin ông thông cảm!

Chàng trai trẻ ấy hóa trở lại thành Đức vua trời Sakka (Đế Thích) đứng trên hư không có hào quang sáng ngời, làm cho dân chúng trong thành đều vui mừng hớn hờ.

Đức vua trời Sakka (Đế Thích) truyền dạy rằng:

– Cách đây đúng 3 năm, Trẫm đã biến hóa thành một chàng trai trẻ trao cho nàng kỹ nữ số tiền 1.000 đồng kahāpana, để thử lòng nàng kỹ nữ có giữ giới trong sạch hay không. Nay Trẫm đã biết rõ nàng kỹ nữ là người đã giữ giới trong sạch và trọn vẹn.

Đức vua trời Sakka (Đế Thích) khuyên mọi người giữ gìn ngũ giới trong sạch sẽ được nhiều quả báu lớn lao.

Sau đó, Đức vua trời Sakka (Đế Thích) ban phước lành cho tôi, trong nhà có đầy đủ 7 thứ báu vật và khuyên dạy rằng:

– *Nàng nên giữ gìn ngũ giới trong sạch và trọn vẹn, chớ nên để duôi trong mọi thiện pháp, kể từ nay cho đến trọn đời, sau khi chết do nhờ thiện nghiệp giữ giới sẽ cho quả tái sinh lên cõi trời, thọ hưởng mọi sự an lạc cao quý ở cõi trời.*

Như vậy, tôi đã nhận số tiền 1.000 đồng kahāpana từ chàng trai, nhưng tôi chưa làm xong phận sự, lại còn đưa tay định nhận số tiền 1.000 đồng kahāpana từ một người đàn ông khác; tuy tôi đưa tay nhưng chưa nhận số tiền ấy, tôi vẫn ái ngại, như vậy giới của tôi có bị ô nhiễm hay không? ”.

Vì vậy, nên tôi ái ngại không muốn truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho quý vị.

Các sứ giả thưa rằng:

– *Thưa cô Va□□adasī, như vậy, giới của cô không bị ô nhiễm, vẫn còn trong sạch và trọn vẹn. Vậy xin cô từ bi truyền lại pháp karu (ngũ giới) cho chúng tôi.*

Các sứ giả ghi chép pháp karu (ngũ giới) nơi cô kỹ nữ trên tấm biển bằng vàng.

Các sứ giả của Đức vua Kāli□ga ở kinh thành Dantapura đã ghi chép pháp karu (ngũ giới) từ 11 vị đã giữ gìn trong sạch trên tấm biển vàng, rồi trở lại kinh thành Dantapura dâng tấm biển vàng ấy lên Đức vua Kāli□ga.

Đức vua Kāli□ga thực hành theo pháp karu (ngũ giới) trong sạch và trọn vẹn, thì trong xứ Kāli□ga của Đức vua được mưa thuận gió hòa, 3 tai nạn không còn nữa, trong nước thái bình thịnh vượng, dân giàu nước mạnh, dân chúng sống được an cư lạc nghiệp, cuộc sống được an lạc.

Phần Đức vua Bồ Tát Dhanañcayakorabya tiếp tục bồi bổ ba-la-mật bố thí, trì giới, v.v... cho đến trọn đời.

Đức vua Bồ Tát cùng những người trung tín sau khi chết, thiện nghiệp giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn cho quả đều được tái sinh lên cõi trời, được hưởng mọi sự an lạc trong cõi trời.

Đức Phật thuật lại câu chuyện tiền kiếp của Ngài, có số chúng sinh chứng đắc thành bậc Nhập Lưu, có số chúng sinh chứng đắc thành bậc Nhất Lai,... có số chúng sinh phát sinh đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, kính xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới.

Kiếp quá khứ liên quan đến kiếp hiện tại

- 1- *Cô kỹ nữ Va□□adāsī*: Kiếp hiện tại này là Đại đức Tỳ khuru ni *Uppalava□□attherī*.
- 2- *Người đóng cửa thành*: Kiếp hiện tại này là Đại đức Tỳ khuru *Puññatthera*.
- 3- *Vị quan đo điền thổ*: Kiếp hiện tại này là Đại đức Tỳ khuru *Kaccayanatthera*.
- 4- *Vị quan trông coi thóc lúa*: Kiếp hiện tại này là Đại đức Tỳ khuru *Mahāmoggallānatthera*.
- 5- *Ông phú hộ kinh thành Indapattha*: Kiếp hiện tại này là Đại đức Tỳ khuru *Sāriputatthera*.
- 6- *Người lái xe ngựa của Đức vua*: Kiếp hiện tại này là Đại đức Tỳ khuru *Anuruddhatthera*.
- 7- *Vị Bàlamôn quân sư*: Kiếp hiện tại này là Đại đức Tỳ khuru *Mahākassapatthera*.
- 8- *Đức phó vương, Hoàng đệ của Đức vua*: Kiếp hiện tại này là Đại đức Tỳ khuru *Nandatthera*.
- 9- *Chánh cung Hoàng hậu của Đức chánh vương*: Kiếp hiện tại này là Chánh cung Hoàng hậu *Yasodharā*, về sau xuất gia trở thành Tỳ khuru ni *Yasodharātherī*.
- 10- *Mẫu hậu của Đức vua*: Kiếp hiện tại này là Mẫu hậu *Mahāmayādevī*.

11- Đức vua Bồ Tát Dhanañcayakorabya: Kiếp hiện tại này chính là Như Lai (Đức Phật Gotama).

Như vậy, sự giữ gìn ngũ giới trong sạch và trọn vẹn có một tầm rất quan trọng đối với tất cả chúng sinh, có khả năng đem lại sự lợi ích lớn hoặc nhỏ tùy theo địa vị của mỗi người trong đời.

— Nếu Đức vua là người giữ gìn ngũ giới trong sạch và trọn vẹn, thì trong nước được mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, thần dân thiên hạ được no ấm an lạc, mọi người được sống trong cảnh thanh bình thịnh vượng.

— Nếu người chủ gia đình là người giữ gìn ngũ giới trong sạch và trọn vẹn, thì toàn thể những người trong gia đình được sống an lành hạnh phúc.

— Nếu mỗi người giữ gìn ngũ giới trong sạch và trọn vẹn, thì chính người ấy đã tạo cho mình những *thiện nghiệp ngũ giới*; mà mỗi thiện nghiệp trở thành một pháp đại thí đối với tất cả mọi chúng sinh muôn loài vô lượng.

Như trong bài kinh *Abhisandasutta* [48], Đức Phật thuyết dạy về 5 loại đại thí như sau:

Năm loại đại thí ấy là thế nào?

1- *Này chư Tỳ khuru, trong Phật giáo này, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử đã từ bỏ sự sát sinh, hoàn toàn tránh xa sự sát sinh.*

*Này chư Tỳ khuru, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử hoàn toàn tránh xa sự sát sinh, gọi là **bố thí sự vô hại, sự an toàn** (sinh mạng của tất cả chúng sinh), **bố thí sự không oan trái, bố thí sự không làm khổ đến tất cả mọi chúng sinh muôn loài vô lượng**. Khi đã bố thí sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, sự không làm khổ đến tất cả mọi chúng sinh muôn loài vô lượng, thì vị ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô lượng chúng sinh không làm khổ mình.*

*Này chư Tỳ khuru, đó là **sự bố thí thứ nhất gọi là đại thí cao quý**, mà chư thiện trí, Samôn, Bàlamôn không bỏ bê, trong quá khứ không từng bỏ, trong hiện tại không bỏ, trong vị lai cũng sẽ không bỏ. Được biết rằng đó là pháp hành trì của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện trí, trải qua từ ngàn xưa, thật cao quý.*

2- *Này chư Tỳ khuru, còn điều tiếp theo, trong Phật giáo này, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử đã từ bỏ sự trộm cắp, hoàn toàn tránh xa sự trộm cắp.*

*Này chư Tỳ khuru, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử hoàn toàn tránh xa sự trộm cắp, gọi là **bố thí sự vô hại, sự an toàn** (của cái người khác), **bố thí sự không oan trái, bố thí sự không làm khổ đến tất cả mọi chúng sinh vô lượng**. Khi đã bố thí sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, sự không làm khổ đến tất cả mọi chúng sinh vô lượng, thì vị ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô lượng chúng sinh không làm khổ mình.*

*Này chư Tỳ khuru, đó là **sự bố thí thứ nhì gọi là đại thí cao quý**, mà chư thiện trí, Samôn, Bàlamôn không bỏ bê, trong quá khứ không từng bỏ, trong hiện tại không bỏ, trong vị lai cũng sẽ không bỏ. Được biết rằng đó là pháp hành trì của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện trí, trải qua từ ngàn xưa, thật cao quý.*

3- *Này chư Tỳ khuru, còn điều tiếp theo, trong Phật giáo này, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử đã từ bỏ sự tà dâm, hoàn toàn tránh xa sự tà dâm.*

*Này chư Tỳ khuru, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử hoàn toàn tránh xa sự tà dâm, gọi là **bố thí sự vô hại, sự an toàn** (vợ, chồng, con cái của người khác), **bố thí sự không oan trái, bố thí sự không làm khổ đến tất cả mọi chúng sinh vô lượng**. Khi đã bố thí sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, sự không làm khổ đến tất cả mọi chúng sinh vô lượng, thì vị ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô lượng chúng sinh không làm khổ mình.*

*Này chư Tỳ khuru, đó là **sự bố thí thứ ba gọi là đại thí cao quý**, mà chư thiện trí, Samôn, Bàlamôn không bỏ bê, trong quá khứ không từng bỏ, trong hiện tại không bỏ, trong vị lai cũng sẽ không bỏ. Được biết rằng đó là pháp hành trì của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện trí, trải qua từ ngàn xưa, thật cao quý.*

4- *Này chư Tỳ khuru, còn điều tiếp theo, trong Phật giáo này, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử đã từ bỏ sự nói dối, hoàn toàn tránh xa sự nói dối.*

*Này chư Tỳ khuru, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử hoàn toàn tránh xa sự nói dối, gọi là **bố thí sự vô hại, sự an toàn** (không gây thiệt hại), **bố thí sự không oan trái, bố thí sự không làm khổ đến tất cả mọi chúng sinh vô lượng**. Khi đã bố thí sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, sự không làm khổ đến tất cả mọi chúng sinh vô lượng, thì vị ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô lượng chúng sinh không làm khổ mình.*

Này chư Tỳ khuru, đó là **sự bố thí thứ tư gọi là đại thí cao quý**, mà chư thiện trí, Samôn, Bàlamôn không bỏ bê, trong quá khứ không từng bỏ, trong hiện tại không bỏ, trong vị lai cũng sẽ không bỏ. Được biết rằng đó là pháp hành trì của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện trí, trải qua từ ngàn xưa, thật cao quý.

5- Này chư Tỳ khuru, còn điều tiếp theo, trong Phật giáo này, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử đã từ bỏ **sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp, hoàn toàn tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp.**

Này chư Tỳ khuru, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử hoàn toàn tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp, gọi là **bố thí sự vô hại, sự an toàn (không gây ra tai hại), bố thí sự không oan trái, bố thí sự không làm khổ đến tất cả mọi chúng sinh muôn loài vô lượng.** Khi đã bố thí sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, sự không làm khổ đến tất cả mọi chúng sinh muôn loài vô lượng, thì vị ấy được hưởng sự vô hại, sự an toàn, sự không oan trái, vô lượng chúng sinh không làm khổ mình.

Này chư Tỳ khuru, đó là **sự bố thí thứ năm gọi là đại thí cao quý**, mà chư thiện trí, Samôn, Bàlamôn không bỏ bê, trong quá khứ không từng bỏ, trong hiện tại không bỏ, trong vị lai cũng sẽ không bỏ. Được biết rằng đó là pháp hành trì của người xưa, theo truyền thống của chư bậc thiện trí, trải qua từ ngàn xưa, thật cao quý.

Nhận Xét Về Ngũ Giới

Ngũ giới là thường giới (nīcasīla) cho tất cả mọi người trong đời, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, v.v...

Hễ người nào **không giữ gìn ngũ giới đầy đủ trọn vẹn**, thì người ấy được gọi là **người không có giới, người phạm giới, đã tạo nên ác nghiệp**, rồi phải chịu quả khổ của ác nghiệp ấy, ngay cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp vị lai.

Hễ người nào **giữ gìn ngũ giới trong sạch và đầy đủ trọn vẹn**, thì người ấy được gọi là **người có giới, đã tạo nên thiện nghiệp**, rồi được hưởng quả báu an lạc của thiện nghiệp ấy, ngay cả trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp vị lai.

Người nào không có đức tin nơi Tam Bảo, không tin nơi nghiệp và quả của nghiệp, không biết hổ thẹn tội lỗi, không biết ghê sợ tội lỗi, thì người ấy khó

mà giữ gìn ngũ giới cho được trong sạch và đầy đủ trọn vẹn. Người ấy gọi là **người không có giới, người phạm giới**, cũng gọi là **người ác**, mà tâm của người ác thường thích làm điều ác, nói điều ác, nghĩ đến điều ác. Cho nên, khi có cơ hội tạo ác nghiệp nào, người ấy tạo ác nghiệp một cách dễ dàng, rồi khi hậu quả khổ xảy ra với họ, họ thường trách người khác..., bởi vì họ là người không có đức tin và trí tuệ, không tin nghiệp và quả của nghiệp. Người ác dễ làm việc ác tạo ác nghiệp, mà khó làm việc thiện tạo thiện nghiệp.

Người nào có đức tin nơi Tam Bảo, tin nơi nghiệp và quả của nghiệp, có thiện tâm biết hổ thẹn tội lỗi, biết ghê sợ tội lỗi, thì người ấy dễ dàng giữ gìn ngũ giới trong sạch và đầy đủ trọn vẹn. Người ấy gọi là **người có giới**, cũng gọi là **người thiện**, mà tâm của người thiện thường thích làm điều thiện, nói điều thiện, nghĩ đến điều thiện. Cho nên, khi có cơ hội tạo thiện nghiệp nào, người ấy tạo thiện nghiệp ấy một cách dễ dàng, bởi vì họ là người có đức tin và trí tuệ, tin nghiệp và quả của nghiệp. Người thiện dễ làm việc thiện tạo thiện nghiệp, mà khó làm việc ác tạo ác nghiệp.

Nhận Xét Khó Hoặc Dễ Của Ngũ Giới

* Người nào không giữ gìn ngũ giới, phạm giới, người ấy có **tác ý bất thiện** (tác ý ác), rồi **cố gắng tạo ác nghiệp** bằng thân, bằng khẩu; gọi là người phạm giới, người tạo ác nghiệp.

Như vậy ác nghiệp khó tạo hay dễ tạo ???

* Người nào giữ gìn ngũ giới trong sạch và trọn vẹn, không phạm giới, người ấy có **tác ý thiện**, rồi **không tạo ác nghiệp** bằng thân, bằng khẩu; gọi là người giữ gìn ngũ giới trong sạch và trọn vẹn, người tạo thiện nghiệp.

Như vậy thiện nghiệp khó tạo hay dễ tạo ???

Hay nói rõ, người nào không giữ gìn ngũ giới, phạm giới, người ấy phải có **tác ý ác**, rồi sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu và các chất say,... tạo ác nghiệp.

Đó là ác nghiệp khó tạo hay dễ tạo ???

Người nào giữ gìn ngũ giới trong sạch và trọn vẹn, không phạm giới nào, người ấy phải có **tác ý thiện**, rồi không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu và các chất say,... tạo thiện nghiệp.

Đó là thiện nghiệp khó tạo hay dễ tạo ???

* Đặt ra từng câu hỏi cho mỗi giới, rồi tự mình suy xét trả lời trung thực như sau:

— *Sát sinh và không sát sinh, trong hai sự việc ấy, việc nào khó hành động? Việc nào dễ hành động?*

— *Trộm cắp và không trộm cắp, trong hai sự việc ấy, việc nào khó hành động? Việc nào dễ hành động?*

— *Tà dâm và không tà dâm, trong hai sự việc ấy, việc nào khó hành động? Việc nào dễ hành động?*

— *Nói dối và không nói dối, trong hai sự việc ấy, việc nào khó nói? Việc nào dễ nói?*

- *Uống rượu và các chất say và không uống rượu và các chất say, trong hai sự việc ấy, việc nào khó hành động? Việc nào dễ hành động?*

* Vấn đề không nói dối, thì nói thật như sau:

— *Mình làm sao, thì nói vậy (để mọi người không còn hoài nghi người khác).*

— *Mình nói sao, thì làm vậy (để tạo niềm tin cho mọi người).*

— *Mình nói lời đầu như thế nào, thì lời sau cũng nói như thế ấy (để giữ uy tín đối với mọi người, mình là người biết tự trọng).*

Khi nói sự thật cần phải có đầy đủ ba yếu tố cần thiết:

- *Thời gian nào có thể nói sự thật.*

- *Nơi chốn nào nên nói sự thật.*

- *Con người nào biết nghe sự thật.*

Khi có đầy đủ ba yếu tố cần thiết (*thời gian, nơi chốn, con người*) thích hợp, thì nên nói sự thật. Sự thật ấy sẽ đem lại sự lợi ích cho mình và cho người nghe sự thật.

Ví dụ: Trong những trường hợp

- Người đứng trước tòa án cần phải khai thật để tòa xét xử, luận tội đúng theo pháp luật nhà nước.
- Trong cơ quan điều tra, khi nhà chức trách xét hỏi, người phạm tội cần phải khai báo đúng sự thật.
- Khi làm sai điều gì mà người khác không biết, thì người ấy phải nên nói sự thật để người ta không còn nghi ngờ người khác v.v...

Đó là những trường hợp có đầy đủ ba yếu tố cần thiết thích hợp để nói sự thật.

Tuy nhiên, những trường hợp nếu người nào ***ngĩ tham muốn*** tài sản của người khác một cách bất hợp pháp, thì người ấy không nên nói sự thật cho người khác biết. Nếu nói sự thật thì chắc chắn có hại cho mình và cho người khác mà thôi.

Ví dụ: Nhìn thấy vợ hoặc chồng người khác xinh đẹp, người ấy phát sinh tâm tham muốn vợ hoặc chồng của người khác. Khi ấy, không nên nói sự thật ý nghĩ tham muốn của mình.

Cho nên, ***không phải lúc nào nghĩ sao cũng nên nói vậy***. Sự thật ý nghĩ của mình có khi nên nói, có khi không nên nói, vì điều đó không có ai bắt buộc.

Việc dễ làm, việc khó làm hoàn toàn tùy thuộc vào ***khả năng*** hiểu biết, và bản tính ***thiện hoặc ác*** của mỗi người.

- Người ác dễ làm việc ác, nhưng khó làm việc thiện.
- Bậc thiện trí dễ làm việc thiện, nhưng khó làm việc ác.

Như Đức Phật dạy:

Sukara □ *sādhunā sādhu*,
Sādhū pāpena dukkara □.
Pāpa □ *pāpena sukara* □,
Pāpamariyehi dukkara □ [\[49\]](#) .

*Này chư Tỳ khuru,
Bậc thiện trí tạo thiện nghiệp dễ dàng,
Kẻ ác tạo thiện nghiệp rất khó khăn.
Kẻ ác tạo ác nghiệp rất dễ dàng.
Chư Thánh Nhân khó tạo ác nghiệp lắm!*

Đối với tất cả hàng phàm nhân (không phải bậc Thánh Nhân) xét về thiện - ác ai cũng có đầy đủ 12 ác tâm là 8 tham tâm + 2 sân tâm + 2 si tâm; và có 8 dục giới đại thiện tâm. Đặc biệt một số người có 5 sắc giới thiện tâm, 4 vô sắc giới thiện tâm.

Trong đời này, nếu người nào gần gũi thân cận với **bạn ác**, thì người ấy dễ bị ảnh hưởng bởi bạn ác, làm cho tâm ác phát sinh tạo những ác nghiệp bằng thân, khẩu, ý dẫn đến sự phạm giới, trở thành người không có giới, rồi phải chịu quả khổ ngay trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp vị lai.

Trong đời này, nếu người nào gần gũi thân cận với **bạn lành, bạn tốt, bậc thiện trí**, thì người ấy được ảnh hưởng từ người bạn lành, bạn tốt, bậc thiện trí ấy, làm cho tâm thiện phát sinh, tạo những thiện nghiệp bằng thân, khẩu, ý từ dục giới thiện nghiệp, sắc giới thiện nghiệp, vô sắc giới thiện nghiệp cho đến Siêu tam giới thiện nghiệp.

Như vậy, con người còn là phàm nhân vốn có 3 nhân ác: *Tham, sân, si* và cũng có 3 nhân thiện: *Vô tham, vô sân, vô si*, nên kiếp hiện tại này, nếu người nào thường thân cận với kẻ ác, thì ác pháp dễ phát sinh và phát triển, trở thành người phạm giới. Nếu người nào thường thân cận với bậc thiện trí, thì thiện pháp dễ phát sinh và tăng trưởng, trở thành người có giới. Cho nên, cuộc đời của mỗi người hoàn toàn tùy thuộc vào những người bạn [50] của mình. Tục ngữ có câu: “*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*”.

Tính Ưu Việt Của Người Thọ Phép Quy Y Tam Bảo

Và Thọ Trì Ngũ Giới

* *Trường hợp người cận sự nam, cận sự nữ đã thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới, và người không thọ phép quy y Tam Bảo và cũng không thọ trì ngũ giới. Nếu cả hai người này đều phạm giới (ví dụ phạm điều giới uống rượu) cùng tạo ác nghiệp như nhau, thì người nào có ác nghiệp nặng? Người nào có ác nghiệp nhẹ?*

Câu hỏi này tương tự câu hỏi của Đức vua Milinda bạch hỏi Ngài Đại đức Nāgasena, như sau:

Đức vua Milinda [\[51\]](#) bạch hỏi đại ý như sau:

— *Kính bạch Ngài Đại đức Nāgasena, một người không hiểu biết ác nghiệp, và một người hiểu biết ác nghiệp. Nếu cả hai người cùng tạo ác nghiệp giống nhau, thì người nào tạo ác nghiệp nặng, người nào tạo ác nghiệp nhẹ? Bạch Ngài.*

Ngài Đại đức Nāgasena giải đáp rằng:

— *Thưa Đại vương, người không hiểu biết (ajānanto) ác nghiệp, và người hiểu biết ác nghiệp (jānanto). Nếu cả hai người cùng tạo ác nghiệp giống nhau, người không hiểu biết ác nghiệp thì tạo ác nghiệp nặng, còn người hiểu biết ác nghiệp thì tạo ác nghiệp nhẹ.*

Nghe như vậy, Đức vua Milinda bạch rằng:

— *Kính bạch Ngài Đại đức Nāgasena, nếu như vậy, thì những vị quan, quân lính trong triều đình của con, người nào không hiểu biết pháp luật mà phạm đến pháp luật, thì con phải hành phạt trị tội nặng đối với người ấy có phải không? Bạch Ngài.*

Ngài Đại đức giải thích bằng ví dụ rằng:

— *Thưa Đại vương, Đại vương hiểu thế nào về điều này: “Một thỏi sắt được nung cháy đỏ, một người không hiểu biết thỏi sắt nóng mà đưa tay đụng chạm vào thỏi sắt nóng ấy; và một người khác hiểu biết rõ thỏi sắt nóng ấy mà phải đưa tay dè dặt đụng chạm vào thỏi sắt nóng ấy. Trong hai người đều đụng chạm vào thỏi sắt nóng ấy, người nào bị cháy phỏng nặng hơn, người nào bị cháy phỏng nhẹ hơn?”.*

— *Kính bạch Ngài Đại đức Nāgasena, dĩ nhiên người không hiểu biết thỏi sắt nóng mà đưa tay đụng chạm vào thỏi sắt nóng ấy, thì chắc chắn phải bị cháy phỏng nặng hơn; còn người hiểu biết thỏi sắt nóng mà đưa tay dè dặt đụng chạm vào thỏi sắt nóng ấy, thì bị cháy phỏng nhẹ hơn. Bạch Ngài.*

— *Thưa Đại vương, cũng như vậy, người nào không hiểu biết ác nghiệp mà tạo ác nghiệp, thì người ấy tạo ác nghiệp nặng hơn; còn người nào hiểu*

biết ác nghiệp, mà bắt đắđ đĩ phải tạo ác nghiệp, thì người ấy tạo ác nghiệp nhẹ hơn.

Dựa theo lời giải đắđ của Ngài Đại đức Nāgasena, mà có thể giải đắđ một cách hợp lý rằng:

** Người cận sự nam, cận sự nữ đắđ thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới, và người không thọ phép quy y Tam Bảo và cũng không thọ trì ngũ giới. Nếu cả hai người cùng phạm giới (ví dụ phạm điều giới uống rượu) cùng tạo ác nghiệp giống nhau, người không thọ phép quy y Tam Bảo và cũng không thọ trì ngũ giới thì tạo ác nghiệp nặng hơn; còn người đắđ thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới, thì tạo ác nghiệp nhẹ hơn.*

Nguyên nhân vì sao?

Người không thọ phép quy y Tam Bảo và cũng không thọ trì ngũ giới, vốn là người không có đức tin nơi Tam Bảo, không tin nghiệp và quả của nghiệp, không biết hổ thẹn tội lỗi, không biết ghê sợ tội lỗi. Khi họ phạm giới (ví dụ phạm điều giới uống rượu) tạo ác nghiệp, rồi họ không ăn năn hối lỗi, không biết sám hối tội lỗi. Bởi vậy cho nên, người ấy có ác nghiệp nặng hơn.

Còn người cận sự nam, cận sự nữ đắđ thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới, vốn là người có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, biết hổ thẹn tội lỗi, biết ghê sợ tội lỗi. Song vì sự dễ dôi, hoặc vì nể mặt, hoặc vì phiền não xui khiến họ phạm giới (ví dụ phạm điều giới uống rượu) tạo ác nghiệp, rồi liền sau đó họ biết ăn năn hối lỗi, biết thành tâm sám hối tội lỗi, họ phát nguyện xin thọ trì ngũ giới trở lại, trong đó có giới: “*Con xin thọ trì điều giới có tác ý tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ dôi*”. Họ trở thành người có giới đầy đủ như trước, rồi cố gắng giữ gìn ngũ giới cho đượ trong sạch và trọn vẹn để làm nền tảng cho mọi thiện nghiệp phát sinh và phát triển. Do đó, người ấy có ác nghiệp nhẹ hơn.

Ví dụ:

Một thỏi sắt đượ nung cháy đỏ, nếu một người không biết thỏi sắt ấy nóng, mà lấy bàn tay đụng chạm vào thỏi sắt nóng ấy, thì bàn tay bị cháy phỏng nặng. Còn một người khác biết rõ thỏi sắt ấy nóng, mà bắt đắđ đĩ phải lấy bàn tay dè dặt đụng chạm vào thỏi sắt nóng ấy, cho nên bàn tay bị cháy phỏng nhẹ hơn.

Cũng như vậy, hai người cùng tạo ác nghiệp:

— Một người không thọ phép quy y Tam Bảo và cũng không thọ trì ngũ giới, vốn là người không có đức tin nơi Tam Bảo, không tin nghiệp và quả của nghiệp, không biết rằng:

- *Ác nghiệp cho quả khổ thân, khổ tâm.*
- *Thiện nghiệp cho quả thân an lạc, tâm an lạc.*

Sau khi đã phạm giới, tạo ác nghiệp xong, người ấy không biết ăn năn hối lỗi, không biết sám hối tội lỗi của mình, không biết cách ngăn ác pháp. Do đó, ác nghiệp của người ấy nặng hơn.

— Một người cận sự nam, cận sự nữ đã thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới, vốn là người có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp. Bởi do sự dễ dãi quên mình nên bắt đầc dĩ mới phạm giới tạo ác nghiệp, nhưng ngay sau đó, người ấy có trí nhớ biết mình, không dễ dãi, biết hổ thẹn tội lỗi, biết ghê sợ tội lỗi, biết ăn năn hối lỗi, biết cách sám hối tội lỗi, biết cách ngăn cản không để ác pháp phát triển bằng cách phát nguyện xin thọ trì ngũ giới trở lại, trở thành người có giới, rồi giữ gìn ngũ giới cho được trong sạch và trọn vẹn như trước, để làm nền tảng cho mọi thiện pháp phát triển. Do đó, ác nghiệp mà người ấy đã tạo trước đây bị giảm tiềm năng cho quả ngay trong kiếp hiện tại và những kiếp vị lai.

Ví dụ:

Nếu đổ một muống muối vào trong cái ly chứa ít nước, thì làm cho nước trong ly có vị mặn nhiều. Nhưng nếu cũng muống muối ấy đổ vào trong một cái bể chứa nhiều khối nước, thì làm cho nước trong hồ sẽ có vị mặn không đáng kể.

Cũng như vậy, khi một người cận sự nam, cận sự nữ có sự dễ dãi đã lỡ tạo ác nghiệp, rồi ngay sau đó, người ấy có trí nhớ không dễ dãi thọ trì lại ngũ giới rồi giữ gìn ngũ giới cho được trong sạch và trọn vẹn để làm nền tảng cho mọi thiện nghiệp phát sinh và phát triển. Chính nhờ thiện nghiệp này làm giảm được tiềm năng cho quả của ác nghiệp; hoặc nhờ thiện nghiệp được phát triển cho nên ác nghiệp không có cơ hội cho quả khổ của nó.

Như vậy, người cận sự nam, cận sự nữ đã thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới vốn là người có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp. Nhưng đôi khi do phiền não có năng lực xui khiến làm cho phạm giới, tạo nên ác nghiệp làm khổ mình, làm khổ chúng sinh.

Khi tự mình có trí nhớ biết mình, người cận sự nam, cận sự nữ liền xin thọ trì ngũ giới trở lại, rồi giữ gìn ngũ giới cho được trong sạch và trọn vẹn như trước; hoặc có bậc thiện trí nhắc nhở, khuyên dạy thì người cận sự nam, cận sự nữ ấy dễ dàng biết phục thiện ngay, rồi trở thành người có giới trong sạch và trọn vẹn lại như trước, để làm nền tảng cho mọi thiện nghiệp phát triển.

Đó là tính ưu việt của người cận sự nam, cận sự nữ đã thọ phép quy y Tam Bảo và ngũ giới là thường giới.

Ngũ Giới Hành Phạm Hạnh (*Brahmacariya Pañcasīla*)

Ngũ giới hành phạm hạnh như thế nào?

Thông thường *ngũ giới* là *thường giới* (*nīccasīla*) đối với tất cả mọi người tại gia nói chung vẫn có thể có vợ hoặc có chồng. Trong ngũ giới có giới thứ ba là:

“*Kāmesumicchācārā veramaññisikkhāpadaññsamādiyāmi*”

(*Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự tà dâm*)

Còn *ngũ giới hành phạm hạnh* (*brahmacariyapañcasīla*) dành cho bậc **Thánh Bất Lai tại gia suốt đời trọn kiếp**. Cho nên, trong ngũ giới hành phạm hạnh có giới thứ ba là:

“*Abrahmacariyā veramaññisikkhāpadaññsamādiyāmi*”

(*Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự hành dâm*)

Bởi vì, **bậc Thánh Bất Lai** đã diệt đoạn tuyệt được *tâm tham ái trong cõi dục giới*, đương nhiên tâm không còn muốn *hành dâm nữa*. Do đó, bậc Thánh Bất Lai *hành phạm hạnh*, nghĩa là tuyệt đối không còn hành dâm không chỉ suốt trọn đời trọn kiếp này mà còn những kiếp vị lai cho đến khi trở thành bậc Thánh Arahán, rồi tịch diệt Niết Bàn, chấm dứt tử sinh luân hồi trong tam giới.

Trong thời kỳ Đức Phật hiện còn trên thế gian, có hai trưởng giả cùng tên *Ugga*: *Trưởng giả Ugga người xứ Vesāli* và *trưởng giả Ugga người làng Hatthigāma trong vùng Vajji*. Cả hai trưởng giả này lắng nghe Đức Phật thuyết pháp, thực hành thiền tuệ đều chứng đắc thành bậc Thánh Bất Lai, đã diệt đoạn tuyệt được *phiền não tham dục trong cõi dục giới*, nên tâm không còn thỏa thích, say mê thèm khát trong ngũ trần nữa. Hai trưởng giả là người cận sự nam sống tại gia, cho nên, họ *thọ trì ngũ giới hành phạm hạnh*.

Tìm hiểu bài kinh *Uggasutta* [52] Đức Phật đề cập đến trưởng giả Ugga là người có 8 pháp phi thường chưa từng có như sau:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại ngôi chùa lớn trong khu rừng gần thành Vesāli. Khi ấy, Đức Thế Tôn gọi chư Tỷ khưu dạy rằng:

— *Này chư Tỳ khuru, các con nên ghi nhớ rằng: ‘Trưởng giả Ugga là người có 8 pháp phi thường chưa từng có’.*

Đức Thế Tôn dạy như vậy xong, đứng dậy ngự vào chùa.

Vào một buổi sáng, có một vị Tỳ khuru mặc y bát đến ngôi nhà của trưởng giả Ugga xứ Vesāli, ngồi trên tọa cụ đã trải sẵn. Trưởng giả Ugga xứ Vesāli đánh lễ vị Tỳ khuru xong, ngồi một nơi hợp lẽ; khi ấy, vị Tỳ khuru hỏi trưởng giả Ugga xứ Vesāli rằng:

— *Này trưởng giả Ugga, Đức Thế Tôn khen ngợi ông rằng: “Trưởng giả Ugga là người có 8 pháp phi thường chưa từng có”. Này trưởng giả, 8 pháp phi thường chưa từng có đó là pháp như thế nào?*

Trưởng giả Ugga xứ Vesāli bạch rằng:

— *Kính bạch Đại đức, con không biết Đức Thế Tôn khen ngợi con là người có 8 pháp phi thường chưa từng có thế nào. Nhưng đối với con, kính xin Đại đức hoan hỷ lắng nghe 8 pháp phi thường chưa từng thấy của con; con xin trình bày cho Đại đức được rõ.*

Vị Tỳ khuru đáp rằng:

— *Lành thay! Trưởng giả Ugga.*

Trưởng giả Ugga xứ Vesāli bạch rằng:

1- *Kính bạch Đại đức, lần đầu tiên khi con thấy Đức Thế Tôn từ xa, tức thì ngay khi ấy, tâm của con phát sinh đức tin trong sạch hoàn toàn nơi Ngài.*

Đó là pháp phi thường chưa từng có thứ nhất của con.

2- *Kính bạch Đại đức, có đức tin trong sạch nơi Đức Thế Tôn, con đến ngôi gần Đức Thế Tôn, lắng nghe Ngài thuyết pháp **Anupubbikathā** (Pháp theo tuần tự) để tế độ con, đó là thuyết về giới, thuyết về cõi trời, tội lỗi của ngũ dục [53] thấp hèn ô nhiễm, quả báu của sự xa lánh ngũ dục. Khi ấy, Đức Thế Tôn biết tâm trí của con đã nhu mì dễ dạy, đã xa lìa pháp chướng ngại, tâm thiện trong sạch. Để tế độ con, Đức Thế Tôn thuyết pháp chân lý Tứ Đế đó là Khổ đế, Nhân sinh Khổ đế, Diệt đế, Pháp hành diệt Khổ đế. Ví như tấm vải trắng mới sạch sẽ, không dơ bẩn, muốn nhuộm màu gì cũng tốt*

đẹp. Cũng như vậy, sau khi nghe Đức Thế Tôn thuyết pháp xong, chính tại nơi ấy con đã chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, đã phát sinh pháp nhãn, không còn phiền não làm ô nhiễm. Trí tuệ thấy rõ biết rõ rằng: “Tất cả các pháp nào trong tam giới có trạng thái sinh, thì tất cả các pháp ấy đều có trạng thái diệt”.

Kính bạch Đại đức, con đã phát sinh trí tuệ chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, đã đạt đến chân lý Tứ Thánh Đế, đã biết rõ đúng theo chân lý Tứ Thánh Đế, đã thấu rõ thông suốt chân lý Tứ Thánh Đế, nên đã diệt đoạn tuyệt hoàn toàn mọi điều hoài nghi nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng; tâm không còn hoài nghi nào nữa. Với trí tuệ thiên tuệ của mình đã chứng ngộ đúng theo lời giáo huấn của Đức Thế Tôn rồi, nên không còn tin nơi người nào khác nữa. Con đã quy y nương nhờ nơi Đức Phật Bảo, quy y nương nhờ nơi Đức Pháp Bảo, quy y nương nhờ nơi Đức Tăng Bảo và **xin thọ trì ngũ giới có điều giới hành phạm hạnh** chính tại nơi ấy.

Đó là pháp phi thường chưa từng có thứ nhì của con.

3- Kính bạch Đại đức, con có 4 người vợ trẻ, con đến gặp 4 người vợ trẻ ấy bảo với họ rằng:

– Nay các em, kể từ nay anh đã thọ trì ngũ giới, có điều giới hành phạm hạnh rồi; em nào muốn dùng của cải làm phước thiện bố thí cũng được; em nào muốn trở về nhà cha mẹ, bà con mình cũng được; em nào muốn lấy người đàn ông khác làm chồng, anh sẽ trao em cho người đàn ông ấy.

Khi con bảo như vậy, người vợ lớn nói với con rằng:

– Xin anh đem trao em cho người đàn ông tên ấy.

Con cho người mời ông ấy đến, tay trái con nắm tay người vợ trẻ, tay phải cầm bình nước, con rót nước xuống tay người vợ trẻ trao cho người đàn ông ấy. Tâm con vẫn tự nhiên không hề xao động chút nào cả.

Đó là pháp phi thường chưa từng có thứ ba của con.

4- Kính bạch Đại đức, trong nhà con có nhiều của cải, con hoan hỷ làm phước bố thí phân phát của cải ấy đến cho những bậc có giới đức trong sạch, có thiện pháp cao thượng.

Đó là pháp phi thường chưa từng có thứ tư của con.

5- *Kính bạch Đại đức, khi con tìm đến vị Tỳ khuru nào, gặp vị Tỳ khuru ấy với tâm kính trọng thật sự, không phải gặp vị Tỳ khuru ấy với tâm không tôn kính.*

Đó là pháp phi thường chưa từng có thứ năm của con.

6- *Kính bạch Đại đức, nếu vị Tỳ khuru ấy thuyết pháp cho con nghe, thì con ngồi lắng nghe một cách tôn kính thật sự, không phải lắng nghe pháp một cách không tôn kính; nếu vị Tỳ khuru ấy không thuyết pháp cho con nghe, thì chính con thuyết pháp cho vị Tỳ khuru ấy nghe.*

Đó là pháp phi thường chưa từng có thứ sáu của con.

7- *Kính bạch Đại đức, không có gì lạ thường, khi chư thiên đến tìm con và nói rằng:*

“Này trưởng giả chánh pháp mà Đức Thế Tôn đã thuyết thật hoàn hảo”.

Con trả lời với chư thiên rằng:

“Dù quý vị có nói như vậy hay không, sự thật, chánh pháp mà Đức Thế Tôn đã thuyết vẫn thật sự hoàn hảo. Nhưng con không thấy tự hào về vấn đề chư thiên đến tìm con, hay con nói chuyện với chư thiên”.

Đó là pháp phi thường chưa từng có thứ bảy của con.

8- *Kính bạch Đại đức, Đức Thế Tôn thuyết năm pháp ràng buộc bậc thấp trong cõi dục giới [54] (Orambhāgiyasam-yojana); trong 5 pháp ấy, con xem xét không thấy pháp nào mà con chưa diệt đoạn tuyệt (đã diệt đoạn tuyệt được 5 pháp ràng buộc bậc thấp trong cõi dục giới; trở thành bậc Thánh Bất Lai).*

Đó là pháp phi thường chưa từng có thứ tám của con.

– *Kính bạch Đại đức, 8 pháp phi thường chưa từng có của con như vậy. Con không biết Đức Thế Tôn khen ngợi con là người có 8 pháp phi thường chưa từng có như thế nào?*

Sau đó, vị Tỳ khuru nhận vật thực tại nhà trưởng giả Ugga người xứ Vesāli. Sau khi thọ thực xong trở về chùa, vị Tỳ khuru vào hầu đánh lễ Đức Thế Tôn xong, ngồi một nơi hợp lễ. Khi ấy, vị Tỳ khuru bạch với Đức Thế Tôn toàn bộ cuộc đàm đạo tại ngôi nhà trưởng giả Ugga người xứ Vesāli.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

– Nay Tỳ khuru, đúng vậy, trưởng giả Ugga người xứ Vesāli đã trình bày đúng theo sự thật.

Này Tỳ khuru, Như Lai khen ngợi trưởng giả Ugga là người có 8 pháp phi thường chưa từng có như vậy, và các con nên ghi nhớ trưởng giả Ugga người xứ Vesāli là người có 8 pháp phi thường chưa từng có như vậy.

(Trưởng giả Ugga người làng Hatthigāma trong vùng Vajji cũng có 8 pháp phi thường chưa từng có trong bài kinh Uggasutta thứ nhì trong Chi Bộ Kinh).

Ngũ Giới Hành Phạm Hạnh (Brahmacariya Pañcasīla)

Ngũ giới là **thường giới** (*niccasīla*) đối với tất cả mọi người tại gia gồm có hạng người phạm nhân và bậc Thánh Nhập Lưu, bậc Thánh Nhất Lai tại gia có chồng hoặc có vợ. Còn đối với người tại gia là bậc **Thánh Bất Lai** đã diệt đoạn tuyệt được **tâm tham ái trong cõi dục giới** xong rồi, không còn ham muốn trong ngũ dục, hoàn toàn tuyệt đối tránh xa sự hành dâm suốt đời trọn kiếp này và những kiếp vị lai nữa.

– Nếu bậc **Thánh Bất Lai** tại gia chưa có vợ hoặc chưa có chồng, thì bậc **Thánh Bất Lai** ấy suốt đời trọn kiếp không bao giờ có vợ hoặc có chồng.

– Nếu bậc **Thánh Bất Lai** tại gia, trước khi chưa chứng đắc thành bậc **Thánh Bất Lai** đã có vợ hoặc có chồng rồi, thì sau khi chứng đắc thành bậc **Thánh Bất Lai**, chắc chắn tránh xa sự hành dâm suốt đời trọn kiếp. Cho nên, bậc **Thánh nam Bất Lai** chắc chắn vĩnh viễn tránh xa hành dâm với người vợ cũ; và bậc **Thánh nữ Bất Lai** cũng chắc chắn vĩnh viễn tránh xa hành dâm với người chồng cũ.

Do đó, bậc **Thánh Bất Lai** **thọ trì ngũ giới hành phạm hạnh, tuyệt đối không còn hành dâm nữa.**

Nghi thức thọ phép quy y Tam Bảo và ngũ giới hành phạm hạnh có phần giống như nghi thức thọ phép quy y Tam Bảo và ngũ giới thường giới, chỉ có khác nhau về điều giới thứ ba.

Nghi Thức Thọ Trì Phép Quy Y Tam Bảo Và Ngũ Giới Hành Phạm Hạnh

Người cận sự nam, cận sự nữ (hoặc hành giả) đánh lễ Ngài Đại đức xong, tiếp theo hành nghi lễ tuần tự như sau:

Lễ bái Tam Bảo

Lễ sám hối Tam Bảo

*** Lễ sám hối Đức Phật Bảo**

*Uttama□gena vande'ha□
Pādapa□su□ varuttama□.
Buddhe yo khalito doso,
Buddho khamatu ta□ mama□.*

*Con hết lòng thành kính cúi đầu đánh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức Phật.
Lỗi làm nào con đã phạm đến Phật Bảo,
Cúi xin Phật Bảo xá tội ấy cho con.
(đánh lễ một lạy)*

*** Lễ sám hối Đức Pháp Bảo**

*Uttama□gena vande'ha□,
Dhammañca duvidha□ vara□.
Dhamme yo khalito doso,
Dhammo khamatu ta□ mama□.*

*Con hết lòng thành kính cúi đầu đánh lễ,
Hai hạng Pháp Bảo: Pháp học và pháp hành.
Lỗi làm nào con đã phạm đến Pháp Bảo,
Cúi xin Pháp Bảo xá tội ấy cho con.
(đánh lễ một lạy)*

*** Lễ sám hối Đức Tăng Bảo**

Uttama□gena vande 'ha□,
Sa□ghaṇca duvidhuttama□.
Sa□ghe yo khalito doso,
Sa□gho khamatu ta□ mama□.

*Con hết lòng thành kính cúi đầu đánh lễ,
Hai bậc Tăng Bảo: Thánh Tăng và phạm Tăng.
Lỗi làm nào con đã phạm đến Tăng Bảo,
Cúi xin Tăng Bảo xá tội ấy cho con.
(đánh lễ một lay)*

Bài kệ cầu nguyện

*Iminā puññakammena,
Sabbe bhayā vinassantu.
Nibbāna□ adhigantu□ hi,
Sabbadukkhā pamuccāmi.*

*Do nhờ năng lực tâm thiện sám hối này,
Cầu xin mọi tai hại hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả Niết Bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái sinh.*

Xin thọ trì phép quy y Tam Bảo và ngũ giới hành phạm hạnh

*Aha□ [55] Bhante, tisara□ena saha, pañca komārabrahmacariyasīla□ [56]
dhamma□ yācāmi [57], anuggaha□ katvā, sīla□ detha me [58], Bhante.*

*Dutiyampi, aha□ Bhante, tisara□ena saha, pañca
komārabrahmacariyasīla□ dhamma□ yācāmi, anuggaha□ katvā, sīla□
detha me, Bhante.*

*Tatīyampi, aha□ Bhante, tisara□ena saha, pañca
komārabrahmacariyasīla□ dhamma□ yācāmi, anuggaha□ katvā, sīla□
detha me, Bhante.*

Nghĩa:

“Kính bạch Ngài Đại đức, con xin thọ trì phép quy y Tam Bảo và ngũ giới hành phạm hạnh của người cận sự nam [59].

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài từ bi tế độ hướng dẫn phép quy y Tam Bảo và ngũ giới hành phạm hạnh của người cận sự nam cho con.

Kính bạch Ngài Đại đức, con xin thọ trì phép quy y Tam Bảo và ngũ giới hành phạm hạnh của người cận sự nam.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài từ bi tế độ hướng dẫn phép quy y Tam Bảo và ngũ giới hành phạm hạnh của người cận sự nam cho con, lần thứ nhì.

Kính bạch Ngài Đại đức, con xin thọ trì phép quy y Tam Bảo và ngũ giới hành phạm hạnh của người cận sự nam.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài từ bi tế độ hướng dẫn phép quy y Tam Bảo và ngũ giới hành phạm hạnh của người cận sự nam cho con, lần thứ ba”.

Phép quy y Tam Bảo và ngũ giới hành phạm hạnh

Hướng dẫn phép quy y Tam Bảo và ngũ giới hành phạm hạnh như sau:

Ngài Đại đức truyền dạy rằng:

– *Yamaha* □ *vadāmi, ta* □ *vadehi* [\[60\]](#) (*vadetha*).

(Sư hướng dẫn từng chữ từng câu như thế nào, con hãy nên lặp lại đúng từng chữ từng câu như thế ấy).

Người cận sự nam (hoặc cận sự nữ) thưa rằng:

– *Āma! Bhante.*

(Dạ, xin vâng, kính bạch Ngài)

Lễ bái Đức Phật

Ngài Đại đức hướng dẫn đánh lễ Đức Thế Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (3 lần)

(Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức Thế Tôn, Đức Arahán, Đức Chánh Đẳng Giác ấy). (3 lần)

Người cận sự nam (hoặc cận sự nữ) lặp lại theo Ngài Đại đức:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (3 lần)

(Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức Thế Tôn, Đức Arahán, Đức Chánh Đẳng Giác ấy). (3 lần)

Thọ phép quy y Tam Bảo

Sau khi kính lễ Đức Phật xong, Ngài Đại đức hướng dẫn thọ phép quy y Tam Bảo như sau:

*Buddha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật.*

*Dhamma□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp.*

*Sa□gha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng.*

*Dutiyampi Buddha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ nhì.*

*Dutiyampi Dhamma□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ nhì.*

*Dutiyampi Sa□gha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng, lần thứ nhì.*

*Tatīyampi Buddha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ ba.*

*Tatīyampi Dhamma□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ ba.*

*Tatīyampi Sa□gha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng, lần thứ ba.*

NĐĐ [61] : *Tisara□agamana□ paripu□□a□.
(Phép quy y Tam Bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)*

CSN [62] : *Āma! Bhante.
(Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

Thọ trì ngũ giới hành phạm hạnh

Sau khi thọ phép quy y Tam Bảo xong, tiếp theo thọ trì ngũ giới:

1- *Pāñātipātā veramañisikkhāpadañsamādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự sát sinh.

2- *Adinnādānā veramañisikkhāpadañsamādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự trộm cắp.

3- *Abrahmacariyā veramañisikkhāpadañsamādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự hành dâm.

4- *Musāvādā veramañisikkhāpadañsamādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói dối.

5- *Surāmerayamajjappamādaññhānā veramañisikkhāpadañsamādiyāmi.*

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa uống rượu và các chất say là nhân sinh sự để duôi.

NĐĐ: *Tisarañena saha pañca komārabrahmacariyañ [63] sādhukañ katvā appamādena sampādehi.*

(Phép quy y Tam Bảo và ngũ giới hành phạm hạnh của người cận sự nam xong rồi, con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch hoàn toàn, bằng pháp không để duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện pháp phát sinh).

CSN: *Āma! Bhante.*

(Dạ, xin vâng. Kính bạch Ngài).

NĐĐ: *Sīlena sugatiñ yanti*

Sīlena bhogasampadā

Sīlena nibbutiñ yanti

Tasmā sīlañ visodhaye.

*Chúng sinh tái sinh cõi trời, nhờ giữ giới,
Chúng sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới,
Chúng sinh giải thoát Niết Bàn, nhờ giữ giới,
Vậy, các con giữ giới, cho được trong sạch!*

CSN: *Sādhu! Sādhu!*
(*Lành thay! Lành thay!*).

Sau khi đã thọ phép quy y Tam Bảo và ngũ giới hành phạm hạnh xong rồi, tiếp theo cận sự nam (hoặc cận sự nữ) nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy y nơi Đức Phật Bảo, nơi Đức Pháp Bảo, nơi Đức Tăng Bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức tin như sau:

Bài kệ khẳng định quy y Tam Bảo

*Natthi me saraṃ aṃ aññaṃ,
Buddho me saraṃ aṃ varaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayamaṃ galaṃ.*

*Natthi me saraṃ aṃ aññaṃ,
Dhammo me saraṃ aṃ varaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayamaṃ galaṃ.*

*Natthi me saraṃ aṃ aññaṃ,
Saṃgho me saraṃ aṃ varaṃ.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayamaṃ galaṃ [64].*

*Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật Bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.*

*Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp Bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.*

*Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng Bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.*

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy y Tam Bảo và ngũ giới hành phạm hạnh của người cận sự nam (hoặc người cận sự nữ).

Ngũ giới hành phạm hạnh không những dành cho bậc Thánh Bất Lai tại gia, mà còn đối với những người cận sự nam, cận sự nữ sống độc thân, hoặc những người cận sự nam có vợ đã chết mà không tục huyền; hoặc những người cận sự nữ có chồng đã chết mà không tái giá. Tất cả những hạng người này đều có thể xin thọ trì ngũ giới hành phạm hạnh này được.

[1] 14 pháp hành phạm hạnh của Sadi, Tỳ khưu trong quyển “*Giơng Bạc Xuất Gia*” cùng một soạn giả.

[2] Chú giải M.Mūlapaṭṭhāsaṭṭhakathā, kinh Sammādiṭṭhivaṭṭhānā.

[3] Chú giải M.Mūlapaṭṭhāsaṭṭhakathā, kinh Sammādiṭṭhivaṭṭhānā.

[4] Chú giải bộ Paṭisambhidāmagga, phần Sīlamayaññāniddesa.

[5] Dī. Mahāvagga, kinh Mahāparinibbānasutta, đoạn Sīlavanta ānisaṭṭha.

[6] Saṅguttanikāya, Saṅgāyatanavagga, kinh Channasutta. (Ngài Đại đức Channa trùng tên với Tỳ khưu Channa, vốn là vị quan đánh ngựa đưa Đức Bồ Tát Siddhattha đi xuất gia).

[7] M.Mūlapaṭṭhāsaṭṭha, kinh Vatthasutta.

[8] Đức vua trời Sakka đã là bậc Thánh Nhập Lưu trong thời kỳ Đức Phật đang còn tại thế.

[9] Bộ Dhammapadaṭṭhakathā chuyện Mallikādevīvatthu.

[10] Bộ Jātaka tích Pañcavudhajātaka.

[11] Bộ Jātaka tích Saṅgumārājātaka.

[12] Bộ Aṅguttaranikāya.

[13] Bộ Aṅguttaranikāya, Tikanipāta, kinh Atittasutta.

[14] Bộ Jātaka, phần Dukanipāta, tích Dhammadhajātaka.

- [15] Aṅguttaranikāya, phần Pañcakanipāta, kinh Sīlasutta.
- [16] Aṅguttaranikāya trong kinh Abhiṅhasutta.
- [17] Saṅguttanikāya, phần Sagāthavagga.
- [18] Aṅguttaranikāya, phần Pañcakanipāta, kinh Verasutta.
- [19] Cõi thiện dục giới : *Cõi người, cõi trời dục giới ...*
- [20] Aṅguttaranikāya Catukanipāta, kinh Sikkhapadasutta.
- [21] Bộ Therāpadāna, sự tích Ngài Đại đức Pañcasīlasamādāniyatthera.
- [22] Khoảng cách thời gian từ thời kỳ Đức Phật Anomadassī đến Đức Phật Gotama là 1 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp trái đất, trải qua 18 Đức Phật Toàn Giác xuất hiện trên thế gian.
- [23] Bộ Dhammapadaṅṅhakathā, sự tích Mahākāla upāsakavatthu.
- [24] Bộ Dhammapadaṅṅhakathā, sự tích Kāṅṅayakkhinīvatthu.
- [25] Dhammapadagāthā thứ 5 trong tích Kāṅṅayakkhinīvatthu.
- [26] Ba giới : Gồm có 31 cõi:
- Cõi dục giới có 11 cõi,
 - Cõi sắc giới có 16 cõi,
 - Cõi vô sắc giới có 4 cõi.
- [27] Bốn loài : Loài thai sinh, loài noãn sinh, loài thấp sinh, loài hóa sinh.
- [28] Bộ Dhammapadaṅṅhakathā, sự tích Sāmāvativatthu.
- [29] Người cha bỏ con như vậy, về sau, khi tái sinh làm người bị người ta bỏ chết 7 lần, nhưng do nhờ phước thiện hộ mệnh nên không chết.
- [30] Bộ Khuddakanikāya, Khuddakapātha, kinh Tirokuññasutta.
- [31] Đức Phật Kassapa xuất hiện trên thế gian vào thời đại tuổi thọ con người khoảng 20.000 năm.

[32] A-tăng-kỳ năm tính theo số lượng thì bằng số 1 theo sau 140 số không (10^{140}).

[33] Khuddakanikāya, bộ Petavatthu, trong tích Tirokuññāpetavatthu.

[34] Bộ Khuddakanikāya, trong tích Therīgāthā, kệ Isidāsitherīgāthā.

[35] Bộ Dhammapada□□hakathā, phần Bālavagga, câu chuyện Aññatarapurisavatthu.

[36] Dhammapada□□hakathā, sự tích Aññatarapurisavatthu.

[37] Dhammapada□□hakathā, sự tích Aññatarapurisavatthu

[38] Dhammapada□□hakathā, sự tích Aññatarapurisavatthu.

[39] Bộ Dhammapada□□hakathā, phần Bālavagga, chuyện Uppalava□□atherīvatthu.

[40] Dhammapadagāthā câu kệ thứ 69.

[41] Bộ Dhammapada□□hakathā, sự tích Kapilamacchavatthu.

[42] Bộ Chú giải Dhammapada□□hakathā, chuyện Ciñcāmā□avikā; Bộ Chú giải Jātaka...

[43] Chuyện xảy ra vào khoảng thời gian sau hạ thứ 7, chưa đến hạ thứ 8 của Đức Phật.

[44] Bộ Chú giải Dhammapada□□hakathā, chuyện Ciñcāmā□avikāvatthu.

[45] Bộ Dhammapada□□hakathā, phần Jarāvagga, tích Mahāghanase□□hiputtavatthu.

[46] Dhammapadagāthā thứ 155, 156.

[47] Bộ Jātaka, sự tích tiền kiếp Karudhammajātaka. Karudhammo nāma pañca sīlāni: Pháp kuru là tên gọi ngũ giới.

[48] A□guttaranikāya, phần A□□hakanipāta, kinh Abhisandasutta.

[49] Dammapada□□hakathā trong sự tích Devadattavatthu.

[50] Người bạn ở đây có ý nghĩa rộng gồm cả cha mẹ, thầy tổ, bạn hữu. Đức Phật cũng tự xưng là bạn lành, bạn tốt của tất cả chúng sinh.

[51] Bộ Milindapañhā.

[52] Aṅguttaranikāya, phần Aṅgahakanipāta, kinh Uggasutta.

[53] Ngũ dục: 5 đối tượng tham muốn, đó là *sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục và xúc dục*.

[54] Orambhāgiyasamyojana: 5 pháp ràng buộc bậc thấp trong cõi dục giới đó là: *Tà kiến theo ngũ uẩn, hoài nghi, chấp thủ pháp thường hành, tham ái trong cõi dục giới và thù hận*. Bậc Thánh Bất Lai đã diệt đoạn tuyệt được 5 pháp ràng buộc này.

Còn lại 5 pháp ràng buộc bậc cao đó là: *Tham ái trong cõi sắc giới, tham ái trong cõi vô sắc giới, ngã mạn, phóng tâm và vô minh*. Bậc Thánh Arahán mới có thể diệt đoạn tuyệt được 5 pháp ràng buộc này.

[55] Nếu có nhiều người thì thay chữ “ahaṅ” bằng chữ “mayaṅ”.

[56] Nếu là người cận sự nữ thì đọc “*komāribrahmacariyaṅ*”.

[57] Nếu có nhiều người thì thay chữ “*yācāmi*” bằng chữ “*yācāma*”.

[58] Nếu có nhiều người thì thay chữ “*me*” bằng chữ “*no*”.

[59] Nếu là người cận sự nữ thì đọc “*của người cận sự nữ*”.

[60] Nếu chỉ có một người thì dùng chữ *vadehi*, nếu có 2 người trở lên thì dùng chữ *vadetha*.

[61] Ngài Đại đức.

[62] Người cận sự nam (hoặc người cận sự nữ).

[63] Nếu người cận sự nữ thì đọc: “*komāribrahmacariyaṅ*”.

[64] Ba bài kệ này trong quyển “*Nhật Hành Cư Sĩ*” của Sư Tổ Hộ Tông.

II)Giới Ājīva □ □ hamakasīla (Bát Giới Có Giới Thứ 8 Sống Chánh Mạng)

Giới ājīva □ □ hamakasīla: Bát giới có giới thứ 8 sống chánh mạng không những là giới chung cho tất cả người tại gia và những bậc xuất gia, mà còn là giới của các hành giả thực hành pháp hành thiền định, nhất là thực hành pháp hành thiền tuệ. Cho nên giới ājīva □ □ hamakasīla này có một tầm quan trọng trong cuộc sống của mọi người, dù có thọ trì hay không thọ trì. Nếu người nào phạm đến điều giới nào, thì người ấy đã tạo ác nghiệp.

Bởi vậy cho nên, người nào đã thọ trì giới ājīva □ □ hamaka-sīla này xong, người ấy cố gắng giữ gìn giới cho được trong sạch và trọn vẹn, để tạo mọi thiện nghiệp. Nếu dể dôi mà phạm điều giới nào, thì cần phải biết hổ thẹn tội lỗi, biết ghê sợ tội lỗi, biết ăn năn sám hối tội lỗi, có trí nhớ và trí tuệ biết mình, rồi xin thọ trì giới ấy trở lại. Như vậy gọi là **người có giới**.

Nghi Thức Thọ Phép Quy Y Tam Bảo Và Giới Ājīva □ □ hamakasīla

Người cận sự nam, cận sự nữ (hoặc hành giả) đánh lễ Ngài Đại đức xong, tiếp theo hành nghi lễ tuần tự như sau:

Lễ bái Tam Bảo

Lễ sám hối Tam Bảo

*** Lễ sám hối Đức Phật Bảo**

*Uttama □ gena vande 'ha □,
Pādapa □ su □ varuttama □.
Buddhe yo khalito doso,
Buddho khamatu ta □ mama □.*

*Con hết lòng thành kính cúi đầu đánh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức Phật.
Lỗi làm nào con đã phạm đến Phật Bảo,
Cúi xin Phật Bảo xá tội ấy cho con.
(đánh lễ một lạy)*

*** Lễ sám hối Đức Pháp Bảo**

*Uttama□gena vande 'ha□,
Dhammañca duvidha□ vara□.
Dhamme yo khalito doso,
Dhammo khamatu ta□ mama□.*

*Con hết lòng thành kính cúi đầu đánh lễ,
Hai hạng Pháp Bảo: Pháp học và pháp hành.
Lỗi làm nào con đã phạm đến Pháp Bảo,
Cúi xin Pháp Bảo xá tội ấy cho con.
(đánh lễ một lạy)*

*** Lễ sám hối Đức Tăng Bảo**

*Uttama□gena vande 'ha□,
Sa□ghañca duvidhuttama□.
Sa□ghe yo khalito doso,
Sa□gho khamatu ta□ mama□.*

*Con hết lòng thành kính cúi đầu đánh lễ,
Hai bậc Tăng Bảo: Thánh Tăng và phàm Tăng.
Lỗi làm nào con đã phạm đến Tăng Bảo,
Cúi xin Tăng Bảo xá tội ấy cho con.
(đánh lễ một lạy)*

Bài kệ cầu nguyện

*Iminā puññakammena,
Sabbe bhayā vinassantu.
Nibbāna□ adhigantu□ hi,
Sabbadukkhā pamuccāmi.*

*Do nhờ năng lực thiện tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai họa hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả Niết Bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái sinh.*

Lễ xin thọ phép quy y Tam Bảo

và giới Ājīva□□hamakasīla

Maya□ Bhante, tisara□ena saha ājīva□□hamakasīla□ dhamma□ yācāma, anuggaha□ katvā, sīla□ detha no Bhante.

Dutiyampi maya□ Bhante, tisara□ena saha ājīva□□hamakasīla□ dhamma□ yācāma, anuggaha□ katvā, sīla□ detha no Bhante.

Tatīyampi maya□ Bhante, tisara□ena saha ājīva□□hamakasīla□ dhamma□ yācāma, anuggaha□ katvā, sīla□ detha no Bhante.

Kính bạch Ngài Đại đức, chúng con xin thọ trì phép quy y Tam Bảo và giới ājīva□□hamakasīla.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài từ bi tế độ hướng dẫn phép quy y Tam Bảo và giới ājīva□□hamakasīla cho chúng con.

Kính bạch Ngài Đại đức, chúng con xin thọ trì phép quy y Tam Bảo và giới ājīva□□hamakasīla.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài từ bi tế độ hướng dẫn phép quy y Tam Bảo và giới ājīva□□hamakasīla cho chúng con, lần thứ nhì.

Kính bạch Ngài Đại đức, chúng con xin thọ trì phép quy y Tam Bảo và giới ājīva□□hamakasīla.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài từ bi tế độ hướng dẫn phép quy y Tam Bảo và giới ājīva□□hamakasīla cho chúng con, lần thứ ba.

Ngài Đại đức truyền dạy rằng:

NDĐ: *Yamaha□ vadāmi, ta□ vadetha.*

(Su hướng dẫn từng chữ, từng câu như thế nào, các con hãy nên lập lại đúng từng chữ, từng câu như thế ấy).

Tất cả mọi người cận sự nam, cận sự nữ đồng thanh thưa rằng:

CSN: *Āma, Bhante.*

(Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).

Kính lễ Đức Phật

Ngài Đại đức hướng dẫn đánh lễ Đức Thế Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
(3 lần)

(Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức Thế Tôn, Đức Arahán, Đức Chánh Đẳng Giác ấy).
(3 lần)

Thọ phép quy y Tam Bảo

Sau khi kính lễ Đức Phật xong, Ngài Đại đức hướng dẫn thọ phép quy y Tam Bảo như sau:

Buddha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật.

Dhamma□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp.

Sa□gha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng.

Dutiyampi Buddha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ nhì.

Dutiyampi Dhamma□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ nhì.

Dutiyampi Sa□gha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng, lần thứ nhì.

Tatīyampi Buddha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ ba.

Tatīyampi Dhamma□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ ba.

Tatīyampi Sa□gha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng, lần thứ ba.

NĐĐ: Tisara□agamana□ paripu□□a□.
(Phép quy y Tam Bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN: *Āma! Bhante.*
(*Đạ, xin vâng! Kính bạch Ngài*)

Thọ Trì Giới Ājīva □ □ hamakasīla

Sau khi thọ phép quy y Tam Bảo xong, tiếp theo thọ trì giới ājīva □ □ hamakasīla:

- 1- *Pā □ ātipātā verama □ isikkhāpada □ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự sát sinh.
- 2- *Adinnādānā verama □ isikkhāpada □ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự trộm cắp.
- 3- *Kāmesumicchācārā verama □ isikkhāpada □ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự tà dâm.
- 4- *Musāvādā verama □ isikkhāpada □ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói dối.
- 5- *Pisu □ avācā verama □ isikkhāpada □ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói lời chia rẽ.
- 6- *Pharusavācā verama □ isikkhāpada □ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc).
- 7- *Samhappalāpā verama □ isikkhāpada □ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói lời vô ích.
- 8- *Micchājīvā verama □ isikkhāpada □ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa cách sống tà mạng.

NĐĐ: *Tisara □ ena saha ājīva □ □ hamakasīla □ dhamma □ sādhuca □ katvā,*
appamādena sampādettha.

(*Các con đã thọ trì phép quy y Tam Bảo cùng giới ājīva □ □ hamakasīla*
xong, các con nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, để làm
nền tảng cho mọi thiện pháp phát sinh, bằng pháp không để duôi, thực hành
Tứ niệm xứ).

CSN: *Āma, Bhante.*
(*Đạ, xin vâng! Kính bạch Ngài*).

NĐĐ: *Sīlena sugati* □ *yanti.*
Sīlena bhogasampadā.
Sīlena nibbuti □ *yanti.*
Tasmā sīla □ *visodhaye.*

Chúng sinh tái sinh cõi trời, nhờ giữ giới.
Chúng sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới.
Chúng sinh giải thoát Niết Bàn, nhờ giữ giới.
Vậy, các con giữ giới, cho được trong sạch!

CSN: *Sādhu! Sādhu!*
(*Lành thay! Lành thay!*).

Sau khi đã thọ phép quy y Tam Bảo và giới ājīva □ □ ha-makasīla xong, tiếp theo tất cả mọi người cận sự nam, cận sự nữ nên đọc 3 bài kệ khẳng định không có quy y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy y nơi Đức Phật Bảo, nơi Đức Pháp Bảo, nơi Đức Tăng Bảo mà thôi, để làm cho tăng thêm đức tin như sau:

Bài kệ khẳng định quy y Tam Bảo

Natthi me sara □ *a* □ *añña* □,
Buddho me sara □ *a* □ *vara* □.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayama □ *gala* □.

Natthi me sara □ *a* □ *añña* □,
Dhammo me sara □ *a* □ *vara* □.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayama □ *gala* □.

Natthi me sara □ *a* □ *añña* □,
Sa □ *gho me sara* □ *a* □ *vara* □.
Etena saccavajjena,
Hotu me jayama □ *gala* □.

Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật Bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,

*Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.*

*Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp Bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.*

*Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng Bảo nơi nương nhờ cao thượng của con,
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.*

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy y Tam Bảo và giới ājīva□□hamakasīla .

Giải Thích Giới Ājīva□□hamakasīla

Ājīva□□hamakasīla = ājīva + a□□hamaka + sīla.

- *Ājīva*: Mạng sống, nuôi mạng

Có 2 cách:

1- *Micchājīva*: Sống tà mạng, nghĩa là sống bằng cách thân hành ác, khẩu hành ác như sát sinh, trộm cắp, v.v...

2- *Sammā ājīva*: Sống chánh mạng, nghĩa là sống bằng cách thân hành thiện, khẩu hành thiện như tránh xa sự sát sinh, tránh xa sự trộm cắp, v.v...; không buôn bán những thứ gây tai hại đến chúng sinh.

— *A□□hamaka*: Thứ 8.

— *Sīla*: Điều giới.

— *Ājīva□□hamakasīla*: Điều giới thứ 8 sống chánh mạng, nghĩa là điều giới thứ 8 tránh xa cách sống tà mạng.

Ājīva□□hamakasīla có 8 điều giới, 4 điều giới đầu (điều giới thứ nhất, điều giới thứ nhì, điều giới thứ ba và điều giới thứ tư) đã được giải thích ở trong phần **ngũ giới**.

Điều Giới Thứ 5

Pisu□avācā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.

* Nghĩa phân tích chữ:

— *Pisu□avācā* P *Pisu□a* + *vācā*

+ *Pisu□a*: Phá tan sự đoàn kết, làm cho chia rẽ.

+ *Vācā*: Lời nói.

— *Verama□isikkhāpada□* P *Verama□ī* + *sikkhāpada□*.

+ *Verama□ī*: Tác ý tránh xa.

+ *Sikkhāpada□*: Điều giới, giới.

— *Samādiyāmi*: Con xin thọ trì.

Pisu□avācā: Lời nói làm mất tình thương yêu đoàn kết nhau, lời nói chia rẽ nhau.

* Nghĩa tổng hợp:

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói lời chia rẽ.

Chi Pháp Phạm Điều Giới Nói Lời Chia Rẽ

Người phạm điều giới nói lời chia rẽ cần phải hợp đủ 5 chi pháp:

- 1- *Nói lời chia rẽ giữa hai người đang thân thiết với nhau.*
- 2- *Tác ý ác nói làm cho hai người ấy chia rẽ nhau.*
- 3- *Cố gắng bằng khẩu để hai người ấy chia rẽ nhau.*
- 4- *Hai người nghe và tin lời người nói, rồi lánh xa nhau.*
- 5- *Hai người oán ghét lẫn nhau, rồi chia rẽ xa lánh nhau.*

Nếu hội đủ 5 chi pháp này, thì gọi là *phạm điều giới nói lời chia rẽ*. Nếu thiếu 1 trong 5 chi pháp, thì *không thể gọi là phạm điều giới nói lời chia rẽ*.

Giải Giải Về Sự Nói Lời Chia Rẽ

* *Sự nói lời chia rẽ như thế nào?*

Cậu A và cô B là hai người bạn thân thiết với nhau, thường giúp đỡ lẫn nhau. Cô C nhìn thấy họ như vậy nên sinh tâm ganh tỵ, tìm cách làm cho cậu A và cô B nghi ngờ lẫn nhau, rồi ghét nhau dẫn đến xa lánh nhau.

Cô C lên tìm đến gặp cậu A nói rằng:

— *Này anh A, em báo cho anh biết, cô B lên lút quan hệ với người con trai khác, anh nên thận trọng là hơn!*

Ban đầu cậu A không tin, nhưng do cô C nói nhiều lần khiến cho cậu A phát sinh tâm nghi ngờ cô B; từ nghi ngờ nên mỗi khi gặp cô B, cậu A thường có thái độ dè dặt.

Lúc khác cô C lên tìm đến gặp cô B khuyên rằng:

— *Này em B, chị báo cho em biết, cậu A lên lút quan hệ với người con gái khác, em hãy thận trọng trong việc quan hệ với cậu ấy, để tránh sự hối hận về sau.*

Ban đầu cô B không tin, nhưng do cô C nói nhiều lần khiến cho cô B phát sinh tâm nghi ngờ cậu A; từ nghi ngờ, nên cô B có thái độ dè dặt, bắt đầu để ý, dò xét thấy gần đây cậu A có thái độ thờ ơ đối với cô. Cô B tin lời cô C nói là thật và nghĩ rằng: “*Chị C thật tâm thương mình nên nhắc nhở*”.

Về phía cậu A, từ khi nghe lời cô C, cậu A cũng dò xét, để ý thấy cô B gần đây có thái độ đáng nghi ngờ, nên nghĩ rằng:

— *Điều cô C nói có lẽ là sự thật!*

Một hôm, bất ngờ cậu A nhìn thấy cô B đang nói cười vui vẻ với một người con trai khác ở một nơi nào đó. Cậu A liền lẩn tránh không cho cô B nhìn thấy, rồi nghĩ rằng: “*Cô C thật tốt với mình, cô ấy không muốn mình thất vọng*”.

Chuyện gì sẽ xảy ra?

Cậu A tìm đến gặp cô B, mắng nhiếc cô B rằng:

— *Cô là con người lừa dối, không thật tâm đối với tôi!*

Khi nghe vậy, cô B do bị xúc phạm quá nặng và vì quá oan ức, nên cô cũng phản ứng gay gắt rằng:

— *Anh cũng không tốt gì đâu!*

Vì nghe theo lời nói chia rẽ của cô C, làm cho cậu A và cô B đã hiểu lầm nhau, ghét bỏ nhau, rồi xa lánh nhau.

Như vậy, cô C là người đã *phạm điều giới nói lời chia rẽ*.

Nói lời chia rẽ do khẩu là chính, nhưng cũng có trường hợp thuộc về phần thân: “*Không nói mà có cử chỉ, hành động, hoặc viết thư gửi cho hai người khiến cho họ hiểu lầm nhau, rồi ghét bỏ nhau, rồi xa lánh nhau*”.

Tội Nặng - Tội Nhẹ Phạm Điều Giới Nói Lời Chia Rẽ

Tội nặng hoặc tội nhẹ của sự phạm điều giới nói lời chia rẽ tùy thuộc vào đối tượng người có giới đức hoặc không có giới đức.

— Nếu người có tác ý bất thiện nói lời chia rẽ giữa hai người có giới đức, thì có *tội nặng*; sau khi chết, do ác nghiệp này có thể cho quả tái sinh trong 4 cõi ác giới (địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh).

— Nếu người có tác ý bất thiện nói lời chia rẽ giữa hai người không có giới đức, thì có *tội nhẹ*.

*** Quả xấu của ác nghiệp nói lời chia rẽ**

Người phạm điều giới nói lời chia rẽ, có tội nặng; sau khi chết, nếu ác nghiệp này cho quả thì sẽ tái sinh trong 4 cõi ác giới (địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh) chịu quả khổ của ác nghiệp cho đến khi mãn quả ác nghiệp. Nếu thiện nghiệp khác cho quả tái sinh làm người, thì người ấy phải chịu những quả xấu của ác nghiệp nói lời chia rẽ từ trong kiếp quá khứ như sau:

1- *Tâm thường bất hòa với bạn bè, vợ chồng, anh em, bà con...*

- 2- Thường bị người khác đánh đập, bị tàn tật.
- 3- Không có bạn bè thân thiết.
- 4- Bạn bè không bền vững, không lâu sẽ bỏ nhau.
- 5- Có nhiều người không ưa thích, không thân thiết.
- 6- Tâm thường bị ô nhiễm bởi phiền não, sống đau khổ.

*** Quả báu của thiện nghiệp tránh xa nói lời chia rẽ**

Đối với người thọ trì và giữ gìn điều giới tránh xa sự nói lời chia rẽ; sau khi chết, nếu thiện nghiệp cho quả tái sinh làm người, thì người ấy được hưởng những quả báu của thiện nghiệp không nói lời chia rẽ từ trong kiếp quá khứ như sau:

- 1- Tâm thường hòa thuận với bạn bè, vợ chồng, anh em, bà con...
- 2- Không bị người khác đánh đập, không bị tàn tật.
- 3- Có nhiều bạn bè thân thiết.
- 4- Tình bạn bè thân thiết bền vững, không bỏ nhau.
- 5- Có nhiều người thương yêu, quý mến.
- 6- Tâm ít bị ô nhiễm, sống an lạc.

Điều Giới Thứ 6

Pharusavācā verama □ *isikkhāpada* □ *samādiyāmi*.

* Nghĩa phân tích chữ:

— *Pharusavācā* P Pharusā + vācā

+ *Pharusā*: Thô tục, phát sinh từ tâm sân.

+ *Vācā*: Lời nói.

— *Verama* □ *isikkhāpada* □ P *Verama* □ ī + *sikkhāpada* □.

+ *Verama*□ī: Tác ý tránh xa.

+ *Sikkhāpada*□: Điều giới, giới.

— *Samādiyāmi*: Con xin thọ trì.

Pharusavācā: Lời nói thô tục (chửi rửa, mắng nhiếc), phát sinh từ tâm sân.

* Nghĩa tổng hợp:

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói lời thô tục (chửi rửa, mắng nhiếc).

Chi Pháp Phạm Điều Giới Nói Lời Thô Tục

Người phạm điều giới nói lời thô tục cần phải hợp đủ 3 chi pháp:

- 1- *Tâm sân tức giận.*
- 2- *Có người bị chửi rửa, mắng nhiếc.*
- 3- *Đã nói lời chửi rửa, mắng nhiếc.*

Nếu hội đủ 3 chi pháp này, thì gọi là *phạm điều giới nói lời thô tục (chửi rửa, mắng nhiếc)*. Nếu thiếu 1 trong 3 chi, thì *không thể gọi là phạm điều giới nói lời thô tục (chửi rửa, mắng nhiếc)*.

Giải Giải Về Sự Nói Lời Thô Tục

Sự nói lời thô tục (chửi rửa, mắng nhiếc) này có *tác ý bất thiện (tác ý ác)* phát sinh từ *tâm sân*, do đó, lời nói thô tục (chửi rửa, mắng nhiếc) chua chát hoặc ngọt ngào, nghe êm tai, thì cũng gọi là *pharusavācā: Lời nói thô tục (chửi rửa, mắng nhiếc)*.

Người nào nói lời thô tục (chửi rửa, mắng nhiếc) thậm tệ với tâm sân làm khổ người khác, thì người ấy phạm điều giới *pharusavācā: Nói lời thô tục (chửi rửa, mắng nhiếc)*.

* Trường hợp nói lời ngọt ngào nghe êm tai, với tác ý bất thiện (tác ý ác) bắt nguồn từ *tâm sân* muốn tiêu diệt đối tượng.

Ví dụ: Một người có tâm sân muốn giết người khác, nhưng nói bằng lời lẽ ngọt ngào rằng:

“Tôi sẽ giúp anh được yên giấc nghìn thu; hoặc tôi sẽ đưa anh về nơi chín suối; hoặc tôi sẽ gửi anh đi châu trời, v.v...”.

Như vậy, người ấy vẫn *phạm điều giới pharusavācā*: Lời nói thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc).

Trong Chú giải *A□□hasālini*, giảng giải về sự nói lời thô tục rằng:

“Cha mẹ rầy la, chửi mắng con; hoặc thầy rầy la, chửi mắng học trò,... là cốt để dạy dỗ, khuyên răn, hãm dọa muốn cho con cái, học trò trở nên người tốt, người thiện. Những lời rầy la, chửi mắng ấy hoàn toàn không có tác ý bất thiện làm hại con cái, làm hại học trò...”.

Như vậy khi cha mẹ, thầy rầy la, chửi mắng không hợp đủ chi phạm điều giới nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc). Cho nên cha mẹ, thầy *không gọi là phạm điều giới nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc)*.

Trong Phụ chú giải *□ikā* của Trường Bộ Kinh và Trung Bộ Kinh, giảng giải về nói lời thô tục rằng:

*“Người nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc) với tâm sân, dù không có người thù mình, ghét mình, hoặc người thù ghét đã chết, người ấy vẫn hợp đủ 3 chi pháp phạm điều giới nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc), cho nên, người ấy đã **phạm điều giới nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc)**”*.

Lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc)

* *Lời chửi rủa, mắng nhiếc là 1 trong 3 chi pháp phạm điều giới này. Lời chửi rủa, mắng nhiếc như thế nào?*

Lời chửi rủa, mắng nhiếc có 10 cách:

1- *Hạng người (jāti)*: Lời mắng nhiếc gọi người thấp hèn hay người cao quý.

* *Hạng người thấp hèn như: Đồ tôi tớ!, đồ kẻ ăn mày!,...*

* *Hạng người cao quý như: Thôi, ông chủ!, thôi, ông tướng!,...*

- 2- *Tên người (nāma)*: Lời mắng nhiếc gọi tên xấu hay tên đẹp.
- * Tên xấu như: *Đồ thằng quý!, đồ con ma!,...*
 - * Tên đẹp như: *Ông hoàng!, bà chúa!,...*
- 3- *Dòng dõi (gotta)*: Lời mắng nhiếc gọi dòng dõi thấp hèn hay cao quý.
- * Dòng dõi thấp hèn như: *Con nhà ăn trộm!, con nhà lừa đảo!,...*
 - * Dòng dõi cao quý như: *Con ông hoàng!, công nương!, tiểu thư!,...*
- 4- *Nghề nghiệp (kamma)*: Lời mắng nhiếc gọi nghề nghiệp thấp hèn hay cao quý.
- * Nghề nghiệp thấp hèn như: *Đồ sát sinh!, đồ trộm cắp!, đồ tà dâm!,...*
 - * Nghề nghiệp cao quý như: *Thầy dạy học!, ông làm quan!,...*
- 5- *Chuyên môn (sippa)*: Lời mắng nhiếc gọi chuyên môn thấp hay cao.
- * Chuyên môn thấp như: *Đồ chuyên môn lừa đảo!,...*
 - * Chuyên môn cao như: *Thôi, anh làm thơ hay rồi!, anh giỏi nói chữ!,...*
- 6- *Bệnh (ābādha)*: Lời mắng nhiếc gọi bệnh người hèn, bệnh người sang.
- * Bệnh người hèn như: *Thằng bệnh lậu!, thằng bệnh nghiện ma túy!,...*
 - * Bệnh người sang như: *Ông bệnh đau đầu!, bà bệnh đau tim!,...*
- 7- *Hình dáng (liṅgika)*: Lời mắng nhiếc gọi hình dáng xấu hay hình dáng đẹp.
- * Hình dáng xấu như: *Thằng lùn!, con mụ mập!,...*
 - * Hình dáng đẹp như: *Thôi, cậu công tử!; thôi, cô tiên nữ!,...*
- 8- *Phiền não (kilesa)*: Lời mắng nhiếc gọi phiền não...
- * *Đồ tham lam!, đồ ngu ngốc!,...*

9- *Tội lỗi (āpatti)*: Lời mắng nhiếc gọi tội...

* *Ông đã phạm tội bất công trụ!,...*

10- *Lời thô tục (akkosa)*: Lời mắng nhiếc nói lời thô tục...

* *Mẹ mày!, cha mày!, đồ loài súc sinh!,...*

Đó là 10 cách chửi rửa, mắng nhiếc thô tục.

Chửi rửa, mắng nhiếc bằng 2 môn

— Chửi rửa mắng nhiếc bằng khẩu.

— Chửi rửa mắng nhiếc bằng thân.

Lời chửi rửa, mắng nhiếc phần nhiều bằng khẩu, nhưng cũng có trường hợp bằng thân như hành vi cử chỉ thô tục hoặc viết thư, viết báo, viết sách,... bằng những lời lẽ thô tục (chửi rửa, mắng nhiếc).

Tội Nặng - Tội Nhẹ Phạm Điều Giới Nói Lời Thô Tục

Người nào *phạm điều giới nói lời thô tục (chửi rửa, mắng nhiếc)* đến cha mẹ, thầy tổ, những bậc Trưởng Lão, chư Tỳ khưu, Sadi có giới hạnh trong sạch, đến Đức Phật Độc Giác, Đức Phật Chánh Đẳng Giác, thì người ấy *phạm tội nặng*; sau khi chết, ác nghiệp ấy cho quả tái sinh trong cõi địa ngục.

Người nào *phạm điều giới nói lời thô tục (chửi rửa, mắng nhiếc)* đến người không có giới đức trong sạch, thì người ấy phạm tội nhẹ.

*** Quả xấu của ác nghiệp nói lời thô tục**

Người *phạm điều giới nói lời thô tục (chửi rửa, mắng nhiếc)* phạm tội nặng; sau khi chết, ác nghiệp nói lời thô tục (chửi rửa, mắng nhiếc) cho quả tái sinh trong cõi địa ngục chịu khổ, cho đến khi mãn quả ác nghiệp ấy. Nếu có thiện nghiệp cho quả tái sinh làm người, thì người ấy còn phải chịu những quả xấu của ác nghiệp nói lời thô tục (chửi rửa, mắng nhiếc) từ trong kiếp quá khứ như sau:

1- *Thường nghe những lời không hài lòng như lời chửi rửa, mắng nhiếc, v.v...*

- 2- *Có nhiều người ghét.*
- 3- *Thường bị chê trách, bị vu oan giá họa.*
- 4- *Ít được nghe những lời ngon ngọt mật thiết.*
- 5- *Đời sống nghèo nàn khổ cực.*
- 6- *Bị tàn tật câm điếc, đui mù.*

*** Quả báu của thiện nghiệp tránh xa nói lời thô tục**

Đối với người thọ trì điều giới, tránh xa sự nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc); sau khi chết, thiện nghiệp cho quả tái sinh làm người, người ấy còn hưởng được những quả báu tốt của thiện nghiệp tránh xa sự nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc) như sau:

- 1- *Thường được nghe những lời ngọt ngào đáng hài lòng.*
- 2- *Được nhiều người thương yêu quý mến.*
- 3- *Thường được nghe những lời tán dương ca tụng, không bị vu oan giá họa.*
- 4- *Thường được nghe những lời ngọt ngào thân thiết.*
- 5- *Đời sống an lạc hạnh phúc.*
- 6- *Có giọng nói thanh tao rất hay.*

Điều Giới Thứ 7

Samphappalāpā verama □ *isikkhāpada* □ *samādiyāmi.*

* Nghĩa phân tích chữ:

— *Samphappalāpā* ≡ Sampha+ palāpā

+ *Sampha*: Làm mất sự lợi ích và sự an lạc.

+ *Palāpā*: Lời nói.

— *Verama*□*isikkhāpada*□ P *Verama*□*ī* + *sikkhāpada*□.

+ *Verama*□*ī*: Tác ý tránh xa.

+ *Sikkhāpada*□: Điều giới, giới.

— *Samādiyāmi*: Con xin thọ trì.

Samphappalāpā: Lời nói làm mất sự lợi ích và sự an lạc.

* Nghĩa tổng hợp:

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói lời vô ích.

Chi Pháp Phạm Điều Giới Nói Lời Vô Ích

Người phạm điều giới nói lời vô ích cần phải hợp đủ 2 chi pháp:

1- *Tác ý bất thiện nói lời vô ích.*

2- *Nói lời vô ích.*

Nếu hội đủ 2 chi pháp này, thì gọi là *phạm điều giới nói lời vô ích*, nếu thiếu 1 trong 2 chi, thì *không thể gọi là phạm điều giới nói lời vô ích*.

Giảng Giải Về Sự Nói Lời Vô Ích

Trường hợp người nói hoặc người viết sáng tác những chuyện không có thật thành câu chuyện để cho người nghe hoặc người đọc tin theo, say mê theo lời nói của mình, rồi họ phát sinh tâm tà kiến thấy sai chấp làm làm mất sự lợi ích, sự an lạc. Như vậy, lời nói của người ấy gọi là lời nói vô ích (*samphappalāpa*).

Trường hợp người nói hoặc người viết những chuyện không có thật để làm ví dụ trong việc giảng dạy, để giúp cho người nghe, người đọc dễ hiểu theo lời dạy ấy, thì lời nói của người ấy *không gọi là lời nói vô ích*.

Trường hợp người nói hoặc người viết trình bày những câu chuyện có thật, đúng theo sự thật, nhưng không đem lại lợi ích gì cho người nghe hoặc người đọc. Như vậy, lời nói của người ấy *không gọi là lời nói vô ích*.

Trường hợp người nói hoặc người viết những câu chuyện nhằm nhí, hoang đường, không có thật, để làm cho người nghe, người đọc say mê tiêu khiển trong chốc lát, làm mất thì giờ mà không đem lại lợi ích, gọi là *lời nói vô ích* (*samphappalāpa*); nhưng *không gọi là lời nói dối* (*musāvāda*), bởi vì người nói hay người viết *không có tác ý bất thiện nói dối* làm cho người nghe, người đọc tin theo rồi gây ra sự tai hại.

Nếu người nói hoặc người viết những chuyện nhằm nhí, hoang đường, không có thật, để người nghe hoặc người đọc say mê, tin theo rồi làm mất lợi ích, gây ra sự tai hại đến với họ, thì người nói hoặc người viết *phạm điều giới nói lời vô ích* và *phạm điều giới nói dối* nữa.

Tội Nặng - Tội Nhẹ Phạm Điều Giới Nói Lời Vô Ích

Nếu người *phạm điều giới nói lời vô ích* trở thành thói quen hằng ngày như các diễn viên hài, viết chuyện vui cười, chuyện nhằm nhí,... thì người ấy có *tội nặng*.

Nếu thỉnh thoảng hoặc đôi khi *nói lời vô ích*, thì người ấy có *tội nhẹ*.

*** Quả xấu của ác nghiệp nói lời vô ích**

Đối với người phạm điều giới nói lời vô ích, có tội nặng, sau khi chết, do ác nghiệp nói lời vô ích cho quả tái sinh trong 4 cõi ác giới (địa ngục, atula, nga quý, súc sinh) chịu quả khổ của ác nghiệp ấy, cho đến khi mãn quả ác nghiệp ấy. Do nhờ thiện nghiệp khác cho quả, nếu tái sinh làm người, thì người ấy còn phải chịu những quả xấu của *ác nghiệp nói lời vô ích* từ trong kiếp quá khứ như sau:

- 1- *Có nhiều người không tin theo lời nói của mình.*
- 2- *Có nhiều người không ưa thích.*
- 3- *Không được nhiều người kính trọng.*
- 4- *Không thể nói cho người khác tin theo.*
- 5- *Là người nghèo khổ.*
- 6- *Là người không có quyền lực.*

7- Là người thiếu trí (ngu dốt).

* **Quả báu của thiện nghiệp tránh xa nói lời vô ích**

Đối với người thọ trì điều giới tránh xa sự nói lời vô ích, sau khi chết, do thiện nghiệp cho quả tái sinh làm người, thì người ấy được hưởng những quả báu của giới tránh xa sự nói lời vô ích như sau:

- 1- Có nhiều người tin theo lời nói của mình.
- 2- Có nhiều người thương yêu, quý mến.
- 3- Có nhiều người kính trọng.
- 4- Có thể nói cho người khác tin theo.
- 5- Là người sống hạnh phúc an lạc.
- 6- Là người có nhiều quyền lực.
- 7- Là người có nhiều trí tuệ, có khả năng đối đáp nhanh nhẹn.

Nói Lời Vô Ích

Nói lời vô ích (*niratthakathā*) là nói những lời không đem lại sự lợi ích. Trong kinh *Sāmaññaphalasutta* [1] Đức Phật thuyết giảng có 32 chuyện không đem lại sự lợi ích giải thoát khổ gọi là *Tiracchānakathā*, đó là:

- 1- *Rājakathā*: Nói chuyện về Đức vua, Hoàng tộc,...
- 2- *Mahāmattakathā*: Nói chuyện về các quan trong triều đình, trong Chính phủ.
- 3- *Corakathā*: Nói chuyện về bọn trộm cướp.
- 4- *Senākathā*: Nói chuyện về quân đội.
- 5- *Bhayakathā*: Nói chuyện về tai họa.
- 6- *Yuddhakathā*: Nói chuyện về chiến tranh.
- 7- *Annakathā*: Nói chuyện về vật thực: Com, gạo,...

- 8- *Pānakathā: Nói chuyện về đồ uống.*
- 9- *Vatthakathā: Nói chuyện về vải, quần áo.*
- 10- *Mālākathā: Nói chuyện về các loại hoa, vòng hoa.*
- 11- *Sayanakathā: Nói chuyện về chỗ nằm, chỗ ở.*
- 12- *Gandhakathā: Nói chuyện về mùi thơm, dầu thơm.*
- 13- *Ñātikathā: Nói chuyện về bà con, dòng họ.*
- 14- *Yānakathā: Nói chuyện về xe cộ.*
- 15- *Gāmakathā: Nói chuyện về xóm làng.*
- 16- *Nigamakathā: Nói chuyện về quận, huyện.*
- 17- *Nagarakathā: Nói chuyện về thành phố.*
- 18- *Janapadakathā: Nói chuyện về vùng quê, ngoại thành.*
- 19- *Itthikathā: Nói chuyện về đàn bà.*
- 20- *Purisakathā: Nói chuyện về đàn ông.*
- 21- *Kumārakathā: Nói chuyện về những chàng trai.*
- 22- *Kumārīkathā: Nói chuyện về những cô gái.*
- 23- *Surakathā: Nói chuyện về sự can đảm.*
- 24- *Visikhākathā: Nói chuyện về đường xá.*
- 25- *Kumbha□□hānakathā: Nói chuyện về bến nước.*
- 26- *Pubbapetakathā: Nói chuyện về bà con đã qua đời.*
- 27- *Nānattakathā: Nói những chuyện nhảm nhí.*
- 28- *Lokakkhāyika: Nói chuyện về thế giới tạo thiên lập địa.*

- 29- *Samuddakkhāyika*: Nói chuyện về đại dương.
- 30- *Itibhavābhavakathā*: Nói chuyện về kiếp nhỏ, kiếp lớn luân hồi.
- 31- *Araññakathā*: Nói chuyện về rừng.
- 32- *Pabbatakathā*: Nói chuyện về núi,...

* **10 Chuyện Có Ích (Kathāvatthu) [2]**

Đức Phật dạy có 10 chuyện nên nói đem lại lợi ích, đó là:

- 1- *Appicchakathā*: Nói chuyện về ít tham muốn.
- 2- *Santutthikathā*: Nói chuyện về biết tri túc.
- 3- *Parivekakathā*: Nói chuyện về hoan hỷ ở nơi thanh vắng.
- 4- *Asaṅgakkathā*: Nói chuyện về sự sống không chung đụng nhiều người, nên sống riêng rẽ một mình.
- 5- *Vīriyārambhakathā*: Nói chuyện về sự cố gắng tinh tấn giải thoát khổ.
- 6- *Sīlakathā*: Nói chuyện về giới trong sạch và trọn vẹn.
- 7- *Samādhikathā*: Nói chuyện về định vững chắc.
- 8- *Paññākathā*: Nói chuyện về tuệ thấy rõ chân lý Tứ Thánh Đế.
- 9- *Vimuttikathā*: Nói chuyện về giải thoát khỏi phiền não.
- 10- *Vimuttiñāḍaḍḍanakkathā*: Nói chuyện về tri kiến giải thoát phiền não.

Đó là 10 chuyện nên nói, nên đàm đạo.

* **Hai phận sự nên hành**

Đức Phật khuyên dạy chư Tỷ khuru rằng:

— “*Sannipatitānaṃ vo bhikkhave dvayaṃ karaṇīyaṃ dhammī vā kathā ariyo vā tuṃhi bhāvo*” [3].

“Này chư Tỳ khuru, đối với các con khi gặp mặt nhau có 2 việc nên làm là: Nói đúng pháp, hoặc nên im lặng như bậc Thánh”.

* Trường hợp Đức Phật thuyết pháp

Đức Thế Tôn tùy thời thuyết pháp chân lý chắc chắn đem lại sự lợi ích cho chúng sinh, nếu không đem lại sự lợi ích, thì Đức Thế Tôn không thuyết pháp.

Đức Thế Tôn biết rõ 6 trường hợp, trường hợp nào nên thuyết giảng và trường hợp nào không nên thuyết giảng như sau:

- Đức Thế Tôn biết rõ pháp nào không chân thật, không đem lại sự lợi ích, người nghe không hài lòng, không hoan hỷ. Ngài không thuyết giảng pháp ấy.
- Đức Thế Tôn biết rõ pháp nào không chân thật, không đem lại sự lợi ích, dù người nghe hài lòng, hoan hỷ. Ngài không thuyết giảng pháp ấy.
- Đức Thế Tôn biết rõ pháp nào chân thật, nhưng không đem lại sự lợi ích, dù người nghe hài lòng, hoan hỷ. Ngài không thuyết giảng pháp ấy.
- Đức Thế Tôn biết rõ pháp nào chân thật, nhưng không đem lại sự lợi ích, người nghe cũng không hài lòng, không hoan hỷ. Ngài không thuyết giảng pháp ấy.
- Đức Thế Tôn biết rõ pháp nào chân thật và **đem lại sự lợi ích**, nhưng người nghe không hài lòng, không hoan hỷ. Ngài biết tùy nơi, đúng lúc sẽ thuyết giảng pháp ấy.
- Đức Thế Tôn biết rõ pháp nào chân thật và **đem lại sự lợi ích**, người nghe cũng hài lòng, hoan hỷ. Ngài biết tùy nơi, đúng lúc sẽ thuyết giảng pháp ấy.

Nhận Xét Về 7 Giới

3 điều giới đầu liên quan đến *sự sát sinh, sự trộm cắp* và *sự tà dâm* có thể bị phạm do *thân* và *khẩu*; nhưng phần nhiều bị phạm do **thân**, cho nên phạm 3 điều giới này thuộc về **thân ác nghiệp** hoặc **thân hành ác** cũng gọi là **tà nghiệp**.

4 điều giới tiếp theo liên quan đến *sự nói dối, sự nói lời chia rẽ, sự nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc)* và *sự nói lời vô ích*; có thể bị phạm do *khẩu* và *thân*, nhưng phần nhiều bị phạm do **khẩu**, cho nên phạm 4 điều giới này thuộc về **khẩu ác nghiệp** hoặc **khẩu hành ác** cũng gọi là **tà ngữ**.

Điều Giới Thứ 8

Micchājīvā verama □ *isikkhāpada* □ *samādiyāmi*.

* Nghĩa phân tích chữ:

— *Micchājīvā* P Micchā + ājīvā

+ *Micchā*: Sai lầm, tà.

+ *Ājīvā*: Sinh mạng.

— *Verama* □ *isikkhāpada* □ P Verama □ ī + sikkhāpada □.

+ *Verama* □ ī: Tác ý tránh xa.

+ *Sikkhāpada* □: Điều giới, giới.

— *Samādiyāmi*: Con xin thọ trì.

Micchājīvā: Sống bằng tà mạng.

* Nghĩa tổng hợp:

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa cách sống tà mạng.

Giải Giải Về Sự Tránh Xa Cách Sống Tà Mạng

Micchājīvā: Sống tà mạng, nghĩa là nuôi mạng bằng thân hành ác, khẩu nói ác.

— *Thân hành ác* là sát sinh, trộm cắp, tà dâm gọi là **tà nghiệp**.

— *Khẩu nói ác* là nói dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc), nói lời vô ích gọi là **tà ngữ**.

Người nào sống bằng những thứ vật dụng như y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh... là những thứ nhu cầu cần thiết cho cuộc sống được tạo ra bằng *tà nghiệp* (*thân hành ác*), *tà ngữ* (*khẩu nói ác*), thì người ấy được gọi là **sống tà mạng** (*micchājīvā*).

Và người sống bằng tà mạng do làm 5 nghề buôn bán như:

- 1- *Satthavā*□*ijjā*: Làm nghề buôn bán vũ khí giết hại chúng sinh.
- 2- *Sattavā*□*ijjā*: Làm nghề buôn bán người để làm nô lệ, làm tôi tớ.
- 3- *Ma*□*savā*□*ijjā*: Làm nghề giết gia cầm, gia súc để bán thịt.
- 4- *Majjavā*□*ijjā*: Làm nghề buôn bán các chất say như rượu, thuốc phiện, ma túy, thuốc lá,...
- 5- *Visavā*□*ijjā*: Làm nghề buôn bán các loại thuốc độc giết hại chúng sinh (người, các loài vật,...).

Và các nghề cờ bạc, nghề cá độ ăn thua,... người nào sống bằng những thứ của cải được tạo ra do những nghề bất lương như vậy, thì người ấy được gọi là *sống bằng tà mạng*.

Vấn: Điều gì tránh xa cách sống tà mạng, sống bằng chánh mạng như thế nào?

Đáp: Người nào sống bằng chánh mạng là sống bằng những thứ của cải được tạo ra một cách hợp pháp, là tránh xa tà nghiệp (*thân hành ác*); tránh xa tà ngữ (*khẩu nói ác*); tránh xa 5 nghề buôn bán làm khổ chúng sinh; tránh xa nghề cờ bạc, nghề cá độ ăn thua,... Sống bằng chánh nghiệp, chánh ngữ, thì người ấy được gọi là **sống bằng chánh mạng**.

Vấn: Trước kia, một người chưa hiểu biết cách sống bằng chánh mạng, mà sống bằng tà mạng. Người ấy đã tạo ra những của cải bằng tà nghiệp do thân hành ác; bằng tà ngữ do khẩu nói ác; bằng nghề buôn bán bất lương làm khổ chúng sinh, v.v... Về sau, được nghe chánh pháp, hiểu biết chánh pháp, người ấy đã tránh xa cách sống tà mạng, đã từ bỏ cách sống tà mạng, sống bằng chánh mạng. Nhưng những của cải sự nghiệp như nhà cửa ruộng đất, những thứ vật dụng, đồ dùng, v.v... đã có trước kia được tạo ra bằng tà nghiệp do thân hành ác; bằng tà ngữ do khẩu nói ác; hoặc bằng nghề buôn bán bất lương làm khổ chúng sinh.

Như vậy, người ấy có thể tiếp tục sử dụng những thứ của cải bất hợp pháp ấy được không? Nếu người ấy sử dụng những thứ của cải bất hợp pháp ấy, thì có gọi người ấy sống bằng tà mạng hay không?

Đáp: Sau khi hiểu biết chánh pháp, tránh xa cách sống tà mạng, từ bỏ cách sống tà mạng, người tại gia ấy có thể tiếp tục sử dụng những thứ của cải bất hợp pháp cũ đã có từ trước kia cho đến hết (mà không tạo ra thêm những thứ của cải bất hợp pháp mới). Người ấy chỉ làm những nghề lương thiện mà thôi. Như vậy, tuy thân vẫn còn sử dụng những thứ của cải bất hợp pháp cũ còn lại, nhưng tâm người ấy đã tránh xa tà nghiệp (thân hành ác); đã tránh xa tà ngữ (khẩu nói ác); đã tránh xa các nghề buôn bán bất lương... thì không thể gọi người ấy sống bằng tà mạng, mà nên gọi người ấy **sống bằng chánh mạng**.

Ví dụ: Trong bộ chú giải Pháp Cú, tích **ông đao phủ tên Tambadā** **hikacoraghātaka** [4] ông hành nghề giết tội nhân trộm cướp theo lệnh của Đức vua suốt 55 năm để nuôi mạng. Đến khi tuổi già sức yếu, ông xin nghỉ việc về hưu.

Một hôm Ngài Đại đức Sāriputta đi khát thực, ông thỉnh Ngài vào trong nhà để làm phước bố thí vật thực. Ngài Đại đức Sāriputta thuyết pháp tế độ ông. Sau khi nghe pháp xong, ông đã chứng đắc thành bậc **Thánh Nhập Lưu**. Sau khi chết, thiện nghiệp cho quả tái sinh lên cõi trời Tusita (Đầu Xuất Đà Thiên) hưởng mọi sự an lạc trong cõi trời ấy.

Cùng trong chú giải Pháp Cú, tích **người thợ săn tên Kukku** **amitta** [5] làm nghề săn bắn thú rừng nuôi sống cả gia đình gồm người vợ, 7 đứa con trai và 7 đứa con dâu (bà vợ của người thợ săn là bậc Thánh Nhập Lưu từ khi còn con gái. Khi kết hôn với người thợ săn, bà sinh được 7 đứa con trai).

Một hôm Đức Phật ngự đến thuyết pháp tế độ họ, người thợ săn cùng với 7 người con trai và 7 người con dâu, đều chứng đắc thành bậc **Thánh Nhập Lưu**. Từ đó về sau, tất cả gia đình đều tuyệt đối tránh xa sự sát sinh săn thú rừng; vĩnh viễn từ bỏ sự sát sinh săn thú rừng để nuôi mạng, trở lại hành nghề lương thiện nuôi mạng chân chính, gọi là họ **sống bằng chánh mạng**.

Vấn: Một người thích săn bắn thú rừng hoặc thích câu cá, ... xem như thú vui tiêu khiển. Vậy, người ấy có phải sống bằng tà mạng hay không?

Đáp: Người ấy thích săn bắn thú rừng hoặc thích câu cá, ... xem như thú vui tiêu khiển, không liên quan đến vấn đề nuôi mạng. Cho nên người ấy **không**

phạm điều giới sống bằng tà mạng, mà chỉ phạm điều giới sát sinh (tà nghiệp) mà thôi.

*Tương tự, một người nói dối lừa gạt người khác cho vui, không liên quan đến vấn đề nuôi mạng, thì người ấy **không phải sống bằng tà mạng**, mà chỉ **phạm điều giới nói dối** (tà ngữ) mà thôi.*

— *Nếu người nào làm nghề sát sinh để nuôi mạng, thì người ấy **phạm điều giới sát sinh** (tà nghiệp) và **phạm điều giới sống bằng tà mạng sát sinh**.*

— *Nếu người nào nói dối lường gạt người khác để lấy của cải về nuôi mạng, thì người ấy **phạm điều giới nói dối** (tà ngữ) và **phạm điều giới sống bằng tà mạng nói dối**.*

*** Bạc xuất gia sống bằng chánh mạng**

— *Bạc xuất gia là Tỳ khuru, Sadi sống bằng chánh mạng và người tại gia là cận sự nam, cận sự nữ sống bằng chánh mạng có những điểm khác biệt nhau như thế nào?*

Bạc xuất gia là Tỳ khuru, Sadi tránh xa cách sống tà mạng, sống bằng chánh mạng cần phải thực hành theo đúng giới luật mà Đức Phật đã chế định và ban hành.

Đức Phật không cho phép vị Tỳ khuru hành nghề thầy thuốc, thầy bói, thầy xem tướng số, ... và các ngành nghề khác. Nếu Tỳ khuru nào làm nghề như vậy, Tỳ khuru ấy bị phạm điều giới (āpatti). Và những thứ vật dụng được phát sinh do hành nghề ấy gọi là những thứ vật dụng không hợp pháp. Do đó, vị Tỳ khuru phạm điều giới ấy không thể sử dụng được những thứ vật dụng không hợp pháp ấy, và tất cả chư Tỳ khuru khác, dù biết hay không biết, cũng không thể sử dụng được. Cho nên, vị Tỳ khuru ấy chỉ phải xả bỏ mà thôi.

Đức Phật chế định những điều giới đối với vị Tỳ khuru sống bằng tà mạng:

*** B**ởi vì sống bằng tà mạng thấp hèn, Tỳ khuru tự khoe khoang pháp của bậc Thánh mà chính mình không có, Tỳ khuru ấy **phạm điều giới Bất cộng trụ** (Pārājika) (không còn phẩm hạnh Tỳ khuru nữa).

* Bởi vì sống bằng tà mạng, Tỳ khuru làm mai mối cho người nam và người nữ kết hôn thành vợ chồng, Tỳ khuru ấy **phạm điều giới Tăng tàn** (Sa \square ghādisesa).

* Bởi vì sống bằng tà mạng, Tỳ khuru nói gián tiếp trong chùa có vị Thánh Nhân, Tỳ khuru ấy **phạm điều giới Trọng** (Thullaccaya).

* Bởi vì sống bằng tà mạng, Tỳ khuru không có bệnh xin vật thực ngon để dùng, Tỳ khuru ấy **phạm điều giới Ứng đối trị** (Pācittiya).

* Bởi vì sống bằng tà mạng, Tỳ khuru độ vật thực như cơm, canh, ... không đàng hoàng, Tỳ khuru ấy **phạm điều giới Tác ác** (Dukka \square a).

Đề nâng cao đời sống trở nên cao thượng, tất cả những bậc xuất gia và mọi người tại gia phải nên giữ gìn giới tránh xa cách sống tà mạng, chỉ sống bằng chánh mạng mà thôi.

Nhận Xét Về Ngũ Giới Và Bát Giới Ājīva \square \square hamakasīla

Ngũ giới và bát giới ājīva \square \square hamakasīla có điểm giống nhau và khác nhau:

Ngũ giới và bát giới ājīva \square \square hamakasīla (giới thứ 8 sống bằng chánh mạng) là 2 loại giới chung cho tất cả mọi người không phân biệt tôn giáo nào, dân tộc nào. Dù thọ trì hay không thọ trì 2 loại giới này, hễ người nào phạm đến giới nào, thì người ấy vẫn bị phạm tội của giới ấy. Tội nặng hoặc tội nhẹ tùy theo tác ý bất thiện và đối tượng làm cho phạm giới.

Bát giới ājīva \square \square hamakasīla có nhiều điểm đặc biệt hơn ngũ giới. 4 điều giới đầu của bát giới ājīva \square \square hamakasīla là: *Giới tránh xa sự sát sinh, giới tránh xa sự trộm cắp, giới tránh xa sự tà dâm và giới tránh xa sự nói dối* có trong ngũ giới. Còn lại 4 điều giới sau không có trong ngũ giới.

Trong giới ājīva \square \square hamakasīla, gồm có đủ 3 chánh: *Chánh nghiệp, chánh ngữ và chánh mạng*.

* **Chánh nghiệp** có 3 thân thiện nghiệp là:

- Tránh xa sự sát sinh.
- Tránh xa sự trộm cắp.

- Tránh xa sự tà dâm.
- * **Chánh ngữ** có 4 khẩu thiện nghiệp là:
 - Tránh xa sự nói dối.
 - Tránh xa sự nói lời chia rẽ.
 - Tránh xa sự nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc).
 - Tránh xa sự nói lời vô ích.
- * **Chánh mạng** là tránh xa cách sống tà mạng do thân ác nghiệp, khẩu ác nghiệp; chỉ sống bằng chánh mạng mà thôi.

Ngũ giới là giới cơ bản của con người, làm nền tảng để cho *dục giới thiện pháp, sắc giới thiện pháp, vô sắc giới thiện pháp* phát sinh và phát triển.

Bát giới ājīva □ □ hamakasīla (giới thứ 8 sống bằng chánh mạng) cũng là giới cơ bản của con người, không những làm nền tảng cho *dục giới thiện pháp, sắc giới thiện pháp, vô sắc giới thiện pháp* phát sinh và phát triển, mà còn đặc biệt để cho *thiện pháp Siêu tam giới* phát sinh và phát triển. Bởi vì bát giới ājīva □ □ hamakasīla gồm có đủ 3 chánh: *Chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng* thuộc về *phần giới* trong Bát Chánh Đạo.

Mỗi khi Bát Chánh Đạo hợp đủ 8 chánh: *Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định* đồng sinh trong Thánh Đạo Tâm và Thánh Quả Tâm đặc biệt chỉ có đối tượng Niết Bàn mà thôi.

Như vậy, **ngũ giới** không những có một tầm quan trọng giữ gìn duy trì địa vị con người được vững chắc mà còn nhờ thiện nghiệp này làm nền tảng nâng cao kiếp sau có thể trở thành **chư thiên hoặc phạm thiên**.

Bát giới ājīva □ □ hamakasīla có một tầm quan trọng hơn ngũ giới. Bát giới này là thiện nghiệp làm nền tảng không những nâng cao *kiếp sau* trở thành **chư thiên hoặc phạm thiên**, mà còn có thể nâng cao con người trở thành **bậc Thánh Nhân** ngay trong *kiếp hiện tại* này.

Bởi vậy cho nên, bát giới ājīva □ □ hamakasīla có một tầm quan trọng cho cuộc sống hằng ngày của mỗi người. Người nào thọ trì, giữ gìn bát giới

ājīva□□hamakasīla (giới thứ 8 sống bằng chánh mạng) trong sạch và trọn vẹn, thì ngay trong kiếp hiện tại được an lạc, và quả báu của bát giới này rất lớn, được thành tựu quả báu trong cõi người (manussasampatti), thành tựu quả báu trong cõi trời (devasampatti) và thành tựu chứng ngộ Niết Bàn (Nibbānasampatti).

Giới Ādibrahmacariyakasīla Là Giới Ājīva□□hamakasīla

Trong bộ *Visuddhimagga* (Thanh Tịnh Đạo) gọi giới **ādibrahmacariyakasīla**: Giới ban đầu thực hành phạm hạnh cao thượng (thực hành Tứ niệm xứ), giới ấy chính là giới ājīva□□hamakasīla gồm có 8 giới mà giới thứ 8 là tránh xa cách sống tà mạng. Trong 8 giới này có đầy đủ 3 chánh: Chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng. 3 chánh này thuộc về phần giới trong Bát chánh đạo. Cho nên, hành giả thực hành pháp hành Tứ niệm xứ hoặc thực hành pháp hành thiền tuệ, cần phải thọ trì giới ājīva□□hamakasīla, rồi giữ gìn giới này cho được trong sạch và đầy đủ trọn vẹn, để làm nền tảng thực hành pháp hành Tứ niệm xứ hay thực hành pháp hành thiền tuệ cho được phát triển.

Cho nên, giới ājīva□□hamakasīla không những đóng vai trò quan trọng trong tam giới mà còn có tầm quan trọng trong pháp Siêu tam giới nữa.

Những Tích Chuyện Liên Quan Đến Phạm Điều Giới Ājīva□□hamakasīla

- * **Quả xấu của sự phạm điều giới nói lời chia rẽ**
- * **Tích Ngạ Quỷ Sūciloma**

Trong kinh *Sūcilomasutta* [6], được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngự tại ngôi chùa Ve□uvana gần kinh thành Rājagaha. Khi ấy, Ngài Đại đức Mahāmoggallāna và Ngài Đại đức Lakkha□a ở tại núi Gijjhakū□a.

Một buổi sáng, Ngài Đại đức Mahāmoggallāna và Ngài Đại đức Lakkha□a đi vào kinh thành Rājagaha để khát thực. Từ trên núi Gijjhakū□a đi xuống, Ngài Đại đức Mahāmoggallāna nhìn thấy ngạ quỷ có lông kim đâm thật kỳ

quái, Ngài mỉm cười [7]. Khi ấy, Ngài Đại đức Lakkhaṇa hỏi Ngài Đại đức Mahāmoggallāna rằng:

— *Kính thưa pháp huynh Mahāmoggallāna, do nhân duyên nào mà pháp huynh mỉm cười.*

Ngài Đại đức Mahāmoggallāna trả lời rằng:

— *Này pháp hữu Lakkhaṇa, bây giờ không phải lúc trả lời. Pháp hữu hãy hỏi, khi có Đức Thế Tôn hiện diện.*

Hai vị Đại đức đi vào kinh thành Rājagaha khát thực. Sau khi độ vật thực xong, hai vị Đại đức cùng nhau đến ngôi chùa Veṭuvana đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ.

Khi ấy, Ngài Đại đức Lakkhaṇa hỏi Ngài Đại đức Mahāmoggallāna rằng:

— *Kính thưa pháp huynh Mahāmoggallāna, khi từ trên núi Gijjhakūṭa đi xuống, do nhân duyên nào mà pháp huynh mỉm cười?*

Ngài Đại đức Mahāmoggallāna trả lời rằng:

— *Khi từ trên núi Gijjhakūṭa đi xuống, tôi nhìn thấy ngọc quý có lông kim đâm lơ lửng trên hư không; những lông kim ấy đâm từ đầu ra miệng, đâm từ miệng ra ngực, đâm từ ngực ra bụng, đâm từ bụng ra 2 vé non, đâm từ 2 vé non ra 2 bắp chân, đâm từ 2 bắp chân ra 2 bàn chân. Ngọc quý ấy đau đớn khóc than thảm thiết.*

Khi ấy, Đức Thế Tôn dạy chư Tỳ khuru rằng:

— *Này chư Tỳ khuru, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử là người có nhãn thông, có trí tuệ, có khả năng nhìn thấy, biết rõ ngọc quý ấy đúng như vậy, có thể làm chứng được. Thật ra, trước đây, Như Lai đã từng gặp ngọc quý có lông kim đâm ấy, nhưng chưa cho các con biết có loài ngọc quý như vậy. Khi ấy Như Lai nói ra, nếu người nào không tin Như Lai, thì điều ấy sẽ đem lại sự bất lợi, làm họ khổ lâu dài.*

*Này chư Tỳ khuru, tiền kiếp của ngọc quý có lông kim đâm này là **người phạm điều giới nói lời chia rẽ**, làm cho mọi người trong kinh thành Rājagaha mất đoàn kết.*

* Tích Ngạ Quỷ Đầu Heo

Trong Chú giải Pháp Cú (Dhammapada□□hakathā). Khi Đức Phật ngự ở tại ngôi chùa Ve□uvana, gần kinh thành Rājagaha, Ngài đề cập đến ngạ quỷ đầu heo (sūkarapetavatthu [8]), được tóm lược như sau:

Một hôm, Ngài Đại đức Mahāmogallāna và Ngài Đại đức Lakkha□a cùng nhau đi khát thực, từ trên núi Gijjhakū□a đi xuống, đến một nơi Ngài Đại đức Mahāmogallāna nhìn thấy ngạ quỷ thật kỳ quái, rồi Ngài mỉm cười. Ngài Đại đức Lakkha□a hỏi rằng:

— *Kính thưa pháp huynh Mahāmogallāna, do nhân duyên nào mà pháp huynh mỉm cười.*

Ngài Đại đức Mahāmogallāna bảo rằng:

— *Này pháp hữu Lakkha□a, bây giờ tôi chưa có thể trả lời được. Pháp hữu chờ khi trở về, chúng ta cùng đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn, khi ấy, tôi sẽ trả lời cho pháp hữu rõ.*

Hai vị Đại đức đi vào kinh thành Rājagaha khát thực. Sau khi độ vật thực xong, hai vị Đại đức cùng đến ngôi chùa Ve□uvana gần kinh thành Rājagaha, đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lễ. Khi ấy, Ngài Đại đức Lakkha□a hỏi Ngài Đại đức Mahāmogallāna rằng:

— *Kính thưa pháp huynh Mahāmogallāna, khi từ trên núi Gijjhakū□a đi xuống, do nhân duyên nào mà pháp huynh mỉm cười?*

Ngài Đại đức Mahāmogallāna trả lời rằng:

— *Này pháp hữu Lakkha□a, khi ấy tôi nhìn thấy một ngạ quỷ thật kỳ quái, nó cao khoảng 3 gāvuta [9] thân hình của nó giống người, cái đầu giống đầu heo, trong miệng của nó có mọc một cái đuôi, các con dòi chảy ra từ miệng. Tôi chưa từng thấy một ngạ quỷ kỳ quái như vậy.*

Đó là nhân duyên làm cho tôi mỉm cười.

Khi ấy, Đức Thế Tôn dạy rằng:

— *“Này chư Tỳ khưu, chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Như Lai, có nhãn thông nhìn thấy được ngạ quỷ có thân hình kỳ quái ấy đúng như vậy!”*

Trước đây, chính Như Lai cũng đã từng gặp ngạ quỷ có thân hình kỳ quái ấy, nhưng Như Lai chưa cho các con biết, vì nói ra có người không tin sẽ có hại cho họ. Bây giờ Như Lai nói, vì có Moggallāna làm chứng.

Này chư Tỳ khuru, Moggallāna thuật lại thấy ngạ quỷ có thân hình kỳ quái như vậy là hoàn toàn đúng với sự thật”.

Lắng nghe lời dạy của Đức Phật, chư Tỳ khuru bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

— *Kính bạch Đức Thế Tôn, tiền kiếp ngạ quỷ này đã tạo ác nghiệp thế nào, mà kiếp này là ngạ quỷ có thân hình kỳ quái như vậy, bạch Ngài.*

Đức Thế Tôn dạy rằng:

— *Này chư Tỳ khuru, như vậy, các con hãy lắng nghe, trong tiền kiếp ngạ quỷ ấy đã tạo ác nghiệp được tóm lược như sau:*

“Trong thời kỳ Đức Phật Kassapa, có hai vị Đại đức rất thương yêu kính mến nhau, cùng sống chung trong một ngôi chùa làng. Một vị có 60 hạ và vị kia có 56 hạ; vị Đại đức nhỏ hạ hết lòng tôn kính vị Đại đức cao hạ

Hằng ngày, vị Đại đức nhỏ hạ cung kính làm mọi phận sự như đem nước uống, nước dùng, quét dọn, giặt y, ... cho vị Đại đức cao hạ. Khi vị Đại đức cao hạ đi khát thực, thì vị Đại đức nhỏ hạ mang y và bát theo sau... vị Đại đức nhỏ hạ làm mọi phận sự như một vị Sadi cung kính phục vụ vị thầy của mình. Hai vị Đại đức sống chung hòa thuận với nhau như hai anh em ruột cùng cha mẹ sinh ra.

Một hôm, có một vị Pháp sư đến chùa, nhằm vào ngày thuyết pháp; hai Ngài Đại đức kính thỉnh vị Pháp sư thuyết pháp. Sau khi lắng nghe pháp xong, hai Ngài phát sinh đức tin vô cùng hoan hỷ.

Ngày hôm sau, hai vị Đại đức thỉnh vị Pháp sư cùng đi vào xóm làng khát thực, sau khi thọ thực xong, hai vị Đại đức thỉnh vị Pháp sư thuyết pháp tế độ những thí chủ. Nghe pháp rất hoan hỷ, những người thí chủ kính thỉnh vị Pháp sư mỗi ngày đi khát thực, để họ có cơ hội tốt cúng dường vật thực và nghe pháp.

Vị Pháp sư nghĩ rằng: “Hai vị Đại đức này dễ dạy, những thí chủ nơi đây có đức tin nơi ta, vậy ta nên tìm cách làm cho hai vị Đại đức bỏ ngôi chùa này

đi nơi khác, chỉ có một mình ta ở lại ngôi chùa này, thì lợi ích biết dường nào!”

Sau khi suy nghĩ xong, lên tìm đến chỗ ở của vị Đại đức cao hạ, vị Pháp sư bịa chuyện thưa với vị Đại đức cao hạ rằng:

— Thưa Ngài, tôi xin nói nhỏ cho Ngài biết, vị Đại đức nhỏ hạ nói xấu Ngài, còn khuyên tôi không nên gần gũi thân cận với Ngài.

Ban đầu, vị Đại đức cao hạ không tin rằng đó là sự thật, bởi vì từ lâu họ đã sống chung với nhau như tình huynh đệ.

Và lại lên tìm đến vị Đại đức nhỏ hạ, vị Pháp sư bịa chuyện thưa với vị Đại đức nhỏ hạ rằng:

— Thưa Ngài, tôi xin nói nhỏ cho Ngài biết, vị Đại đức cao hạ nói xấu Ngài, còn khuyên tôi không nên gần gũi thân cận với Ngài.

Ban đầu, vị Đại đức nhỏ hạ không tin rằng đó là sự thật, bởi vì từ lâu họ đã sống chung với nhau như tình huynh đệ.

Vị Pháp sư cố gắng bịa chuyện nói như vậy nhiều lần, khiến gây ra sự ngờ vực giữa hai vị Đại đức, rồi từ ngờ vực lẫn nhau, phát sinh hiểu lầm nhau, dẫn đến tin rằng: Điều mà vị Pháp sư nói có lẽ là sự thật!

Như thường ngày, đến giờ đi khất thực, vị Đại đức nhỏ hạ đến đánh lễ vị Đại đức cao hạ xin nhận mang y bát theo sau, nhưng sáng hôm ấy vị Đại đức cao hạ không cho vị Đại đức nhỏ hạ nhận y bát của mình, mỗi vị Đại đức đi khất thực riêng rẽ.

Khi xảy ra sự bất bình giữa hai vị Đại đức với nhau, cả hai vị Đại đức đều bỏ ngôi chùa đi mỗi người mỗi hướng, một vị Đại đức đi về hướng Đông, còn vị Đại đức khác đi về hướng Tây.

Chỉ còn lại một mình vị Pháp sư đi vào xóm làng khất thực, những người thí chủ bạch hỏi đến hai vị Đại đức ấy, vị Pháp sư nói rằng:

— Ngày hôm qua hai vị Đại đức ấy có chuyện bất hòa, cãi cọ với nhau, bàn sư đã cố gắng hết sức khuyên bảo giải hòa, nhưng không được, cho nên hai vị Đại đức đã đi khỏi ngôi chùa, mỗi người mỗi hướng.

Vị Đại đức cao hạ nghĩ rằng: “Ác nghiệp của vị nhỏ hạ nặng thật, đã nói xấu ta, lại còn khuyên vị Pháp sư không nên gần gũi thân cận với ta”.

Và vị Đại đức nhỏ hạ cũng nghĩ rằng: “Ác nghiệp của vị cao hạ nặng thật, đã nói xấu ta, lại còn khuyên vị Pháp sư không nên gần gũi thân cận với ta”.

Vì vậy, hai vị Đại đức mỗi vị đi một con đường suốt 100 năm; tâm của hai vị không được an lạc. Một hôm, vị Đại đức cao hạ đến tạm trú tại một ngôi chùa; về sau, vị Đại đức nhỏ hạ cũng ghé vào tạm trú tại ngôi chùa ấy, ngẫu nhiên hai vị Đại đức gặp lại nhau. Vị Đại đức cao hạ nhận biết vị Đại đức nhỏ hạ, và vị Đại đức nhỏ hạ cũng nhận biết vị Đại đức cao hạ, hai vị Đại đức vô cùng cảm động và đều trào nước mắt. Vị Đại đức nhỏ hạ đành lễ vị Đại đức cao hạ xong, rồi bạch rằng:

— *Kính thưa pháp huynh, trong thời gian qua, tất cả mọi phận sự mà pháp đệ đã làm do thân và khẩu đã bị phạm những lỗi lầm gì làm phật ý pháp huynh hay không?*

Vị Đại đức cao hạ suy xét kỹ rồi trả lời rằng:

— *Này pháp đệ, pháp huynh chưa từng thấy lỗi lầm nào cả.*

— *Kính thưa pháp huynh, như vậy, tại sao pháp huynh nói xấu pháp đệ với vị Pháp sư, và khuyên vị Pháp sư không nên gần gũi thân cận với pháp đệ?*

Vị Đại đức cao hạ khẳng định rằng:

— *Này pháp đệ, pháp huynh không bao giờ nói như vậy với vị Pháp sư ấy. Và chính vị Pháp sư đã nói với pháp huynh rằng: “Pháp đệ nói xấu pháp huynh với vị Pháp sư ấy, và khuyên vị Pháp sư không nên gần gũi thân cận với pháp huynh”.*

— *Nghe vậy, vị Đại đức nhỏ hạ khẳng định chắc chắn rằng:*

— *Kính thưa pháp huynh, pháp đệ không bao giờ dám nói xấu pháp huynh với vị Pháp sư, và cũng không bao giờ khuyên vị Pháp sư không nên gần gũi thân cận với pháp huynh.*

Ngay lúc ấy, hai vị Đại đức mới hiểu rõ rằng: Vị pháp sư có mưu đồ đen tối bịa chuyện nói lời chia rẽ, gây ra sự hiểu lầm giữa hai vị Đại đức huynh đệ

thân thiết như ruột thịt, làm cho hai vị Đại đức giận hờn nhau bỏ đi mỗi vị một hướng, để ngôi chùa lại cho vị Pháp sư. Bây giờ đã hiểu biết rõ như vậy, nên hai vị Đại đức sám hối lẫn nhau, tình huynh đệ trở lại thân thiết như xưa.

Hai vị Đại đức cùng nhau trở về ngôi chùa cũ, vị Pháp sư giả vờ tỏ vẻ vui mừng đón rước, nhưng do đã biết rõ thái độ giả dối của vị Pháp sư, nên hai vị Đại đức nói rằng:

— *Này vị Pháp sư, Ngài không còn xứng đáng ở tại ngôi chùa này nữa, Ngài hãy đi nơi khác.*

Biết âm mưu của mình đã bị bại lộ, vị Pháp sư liền đi ra khỏi chùa ngay tức thì.

*Vị Pháp sư đã xuất gia suốt 20.000 năm trong thời kỳ Đức Phật Kassapa. Tuy vị Pháp sư thuyết pháp hay, nhưng đã **phạm điều giới nói lời chia rẽ hai vị Đại đức có giới**, cho nên sau khi chết, do khẩu ác nghiệp nói lời chia rẽ ấy cho quả tái sinh trong cõi đại địa ngục Avīci, chịu quả khổ thiêu đốt suốt thời gian lâu dài, từ thời kỳ Đức Phật Kassapa. Khi mãn quả ác nghiệp ấy, được ra khỏi cõi đại địa ngục Avīci, cũng do **ác nghiệp nói lời chia rẽ** ấy, lại cho quả tái sinh làm ngựa quý có hình thù kỳ quái đầu heo như vậy”.*

Tuy vị Pháp sư thuyết pháp hay, nói đạo giỏi, xuất gia từ thời kỳ Đức Phật Kassapa, nhưng không thể tránh khỏi 4 cõi ác giới, bởi vì *phạm điều giới nói lời chia rẽ hai vị Đại đức có giới*. Trong vòng tứ sinh luân hồi từ thời kỳ Đức Phật Kassapa cho đến thời kỳ Đức Phật Gotama vẫn chưa thoát khỏi 4 cõi ác giới: *Địa ngục, atula, ngựa quý, súc sinh*.

* **Người phạm điều giới nói lời thô tục**

Đức Phật đang ngự tại ngôi chùa Veṅgavana gần kinh thành Rājagaha, Ngài đề cập đến tiền kiếp của Ngài Đại đức Jambuka [10] đã *nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc)* bậc Thánh Arahán trong thời kỳ Đức Phật Kassapa, được tóm lược như sau:

Trong thời kỳ Đức Phật Kassapa, một người thí chủ giàu, có đức tin nơi Tam Bảo, tạo dựng một ngôi chùa xong, rồi thỉnh vị Đại đức làm trụ trì tại ngôi chùa ấy và xin hộ độ 4 thứ vật dụng: *Y phục, vật thực, chỗ ở và thuốc trị bệnh,...*

Hàng ngày, vị Đại đức trụ trì đến độ ngộ tại nhà thí chủ. Một hôm, một vị Đại đức Tăng khách là bậc Thánh Arahán du hành khát thực đến đứng trước công nhà người thí chủ ấy, Ngài biết thu thúc lục căn thanh tịnh thật đáng tôn kính. Nhìn thấy Ngài Đại đức Tăng khách, người thí chủ liền phát sinh đức tin trong sạch nơi Ngài; người thí chủ ra tận cổng, kính thỉnh Ngài vào trong nhà, thỉnh Ngài ngồi chỗ cao quý, rồi kính dâng vật thực đến Ngài Đại đức Tăng khách một cách cung kính; thấy tâm y của Ngài đã cũ, người thí chủ xin phép dâng đến Ngài tâm y mới; thấy tóc Ngài hơi dài, người thí chủ xin phép gọi người thợ hớt tóc đến cạo tóc cho Ngài; người thí chủ kính thỉnh Ngài đến nghỉ tại chùa, và xin phép mang một chiếc giường đến dâng Ngài,...

Vị Đại đức trụ trì đang ngồi trong nhà thí chủ, theo dõi nhìn thấy người thí chủ hết lòng thành kính đối với vị Đại đức Tăng khách như vậy, nên phát sinh tâm ganh tỵ, rồi nghĩ rằng: “*Mới gặp vị Đại đức Tăng khách này, mà người thí chủ hết lòng tôn kính và ân cần săn sóc đến như thế; còn ta đến đây độ ngộ mỗi ngày, mà ta đâu có được người thí chủ này đối xử như vậy*”.

Người thí chủ kính thỉnh Ngài Đại đức Tăng khách đến nghỉ tại ngôi chùa, cung kính tiễn đưa Ngài Đại đức Tăng khách và Ngài Đại đức trụ trì trở về chùa, người thí chủ kính dâng một tâm y mới đến Ngài Đại đức Tăng khách; gọi người thợ hớt tóc đến cạo tóc cho Ngài; kính dâng đến Ngài một chiếc giường, kính thỉnh Ngài sử dụng chiếc giường ấy để cho thí chủ có được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an lạc lâu dài.

Người thí chủ kính thỉnh Ngài Đại đức Tăng khách và Ngài Đại đức trụ trì sáng ngày hôm sau đến nhà ông độ ngộ. Người thí chủ cung kính đánh lễ hai vị Đại đức, rồi xin phép trở về nhà.

Theo dõi thấy người thí chủ hết lòng tôn kính và ân cần săn sóc chu đáo vị Đại đức Tăng khách, vị Đại đức trụ trì phát sinh tâm ganh tỵ không sao chịu nổi được, nên vội vàng đến chỗ ở của Ngài, buông lời chửi mắng Ngài Đại đức Tăng khách, bậc Thánh Arahán 4 điều là:

- *Này ông Tăng khách!*
- *Ông nên ăn phần hơn là độ vật thực của nhà thí chủ.*
- *Ông nên ở trường hơn là mặc tâm y của nhà thí chủ.*

- Ông nên nằm trên mặt đất hơn là nằm trên giường của nhà thí chủ.
- Ông nên tự nhổ tóc hơn là để cho người thí chủ gọi người thợ hớt tóc đến cạo tóc cho ông.

Nghe lời chửi mắng như vậy, Ngài Đại đức Tăng khách nghĩ rằng: “Xin cho vị Đại đức trụ trì này đừng có bị tai hại vì ta”.

Ngài Đại đức Tăng khách nghỉ lại một đêm tại ngôi chùa ấy, khi thức dậy, không quan tâm đến lời thỉnh mời hôm trước của người thí chủ, từ sáng sớm Ngài đã lặng lẽ đi ra khỏi chùa du hành đến nơi khác.

Sáng hôm ấy, sau khi làm mọi công việc trong chùa xong, đến giờ đi khất thực, vị Đại đức trụ trì dùng ngón tay búng nhẹ vào cái chuông báo hiệu giờ đi khất thực, rồi một mình đi đến nhà người thí chủ.

Người thí chủ đánh lễ Ngài Đại đức trụ trì xong, bèn bạch rằng:

— Kính bạch Ngài, Ngài đến đây một mình, còn Ngài Đại đức Tăng khách sao chưa thấy đến. Bạch Ngài.

Vị Đại đức trụ trì bảo rằng:

— Đây ông thí chủ, xin ông đừng nhắc đến vị ấy nữa. Hôm qua, sau khi ông trở về, vị Tăng khách ấy vào phòng ngủ. Sáng nay sư thức dậy sớm làm mọi công việc quét dọn sạch sẽ bên trong, bên ngoài chùa, lấy nước uống, nước dùng... xong, đến giờ đi khất thực bần sư đã đánh chuông báo hiệu, mà vẫn chưa thấy vị ấy thức dậy, nên chỉ một mình bần sư đến đây.

Người thí chủ nghĩ rằng: “Ngài Đại đức Tăng khách là bậc biết thu thúc lục căn thanh tịnh, đáng tôn kính như vậy, thì chắc chắn không phải là bậc ham mê ngủ như vị Đại đức trụ trì đã nói. Có lẽ vị Đại đức trụ trì thấy ta hết lòng tôn kính, ân cần chăm sóc chu đáo đặc biệt vị Đại đức Tăng khách, cho nên vị Đại đức trụ trì phát sinh tâm ganh tỵ mà bịa chuyện nói xấu vị Đại đức Tăng khách ấy”.

Người thí chủ kính dâng vật thực đến vị Đại đức trụ trì độ xong, đem bát rửa sạch sẽ, rồi để vật thực ngon lành vào đầy bát, mang đến kính dâng vị Đại đức trụ trì và bạch rằng:

— *Kính bạch Ngài, kính xin Ngài hoan hỷ mang bát vật thực này về chùa dâng lại cho vị Đại đức Tăng khách. Bạch Ngài.*

Vị Đại đức trụ trì nhận lấy bát đầy vật thực, trên đường về chùa Ngài nghĩ rằng: “*Nếu vị ấy có được vật thực ngon như thế này, thì sẽ ở mãi ngôi chùa của ta, không dễ gì chịu đi nơi khác đâu!*”. Nghĩ xong, vị Đại đức trụ trì đem cái bát đầy vật thực ấy đổ bỏ, rồi mang cái bát không trở về chùa.

Khi đến chùa, vị Đại đức trụ trì đi vào chỗ ở của Ngài Đại đức Tăng khách, nhưng không còn thấy Ngài nữa.

Từ đó về sau, vị Đại đức trụ trì phát sinh tâm hối hận, nóng nảy khổ tâm, cho nên thực hành pháp hành thiền định hoặc thực hành pháp hành thiền tuệ không thể phát triển được; bởi vì vị Đại đức trụ trì ***phạm điều giới nói lời thô tục (chửi rửa, mắng nhiếc)*** đến Ngài Đại đức Tăng khách là một vị Thánh Arahán. Vị Đại đức trụ trì đã tạo khẩu ác nghiệp, lương tâm bị dày vò, duy trì sinh mạng đến 20.000 năm hết tuổi thọ. Sau khi chết, do khẩu ác nghiệp cho quả tái sinh trong cõi đại địa ngục Avīci, chịu biết bao nhiêu nỗi khổ do quả của ác nghiệp mà mình đã tạo, suốt thời gian lâu dài, từ thời kỳ Đức Phật Kassapa cho đến thời kỳ Đức Phật Gotama xuất hiện trên thế gian.

*** Quả của ác nghiệp khẩu chửi rửa mắng nhiếc bậc Thánh Arahán còn dư sót**

Trong thời kỳ Đức Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, hậu kiếp của vị Đại đức trụ trì ấy, do nhờ thiện nghiệp cho quả tái sinh đầu thai vào một gia đình khá giả ở trong kinh thành Rājagaha. Đứa trẻ sinh ra đời được đặt tên là ***Jambuka***, khi bé Jambuka lớn lên biết đi, nó có những tính cá biệt như:

- *Nó chỉ thích ăn phân của nó mà thôi, không chịu ăn món vật thực nào khác. Cha mẹ nó tưởng rằng: “Trẻ con còn nhỏ dại không biết nên ăn bậy”.*
- *Nó chỉ thích nằm dưới đất mà thôi, không chịu nằm trên giường.*
- *Nó chỉ thích ở trường mà thôi, không chịu mặc quần áo gì cả (mặc dù trời lạnh hay trời nóng).*

Tuy đã lớn, nhưng cậu Jambuka vẫn thích ăn phân, không chịu ăn các món ăn khác; vẫn thích ở trường, không chịu mặc quần áo; vẫn thích nằm trên mặt đất, không chịu nằm trên giường.

Cha mẹ của cậu bàn tính với nhau rằng:

— *Tuy Jambuka đã lớn rồi, nhưng không biết hổ thẹn, không biết mặc cỡ; nó thích ở truồng, không chịu mặc quần áo; chúng ta nên cho Jambuka xuất gia theo phái ngoại đạo lõa thể, thì sẽ thích hợp với nó hơn là sống tại gia với chúng ta.*

Cha mẹ dẫn Jambuka đến nhóm ngoại đạo tu sĩ lõa thể, xin cho Jambuka được xuất gia theo nhóm tu sĩ này. Nhóm tu sĩ lõa thể chấp thuận cho Jambuka xuất gia theo họ, nhưng ***bắt buộc Jambuka phải nhổ tóc cho sạch, không được cạo tóc.***

Jambuka tự nhổ sạch tóc mới được xuất gia trở thành tu sĩ lõa thể. Cha mẹ của tu sĩ Jambuka mời tất cả tu sĩ lõa thể đến nhà ông để dùng cơm vào ngày hôm sau.

Sáng hôm ấy, tất cả nhóm tu sĩ đều đến nhà cha mẹ của Jambuka, nhưng tu sĩ Jambuka xin phép ở lại tu viện một mình. Thấy tất cả nhóm tu sĩ vừa đi ra khỏi chùa, tu sĩ Jambuka đến hầm cầu dùng 2 bàn tay hót phân ăn no đủ. Khi nhóm tu sĩ trở về, có mang một phần ăn về cho Jambuka, nhưng Jambuka không thọ nhận, bèn thưa rằng:

— *Con đã dùng vật thực no đủ rồi.*

Và những ngày kế tiếp... Jambuka vẫn xin phép ở lại tu viện một mình ăn phân no đủ. Nhóm tu sĩ mang một phần ăn về cho Jambuka, nhưng lần nào Jambuka cũng không nhận phần ăn ấy, mà thưa rằng:

— *Con đã dùng vật thực no đủ rồi.*

Nhóm tu sĩ sinh tâm hoài nghi rằng: “*Tại sao Jambuka không dùng vật thực mà mình đem về? Vật thực mà Jambuka dùng mấy hôm vừa qua có từ đâu? Chúng ta nên cho người dò xét xem để biết sự thật*”.

Cũng như mọi ngày, tất cả nhóm tu sĩ lõa thể ra khỏi tu viện đi khát thực, nhưng đặc biệt hôm ấy còn hai vị tu sĩ lõa thể ở lại ẩn vào một chỗ kín đáo làm phận sự theo dõi tu sĩ Jambuka có được vật thực từ đâu?

Thấy tất cả tu sĩ đã ra khỏi tu viện, tu sĩ Jambuka đi đến hầm cầu dùng 2 tay hót phân ăn no đủ rồi đi ra, không hề hay biết có người đang theo dõi mình.

Khi nhóm tu sĩ đi khát thực trở về, hai vị tu sĩ làm phận sự theo dõi tu sĩ Jambuka trình bày sự thật, mà họ đã tận mắt thấy cho mọi người cùng nghe.

Nghe xong, nhóm tu sĩ lỏa thể bàn tính với nhau rằng:

— *“Nếu chúng ta để Jambuka ở lại nơi đây, không sớm thì muộn đệ tử của Samôn Gotama hay biết, chắc chắn chúng ta sẽ mất uy tín, tiếng xấu sẽ lan tỏa đi khắp mọi nơi. Vậy chúng ta nên đuổi Jambuka ra khỏi tu viện”.*

Tu sĩ Jambuka bị đuổi ra khỏi tu viện, đi đến trú ở một nơi gần tảng đá, chỗ để cho mọi người đi đại tiện. Buổi tối, tu sĩ lỏa thể Jambuka lén đến nơi đó lấy phân ăn, còn ban ngày y đứng một chân, một chân kia chống vào đầu gối; và một tay vịn vào tảng đá há miệng ngửa mặt nhìn trời.

Một số đông người qua lại gặp tu sĩ lỏa thể Jambuka hành hạnh lạ thường, đánh lễ xong, bạch rằng:

— *Kính bạch Ngài, tại sao Ngài đứng há miệng như vậy?*

Tu sĩ Jambuka đáp rằng:

— *Này quý vị, ta là người dùng vật thực bằng gió, chỉ có gió là vật thực của ta mà thôi, ngoài vật thực gió ra ta không dùng một thứ vật thực nào khác.*

— *Kính bạch Ngài, tại sao Ngài đứng một chân, còn một chân kia chống vào đầu gối như vậy?*

— *Thưa quý vị, ta là người hành hạnh cao thượng, hạnh này có nhiều thần lực. Nếu ta đứng cả 2 chân trên mặt đất, thì sẽ làm cho mặt đất này rung chuyển. Vì vậy, ta chỉ đứng một chân mà thôi, còn chân kia chống vào đầu gối, suốt ngày đêm không ngồi, không nằm.*

Một số đông người kém trí tuệ, mê tín tin theo lời của tu sĩ Jambuka, họ tán dương ca tụng, cho đó là hạnh phi thường chưa từng thấy bao giờ!

Một số đông dân chúng xứ A□ga và xứ Magadha đem nhiều phẩm vật đến cúng dường, nhưng tu sĩ Jambuka không nhận một thứ nào cả.

Tu sĩ Jambuka ở trường, ăn phân, nằm trên mặt đất, nhổ tóc trải qua suốt 55 năm ròng rã.

* **Đức Phật ngự đến tế độ tu sĩ Jambuka**

Vào canh chót đêm ấy, Đức Thế Tôn quán xét với tâm đại bi xem chúng sinh nào có duyên lành nên tế độ. Ngài thấy tu sĩ Jambuka hiện rõ trong màng lưới trí tuệ của Ngài. Đức Phật quán xét thấy tu sĩ Jambuka có duyên lành chúng đắc thành **bậc Thánh Arahán** cùng với tứ tuệ phân tích, và đồng thời có 84.000 chúng sinh cũng được chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn cùng với tu sĩ lửa thể Jambuka.

Sáng hôm ấy, Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khuru Tăng ngự vào kinh thành Rājagaha để khát thực, khi trở về Đức Phật gọi Ngài Đại đức Ānanda dạy rằng:

— *Này Ānanda, Như Lai sẽ ngự đi một mình đến tế độ tu sĩ Jambuka.*

Chư thiên biết Đức Phật sẽ ngự đến chỗ ở dơ bẩn của tu sĩ Jambuka, cho nên, chư thiên làm một trận mưa lớn để rửa sạch nơi ấy, làm cho các loại cây đều trở hoa tào nên một phong cảnh sạch mát, xinh đẹp.

Buổi chiều hôm ấy, Đức Thế Tôn ngự đến gặp tu sĩ Jambuka xin nghỉ trọ một đêm. Tu sĩ Jambuka một mực khước từ, y nói rằng:

— *Thưa Samôn, nơi đây không có chỗ cho Samôn nghỉ trọ một đêm đâu, xin Samôn hãy đi đến nơi khác.*

Đức Thế Tôn bèn hỏi Jambuka rằng:

— *Này Jambuka, ngươi có phải là tu sĩ lửa thể không?*

Tu sĩ Jambuka khẳng định trả lời rằng:

— *Này Samôn, ta là tu sĩ đạo lửa thể.*

— *Này Jambuka, những đồ vật dụng của tu sĩ đạo lửa thể của ngươi để đâu mà ta không thấy?*

Nghe Đức Thế Tôn hỏi như vậy, tu sĩ Jambuka nổi giận, nói như xua đuổi rằng:

— *Này Samôn, nơi đây không có chỗ để Samôn nghỉ trọ đâu.*

— *Này Jambuka, xin đừng nổi giận, xin người chỉ cho Như Lai một chỗ ở.*

— *Này Samôn, tùy Samôn tự tìm lấy chỗ ở.*

Đức Thế Tôn ngự đến một nơi không xa chỗ ở của tu sĩ Jambuka, Ngài trải tọa cụ ngồi nhập thiền.

Canh đầu đêm, *Đức Tứ Đại Thiên Vương* từ 4 hướng cùng nhau đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn, ánh hào quang của các Ngài hiện rõ tỏa ra khắp một vùng trời. Tu sĩ Jambuka nhìn thấy cảnh lạ thường chưa từng thấy, nên nghĩ rằng: “*Ánh sáng hào quang gì vậy, 4 vị ấy là ai mà đến hầu đánh lễ Samôn ấy? Vị Samôn ấy phải là Bạc cao thượng*”.

Canh giữa đêm, *Đức vua trời Sakka cõi Tam Thập Tam Thiên* ngự đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn, ánh hào quang hiện rõ tỏa ra khắp vùng rộng lớn hơn canh đầu đêm. Tu sĩ Jambuka nhìn thấy cảnh lạ thường chưa từng thấy, nên nghĩ rằng: “*Ánh hào quang này lớn hơn lần trước, vị đến hầu đánh lễ Samôn cũng có oai lực hơn 4 vị trước. Vị Samôn ấy phải là Bạc cao thượng*”.

Vào canh chót đêm, một vị *Đại Phạm Thiên* đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn, ánh sáng hào quang lần này gấp bội hơn hai lần trước làm sáng tỏa cả khu rừng rộng lớn. Tu sĩ Jambuka nhìn thấy cảnh lạ thường chưa từng thấy, nên nghĩ rằng: “*Ánh hào quang lần này gấp bội hơn hai lần trước, vị đến hầu đánh lễ Samôn cũng có nhiều oai lực hơn các vị trước. Chắc chắn vị Samôn ấy phải là Bạc cao thượng*”.

Sáng hôm sau, tu sĩ Jambuka đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn bèn bạch rằng:

— *Kính thưa Đại Samôn, canh đầu đêm hôm qua, 4 vị nào từ 4 hướng đến hầu đánh lễ Ngài, 4 vị ấy có ánh hào quang hiện rõ tỏa ra một vùng như vậy? Bạch Ngài.*

Đức Phật dạy rằng:

— *Này Jambuka, 4 vị ấy là Tứ Đại Thiên Vương từ 4 hướng của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương.*

— *Kính thưa Đại Samôn, như vậy Ngài cao thượng hơn cả Tứ Đại Thiên Vương.*

— *Này Jambuka, Như Lai là Bạc cao thượng hơn Tứ Đại Thiên Vương, cho nên, Tứ Đại Thiên Vương đến hầu hạ Như Lai.*

— *Kính thưa Đại Samôn, canh giữa đêm hôm qua, vị nào đến hầu đánh lễ Ngài, vị ấy có ánh hào quang hiện rõ tỏa ra một vùng rộng lớn như vậy? Bạch Ngài.*

— *Này Jambuka, vị ấy là Đức vua Sakka trị vì cõi trời Tam Thập Tam Thiên.*

— *Kính thưa Đại Samôn, như vậy Ngài cao thượng hơn Đức vua trời Sakka.*

— *Này Jambuka, Như Lai là Bạc cao thượng hơn Đức vua trời Sakka, cho nên, Đức vua trời Sakka như người nuôi bệnh của Như Lai, hay như một Sadi nhỏ hầu hạ Như Lai.*

— *Kính thưa Đại Samôn, canh chót đêm hôm qua, vị nào đến hầu đánh lễ Ngài, vị ấy có ánh hào quang hiện rõ tỏa khắp một vùng rộng lớn như vậy? Bạch Ngài.*

— *Này Jambuka, vị ấy là vị Đại Phạm Thiên.*

— *Kính thưa Đại Samôn, như vậy Ngài cao thượng hơn cả Đại Phạm Thiên.*

— *Này Jambuka, Như Lai là bậc cao thượng hơn cả vị Đại Phạm Thiên.*

— *Kính thưa Đại Samôn, Ngài là Bạc cao thượng nhất, tôi hành hạnh cao thượng, chỉ đứng một chân, còn chân bên kia chống vào đầu gối; không ngồi, không nằm, giữa mặt lên trời dùng gió làm vật thực trải qua 55 năm rồi, mà không có một chư thiên nào đến hầu hạ tôi cả.*

Khi ấy, Đức Thế Tôn dạy tu sĩ Jambuka rằng:

— *“Này Jambuka, người lừa dối được những người mê tín; người không thể lừa dối được Như Lai đâu!*

Có phải trải qua suốt 55 năm, hằng ngày người phải ăn phân, nằm trên mặt đất, ở trần truồng, tự nhổ sạch tóc. Thế mà người đã lừa dối những người

mê tín rằng: “Ngươi ăn vật thực bằng gió, đứng một chân, không ngồi, không nằm”.

Như vậy, ngươi còn muốn lừa dối cả Như Lai nữa hay sao!

Trong tiền kiếp, ngươi đã tạo khẩu ác nghiệp, kiếp hiện tại này ngươi phải chịu quả khổ của khẩu ác nghiệp còn dư sót, cho nên, ngươi phải ăn phân, nằm trên mặt đất, ở trần truồng, tự nhổ sạch tóc.

— *Bây giờ ngươi còn chấp thủ do tà kiến thấp hèn như vậy nữa hay sao?”*

Tu sĩ Jambuka kính thỉnh Đức Thế Tôn rằng:

— *Kính bạch Đại Samôn, khẩu ác nghiệp nào mà con đã tạo trong tiền kiếp quá khứ? Bạch Ngài.*

Đức Thế Tôn thuyết giảng cho biết về tiền kiếp của tu sĩ Jambuka. Tu sĩ đã từng là vị Tỳ khưu trụ trì đã tạo nghiệp khẩu nói lời thô tục (chửi rủa, mắng nhiếc) đối với một vị Thánh Arahán trong thời kỳ Đức Phật Kassapa. Lắng nghe về khẩu ác nghiệp của mình như vậy, tu sĩ Jambuka phát sinh động tâm và vô cùng hổ thẹn với tội lỗi của mình, liền ngồi chồm hổm xuống. Đức Thế Tôn trao cho một tấm vải choàng tắm đến tu sĩ Jambuka, tu sĩ cung kính nhận tấm vải rồi mặc vào, đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Đức Thế Tôn thuyết pháp tế độ Jambuka. Sau khi lắng nghe Đức Phật thuyết pháp xong, tu sĩ Jambuka liền chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt mọi phiền não, mọi tham ái không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Arahán** cùng với Tứ tuệ phân tích. Đặc biệt đồng thời ngay khi ấy, khẩu ác nghiệp đã tạo đối với vị Thánh Arahán từ thời kỳ Đức Phật Kassapa cũng đã mãn quả ác nghiệp ấy, hết hiệu lực cho quả xấu. Tu sĩ Jambuka kính xin Đức Thế Tôn cho phép xuất gia Sadi, Tỳ khưu trong giáo pháp của Ngài.

Đức Thế Tôn quán xét thấy tu sĩ Jambuka có đủ phước thiện đã tạo trong những tiền kiếp, nhất là kiếp Tỳ khưu trong thời kỳ Đức Phật Kassapa suốt 20.000 năm, quả báu của thiện nghiệp được tích lũy từ vô lượng kiếp trong quá khứ. Do đó, 8 thứ vật dụng của Samôn có thể phát sinh như thần thông nhờ phước thiện ấy cho quả, nên Đức Thế Tôn dạy rằng:

- *“Ehi bhikkhu, cara brahmacariya □ sammā dukkhassa antakiriya”.*

(Này Jambuka, hãy đến đây, con được trở thành Tỳ khưu theo ý nguyện!

Con nên thực hành phạm hạnh cao thượng dẫn đến tận cùng của khổ sinh).

Khi Đức Thế Tôn truyền dạy như vậy vừa dứt, tướng mạo của tu sĩ Jambuka liền biến mất. Và ngay khi ấy, Jambuka trở thành Tỳ khưu có đầy đủ 8 thứ vật dụng của Samôn, và có tăng tướng như một vị Đại đức có 60 hạ.

Như mọi hôm, dân chúng xứ A□ga và xứ Magadha đem những lễ vật đến cúng dường tu sĩ Jambuka. Hôm ấy họ gặp Đức Phật tại nơi ấy, cho nên họ suy nghĩ rằng: *“Không biết Samôn Gotama cao thượng hơn tu sĩ Jambuka vị thầy của họ, hay vị thầy của họ cao thượng hơn Samôn Gotama?”*.

Để phá tan sự hoài nghi của dân xứ A□ga và xứ Magadha tại nơi ấy, Ngài Đại đức Jambuka xin Đức Thế Tôn cho phép Ngài nhập đệ tứ thiên, biến hóa thần thông bay lên hư không cao khoảng một cây thốt nốt, rồi bạch rằng:

- *“Satthā me Bhante Bhagavā. Sāvako’ hamasmī”*.

(Kính bạch Đức Thế Tôn, Ngài là vị Tôn sư của con, và con là Thanh Văn đệ tử của Ngài).

Khi bạch xong, Đại đức Jambuka đáp xuống đánh lễ dưới 2 bàn chân của Đức Thế Tôn.

Một lần nữa, Đại đức Jambuka bay lên cao khoảng 2 cây thốt nốt, 3 cây thốt nốt, ..., 7 cây thốt nốt, ... rồi bạch như lần trước xong đáp xuống đánh lễ dưới 2 bàn chân của Đức Thế Tôn.

Tại nơi ấy, mọi người đã thấy và nghe rõ lời của Đại đức Jambuka, cho nên không còn hoài nghi nữa, họ đồng tán dương ca tụng Ân đức Phật thật phi thường!

Khi ấy, Đức Phật thuyết một bài kệ, vừa chấm dứt bài kệ, có 84.000 chúng sinh đều chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn tùy theo ba-la-mật của mỗi vị.

*** *Nghệ sĩ chuyên nghiệp sẽ có hậu quả như thế nào?***

Những nghệ sĩ chuyên nghiệp ca hát, nhảy múa, đánh đàn...; những tài tử là diễn viên trên sân khấu, những nghệ sĩ biểu diễn xiếc, v.v.. Những người này nuôi mạng sống bằng nghệ thuật ấy.

- *Có phải là chánh ngữ hay không?*
- *Có phải là chánh nghiệp hay không?*
- *Có phải là chánh mạng hay không?*
- *Hậu quả của họ như thế nào?*

*** Nghiệp và quả của nghiệp của người nghệ sĩ**

Để hiểu rõ những vấn đề này, nên tìm hiểu bài kinh *Tālaputtasutta* [11] Đức Phật dạy ông Tālaputta, được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngự tại ngôi chùa Veṅuvana gần kinh thành Rājagaha. Khi ấy, một nghệ sĩ nhảy múa ca hát tên Tālaputta đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn, xong ngồi một nơi hợp lẽ bèn bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

— *Kính bạch Đức Thế Tôn, con đã từng nghe lời dạy của nghệ sĩ tài hoa, giỏi về nghệ thuật nhảy múa ca hát, những người ấy là bậc thầy, và bậc thầy của bậc thầy tiền bối nói rằng:*

“Những nghệ sĩ nào có tài nhảy múa ca hát, trình diễn, làm cho người xem, người nghe vui cười, hài lòng hoan hỷ. Khi nói chuyện hài hước, chuyện có thật hoặc chuyện không có thật trên sân khấu cốt để làm cho khán thính giả vui. Những nghệ sĩ ấy, sau khi chết, do nghiệp ấy sẽ cho quả tái sinh làm bạn của chư thiên Pahāsa”.

Kính bạch Đức Thế Tôn, về điều này, Đức Thế Tôn dạy như thế nào? Bạch Ngài.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

— *“Này Gāmaṅgī, con không nên hỏi Như Lai về điều ấy”.*

Lần thứ nhì..., lần thứ ba cũng như trên rằng:

“Những nghệ sĩ nào có tài trình diễn, nhảy múa, ca hát,... làm cho người xem, người nghe vui cười, hài lòng hoan hỷ. Khi nói chuyện hài hước, chuyện có thật, hoặc chuyện không có thật trên sân khấu, cốt để làm cho

khán thính giả vui. Những nghệ sĩ ấy, sau khi chết, do nghiệp ấy sẽ cho quả tái sinh làm bạn của chư thiên Pahāsa”.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

— *Này Gāmaṅgī, Như Lai đã dạy bảo con rằng: “Con không nên hỏi Như Lai về điều ấy”, nhưng con muốn biết. Vậy Như Lai sẽ trả lời cho con biết rõ rằng:*

Này Gāmaṅgī, những người chưa diệt được tâm tham dục, bị phiền não tham dục chế ngự; khi xem, nghe người nghệ sĩ có tài trình diễn, nhảy múa, ca hát, ... là đối tượng trên sân khấu, làm cho người xem, người nghe phát sinh tâm tham dục say mê trong đối tượng.

Những người chưa diệt được tâm sân hận, bị phiền não sân hận chế ngự; khi xem, nghe người nghệ sĩ có tài trình diễn, ... là đối tượng trên sân khấu, làm cho người xem, người nghe phát sinh tâm sân không hài lòng trong đối tượng.

Những người chưa diệt được tâm si mê, bị phiền não si mê chế ngự; khi xem, nghe người nghệ sĩ có tài trình diễn, ... là đối tượng trên sân khấu, làm cho người xem, người nghe phát sinh tâm si lầm lạc trong đối tượng.

*Chính người nghệ sĩ ấy say mê, đê duôi, đặt mình trong sự đê duôi trong mọi thiện pháp. Cho nên, sau khi chết, do ác nghiệp ấy cho quả tái sinh trong cõi địa ngục gọi là **cõi địa ngục Pahāsa**.*

Này Gāmaṅgī, nếu người nào hiểu rằng:

“Những nghệ sĩ nào có tài trình diễn, nhảy múa, ca hát, ... làm cho người xem, người nghe vui cười, hài lòng hoan hỷ. Khi nói chuyện hài hước, chuyện có thật hoặc chuyện không có thật trên sân khấu, cốt để làm cho khán thính giả vui. Những nghệ sĩ ấy, sau khi chết, do nghiệp ấy sẽ cho quả tái sinh làm bạn của chư thiên Pahāsa”.

Sự hiểu của người ấy là sự hiểu sai lầm.

Này Gāmaṅgī, Như Lai dạy rằng:

*“Đối với người hiểu sai lầm ấy, có hai cõi tái sinh: Tái sinh trong **cõi địa ngục** hoặc tái sinh làm **loài súc sinh**”.*

Khi nghe Đức Thế Tôn dạy như vậy, nhà nghệ sĩ có tài nhảy múa ca hát tên gọi Tālaputta nước mắt trào ra, khóc tức tưởi.

Ông Gāmaṅgī cung kính bạch rằng:

— *Kính bạch Đức Thế Tôn, con không phải khóc do điều mà Đức Thế Tôn đã dạy con, nhưng con đã khóc tức tưởi, bởi vì những nghệ sĩ có tài nhảy múa, ca hát, ... là bậc thầy, và bậc thầy của bậc thầy tiền bối đã lừa con từ lâu rằng:*

“Những nghệ sĩ nào có tài nhảy múa, ca hát, ..., làm cho người xem, người nghe vui cười, hài lòng hoan hỷ. Khi nói chuyện hài hước, chuyện có thật hoặc chuyện không có thật trên sân khấu, cốt để làm cho khán thính giả vui. Những nghệ sĩ ấy, sau khi chết, do nghiệp ấy sẽ cho quả tái sinh làm bạn của chư thiên Pahāsa”.

Kính bạch Đức Thế Tôn, lời giáo huấn của Ngài thật rõ ràng lắm.

Kính bạch Đức Thế Tôn, lời giáo huấn của Ngài thật rõ ràng lắm, Đức Thế Tôn thuyết pháp bằng nhiều phương pháp khác nhau, ví như lật ngửa ra vật bị che đậy; hoặc mở ra vật bị đóng chặt; hoặc chỉ đường cho người đang đi lạc đường; hoặc rọi đèn soi sáng vào nơi tăm tối, để cho người có đôi mắt sáng được thấy rõ mọi vật hiện hữu.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y nương nhờ nơi Đức Thế Tôn, nơi Đức Pháp và chư Tỳ khuru Tăng.

Kính bạch Đức Thế Tôn, con kính xin Đức Thế Tôn cho phép con được xuất gia Sadi và Tỳ khuru trong giáo pháp của Ngài.

Khi đã được xuất gia trở thành Tỳ khuru trong giáo pháp của Đức Thế Tôn xong, Ngài Đại đức Tālaputta ở nơi thanh vắng một mình, không để duôi, tinh tấn không ngừng thực hành thiền tuệ dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt tất cả mọi phiền não, mọi tham ái không còn dư sót, **trở thành bậc Thánh Arahán.**

Giới Uposathasīla

Phàm mọi người tại gia cư sĩ đều phải giữ gìn *ngũ giới* là *thường giới* (*niccasīla*) và giữ gìn *giới ājīva* □ □ *hamakasīla* cho được trong sạch và trọn vẹn, để giữ gìn nhân phẩm của mình. Ngoài ra, đối với những người cận sự nam, cận sự nữ đã quy y Tam Bảo, có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng cần cố gắng tinh tấn giữ gìn ***bát giới uposathasīla***, hoặc ***cửu giới uposathasīla***, hoặc ***thập giới của người tại gia***; tùy theo khả năng của mỗi người, để cho mọi thiện pháp phát sinh và phát triển.

III- Bát Giới Uposathasīla

Bát giới uposathasīla gồm có 8 điều giới từ *điều giới tránh xa sự sát sinh* cho đến *điều giới tránh xa chỗ nằm ngồi quá cao và xinh đẹp*. Bát giới uposathasīla này thuộc về *kālapariyantasīla*: *Bát giới bị chấm dứt theo thời gian hạn định do phát nguyện thọ trì*, đến khi qua thời gian ấy là chấm dứt, không còn hiệu lực nữa, rồi trở lại giới cơ bản cũ của mình đó là ngũ giới, bát giới ājīva □ □ hamakasīla.

Bát giới uposathasīla theo thời gian hạn định

Theo Tam Tạng và các Chú giải, bát giới uposathasīla theo thời gian hạn định có nhiều loại như sau:

* *Bát giới uposathasīla mỗi tháng có 4 ngày:*

Trong mỗi tháng có 4 ngày giới được thọ trì bát giới uposathasīla là những ngày mùng 8, ngày rằm (15), ngày 23 và ngày 30 tháng đủ (nếu tháng thiếu thì nhằm ngày 29).

* *Bát giới uposathasīla mỗi tháng có 6 ngày:*

Trong mỗi tháng có 6 ngày giới được thọ trì bát giới uposathasīla là những ngày mùng 8, ngày 14, ngày rằm (15), ngày 23, ngày 29 và ngày 30 tháng đủ (nếu tháng thiếu thì nhằm ngày 28 và ngày 29).

* *Bát giới uposathasīla mỗi tháng có 8 ngày:*

Trong mỗi tháng có 8 ngày giới được thọ trì bát giới uposathasīla là những ngày mùng 5, mùng 8, ngày 14, ngày rằm (15), ngày 20, ngày 23, ngày 29 và ngày 30 tháng đủ (nếu tháng thiếu thì nhằm ngày 28 và ngày 29).

* *Bát giới uposathasīla mỗi tháng có 20 ngày hoặc 19 ngày (kể thêm ngày đón rước trước 1 ngày và ngày tiễn đưa sau 1 ngày).*

Trong mỗi tháng có 8 ngày bát giới uposathasīla căn bản, là những ngày 5, 8, 14, 15, 20, 23, 29, 30. Để cho những ngày giới chính thức trọng thể, người hành giới chuẩn bị đón rước trước một ngày giới và tiễn đưa sau một ngày giới. Cho nên, trong một tháng những ngày bát giới uposathasīla là ngày (4) + 5 + (6), (7) + 8 + (9), (13) + 14 + 15 + (16), (19) + 20 + (21), (22) + 23 + (24), (28) + 29 + 30 + (1) tháng đủ (nếu tháng thiếu thì nhằm vào ngày (27) + 28 + 29 + (1)).

* *Bát giới uposathasīla suốt 3 tháng an cư nhập hạ:*

Mỗi năm, từ ngày 16 tháng 6 cho đến ngày 16 tháng 9, suốt 3 tháng (chư Tỳ khuru an cư nhập hạ), một số cận sự nam, cận sự nữ cũng xin nguyện thọ trì bát giới uposathasīla rồi giữ gìn suốt 3 tháng an cư nhập hạ ấy.

Khi chư Tỳ khuru Tăng mãn hạ, đồng thời bát giới upo-sathasīla của những cận sự nam, cận sự nữ cũng hết hạn.

* *Bát giới uposathasīla suốt đời:*

Đối với tu nữ đã xuất gia sống trong chùa, những người làm công quả sống trong chùa, những người trú trong chùa,... những người này thường xin nguyện thọ trì bát giới uposatha-sīla suốt đời ở trong chùa.

Bát giới uposathasīla là thuộc về *kālapariyantasīla*: *Bát giới bị chấm dứt theo thời gian hạn định do phát nguyện thọ trì.*

Thông thường, hành giả phát nguyện thọ trì giới upo-sathasīla, rồi giữ gìn trong ngày giới suốt 1 ngày 1 đêm kể từ buổi sáng sớm, lúc bình minh cho đến lúc bình minh của ngày hôm sau.

Nhưng có những trường hợp đặc biệt như sau:

— Hành giả không có cơ hội thọ trì bát giới uposathasīla từ sáng sớm lúc bình minh, thì đến giờ Ngọ (12 giờ trưa), hành giả mới xin thọ trì bát giới uposathasīla, rồi giữ gìn từ thời gian đó cho đến bình minh của ngày hôm sau.

— Hành giả không có cơ hội thọ trì bát giới uposathasīla trong ngày, thì đến lúc ban đêm, hành giả xin thọ trì bát giới uposathasīla, rồi giữ gìn suốt đêm cho đến lúc bình minh của ngày hôm sau.

— Trường hợp hành giả đến chùa nghe pháp trong ngày giới, vị Pháp sư hướng dẫn quy y Tam Bảo và thọ trì bát giới uposathasīla, rồi giữ gìn giới suốt thời gian lắng nghe pháp. Khi lắng nghe pháp xong, đồng thời bát giới uposathasīla của hành giả ấy cũng hết hạn.

Do đó, bát giới uposathasīla thuộc về *kālapariyantāsīla*: *Bát giới bị chấm dứt theo thời gian hạn định do phát nguyện thọ trì.*

Bát giới uposathasīla có nhiều loại do căn cứ vào nhiều đối tượng khác nhau. Phước thiện thọ trì bát giới uposathasīla và giữ gìn 8 điều giới trong sạch và trọn vẹn, sẽ có được quả báu vô cùng phong phú và lớn lao trong kiếp hiện tại lẫn nhiều kiếp vị lai, đặc biệt còn tạo nên duyên lành làm nền tảng cho pháp hành thiền định và pháp hành thiền tuệ phát triển.

Để hiểu rõ về bát giới uposathasīla, nên tìm hiểu bài kinh ***Uposathasīla***.

Bài Kinh Uposathasīla

Đức Phật thuyết dạy giới uposathasīla có 3 loại trong bài kinh *Uposathasīla* [12], được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn ngự tại ngôi chùa Pubbārāma, trong lâu đài của bà Visākhā Migāramātā [13], gần kinh thành Sāvattihī. Sáng hôm ấy, nhằm ngày giới uposathasīla, bà Visākhā đến hầu đánh lễ Đức Thế Tôn xong ngồi một nơi hợp lẽ. Đức Thế Tôn bèn hỏi rằng:

— *Này Visākhā, hôm nay sao con đến đây từ sáng sớm vậy?*

— *Kính bực Đức Thế Tôn, hôm nay là ngày giới uposathasīla. Bạch Ngài.*

Khi ấy, Đức Thế Tôn bèn dạy rằng:

— *Này Visākhā, giới uposathasīla có 3 loại:*

1- *Gopāla uposatha*: Giữ gìn giới uposathasīla như người chăn bò.

2- *Nigaṅṅha uposatha*: Giữ gìn giới uposathasīla như nhóm tu sĩ ngoại đạo Nigaṅṅha.

3- *Ariya uposatha*: Giữ gìn giới uposathasīla y như bậc Thánh Nhân.

* **Gopāla uposatha**

1- *Giữ gìn giới uposathasīla như người chăn bò như thế nào?*

Buổi chiều người chăn bò dẫn đàn bò trở về nộp vào chuồng cho người chủ bò xong (họ nhận tiền công) trở về nhà rồi tưởng nhớ rằng: “Hôm nay, ta đã dẫn đàn bò ăn cỏ nơi bãi đó, cho đàn bò uống nước nơi bên nước đó...; ngày mai, ta sẽ dẫn đàn bò đi ăn cỏ nơi bãi đó, sẽ cho đàn bò uống nước nơi bên nước đó...” như thế nào? Có một số người giữ gìn bát giới uposathasīla cũng như thế ấy, họ nghĩ tưởng rằng: “Hôm nay, ta ăn những món đồ ăn mềm này, nhai những món đồ ăn cứng kia; và ngày mai, ta sẽ ăn những món đồ ăn mềm này, sẽ nhai những món đồ ăn cứng kia”.

Những hành giả ấy giữ gìn bát giới uposathasīla suốt ngày đêm trôi qua với tâm tham muốn ăn những món đồ ăn kia.

— *Này Visākhā, như vậy gọi là gopāla uposatha: Giữ gìn bát giới như người chăn bò (để mong nhận tiền công). Giữ gìn bát giới uposatha như vậy không có kết quả nhiều, không có quả báu nhiều, không làm cho giới được hiện rõ, không làm cho giới được lan rộng khắp mọi nơi.*

* **Nigaṅṅha uposatha**

2- *Giữ gìn giới uposathasīla như nhóm tu sĩ ngoại đạo Nigaṅṅha như thế nào?*

— *Này Visākhā, một nhóm tu sĩ ngoại đạo Nigaṅṅha dạy nhóm đệ tử của họ rằng:*

Này quý vị hãy lại đây! Trong hướng Đông, những chúng sinh nào ở ngoài phạm vi 100 do tuần, quý vị có thể hành hạ đánh đập,... những chúng sinh ấy được.

Trong hướng Tây, những chúng sinh nào ở ngoài phạm vi 100 do tuần, quý vị có thể hành hạ đánh đập,... những chúng sinh ấy được.

Trong hướng Nam, những chúng sinh nào ở ngoài phạm vi 100 do tuần, quý vị có thể hành hạ đánh đập,... những chúng sinh ấy được.

Trong hướng Bắc, những chúng sinh nào ở ngoài phạm vi 100 do tuần, quý vị có thể hành hạ đánh đập,... những chúng sinh ấy được.

Như vậy, nhóm tu sĩ ngoại đạo ấy dạy nhóm đệ tử của họ có lòng thương đến một số chúng sinh này, và không có lòng thương đến một số chúng sinh kia.

Trong ngày giới uposathasīla, nhóm tu sĩ ngoại đạo ấy dạy nhóm đệ tử của họ rằng:

Này quý vị hãy lại đây! Quý vị hãy nên cởi bỏ tất cả quần áo rồi tuyên bố rằng: “Ta không còn liên quan đến ai cả, nơi nào cả; và ta cũng không bận tâm dính mắc những gì trong thân, hay ngoài thân cả”.

Nhưng cha mẹ của người ấy biết rõ rằng: “Người ấy là con của ta”. Và chính người ấy cũng biết rõ rằng: “Hai người ấy là cha mẹ của ta”.

Vợ và con của người ấy biết rõ rằng: “Người ấy là chồng, là cha của ta”. Và chính người ấy cũng biết rõ rằng: “Người ấy là vợ, là con của ta”.

Những người tôi tớ, người làm công của người ấy biết rõ rằng: “Người ấy là người chủ của chúng ta”. Và chính người ấy cũng biết rõ rằng: “Những người kia là người tôi tớ, là người làm công của ta”.

Nhóm tu sĩ ngoại đạo ấy dạy nhóm đệ tử của họ nói lời chân thật, nhưng thật ra họ dạy nhóm đệ tử nói dối. Do đó, Như Lai nói: “Lời dạy của nhóm tu sĩ ngoại đạo ấy là lời nói dối”.

Khi đêm đã qua, đến rạng đông sáng tỏ, nhóm tu sĩ ngoại đạo ấy dùng vật thực mà người chủ không cho. Do đó, Như Lai nói: “Sự dùng vật thực của nhóm tu sĩ ngoại đạo ấy là sự trộm cắp”.

Này Visākhā, như vậy gọi là Nigaṃṃha uposatha: Giữ gìn giới uposathasīla như nhóm tu sĩ ngoại đạo Nigaṃṃha như vậy không có kết quả nhiều, không có quả báu nhiều, không làm cho giới được hiện rõ nhiều, không làm cho giới được lan rộng khắp mọi nơi.

*** Ariya uposatha**

3- Giữ gìn giới uposathasīla y như bậc Thánh Nhân như thế nào?

3.1 Brahma uposathasīla: Giữ gìn bát giới uposathasīla có đối tượng 9 Ân đức Phật

- Nay Visākhā, tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được do nhờ sự tinh tấn.

Tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được do nhờ sự tinh tấn như thế nào?

Trong giáo pháp này, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến 9 Ân đức Phật rằng:

“Itipi so Bhagavā Arahaṅ, Sammāsambuddho, Vijjācaraṅasampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro purisadammasārathī, Satthādevamanussānaṅ, Buddho, Bhagavā” [14].

1- Arahaṅ: Đức Arahán là Bậc cao thượng có thân khẩu ý hoàn toàn trong sạch và thanh tịnh, xứng đáng thọ nhận sự lễ bái cúng dường của chư thiên, phạm thiên và nhân loại.

2- Sammāsambuddho: Đức Chánh Đẳng Giác là Bậc tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt mọi phiền não, mọi tham ái, mọi ác pháp không còn dư sót; đặc biệt diệt được mọi tiền khiên tật, trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác, độc nhất vô nhị.

3- Vijjācaraṅasampanno: Đức Minh Hạnh Túc là Bậc có đầy đủ Tam Minh, Bát Minh và 15 Đức Hạnh cao thượng.

4- Sugato: Đức Thiện Ngôn là Bậc thuyết pháp chân lý đem lại lợi ích thật sự cho chúng sinh.

5- Lokavidū: Đức Thông Suốt Tam Giới là Bậc thấy rõ, biết rõ chúng sinh thế giới, cõi thế giới, pháp hành thế giới.

6- Anuttaro purisadammasārathī: Đức Vô Thượng giáo hóa chúng sinh là Bậc giáo huấn chúng sinh cái tà quy chánh, cái ác làm thiện, từ hạng phàm nhân lên bậc Thánh Nhân.

7- *Satthādevamanussāna*□: Đức Thiên Nhân Sư là Bậc Thầy của chư thiên, chư phạm thiên và nhân loại...

8- *Buddho*: Đức Phật là Bậc tự mình chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn đầu tiên trong toàn cõi thế giới chúng sinh, trở thành Đức Phật Chánh Đẳng Giác độc nhất vô nhị, rồi Ngài thuyết pháp giáo huấn chúng sinh có duyên lành cũng chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế y theo Ngài (cũng chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn tùy theo năng lực ba-la-mật và hạnh nguyện của mỗi chúng sinh).

9- *Bhagavā*: Đức Thế Tôn là Bậc có 6 Ân đức đặc biệt do 30 pháp hạnh ba-la-mật đầy đủ trọn vẹn của Ngài.

Khi bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến 9 Ân đức Phật, thì tâm thiện của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền não ấy bị diệt.

Này Visākhā, ví như trên đầu bị dơ bẩn, làm cho cái đầu sạch sẽ do nhờ sự tinh tấn.

Trên đầu bị dơ bẩn, làm cho cái đầu sạch sẽ do nhờ sự tinh tấn như thế nào?

Người ta dùng nước trái cây và nước sạch với sự tinh tấn của người ấy gội sạch cái đầu.

Này Visākhā, trên đầu bị dơ bẩn, làm cho cái đầu được sạch sẽ nhờ sự tinh tấn gội sạch cái đầu. Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh tấn.

Tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh tấn như thế nào?

Này Visākhā, trong giáo pháp này, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến 9 Ân đức Phật rằng:

“Itipi so Bhagavā Araha□, Sammāsambuddho, Vijjācara□asampanno, Sugato, Lokavidū, Anuttaro purisadammasārattḥi, Satthādevamanussāna□, Buddho, Bhagavā”.

Khi bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến 9 Ân đức Phật, thì tâm thiện của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền não ấy bị diệt.

- Nay Visākhā, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử giữ gìn bát giới uposathasīla như vậy, gọi là **Brahma uposathasīla** có đối tượng 9 Ân đức Phật, như được sống gần gũi với Đức Phật, tâm thiện của bậc ấy hướng đến Đức Phật, nên tâm thiện trở nên trong sạch, phát sinh hỷ lạc. Những phiền não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền não ấy bị diệt.

Này Visākhā, tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh tấn như vậy.

3.2 Dhamma uposathasīla: Giữ gìn bát giới uposathasīla có đối tượng 6 Ân đức Pháp

— Nay Visākhā, tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được do nhờ sự tinh tấn.

Tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được do nhờ sự tinh tấn như thế nào?

Trong giáo pháp này, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến 6 Ân đức **Pháp** rằng:

“Svākkhāto Bhagavatā dhammo, Sandi□□hiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccatta□veditabbo viññūhi” [\[15\]](#).

1- Svākkhāto dhammo: Pháp gồm có 10 chánh pháp mà Đức Phật đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, phần giữa, phần cuối, có ý nghĩa đầy đủ, văn chương trong sáng, rõ ràng và thanh tịnh.

10 chánh pháp đó là:

- Pháp học chánh pháp.

- 9 pháp Siêu tam giới (4 Thánh Đạo + 4 Thánh Quả + 1 Niết Bàn).

2- *Sandi□□hiko dhammo*: Chánh pháp gồm 9 pháp Siêu tam giới mà chư Thánh Nhân đã chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn nào, rồi tự thấy, tự biết bằng trí tuệ của mình.

3- *Akālika dhammo*: Chánh pháp đó là 4 Thánh Đạo cho quả tương ứng 4 Thánh Quả không có thời gian ngăn cách, nghĩa là sau khi chứng đắc Thánh Đạo nào liền cho Thánh Quả ấy sau một sát-na tâm diệt rồi sinh.

4- *Ehipassiko dhammo*: Chánh pháp đó là 9 pháp Siêu tam giới thuộc Chân nghĩa pháp rất trong sạch và thanh tịnh, nên dám mời đến để chứng kiến, để thực chứng, thực đắc.

5- *Opaneyyiko dhammo*: Chánh pháp đó là 9 pháp Siêu tam giới là pháp nên hướng tâm chứng đắc trước tiên, để mong giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

6- *Paccatta□veditabbo viññūhi dhammo*: Chánh pháp đó là 9 pháp Siêu tam giới mà chư bậc thiện trí Thánh Nhân đã chứng đắc rồi, tự mình biết rõ, tự mình nhập Thánh Quả hưởng sự an lạc Niết Bàn tịch tịnh.

Khi bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến 6 Ân đức Pháp, thì tâm thiện của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền não ấy bị diệt.

Này *Visākhā*, ví như thân thể bị dơ bẩn, làm cho thân thể được sạch sẽ do nhờ sự tinh tấn.

Thân thể bị dơ bẩn, làm cho thân thể được sạch sẽ do nhờ sự tinh tấn như thế nào?

Người ta dùng bột đá, bột và nước trong với sự tinh tấn của người ấy tắm rửa thân hình sạch sẽ.

Này *Visākhā*, thân thể bị dơ bẩn, làm cho thân thể được sạch sẽ do nhờ sự tinh tấn tắm rửa thân thể. Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh tấn.

Tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh tấn như thế nào?

Này Visākhā, trong giáo pháp này, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến 6 Ân đức Pháp rằng:

“Svākkhāto Bhagavatā dhammo, Sandi□□hiko, Akāliko, Ehipassiko, Opaneyyiko, Paccatta□ veditabbo viññūhi”.

Khi bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến 6 Ân đức Pháp, thì tâm thiện của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền não ấy bị diệt.

- Này Visākhā, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử giữ gìn bát giới uposathasīla như vậy, gọi là **Dhamma uposathasīla** có đối tượng 6 Ân đức Pháp, như được sống gần gũi với Đức Pháp, tâm thiện của bậc ấy hướng đến Đức Pháp, nên tâm thiện trở nên trong sạch, phát sinh hỷ lạc. Những phiền não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền não ấy bị diệt.

Này Visākhā, tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh tấn như vậy.

3.3 Sa□gha uposathasīla: Giữ gìn bát giới uposathasīla có đối tượng 9 Ân đức Tăng

— Này Visākhā, tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được do nhờ sự tinh tấn.

Tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được do nhờ sự tinh tấn như thế nào?

Trong giáo pháp này, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến 9 Ân đức Tăng rằng:

“Suppa□ipanno Bhagavato sāvaka□gho, Ujuppa□ipanno Bhagavato sāvaka□gho, Ñāyappa□ipanno Bhagavato sāvaka□gho, Sāmicippa□ipanno Bhagavato sāvaka□gho, Yadida□ cattāri purisayugāni a□□hapurisapuggalā esa Bhagavato sāvaka□gho, Āhuneyyo, Pāhuneyyo, Dakkhi□eyyo, Añjalikara□īyo, Anuttara□ puññakkhetta□ lokassa” [16]

1- Suppa□ipanno: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn là những Bậc đã hành nghiêm chỉnh đúng theo lời giáo huấn của Đức Phật.

2- *Ujuppa*□*ipanno*: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn là những Bậc đã hành trung thực đúng theo pháp hành Trung đạo, không quanh co lằng lặc.

3- *Ñāyappa*□*ipanno*: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn là những Bậc đã hành theo pháp hành Bát chánh đạo, chứng ngộ Niết Bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong ba giới bốn loài.

4- *Sāmicippa*□*ipanno*: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn là những Bậc đã hành giới-định-tuệ đúng đắn xứng đáng để chứng sinh tôn kính lễ bái cúng dường.

Cattāri purisayugāni a□□*hapurisapuggalā*: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn có 4 đôi thành 8 bậc Thánh (tính theo tâm Siêu tam giới).

Chư Thánh Thanh Văn có 4 đôi:

- *Nhập Lưu Thánh Đạo* → *Nhập Lưu Thánh Quả*
- *Nhất Lai Thánh Đạo* → *Nhất Lai Thánh Quả*
- *Bát Lai Thánh Đạo* → *Bát Lai Thánh Quả*
- *Arahán Thánh Đạo* → *Arahán Thánh Quả*

Chư Thánh Thanh Văn có 8 bậc Thánh:

4 Thánh Đạo + 4 Thánh Quả

- *Nhập Lưu Thánh Đạo*
- *Nhất Lai Thánh Đạo*
- *Bát Lai Thánh Đạo*
- *Arahán Thánh Đạo*
- *Nhập Lưu Thánh Quả*
- *Nhất Lai Thánh Quả*
- *Bát Lai Thánh Quả*

- *Arahán Thánh Quả*

5- *Āhuneyyo: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn là những Bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng mà thí chủ từ phương xa đem đến cúng dường quý Ngài, để mong được quả báu lớn.*

6- *Pāhuneyyo: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn là những Bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng mà thí chủ dành cho những vị khách quý như quý Ngài.*

7- *Dakkhiṇeyyo: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn là những Bậc xứng đáng thọ nhận những thứ vật dụng mà thí chủ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, đem dâng cúng đến quý Ngài, để mong được quả báu tốt lành cho mình và những người thân quyến.*

8- *Añjalikaraṇīyo: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn là những Bậc xứng đáng cho chúng sinh chấp tay cung kính lễ bái cúng dường.*

9- *Anuttaraṇ puññakkhettaṇ lokassa: Chư Thánh Thanh Văn đệ tử của Đức Thế Tôn là phước điền cao thượng của chúng sinh không đâu sánh được.*

Khi bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến 9 Ân đức Tăng, thì tâm thiện của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền não ấy bị diệt.

Này Visākhā, ví như tấm vải bị dơ bẩn, làm cho tấm vải được sạch sẽ do nhờ sự tinh tấn.

Tấm vải bị dơ bẩn, làm cho tấm vải được sạch sẽ do nhờ sự tinh tấn như thế nào?

Người ta dùng đất mịn, tro và nước trong với sự tinh tấn của người ấy giặt giữ tấm vải cho sạch sẽ.

Này Visākhā, tấm vải bị dơ bẩn, làm cho tấm vải được sạch sẽ do nhờ sự tinh tấn giặt giữ tấm vải. Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh tấn.

Tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, cũng do nhờ sự tinh tấn như thế nào?

Này Visākhā, trong giáo pháp này, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến 9 Ân đức Tăng rằng:

“Suppa□ipanno Bhagavato sāvakaśa□gho, Ujuppa□ipanno Bhagavato sāvakaśa□gho, Nāyappa□ipanno Bhagavato sāvakaśa□gho, Sāmicippa□ipanno Bhagavato sāvakaśa□gho, Yadida□ cattāri purisayugāni a□□hapurisa-puggalā esa Bhagavato sāvakaśa□gho, Āhuneyyo, Pāhuneyyo, Dakkhi□eyyo, Añjalikara□īyo, Anuttara□ puññakkhetta□ lokassa”.

Khi bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến 9 Ân đức Tăng, thì tâm thiện của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Cho nên, những phiền não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền não ấy bị diệt.

— Này Visākhā, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử giữ gìn bát giới uposathasīla như vậy, gọi là **Sa□gha uposathasīla** có đối tượng 9 Ân đức Tăng, như được sống gần gũi với Đức Tăng, tâm thiện của bậc ấy hướng đến Đức Tăng, nên tâm thiện trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Những phiền não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền não ấy bị diệt.

Này Visākhā, tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh tấn như vậy.

3.4 Sīla uposathasīla: Giữ gìn bát giới uposathasīla có đối tượng giới của mình trong sạch và trọn vẹn

— Này Visākhā, tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh tấn.

Tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh tấn như thế nào?

Trong giáo pháp này, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến **giới của mình** trong sạch và trọn vẹn, **giới không bị đứt** (akha□□a) [17], **giới không bị thủng** (lủng) (acchidda) [18], **giới không bị đóm** (asabala) [19], **giới không bị đứt lan** (akam-māsa) [20], giới tự chủ (không bị nô lệ bởi phiền não), được bậc thiện trí tán dương, giới làm nền tảng cho định và tuệ.

Khi bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến giới của mình trong sạch và trọn vẹn, thì tâm thiện của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Những phiền não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền não ấy bị diệt.

Này Visākhā, ví như tấm kính bị lu mờ, làm cho tấm kính được trong suốt do nhờ sự tinh tấn.

Tấm kính bị lu mờ, làm cho tấm kính được trong suốt do nhờ sự tinh tấn như thế nào?

Người ta dùng dầu lau kính, tro và nước sạch với sự tinh tấn của người ấy lau chùi làm cho tấm kính trở nên trong suốt.

Này Visākhā, tấm kính bị lu mờ làm cho tấm kính được trong suốt do nhờ sự tinh tấn lau chùi tấm kính. Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh tấn.

Tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh tấn như thế nào?

Này Visākhā, trong giáo pháp này, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến giới của mình trong sạch và trọn vẹn, giới không bị đứt, giới không bị thủng, giới không bị đóm, giới không bị đứt lan,...

Khi bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến giới của mình trong sạch và trọn vẹn, thì tâm thiện của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc, cho nên những phiền não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền não ấy bị diệt.

*Này Visākhā, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử giữ gìn bát giới uposathasīla như vậy, gọi là **Sīla uposathasīla** có đối tượng giới của mình trong sạch và trọn vẹn, như được sống gần gũi với **giới**, tâm thiện của bậc ấy hướng đến giới của mình, nên tâm thiện trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Những phiền não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền não ấy bị diệt.*

Này Visākhā, tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh tấn như vậy.

3. 5 Devata uposathasīla: Giữ gìn bát giới uposathasīla có đối tượng 5 pháp chư thiên hiện hữu trong mình

— Nay Visākhā, tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh tấn.

Tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh tấn như thế nào?

Nay Visākhā, trong giáo pháp này, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến 5 pháp của các hàng chư thiên rằng:

“Những hàng chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương Thiên, chư thiên cõi Tam Thập Tam Thiên, chư thiên cõi Dạ Ma Thiên, chư thiên cõi Đâu Xuất Đà Thiên, chư thiên cõi Hóa Lạc Thiên, chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên, chư phạm thiên cõi trời cao tiền kiếp vốn có đầy đủ các pháp là **đức tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố thí, trí tuệ** nào, sau khi chết, do nhờ thiện pháp ấy cho quả tái sinh lên cõi trời ấy như thế nào, chính trong ta cũng có đầy đủ các pháp là **đức tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố thí, trí tuệ** cũng như thế ấy”.

Khi bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến 5 pháp là đức tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố thí, trí tuệ của mình với của các hàng chư thiên, thì tâm thiện của bậc ấy trong sạch phát sinh hỷ lạc. Những phiền não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền não ấy bị diệt.

Nay Visākhā, ví như vàng chưa tinh khiết, làm cho vàng được tinh khiết do nhờ sự tinh tấn.

Vàng chưa tinh khiết, làm cho vàng được tinh khiết do nhờ sự tinh tấn như thế nào?

Người ta đem vàng bỏ vào cái vá, đem đốt trên lò với sự tinh tấn của người ấy làm cho vàng trở nên tinh khiết.

Nay Visākhā, vàng chưa tinh khiết làm cho vàng được tinh khiết do nhờ sự tinh tấn làm cho vàng trở nên tinh khiết. Cũng như vậy, tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh tấn.

Tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh tấn như thế nào?

Nay Visākhā, trong giáo pháp này, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến 5 pháp của các hàng chư thiên rằng:

“Những hàng chư thiên cõi Tứ Đại Thiên Vương Thiên, chư thiên cõi Tam Thập Tam Thiên, chư thiên cõi Dạ Ma Thiên, chư thiên cõi Đâu Xuất Đà Thiên, chư thiên cõi Hóa Lạc Thiên, chư thiên cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên, chư phạm thiên cõi trời cao tiền kiếp vốn có đầy đủ các pháp là đức tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố thí, trí tuệ nào, sau khi chết, do nhờ thiện pháp ấy cho quả tái sinh lên cõi trời ấy như thế nào, chính trong ta cũng có đầy đủ các pháp là đức tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố thí, trí tuệ cũng như thế ấy”.

Khi bậc Thánh Thanh Văn đệ tử niệm tưởng đến các pháp là **đức tin, giới, học nhiều hiểu rộng, bố thí, trí tuệ** của mình với của các hàng chư thiên, thì tâm thiện của bậc ấy trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc, cho nên những phiền não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền não ấy bị diệt.

Này Visākhā, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử giữ gìn bát giới uposathasīla như vậy, gọi là: **Devata uposathasīla** có đối tượng các pháp của chư thiên, như được sống gần gũi với chư thiên, tâm thiện của bậc ấy hướng đến chư thiên, nên tâm thiện trở nên trong sạch phát sinh hỷ lạc. Những phiền não nào làm cho tâm ô nhiễm, thì những phiền não ấy bị diệt.

Này Visākhā, tâm bị ô nhiễm do bởi phiền não, làm cho tâm trở nên trong sạch được, do nhờ sự tinh tấn như vậy.

3. 6 Bát giới uposathasīla

— Này Visākhā, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử có trí tuệ sáng suốt suy xét rằng:

1- Chư bậc Thánh Arahán suốt cuộc đời đã từ bỏ **sự sát sinh**, tuyệt đối tránh xa sự sát sinh, đã bỏ gây gộc, đã bỏ khí giới, có tâm hổ thẹn mọi tội lỗi, có tâm bi thương xót cứu khổ tất cả mọi chúng sinh. Hôm nay, ta cũng từ bỏ sự sát sinh, tránh xa sự sát sinh, bỏ gây gộc, bỏ khí giới, có tâm hổ thẹn mọi tội lỗi, có tâm bi thương xót cứu khổ tất cả mọi chúng sinh suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay. Ta được gọi là người thực hành theo gương của chư Thánh Arahán về điều giới này. Và ta đã thọ trì uposathasīla, giữ gìn điều giới tránh xa sự sát sinh, được trong sạch.

2- Chư bậc Thánh Arahán suốt cuộc đời đã từ bỏ **sự trộm cắp**, tuyệt đối tránh xa sự trộm cắp, chỉ thọ nhận vật dụng mà người ta cúng dường, không bao giờ trộm cắp, là bậc sống hoàn toàn trong sạch thanh cao. Hôm nay, ta cũng từ bỏ sự trộm cắp, tránh xa sự trộm cắp, chỉ thọ nhận vật dụng mà

người ta cho, không trộm cắp, là người sống hoàn toàn trong sạch thanh cao suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay. Ta được gọi là người thực hành theo gương của chư Thánh Arahán về điều giới này. Và ta đã thọ trì uposathasīla, giữ gìn điều giới tránh xa sự trộm cắp, được trong sạch.

3- Chư bậc Thánh Arahán suốt cuộc đời đã từ bỏ sự **hành pháp không cao thượng (hành dâm)**, chỉ hành phạm hạnh cao thượng, tránh xa việc hành dâm thấp hèn, tuyệt đối tránh xa sự hành dâm, pháp của người tại gia. Hôm nay, ta cũng từ bỏ sự hành pháp không cao thượng (hành dâm), chỉ hành phạm hạnh cao thượng, tránh xa việc hành dâm thấp hèn, tránh xa sự hành dâm, pháp của người tại gia suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay. Ta được gọi là người thực hành theo gương của chư Thánh Arahán về điều giới này. Và ta đã thọ trì uposathasīla, giữ gìn điều giới tránh xa sự hành dâm, được trong sạch.

4- Chư bậc Thánh Arahán suốt cuộc đời đã từ bỏ **sự nói dối**, tuyệt đối tránh xa sự nói dối, chỉ nói lời chân thật, lúc nào cũng nói lời chân thật, lời nói có chứng cứ rõ ràng, lời nói đáng tin, không lừa dối. Hôm nay, ta cũng từ bỏ sự nói dối, tránh xa sự nói dối, chỉ nói lời chân thật, lúc nào cũng nói lời chân thật, lời nói có chứng cứ rõ ràng, lời nói đáng tin, không lừa dối suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay. Ta được gọi là người thực hành theo gương của chư Thánh Arahán về điều giới này. Và ta đã thọ trì uposathasīla, giữ gìn điều giới tránh xa sự nói dối được trong sạch.

5- Chư bậc Thánh Arahán suốt cuộc đời đã từ bỏ **sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi** trong mọi thiện pháp; đã tuyệt đối tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp. Hôm nay, ta cũng từ bỏ sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp; tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay. Ta được gọi là người thực hành theo gương của chư Thánh Arahán về điều giới này. Và ta đã thọ trì uposathasīla, giữ gìn điều giới tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi, được trong sạch.

6- Chư bậc Thánh Arahán suốt cuộc đời **chỉ độ (dùng) vật thực một bữa (trong ngày)**, không dùng vật thực ban đêm, tránh xa sự độ vật thực phi thời (quá Ngọ, quá 12 giờ trưa). Hôm nay, ta cũng chỉ dùng vật thực một bữa (trong ngày), không dùng vật thực ban đêm, tránh xa sự dùng vật thực phi thời (quá Ngọ, quá 12 giờ trưa) suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay. Ta được gọi là người thực hành theo gương của chư Thánh Arahán về điều giới này. Và

ta đã thọ trì uposathasīla, giữ gìn điều giới tránh xa sự dùng vật thực phi thời, được trong sạch.

7- Chư bậc Thánh Arahán suốt cuộc đời đã **từ bỏ sự nhảy múa ca hát, thổi kèn**, tuyệt đối tránh xa **xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham ái**. Hôm nay ta cũng từ bỏ sự nhảy múa ca hát, thổi kèn, tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham ái suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay. Ta được gọi là người thực hành theo gương của chư Thánh Arahán về điều giới này. Và ta đã thọ trì uposathasīla, giữ gìn điều giới từ bỏ sự nhảy múa ca hát thổi kèn, tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham ái, được trong sạch.

8- Chư bậc Thánh Arahán suốt cuộc đời **từ bỏ chỗ nằm ngòai nơi quá cao quý và xinh đẹp**, tuyệt đối tránh xa **chỗ nằm ngòai nơi quá cao quý và xinh đẹp**, chỉ nằm ngòai chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô. Hôm nay, ta cũng từ bỏ **chỗ nằm ngòai nơi quá cao quý và xinh đẹp**, tránh xa **chỗ nằm ngòai nơi quá cao quý và xinh đẹp**, chỉ nằm ngòai chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay. Ta được gọi là người thực hành theo gương của chư Thánh Arahán về điều giới này. Và ta đã thọ trì uposathasīla, giữ gìn điều giới từ bỏ **chỗ nằm ngòai nơi quá cao quý và xinh đẹp**, chỉ nằm ngòai chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô, được trong sạch.

Quả báu của bát giới Ariya uposathasīla

— Nay Visākhā, như vậy gọi là Ariya uposathasīla: Giữ gìn bát giới uposathasīla như bậc Thánh Nhân.

Nay Visākhā, thọ trì bát giới uposathasīla như bậc Thánh Nhân có kết quả nhiều, có quả báu nhiều, quả báu được hiện rõ nhiều, quả báu được lan rộng khắp mọi nơi.

Giữ gìn bát giới uposathasīla như bậc Thánh Nhân có được kết quả nhiều bao nhiêu? Có được quả báu nhiều bao nhiêu? Quả báu được hiện rõ nhiều thế nào? Quả báu được lan rộng khắp mọi nơi thế nào?

Nay Visākhā, ví như người nào được suy tôn lên làm Vua trị vì 16 vùng rộng lớn như vùng Aṅga, vùng Magadha, vùng Kāśī, vùng Kosala, vùng Vajjī,

vùng Malla, vùng Sūrasena, vùng Assaka, vùng Avantī, vùng Gandhāra, vùng Kamboja,... có đầy đủ 7 báu vật quý giá ấy cũng chưa bằng 1 phần 16 của người thọ trì bát giới uposathasīla đầy đủ 8 điều giới.

Điều ấy tại sao vậy?

Bởi vì sự nghiệp ngôi báu trong cõi người so sánh với sự an lạc trong cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

Này Visākhā, cứ 50 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở cõi Tứ Đại Thiên Vương Thiên, 30 ngày đêm thành 1 tháng, 12 tháng thành 1 năm. Tuổi thọ của chư thiên trong cõi Tứ Đại Thiên Vương có khoảng 500 năm cõi trời (nếu so với số năm ở cõi người thì bằng $500 \times 12 \times 30 \times 50 = 9.000.000$ (chín triệu năm)) ở cõi người.

Này Visākhā, trong đời này, có một số người là đàn ông hoặc đàn bà thọ trì, giữ gìn bát giới uposathasīla đầy đủ 8 điều giới. Sau khi chết, do nhờ thiện nghiệp giữ giới ấy cho quả tái sinh lên cõi Tứ Đại Thiên Vương Thiên, làm bạn với chư thiên trong cõi ấy.

Này Visākhā, Như Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Sự nghiệp ngôi báu trong cõi người so sánh với sự an lạc trong cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

Này Visākhā, cứ 100 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở cõi Tam Thập Tam Thiên, 30 ngày đêm thành 1 tháng, 12 tháng thành 1 năm. Tuổi thọ của chư thiên trong cõi Tam Thập Tam Thiên có khoảng 1.000 năm cõi trời. (nếu so với số năm ở cõi người thì bằng $1.000 \times 12 \times 30 \times 100 = 36.000.000$ (ba mươi sáu triệu năm ở cõi người)).

Này Visākhā, trong đời này, có một số người là đàn ông hoặc đàn bà thọ trì, giữ gìn bát giới uposathasīla đầy đủ 8 điều giới. Sau khi chết, do nhờ thiện nghiệp giữ giới ấy cho quả tái sinh lên cõi Tam Thập Tam Thiên, làm bạn với chư thiên trong cõi ấy.

Này Visākhā, Như Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Sự nghiệp ngôi báu trong cõi người so sánh với sự an lạc trong cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

Này Visākhā, cứ 200 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở cõi Dạ Ma Thiên, 30 ngày đêm thành 1 tháng, 12 tháng thành 1 năm. Tuổi thọ của chư

thiên trong cõi Dạ Ma Thiên có khoảng 2.000 năm cõi trời (nếu so với số năm ở cõi người thì bằng $2.000 \times 12 \times 30 \times 200 = 144.000.000$ (một trăm bốn mươi bốn triệu năm ở cõi người)).

Này Visākhā, trong đời này, có một số người là đàn ông hoặc đàn bà thọ trì, giữ gìn bát giới uposathasīla đầy đủ 8 điều giới. Sau khi chết, do nhờ thiện nghiệp giữ giới ấy cho quả tái sinh lên cõi Dạ Ma Thiên, làm bạn với chư thiên trong cõi ấy.

Này Visākhā, Như Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Sự nghiệp ngôi báu trong cõi người so sánh với sự an lạc trong cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

Này Visākhā, cứ 400 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở cõi Đâu Xuất Đà Thiên, 30 ngày đêm thành 1 tháng, 12 tháng thành 1 năm. Tuổi thọ của chư thiên trong cõi Đâu Xuất Đà Thiên có khoảng 4.000 năm cõi trời. (nếu so với số năm ở cõi người thì bằng $4.000 \times 12 \times 30 \times 400 = 576.000.000$ (năm trăm bảy mươi sáu triệu năm ở cõi người)).

Này Visākhā, trong đời này, có một số người là đàn ông hoặc đàn bà thọ trì, giữ gìn bát giới uposathasīla đầy đủ 8 điều giới. Sau khi chết, do nhờ thiện nghiệp giữ giới ấy cho quả tái sinh lên cõi Đâu Xuất Đà Thiên, làm bạn với chư thiên trong cõi ấy.

Này Visākhā, Như Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Sự nghiệp ngôi báu trong cõi người so sánh với sự an lạc trong cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

Này Visākhā, cứ 800 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở cõi Hoá Lạc Thiên, 30 ngày đêm thành 1 tháng, 12 tháng thành 1 năm. Tuổi thọ của chư thiên trong cõi Hoá Lạc Thiên có khoảng 8.000 năm cõi trời. (nếu so với số năm ở cõi người thì bằng $8.000 \times 12 \times 30 \times 800 = 2.304.000.000$ (hai tỷ ba trăm lẻ bốn triệu năm ở cõi người)).

Này Visākhā, trong đời này, có một số người là đàn ông hoặc đàn bà thọ trì, giữ gìn bát giới uposathasīla đầy đủ 8 điều giới. Sau khi chết, do nhờ thiện nghiệp giữ giới ấy cho quả tái sinh lên cõi Hoá Lạc Thiên, làm bạn với chư thiên trong cõi ấy.

Này Visākhā, Như Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Sự nghiệp ngôi báu trong cõi người so sánh với sự an lạc trong cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

Này Visākhā, cứ 1.600 năm ở cõi người bằng 1 ngày 1 đêm ở cõi Tha Hoá Tự Tại Thiên, 30 ngày đêm thành 1 tháng, 12 tháng thành 1 năm. Tuổi thọ của chư thiên trong cõi Tha Hoá Tự Tại Thiên có khoảng 16.000 năm cõi trời. (nếu so với số năm ở cõi người thì bằng $16.000 \times 12 \times 30 \times 1.600 = 9.216.000.000$ (chín tỷ hai trăm mười sáu triệu năm ở cõi người)).

Này Visākhā, trong đời này, có một số người là đàn ông hoặc đàn bà thọ trì, giữ gìn bát giới uposathasīla đầy đủ 8 điều giới. Sau khi chết, do nhờ thiện nghiệp giữ giới ấy cho quả tái sinh lên cõi Tha Hoá Tự Tại Thiên, làm bạn với chư thiên trong cõi ấy.

Này Visākhā, Như Lai căn cứ vào điều ấy mà nói rằng: Sự nghiệp ngôi báu trong cõi người so sánh với sự an lạc trong cõi trời chỉ là một phần nhỏ chút đỉnh mà thôi.

Đức Phật thuyết câu kệ có ý nghĩa:

Người thọ trì bát giới, giữ gìn đủ tám giới là
Không sát sinh, không trộm cắp, không hành dâm,
Không nói dối, không uống rượu và chất say,
Không dùng vật thực phi thời quá giờ Ngọ,
Không múa hát, thổi kèn, đàn, xem múa hát,
Không đeo tràng hoa, thoa vật thơm, xúc nước hoa,
Không nằm ngời nơi quá cao và xinh đẹp.
Đức Phật là Bạc Thông Suốt tam giới [\[21\]](#)
Truyền dạy uposathasīla đầy đủ tám giới
Và quả báu cao quý lớn lao của bát giới.
Mặt trăng, mặt trời cả hai đều có oai lực,
Phát ra ánh sáng có diện tích rộng bao nhiêu,
Ánh sáng này tiêu diệt bóng tối trong hư không,
Làm sáng tỏ lan rộng khắp mọi phương hướng.
Khi ánh sáng chiếu sáng đến một nơi nào,
Tại nơi ấy tràn đầy những báu vật vô giá,
Như các thứ ngọc ma□i, ngọc muttā...,
Đủ các loại vàng tinh khiết quý giá,
Dù gồm tất cả các thứ báu vật vô giá ấy.

*Cũng chưa bằng một phần mười sáu so với
Quả báu của bát giới uposathasīla,
Ví như ánh sáng của các ngôi sao trên hư không,
Không bằng một phần mười sáu ánh sáng của mặt trăng.
Vì vậy người cận sự nam, cận sự nữ,
Nên thọ trì bát giới uposathasīla,
Giữ gìn tám giới cho được trong sạch và trọn vẹn.
Tạo được nhiều phước thiện cao thượng đặc biệt.
Là người không bị chê trách mà được tán dương,
Có được quả báu cao thượng đặc biệt,
Trong kiếp hiện tại được nhiều sự an lạc.
Sau khi chết, do nhờ phước thiện giữ giới,
Cho quả tái sinh lên cõi trời như ý,
Hưởng mọi sự an lạc cao thượng nhất.
(Xong bài kinh Uposathasīla)*

Chuẩn Bị Thọ Trì Bát Giới Uposathasīla

Phàm người cận sự nam, cận sự nữ có lắm công nhiều việc, ít có dịp thư thả, cho nên đến ngày bát giới uposathasīla là ngày quan trọng. Người cận sự nam, cận sự nữ cần phải chuẩn bị trước khi thọ trì bát giới uposathasīla, đang khi thọ trì và sau khi thọ trì bát giới uposathasīla theo tuần tự như sau:

- 1- Biết rằng: Ngày hôm sau là ngày bát giới uposathasīla, cho nên ngày hôm ấy, người cận sự nam, cận sự nữ cần phải sắp đặt mọi công việc cho xong.
- 2- Chuẩn bị đồ ăn uống giản dị cho ngày hôm sau.
- 3- Biết thu xếp công việc. Nếu biết công việc nào không cần thiết, thì người cận sự nam, cận sự nữ không nên làm công việc ấy trong ngày bát giới uposathasīla.
- 4- Ngày hôm sau lúc bình minh tỏ rạng, người cận sự nam, cận sự nữ thức dậy sớm xong, làm cho thân hình sạch sẽ, quần áo được sạch sẽ, có thiện tâm trong sạch.
- 5- Hằng ngày thường trang điểm phấn son, đồ trang sức (đối với người cận sự nữ), sáng ngày bát giới uposathasīla người cận sự nam, cận sự nữ không trang điểm những đồ trang sức ấy.

6- Nếu nhà ở gần chùa, thì người cận sự nam, cận sự nữ nên đến chùa xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì bát giới uposathasīla theo nghi thức với vị Đại đức hướng dẫn, rồi ở lại chùa suốt ngày đêm cho đến sáng ngày hôm sau.

Nếu không có cơ hội đến chùa thì người cận sự nam, cận sự nữ đến trước bàn thờ Tam Bảo, đem hoa, trầm lễ bái cúng dường Tam Bảo xong, đọc 3 bài sám hối Tam Bảo, rồi tự mình nguyện xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì bát giới uposathasīla, rồi giữ gìn bát giới uposathasīla cho được trong sạch và trọn vẹn suốt ngày và đêm cho đến rạng sáng ngày hôm sau.

7- Sau khi thọ trì bát giới uposathasīla xong, người cận sự nam, cận sự nữ ở một mình chỗ thanh vắng để thực hành thiền định đề mục niệm 9 Ân đức Phật, hoặc đề mục niệm 6 Ân đức Pháp, hoặc đề mục niệm 9 Ân đức Tăng,...; hoặc ngồi nghe pháp, hoặc đàm đạo pháp, hoặc xem kinh đọc sách đạo (không đọc sách báo trong đời); thực hành thiền tuệ trong 4 oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm trong ngày đêm đó cho đến rạng sáng ngày hôm sau.

8- Đến giờ dùng vật thực chỉ dùng đồ giản dị, khi dùng nên suy xét rằng: “*Dùng vật thực để duy trì mạng sống, để thực hành giới-định-tuệ*”. Như vậy, vật thực dù ngon, dù dở cũng đều dùng được tự nhiên. Quá giờ Ngọ (12 giờ trưa) không được dùng một thứ vật thực nào cả, cho đến lúc bình minh của sáng ngày hôm sau.

Nếu người cận sự nam, cận sự nữ cảm thấy bụng đói, khó chịu, thì được phép dùng các thứ nước trái cây ép bỏ xác lấy nước để dùng, dùng mật ong, thuốc bổ, thuốc trị bệnh.

9- Ban đêm người cận sự nam, cận sự nữ nên ngủ ít (ngủ khoảng từ 22 giờ đến 2 giờ khuya) dành nhiều thời giờ để thực hành thiền định hoặc thực hành thiền tuệ.

Khi thức dậy sớm, người cận sự nam, cận sự nữ nên quán xét lại bát giới uposathasīla của mình rằng: “*Chư Bậc Thánh Arahán tuyệt đối tránh xa sự sát sinh, tránh xa sự trộm cắp, tránh xa sự hành dâm, tránh xa sự nói dối, tránh xa sự uống rượu và các chất say, tránh xa sự ăn phi thời, tránh xa sự xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xúc nước hoa là nhân sinh tâm tham ái, tránh xa chỗ nằm ngồi quá cao và xinh đẹp suốt trọn đời. Về phần ta, noi gương theo chư Thánh Arahán, ta cũng đã thọ trì bát giới uposathasīla tránh xa sự sát sinh, tránh xa sự trộm cắp, tránh xa sự hành dâm, tránh xa sự nói dối, tránh xa sự uống rượu và các chất say, tránh*

xa sự ăn phi thời, tránh xa sự xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xúc nước hoa là nhân sinh tâm tham ái, tránh xa chỗ nằm ngồi quá cao và xinh đẹp suốt 1 ngày và 1 đêm nay”.

10- Lúc bình minh của ngày hôm sau, hoàn mãn ngày bát giới uposathasīla, người cận sự nam, cận sự nữ lễ bái Tam Bảo, hồi hướng phước thiện giữ giới đến tất cả chúng sinh, chư thiên, nhất là ông bà, cha mẹ, thầy tổ, cùng những bậc ân nhân từ hiện tại cho đến vô lượng kiếp trong quá khứ. Cầu xin tất cả đều hoan hỷ phần phước thiện thanh cao này, để thoát mọi cảnh khổ và được an lạc lâu dài.

Người cận sự nam, cận sự nữ không cần xả bát giới uposathasīla. Thật ra, hành giả đã phát nguyện thọ trì bát giới uposathasīla 1 ngày 1 đêm, khi trải qua 1 ngày 1 đêm, ngay khi ấy bát giới uposathasīla hoàn mãn, không còn hiệu lực nữa, trở lại ngũ giới là thường giới, bát giới ājīva□□hamakasīla của người tại gia.

Nghi Thức Lễ Thọ Phép Quy Y Tam Bảo Và Thọ Trì Bát Giới Uposathasīla

Người cận sự nam, cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, có ý nguyện muốn làm lễ thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì bát giới giới uposathasīla.

Nghi thức theo tuần tự như sau:

Người cận sự nam, cận sự nữ (hoặc hành giả) đánh lễ Ngài Đại đức xong, tiếp theo hành nghi lễ tuần tự như sau:

Lễ bái Tam Bảo

Lễ sám hối Tam Bảo

*** Lễ sám hối Đức Phật Bảo**

*Uttama□gena vande'ha□,
Pādapa□su□ varuttama□.
Buddhe yo khalito doso,
Buddho khamatu ta□ mama□.*

*Con hết lòng thành kính cúi đầu đánh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức Phật.
Lỗi làm nào con đã phạm đến Phật Bảo,
Cúi xin Phật Bảo xá tội ấy cho con.
(đánh lễ một lạy)*

*** Lễ sám hối Đức Pháp Bảo**

*Uttama□gena vande'ha□,
Dhammañca duvidha□ vara□.
Dhamme yo khalito doso,
Dhammo khamatu ta□ mama□.*

*Con hết lòng thành kính cúi đầu đánh lễ,
Hai hạng Pháp Bảo: Pháp học và pháp hành.
Lỗi làm nào con đã phạm đến Pháp Bảo,
Cúi xin Pháp Bảo xá tội ấy cho con.
(đánh lễ một lạy)*

*** Lễ sám hối Đức Tăng Bảo**

*Uttama□gena vande'ha□,
Sa□ghañca duvidhuttama□.
Sa□ghe yo khalito doso,
Sa□gho khamatu ta□ mama□.*

*Con hết lòng thành kính cúi đầu đánh lễ,
Hai bậc Tăng Bảo: Thánh Tăng và phàm Tăng.
Lỗi làm nào con đã phạm đến Tăng Bảo,
Cúi xin Tăng Bảo xá tội ấy cho con.
(đánh lễ một lạy)*

Bài kệ cầu nguyện

*Iminā puññakammena,
Sabbe bhayā vinassantu.
Nibbāna□ adhigantu□ hi,
Sabbadukkhā pamuccāmi.*

*Do nhờ năng lực thiện tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai họa hãy đều tiêu diệt.*

*Mong chúng đấng Thánh Đạo, Thánh Quả Niết Bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái sinh.*

Lễ xin thọ phép quy y Tam Bảo

và thọ trì bát giới uposathasīla

*Maya□ Bhante, tisara□ena saha a□□ha□gasamannāgata□ uposathasīla□
dhamma□ yācāma, anuggaha□ katvā, sīla□ detha no Bhante.*

*Dutiyampi maya□ Bhante, tisara□ena saha a□□ha□gasamannāgata□
uposathasīla□ dhamma□ yācāma, anuggaha□ katvā, sīla□ detha no
Bhante.*

*Tatiyampi maya□ Bhante, tisara□ena saha a□□ha□gasamannāgata□
uposathasīla□ dhamma□ yācāma, anuggaha□ katvā, sīla□ detha no
Bhante.*

*Kính bạch Ngài Đại đức, chúng con xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì
bát giới uposathasīla.*

*Kính bạch Ngài, kính xin Ngài từ bi tế độ hướng dẫn thọ phép quy y Tam
Bảo và thọ trì bát giới uposathasīla cho chúng con.*

*Kính bạch Ngài Đại đức, chúng con xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì
bát giới uposathasīla.*

*Kính bạch Ngài, kính xin Ngài từ bi tế độ hướng dẫn thọ phép quy y Tam
Bảo và thọ trì bát giới uposathasīla cho chúng con, lần thứ nhì.*

*Kính bạch Ngài Đại đức, chúng con xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì
bát giới uposathasīla.*

*Kính bạch Ngài, kính xin Ngài từ bi tế độ hướng dẫn thọ phép quy y Tam
Bảo và thọ trì bát giới uposathasīla cho chúng con, lần thứ ba.*

Ngài Đại đức truyền dạy rằng:

NĐĐ: Yamaha□ vadāmi, ta□ vadetha.

*(Su hướng dẫn từng chữ, từng câu như thế nào, các con hãy nên lập lại đúng
từng chữ, từng câu như thế ấy).*

Tất cả mọi người cận sự nam, cận sự nữ đồng thanh thưa rằng:

CSN: *Āma, Bhante.*
(*Đạ, xin vâng! Kính bạch Ngài*).

Kính lễ Đức Phật

Ngài Đại đức hướng dẫn đánh lễ Đức Thế Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
(*3 lần*)

Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức Thế Tôn, Đức Arahán, Đức Chánh Đẳng Giác ấy.
(*3 lần*)

Thọ phép quy y Tam Bảo

Sau khi kính lễ Đức Phật xong, Ngài Đại đức hướng dẫn thọ phép quy y Tam Bảo như sau:

Buddha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật.

Dhamma□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp.

Sa□gha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng.

Dutiyampi Buddha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ nhì.

Dutiyampi Dhamma□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ nhì.

Dutiyampi Sa□gha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng, lần thứ nhì.

Tatīyampi Buddha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ ba.

Tatīyampi Dhamma□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ ba.

Tatīyampi Sa□gha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng, lần thứ ba.

NĐĐ: Tisara□agamana□ paripu□□a□.
(Phép quy y Tam Bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN: Āma! Bhante.
(Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).

Thọ trì bát giới uposathasīla

Sau khi thọ phép quy y Tam Bảo xong, tiếp theo thọ trì bát giới uposathasīla như sau:

1- *Pā□ātipātā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự sát sinh.

2- *Adinnādānā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự trộm cắp.

3- *Abrahmacariyā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự hành dâm.

4- *Musāvādā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói dối.

5- *Surāmerayamajjappamāda□□hānā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ dãi.

6- *Vikālabhojanā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự dùng vật thực phi thời.

7- *Nacca gīta vādita visūkadassana mālāgandha vilepana dhāra□a ma□□ana vibhūsana□□hānā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn,

đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham ái.

8- *Uccāsayana mahāsayanā verama□ isikkhāpada□ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

Ngài Đại đức khuyên dạy rằng:

NĐĐ: *Tisara□ ena saha a□□ ha□ gasamannāgata□ uposathasīla□
dhamma□ sādhu□ katvā, appamādena sampādettha.*
(Thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì bát giới uposathasīla xong rồi, các con hãy nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, bằng pháp không để duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện pháp phát sinh).

Những người cận sự nam, cận sự nữ đồng thanh bạch rằng:

CSN: *Āma! Bhante.*
(Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).

NĐĐ: *Sīlena sugati□ yanti.*
Sīlena bhogasampadā.
Sīlena nibbuti□ yanti.
Tasmā sīla□ visodhaye.

Chúng sinh tái sinh cõi trời, nhờ giữ giới.
Chúng sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới.
Chúng sinh giải thoát Niết Bàn, nhờ giữ giới.
Vậy, các con giữ giới cho được trong sạch!

CSN: *Sādhu! Sādhu!*
(Lành thay! Lành thay)!

Sau khi đã thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì bát giới uposathasīla xong rồi, tiếp theo đọc bài kệ khẳng định không có quy y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy y nương nhờ nơi Đức Phật Bảo, nơi Đức Pháp Bảo, nơi Đức Tăng Bảo mà thôi, để làm tăng đức tin vững chắc, như sau:

Bài kệ khẳng định quy y Tam Bảo

*Natthi me saraṃaṃ aññaṃ,
Buddho me saraṃaṃ varaṃ.
Etena sacavajjena,
Hotu me jayamaṃgalaṃ.*

*Natthi me saraṃaṃ aññaṃ,
Dhammo me saraṃaṃ varaṃ.
Etena sacavajjena,
Hotu me jayamaṃgalaṃ.*

*Natthi me saraṃaṃ aññaṃ,
Saṃgho me saraṃaṃ varaṃ.
Etena sacavajjena,
Hotu me jayamaṃgalaṃ.*

*Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật Bảo nơi nương nhờ cao thượng của con.
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.*

*Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp Bảo nơi nương nhờ cao thượng của con.
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.*

*Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng Bảo nơi nương nhờ cao thượng của con.
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.*

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì bát giới uposathasīla.

Phần Giải Thích

Trong bát giới uposathasīla có tất cả 8 điều giới; có 4 điều giới là: “*Tránh xa sự sát sinh, tránh xa sự trộm cắp, tránh xa sự nói dối, tránh xa sự uống rượu và các chất say...*” đã được giải thích trong phần ngũ giới. Trong phần sau sẽ giải thích 4 điều giới còn lại là: *Tránh xa sự hành dâm; tránh xa sự dùng vật thực phi thời (quá Ngọ, quá 12 giờ trưa); tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng*

phấn son, xúc nước hoa là nhân sinh tham ái; tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

Điều Giới Thứ 3

Abrahmacariyā verama□ isikkhāpada□ samādiyāmi.

* Nghĩa phân tích chữ:

— *Abrahmacariyā* P A + brahmacariyā

+ A = na: Không.

+ *Brahmacariyā*: Hành phạm hạnh.

— *Verama□ isikkhāpada□* P Verama□ī + sikkhāpada□.

+ *Verama□ī*: Tác ý tránh xa.

+ *Sikkhāpada□*: Điều giới, giới.

— *Samādiyāmi*: Con xin thọ trì.

Abrahmacariyā: Không hành phạm hạnh, nghĩa là hành dâm.

* Nghĩa tổng hợp:

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự hành dâm.

Chi Pháp Phạm Điều Giới Hành Dâm

Người phạm điều giới hành dâm cần phải hợp đủ 2 chi pháp:

1- *Tâm muốn hành dâm.*

2- *Sự tiếp xúc giữa 2 bộ phận sinh dục của 2 bên.*

Nếu hội đủ 2 chi pháp này, thì gọi là *phạm điều giới hành dâm*. Nếu thiếu 1 trong 2 chi, thì *không thể gọi là phạm điều giới hành dâm*.

Người cận sự nam, cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, sau khi thọ trì bát giới uposathasīla, giữ gìn 8 điều giới trong sạch và trọn vẹn, thì tạo

được phước thiện cao quý đặc biệt, có quả báu cao quý đặc biệt, được sự an lạc trong kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai.

* Trường hợp người cận sự nam, cận sự nữ, sau khi đã thọ trì bát giới uposathasīla xong rồi, nếu người ấy quan hệ tình dục với vợ hoặc chồng của mình, thì người ấy *phạm điều giới hành dâm*, không tạo được phước thiện cao quý đặc biệt, *nhưng không phải phạm điều giới tà dâm*, nên **không tạo ác nghiệp tà dâm**.

* Trường hợp người cận sự nam, cận sự nữ, sau khi đã thọ trì bát giới uposathasīla xong rồi, nếu người ấy quan hệ tình dục với vợ hoặc chồng, hoặc con của người khác (không phải vợ hoặc chồng của mình), thì người ấy không những *phạm điều giới hành dâm* mà còn *phạm điều giới tà dâm* nữa, **tạo ác nghiệp tà dâm**, phải chịu quả khổ của ác nghiệp ấy trong kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai.

Điều Giới Thứ 6

Vikālabhojanā verama □ *isikkhāpada* □ *samādiyāmi*.

* Nghĩa phân tích chữ:

— *Vikālabhojanā* P Vikāla + bhojanā

+ *Vikāla*: Phi thời, nghĩa là thời gian quá Ngọ (quá 12 giờ trưa) cho đến trước lúc bình minh của sáng ngày hôm sau.

+ *Bhojanā*: Dùng vật thực gồm có cơm, các món đồ ăn, các loại bánh, các thứ trái cây, các thứ bột ngũ cốc, sữa tươi, sữa chua, bơ đặc, v.v... đều gọi chung là vật thực.

— *Verama* □ *isikkhāpada* □ P *Verama* □ ī + *sikkhāpada* □.

+ *Verama* □ ī: Tác ý tránh xa.

+ *Sikkhāpada* □: Điều giới, giới.

— *Samādiyāmi*: Con xin thọ trì.

Vikālabhojanā: Không dùng vật thực phi thời (quá Ngọ, quá 12 giờ trưa) gồm có cơm, các món đồ ăn, các loại bánh, các thứ trái cây, các thứ bột ngũ cốc, sữa tươi, sữa chua, bơ đặc, v.v...

* Nghĩa tổng hợp:

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự dùng vật thực lúc phi thời.

Chi Pháp Phạm Điều Giới Dùng Vật Thực Phi Thời

Người phạm điều giới dùng vật thực phi thời cần phải hợp đủ 3 chi pháp:

- 1- *Lúc phi thời là khoảng thời gian từ quá Ngọ (quá 12 giờ trưa) qua đêm cho đến trước lúc bình minh của buổi sáng ngày hôm sau.*
- 2- *Các thứ vật dụng như cơm, các món đồ ăn, các loại bánh, các thứ trái cây, các thứ bột ngũ cốc, sữa tươi, sữa chua, bơ đặc, v.v...*
- 3- *Vật thực nuốt qua khỏi cổ.*

Nếu hội đủ 3 chi pháp này, thì gọi là *phạm điều giới dùng vật thực phi thời*. Nếu thiếu 1 trong 3 chi, thì *không thể gọi là phạm điều giới dùng vật thực phi thời*.

Người cận sự nam, cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, sau khi đã thọ trì bát giới uposathasīla xong rồi, người ấy chỉ được phép dùng vật thực từ lúc rạng đông cho đến giờ Ngọ, 12 giờ trưa mà thôi. Khi quá 12 giờ trưa qua đêm cho đến trước lúc bình minh của sáng ngày hôm sau, thì hành giả không nên dùng các loại vật thực. Nếu người bị bệnh hành hạ, thì có thể dùng *nước trái cây xay nhuyễn, lọc kỹ, bỏ xác lấy nước uống*, hoặc *có thể dùng 5 thứ thuốc là nước bơ trong, nước bơ lỏng, dầu mè, mật ong và nước đường*, hoặc *các loại thuốc dùng để trị bệnh được*.

Nếu người ấy giữ gìn 8 điều giới trong sạch và trọn vẹn, thì tạo được phước thiện cao quý đặc biệt, có quả báu cao quý đặc biệt, được sự an lạc đặc biệt trong kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai.

Trường hợp người cận sự nam, cận sự nữ, sau khi đã thọ trì bát giới uposathasīla xong rồi, nếu người ấy dùng vật thực phi thời, thì người ấy *phạm điều giới dùng vật thực phi thời*, không tạo được phước thiện cao quý

đặc biệt, nhưng không tạo tội lỗi gì, bởi vì dùng vật thực của mình, không làm khổ mình cũng không làm khổ người khác.

Điều Giới Thứ 7

Nacca gīta vādita visūkadassana mālāgandha vilepana dhāra□a ma□□ana vibhūsana□□hānā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.

* Nghĩa phân tích chữ:

- *Nacca*: Nhảy múa nghĩa là tự mình nhảy múa, hoặc sai bảo người khác nhảy múa để cho mình xem là phạm điều giới, thậm chí sai khiến con công múa cũng phạm điều giới.
- *Gīta*: Ca hát nghĩa là tự mình ca hát, ngâm thơ,...; hoặc sai bảo người khác ca hát, ngâm thơ,... để cho mình nghe là phạm điều giới.
- *Vādita*: Thổi kèn, đánh đàn nghĩa là tự mình thổi kèn, đánh đàn, sử dụng các loại nhạc cụ khác; hoặc sai khiến người khác thổi kèn, đánh đàn, sử dụng các loại nhạc cụ khác để cho mình nghe là phạm điều giới.
- *Visūkadassana*: Xem nhảy múa, nghe ca hát, thổi kèn, đánh đàn đều là đối tượng của tham ái nhân sinh khổ, là pháp nghịch với giới-định-tuệ là phạm điều giới.
- *Mālādhara□a*: Đeo tràng hoa nghĩa là trang điểm cho mình bằng các thứ hoa, là phạm điều giới.
- *Gandhama□□ana*: Làm đẹp bằng các thứ phấn son là phạm điều giới.
- *Vilepanavibhūsana*: Xức nước hoa trong người có mùi thơm là phạm điều giới.
- □hāna: Nhân sinh tâm tham ái.
- *Verama□isikkhāpada□* P *Verama□ī + sikkhāpada□*.
- + *Verama□ī*: Tác ý tránh xa.
- + *Sikkhāpada□*: Điều giới, giới.

— *Samādiyāmi*: Con xin thọ trì.

* Nghĩa tổng hợp:

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xúc nước hoa là nhân sinh tham ái.

Chi Pháp Phạm Điều Giới Nhảy Múa, Ca Hát, Thổi Kèn...

Người phạm điều giới nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xúc nước hoa là nhân sinh tham ái cần phải hợp đủ 6 chi pháp:

- 1- *Nhảy múa ca hát, thổi kèn, đánh đàn...*
- 2- *Tâm thỏa thích.*
- 3- *Xem nhảy múa, nghe ca hát...*
- 4- *Trang điểm bằng những thứ như tràng hoa...*
- 5- *Tâm thích trang điểm.*
- 6- *Đã thỏa mãn hành động bằng thân và khẩu.*

Nếu hội đủ 6 chi pháp này, thì gọi là *phạm điều giới nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xúc nước hoa là nhân sinh tham ái*. Nếu thiếu 1 trong 6 chi, thì không không thể gọi là *phạm điều giới nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xúc nước hoa là nhân sinh tham ái*.

Người cận sự nam, cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, sau khi đã thọ trì bát giới uposathasīla xong rồi, nếu người ấy giữ gìn 8 điều giới trong sạch và trọn vẹn, thì tạo được phước thiện cao quý đặc biệt, có quả báu cao quý đặc biệt, được sự an lạc đặc biệt trong kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai.

Trường hợp người cận sự nam, cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, sau khi đã thọ trì bát giới uposathasīla xong rồi, nếu người ấy tự mình nhảy múa ca hát, thổi kèn, đánh đàn,...; hoặc sai khiến người khác nhảy múa,

ca hát, thổi kèn, đánh đàn,...; hoặc đi xem người khác nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn... làm nhân phát sinh tâm tham ái trong đối tượng ấy, làm trở ngại cho việc thực hành thiền định, thực hành thiền tuệ, không dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, không chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn giải thoát khổ.

Thật ra, người phạm điều giới này chỉ là nhân làm trở ngại các thiện pháp như *sắc giới thiện pháp*, *vô sắc giới thiện pháp* và *Siêu tam giới thiện pháp* không thể phát sinh mà thôi, nhưng không trở ngại cho sự tái sinh làm người, hoặc làm chư thiên trong cõi trời dục giới.

Điều Giới Thứ 8

Uccāsayana mahāsayanā verama □ *isikkhāpada* □ *samādiyāmi*.

* Nghĩa phân tích chữ:

— *Uccāsayana*: Chỗ nằm ngồi quá cao nghĩa là chân giường, chân ghế cao quá 1 hất tay với 1 gang tay (quá 60 cm).

— *Mahāsayanā*: Chỗ xinh đẹp nghĩa là chiếc giường, chiếc ghế được chạm trổ; chân giường, chân ghế được chạm trổ...; chỗ nằm ngồi bằng tấm nệm bông gòn, bằng lớp cao su dày, dùng tấm vải có thêu hình đẹp trái giường, trái ghế, v.v... Như vậy gọi là chỗ nằm ngồi xinh đẹp.

— *Verama* □ *isikkhāpada* □ P *Verama* □ ī + *sikkhāpada* □.

+ *Verama* □ ī: Tác ý tránh xa.

+ *Sikkhāpada* □: Điều giới, giới.

— *Samādiyāmi*: Con xin thọ trì.

* Nghĩa tổng hợp:

Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

Chi Pháp Phạm Điều Giới Nằm Ngồi Nơi Quá Cao Và Xinh Đẹp

Người phạm điều giới nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp cần phải hợp đủ 3 chi pháp:

- 1- *Chỗ nằm, chỗ ngồi quá cao và xinh đẹp.*
- 2- *Tâm muốn nằm, ngồi nơi ấy.*
- 3- *Đã nằm, đã ngồi nơi ấy với tâm thỏa thích.*

Nếu hội đủ 3 chi pháp này, thì gọi là *phạm điều giới nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp*. Nếu thiếu 1 trong 3 chi, thì *không thể gọi là phạm điều giới nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp*.

Người cận sự nam, cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, sau khi đã thọ trì bát giới uposathasīla xong rồi, nếu người ấy giữ gìn 8 điều giới trong sạch và trọn vẹn, thì tạo được phước thiện cao quý đặc biệt, có quả báu cao quý đặc biệt, được sự an lạc đặc biệt trong kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai.

Trường hợp người cận sự nam, cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, sau khi đã thọ trì bát giới uposathasīla xong rồi, nếu người ấy nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp, thì *phạm điều giới nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp*, dễ phát sinh tâm tham ái say mê trong đối tượng, cho nên không tạo được phước thiện cao quý đặc biệt.

Giới Cấm Và Giới Hành

Trong bát giới uposathasīla có 2 phần giới:

- 1- Phần giới cấm (vārittasīla) là giới không được phạm.
- 2- Phần giới hành (cārittasīla) là giới nên thực hành.

1- **Phần giới cấm** trong bát giới uposathasīla có 4 điều giới là:

- *Tránh xa sự sát sinh.*
- *Tránh xa sự trộm cắp.*
- *Tránh xa sự nói dối.*
- *Tránh xa sự uống rượu và các chất say.*

Đó là 4 điều giới cấm mà người nào giữ gìn 4 điều giới này được trong sạch và trọn vẹn, thì người ấy có được nhiều phước thiện, có quả báu an lạc trong kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai. Ngược lại, nếu người nào phạm điều giới

nào, thì người ấy đã tạo ác nghiệp, rồi phải chịu quả khổ của ác nghiệp ấy trong kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai.

4 điều giới cấm này có trong *ngũ giới là thường giới* của tất cả mọi người, không ngoại lệ một ai cả. Tất cả mọi người ai ai cũng cần phải giữ gìn ngũ giới cho được trong sạch và trọn vẹn, để đem lại sự an lạc trong kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai.

2- ***Phân giới hành*** trong bát giới uposathasīla có 4 điều giới là:

- *Tránh xa sự hành dâm.*
- *Tránh xa sự dùng vật thực phi thời.*
- *Tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn,...*
- *Tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.*

Đó là 4 điều giới hành mà người cận sự nam, cận sự nữ nào đã thọ trì bát giới uposathasīla, rồi giữ gìn 4 điều giới này được trong sạch và trọn vẹn, thì người ấy đã tạo được phước thiện cao quý đặc biệt, có quả báu cao quý đặc biệt, có được sự an lạc trong kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai. Nhưng nếu người cận sự nam, cận sự nữ nào sau khi đã thọ trì bát giới uposathasīla rồi, mà phạm điều giới hành nào, thì người ấy không tạo được phước thiện cao quý đặc biệt của điều giới hành ấy, nhưng không có tội lỗi do thân và khẩu.

Tóm lại:

Người nào giữ gìn ***4 điều giới cấm*** được trong sạch và trọn vẹn, thì người ấy đã tạo được phước thiện. Nếu người nào không giữ gìn, phạm trong ***4 điều giới cấm***, thì người ấy đã *tạo ác nghiệp*.

Còn người cận sự nam, cận sự nữ nào, sau khi đã thọ trì bát giới uposathasīla rồi, giữ gìn ***4 điều giới hành*** được trong sạch và trọn vẹn, thì người ấy đã tạo được phước thiện cao quý đặc biệt. Nếu người cận sự nam, cận sự nữ nào không giữ gìn, mà phạm ***4 điều giới hành***, thì người ấy không tạo được phước thiện cao quý đặc biệt, nhưng *không có tội lỗi do thân và khẩu*.

Thật vậy, trong các hàng cận sự nam, cận sự nữ tại gia, có một số người là bậc Thánh Nhập Lưu, có một số người là bậc Thánh Nhất Lai. Những bậc Thánh Nhân này chắc chắn có ngũ giới hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn, họ

có vợ hoặc có chồng và có con. Cho nên việc *hành dâm* là điều không thể tránh khỏi, nhưng chắc chắn họ không bao giờ *phạm điều giới tà dâm*.

* Ví như trường hợp bà *Visākhā*, khi bà còn là một cô bé mới lên 7 tuổi, cô bé *Visākhā* đã chứng đắc thành bậc Thánh Nhập Lưu, lúc trưởng thành, cô làm lễ thành hôn với công tử *Puññava* □ □ hana, con trai của ông phú hộ *Migāra*. Bà *Visākhā* sinh được 20 người con (10 người con trai và 10 người con gái). Bà *Visākhā* thường trang điểm cho bà bằng tấm áo choàng *mahālatā* kết bằng những viên ngọc quý giá, v.v...

Như vậy, những bậc ***Thánh Nhập Lưu***, bậc ***Thánh Nhất Lai*** sống tại gia, họ thọ trì bát giới *uposathasīla* trong những ngày giới hằng tháng, thì họ mới giữ gìn 4 điều giới hành được trong sạch và trọn vẹn. Ngoài ngày giới ra, 2 bậc Thánh Nhân này có ngũ giới là thường giới hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn.

Riêng bậc ***Thánh Bất Lai***, đã diệt đoạn tuyệt được tâm tham ái trong cõi dục giới, dù tại gia bậc Thánh Bất Lai cũng không bao giờ ham thích hành dâm. Cho nên quý Ngài không có vợ hoặc có chồng.

Trước khi chứng đắc thành bậc Thánh Bất Lai, nếu vị ấy đã có vợ hoặc có chồng, thì sau khi đã chứng đắc thành bậc Thánh Bất Lai, vị Thánh ấy tuyệt nhiên không bao giờ sống chung với người vợ cũ hoặc người chồng cũ của mình như trước nữa.

* Trong thời kỳ Đức Phật hiện còn trên thế gian, có 2 ông trưởng giả cùng tên *Ugga*: *Trưởng giả Ugga người xứ Vesāli* và *trưởng giả Ugga người làng Hatthigāma trong vùng Vajji*. Cả 2 trưởng giả này sau khi lắng nghe Đức Phật thuyết pháp, rồi thực hành thiền tuệ đều chứng đắc đến bậc Thánh Bất Lai, đã diệt đoạn tuyệt được tâm tham ái trong cõi dục giới. Cho nên bậc Thánh Bất Lai tuyệt nhiên không bao giờ hành dâm nữa.

Ông trưởng giả *Ugga* có 4 người vợ, sau khi chứng đắc thành bậc Thánh Bất Lai trở về, ông gọi 4 người vợ cũ đến rồi ban cửa cái cho mỗi bà và ông bảo rằng:

“*Từ nay về sau, quý bà được tự do, ai muốn có chồng khác, thì được quyền chọn lựa theo ý của mình*”.

Những Tích Chuyện Người Thọ Trì Bát Giới Uposathasīla

*** Quả báu thọ trì bát giới uposathasīla chỉ trong một đêm**

Trích từ tích *Sānavativatthu* [22] trong Chú giải Pháp cú có một đoạn chư thiên ngự ở cội cây thuật lại tiền kiếp của mình đã thọ trì bát giới uposathasīla, thời gian ngắn một đêm, được tóm lược như sau:

Một chư thiên ngự ở cội cây da lớn, có nhóm Đạo sĩ ở dưới cây da lớn ấy. Vị Đạo sĩ trưởng nghĩ rằng: “*Cây da lớn như thế này chắc chắn có chư thiên ngự trên cây, và chư thiên này chắc chắn có nhiều oai lực. Quý hoá biết đường nào! Nếu vị chư thiên ấy bố thí cho chúng tôi nước uống!*” thì ngay tức thì, chư thiên ấy dâng nước uống đến cho nhóm Đạo sĩ.

Vị Đạo sĩ trưởng mong muốn rằng: “*Xin chư thiên bố thí nước tắm*” thì ngay tức thì, chư thiên ấy dâng nước tắm đầy đủ đến cho nhóm Đạo sĩ.

Vị Đạo sĩ trưởng mong muốn rằng: “*Xin chư thiên bố thí vật thực*” thì ngay tức thì, chư thiên ấy dâng vật thực đầy đủ đến cho nhóm Đạo sĩ.

Vị Đạo sĩ trưởng mong muốn rằng: “*Chư thiên này có nhiều phước báu, có nhiều oai lực, ta mong muốn những thứ nào, chư thiên ấy đều dâng cúng những thứ ấy. Quý hoá biết đường nào! Nếu ta được diện kiến vị chư thiên ấy!*” thì ngay tức thì, vị chư thiên ấy xuất hiện trước sự hiện diện nhóm Đạo sĩ.

Nhóm Đạo sĩ bèn hỏi chư thiên rằng:

- *Này vị thiên nam, Ngài có nhiều phước báu, có nhiều oai lực. Tiền kiếp Ngài đã tạo phước thiện nào, mà nay Ngài có nhiều oai lực như vậy?*

Vị thiên nam có vẻ e thẹn, mắc cỡ vì phước thiện ít ỏi nhỏ bé của mình, nên không muốn trình bày cho nhóm Đạo sĩ biết. Nhưng nhóm Đạo sĩ vẫn khẩn khoản, năn nỉ, vị thiên nam không còn cách nào có thể từ chối được, nên đành phải thuật lại phước thiện mà mình đã tạo trong tiền kiếp như sau:

*** Người nghèo khổ làm công, thọ trì bát giới uposathasīla**

Vị thiên nam thuật lại tiền kiếp rằng:

“*Kiếp trước tôi là người nghèo khổ đi làm thuê, làm mướn để nuôi mạng sống qua ngày, một hôm tôi đến nhà ông phú hộ Anāthapi□□ika xin việc làm kiếm sống*”.

Khi đến ngày giới, ông phú hộ từ chùa Jetavana trở về hỏi người nhà rằng:

— *Hôm nay là ngày giới uposathasīla, có ai nói cho người làm công mới đến biết hay không?*

Người trong nhà thưa rằng:

— *Thưa ông, không có nói cho người làm công mới ấy biết.*

Ông phú hộ dạy bảo rằng:

— *Chiều nay, chỉ nấu cơm cho một mình người làm công mới ấy mà thôi, còn lại tất cả mọi người ở trong nhà đều thọ trì và giữ gìn bát giới uposathasīla cả thầy.*

Tôi là người làm công mới ấy, sáng hôm ấy, dùng vật thực xong đi vào rừng làm việc đến chiều mới trở về nhà ông phú hộ. Khi tôi trở về đến nhà, nhìn thấy trong nhà vắng vẻ, yên tĩnh, không giống như mấy ngày hôm trước, mọi người xôn xao ăn uống; người này đòi cơm, người khác đòi canh, v.v..., chuyện trò ồn ào, hôm nay vắng lặng yên tĩnh, chỉ có một người lo việc nấu ăn mang đến cho tôi một phần cơm bảo tôi ăn, tôi chưa vội ăn, bèn hỏi người đem cơm rằng:

— *Hôm nay, mọi người ăn xong rồi đi nghỉ hết, chỉ còn lại một mình tôi chưa ăn phải không?*

Người đem cơm trả lời cho tôi biết rằng:

— *Hôm nay là ngày thọ trì bát giới uposathasīla, mọi người trong gia đình từ ông phú hộ, phu nhân, các con, các cháu kể cả các cháu nhỏ đang còn bú sữa, cho đến mọi người làm công trong nhà, tất cả đều thọ trì và giữ gìn bát giới uposathasīla. Mọi người đều tìm nơi thanh vắng yên tĩnh để giữ gìn bát giới và thực hành thiền định, thực hành thiền tuệ cả thầy. Chúng tôi quên nói cho anh biết hôm nay là ngày giới uposathasīla, nên chỉ có một mình anh đi làm, đây là phần cơm nấu cho anh, anh hãy ăn cơm một mình vậy!*

Tôi nghĩ rằng: “Mọi người trong nhà ai cũng thọ trì bát giới uposathasīla, chẳng lẽ một mình ta không thọ trì được bát giới uposathasīla hay sao? Ta cũng nên thọ trì bát giới uposathasīla như mọi người trong nhà này”.

Nghĩ vậy, không chịu ăn phần cơm, tôi đi đến tìm ông phú hộ *Anāthapi*□□*ika*, trình bày ý nguyện xin thọ trì bát giới uposathasīla của tôi. Khi nghe xong, ông phú hộ hoan hỷ nói lên lời “*Sādhu! Lành thay!*”

Ông phú hộ *Anāthapi*□□*ika* giảng giải cho tôi hiểu ngày giới uposathasīla bắt đầu từ rạng đông của ngày này đến rạng đông của ngày hôm sau gồm có 1 ngày 1 đêm. Nếu tôi thọ trì bát giới uposathasīla ngay khi ấy, thì được 1 đêm là ***một nửa uposathasīla***. Tôi vô cùng hoan hỷ xin thọ trì bát giới uposathasīla từ nơi ông phú hộ *Anāthapi*□□*ika* xong, trở về chỗ ở rồi giữ gìn bát giới uposathasīla đầy đủ 8 giới cho được trong sạch và trọn vẹn.

Bởi vì, tôi đi làm vất vả suốt ngày mà chiều về không ăn, cho nên tôi đến bụng đói. Ban đêm tôi bị lâm bệnh phong (gió), căn bệnh hành hạ đau khổ khiến tôi không chịu nổi. Khi biết tôi bị lâm bệnh phong nặng, ông phú hộ đem thuốc đến cho tôi uống.

Tôi thưa với ông phú hộ rằng:

— *Thưa ông, những người khác đều dùng thuốc rồi phải không?*

Ông phú hộ dạy rằng:

— *Những người khác không có bệnh, không được dùng, chỉ có một mình con có bệnh nên con được phép dùng thuốc.*

Tôi thưa với ông phú hộ rằng:

— *Thưa ông, con xin giữ gìn bát giới uposathasīla cho được trong sạch và trọn vẹn. Dầu chỉ thọ trì bát giới một nửa (một đêm), con cũng không thể để cho phạm điều giới hoặc để bị đứt giới nào.*

Ông phú hộ một mực khuyên tôi dùng thuốc để mau khỏi bệnh; nhưng tôi quyết tâm giữ gìn bát giới uposathasīla đầy đủ 8 điều giới cho được trong sạch và trọn vẹn. Tuy thân thể của tôi có khổ, nhưng tâm của tôi vô cùng hoan hỷ cho đến khi yếu dần rồi chết. Sau khi tôi chết, chính thiện nghiệp giữ gìn bát giới một đêm của tôi cho quả tái sinh làm ***vị thiên nam ở tại cõi cây đa này***, được hưởng những quả báu như quý Ngài đã thấy.

* **Quả báu thọ trì và giữ gìn bát giới uposathasīla một nửa (một đêm)**

Trích trong bộ Jātaka chuyện tiền thân của Đức Phật, phần đầu của tích chuyện *Gaṅgāmāljātaka* [23]. Đức Phật thuyết lại chuyện tiền kiếp của Ngài, khi Ngài còn là một Đức Bồ Tát nghèo đi làm công ở nhà phú hộ, thọ trì và giữ gìn bát giới upasathakamma (một nửa uposathakamma) chỉ có 1 đêm [24], được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức Thế Tôn đang ngụ tại chùa Jetavana (Kỳ Viên) của phú hộ Anāthapiṇḍika gần thành Sāvatti. Khi ấy, Đức Thế Tôn thuyết dạy những người cận sự nam, cận sự nữ nên bố thí, nên thọ trì bát giới uposathasīla gồm có 8 điều giới, rồi giữ gìn bát giới cho được trong sạch và trọn vẹn hoàn toàn. Đức Phật thuyết lại rằng:

— “Một tiền kiếp Đức Bồ Tát thọ trì bát giới uposathasīla, gồm có 8 điều giới, rồi giữ gìn bát giới trong sạch và trọn vẹn chỉ có một đêm, mà hưởng được quả báu vô cùng lớn lao”.

Những người cận sự nam, cận sự nữ nghe Đức Phật thuyết như vậy, muốn biết câu chuyện tiền kiếp của Ngài, nên thỉnh cầu Đức Phật thuyết thuật lại tiền kiếp Đức Bồ Tát thuở ấy.

Đức Phật dạy rằng:

“Một thuở nọ, Đức vua Brahmadata trị vì xứ Bārāṇasī. Trong xứ ấy, một phú hộ tên là Siripavara có đức tin trong sạch thường bố thí, giữ ngũ giới. Đặc biệt vào 6 ngày giới uposathasīla trong mỗi tháng là ngày 8 - 14 - 15 - 23 - 29 và ngày 30 cuối tháng. Ông phú hộ cùng vợ con, tôi tớ, những người làm công cho đến người chăn bò, ... hết thảy đều phải thọ trì và giữ gìn bát giới uposathasīla đầy đủ 8 điều giới.

Thời ấy, Đức Bồ Tát hạ sinh vào một gia đình nghèo khổ. Hằng ngày, người cha phải đi làm công để nuôi gia đình. Khi Đức Bồ Tát trưởng thành cũng phải tự đi làm công để nuôi sống.

Một hôm, Đức Bồ Tát đến nhà ông phú hộ để xin việc làm, ông phú hộ nhận Đức Bồ Tát vào làm công. Thông thường, ông phú hộ nhận người vào làm công có kèm theo điều kiện là đến ngày giới mỗi tháng phải thọ trì bát giới uposathasīla gồm có 8 điều giới rồi giữ gìn bát giới uposathasīla ấy. Nhưng trường hợp Đức Bồ Tát, thì ông quên không đề cập đến điều kiện ấy.

Mấy ngày đầu, Đức Bồ Tát thức dậy sớm, dùng cơm sáng xong đi ra đồng làm việc đến chiều mới trở về. Đức Bồ Tát làm công việc rất siêng năng và cần mẫn, nên ông phú hộ rất hài lòng.

Hôm ấy, nhằm vào ngày giới, Đức Bồ Tát là người mới vào làm công nên không biết gì về chuyện thọ trì bát giới uposathasīla trong ngày giới, cho nên, sau khi ăn cơm sáng, Đức Bồ Tát vẫn đi ra đồng sớm, làm việc như mọi ngày.

Sáng hôm ấy, ông phú hộ gọi mọi người đến và dạy rằng:

— Hôm nay là ngày giới, những người làm công dùng sáng xong, không phải đi làm việc, chỉ thọ trì bát giới uposathasīla rồi giữ gìn bát giới uposathasīla mà thôi.

Như vậy, toàn thể gia đình ông phú hộ, vợ, con, cháu, người tôi tớ, người làm công đều thọ trì bát giới uposathasīla, rồi sau khi dùng cơm sáng xong, mỗi người đều tự tìm cho mình nơi thanh vắng, để giữ gìn bát giới uposathasīla và thực hành thiền định cả thầy.

Đức Bồ Tát đi làm suốt cả ngày, đến chiều trở về nhà ông phú hộ, nhìn thấy trong nhà vắng vẻ, yên tĩnh, khác với những ngày qua, mọi người xôn xao, ăn uống, nói cười, chuyện trò vui vẻ. Đức Bồ Tát tìm người hỏi để biết xem chuyện gì đã xảy ra.

Đức Bồ Tát gặp một người và họ cho biết rằng:

— Hôm nay là ngày giới, mọi người đều đã thọ trì bát giới uposathasīla, mỗi người đều tìm nơi thanh vắng yên tĩnh để giữ gìn bát giới uposathasīla và thực hành pháp hành thiền định, chỉ có một mình anh mới đến làm công, nên không biết nội quy ở đây.

Đức Bồ Tát nghe nói như vậy, nghĩ rằng: “Bát giới uposathasīla là thế nào? Mọi người ở đây đều có giới, chỉ có một mình ta không có giới hay sao? Ngay bây giờ, ta thọ trì bát giới uposathasīla có được hay không?” Nghĩ xong, Đức Bồ Tát liền tìm đến ông phú hộ, nhờ giảng giải những điều thắc mắc của mình.

Khi Đức Bồ Tát thưa rằng:

— Thưa ông phú hộ, bát giới uposathasīla là như thế nào, xin ông hãy giảng giải cho tôi nghe.

Ông phú hộ giảng giải kỹ càng cho Đức Bồ Tát hiểu rõ ràng, Đức Bồ Tát thưa rằng:

— Thưa ông phú hộ, ngay bây giờ, tôi có thể thọ trì bát giới uposathasīla gồm có 8 điều giới được không?

Ông phú hộ bảo:

— Này con, bát giới uposathasīla gồm có 8 điều giới như vậy, người thọ trì bát giới 1 ngày 1 đêm cũng tốt, hoặc nửa ngày cũng tốt, hoặc ngay bây giờ cho đến rạng đông của ngày mai, được một đêm cũng tốt.

Đức Bồ Tát thưa rằng:

— Như vậy, tôi xin thọ trì bát giới uposathasīla gồm có 8 điều giới ngay bây giờ cho đến rạng đông ngày mai.

Ông phú hộ: “Sādhu!: Lành thay!” Đức Bồ Tát xin thọ trì bát giới uposathasīla từ ông phú hộ xong, trở về chỗ ở riêng của mình, giữ gìn bát giới cho được trong sạch và trọn vẹn đầy đủ và thực hành thiên định.

Do Đức Bồ Tát làm việc vất vả suốt ngày, đến chiều không dùng vật thực, trong bụng đói, đến canh chót đêm phát sinh bệnh phong (gió) đau đớn như dao cắt ruột, vô cùng đau khổ. Ông phú hộ cho thuốc uống, Đức Bồ Tát nghĩ rằng: “Ta đã có đức tin quyết tâm giữ gìn bát giới uposathasīla cho được trong sạch và trọn vẹn, thà ta chịu chết chứ không để phạm giới, hoặc dứt giới”. Đức Bồ Tát chịu đựng sự đau đớn cho đến sáng ngày hôm sau, sức khoẻ yếu dần, mọi người biết không thể sống được, nên đem Đức Bồ Tát ra nằm ở ngoài hiên nhà.

Sáng hôm ấy, Đức vua Bānāśī ngự trên xe ngựa cùng các quan đi ngoài đường ngang qua nhà ông phú hộ, Đức Bồ Tát nằm nhìn thấy Đức vua, phát sinh tâm tham muốn trở thành Đức vua. Do phước thiện giữ gìn bát giới uposatha-sīla trong sạch và trọn vẹn trong thời gian 1 đêm gần ngủi ấy, sau khi chết, liền tái sinh đầu thai vào lòng bà chánh cung Hoàng hậu của Đức vua Bānāśī. Bà Hoàng hậu thọ thai, đúng 10 tháng hạ sinh được Thái tử khôi ngô tuấn tú. Hoàng tử được đặt tên là Udayakumāra. Hoàng tử trưởng thành và theo học các bộ môn theo truyền thống Vua Chúa

đều xuất sắc, văn võ song toàn... Đức Bồ Tát nhớ rõ lại tiền kiếp của mình, nên thường tự truyền dạy rằng: “Ngày nay ta được hưởng mọi sự an lạc như thế này, là do quả báu giữ gìn bát giới uposathasīla trong sạch và trọn vẹn, trong thời gian ngắn, chỉ một đêm ở kiếp trước của ta”.

Khi Đức phụ vương đến tuổi già băng hà, các quan làm lễ dâng quang suy tôn Hoàng tử lên ngôi Vua để trị vì xứ Bārāṣāsī. Đức vua Udaya trị vì xứ Bārāṣāsī dân giàu nước mạnh, thái bình thịnh vượng. Đức vua thọ hưởng mọi sự an lạc, thần dân được an cư lạc nghiệp. Đó là quả báu thọ trì và giữ gìn bát giới uposathasīla trong sạch và trọn vẹn trong một thời gian ngắn ngủi (một đêm) của Đức Bồ Tát từ trong kiếp trước”.

* **Quả báu giữ gìn bát giới uposathasīla một lần**

Trích trong bộ Apadāna, Ngài Đại đức Tỳ khưu ni **Ekuposathākatherī** [25] kể lại chuyện tiền kiếp của Ngài, được tóm lược như sau:

Trong kinh thành Bandhumati, vào ngày rằm Đức vua Bandhumā thọ trì bát giới uposathasīla, rồi giữ gìn bát giới uposathasīla trong sạch .

Ở thời ấy, tôi là người đầy tớ gái tên là Kumbhadāsī trong kinh thành Bandhumati ấy, tôi được biết Đức vua cùng các quan thọ trì bát giới uposathasīla, rồi giữ gìn bát giới uposathasīla, nên tôi nghĩ rằng: “Đức vua còn bỏ ngai vàng, việc nước để thọ trì bát giới uposathasīla, rồi giữ gìn bát giới uposathasīla. Chắc chắn bát giới uposathasīla ấy có quả báu tốt lành!”.

Tôi đã suy xét cuộc đời khốn khổ, nghèo nàn làm tôi tớ của mình, bằng trí tuệ đúng đắn, nên tôi phát sinh tâm hoan hỷ thọ trì bát giới uposathasīla gồm có 8 điều giới, rồi đã **giữ gìn bát giới uposathasīla trong sạch và trọn vẹn**, chỉ có một lần trong giáo pháp của **Đức Phật Vipassī** xuất hiện trên thế gian. Do năng lực phước thiện thọ trì bát giới như vậy, sau khi tôi chết, thiện nghiệp giữ gìn bát giới uposathasīla cho quả tái sinh làm **thiên nữ xinh đẹp nhất** trong cõi Tam Thập Tam Thiên, có lâu đài nguy nga tráng lệ cao 1 do tuần, trang hoàng hết sức lộng lẫy, lúc nào cũng có 100.000 (một trăm ngàn) thiên nữ hầu hạ.

Tôi đã từng là **chánh cung Hoàng hậu của Vua trời Sakka** suốt 64 đời Vua trời truyền ngôi kế tiếp. Khi tôi sinh làm người, tôi cũng đã từng là **chánh cung Hoàng hậu của Đức vua Chuyển Luân Thánh Vương**, trải qua 63 đời Vua trong cõi người.

Tôi là người rất xinh đẹp, có màu da như màu vàng, bất cứ sinh ra ở kiếp nào, tôi cũng là người cao quý trong cảnh giới ấy. Đó là quả báu thọ trì và giữ gìn bát giới uposathasīla trong sạch và trọn vẹn một lần của tôi.

Tôi có đủ các loại xe, xe ngựa, voi,... được trang hoàng lộng lẫy. Đó là quả báu thọ trì và giữ gìn bát giới uposathasīla trong sạch và trọn vẹn một lần của tôi.

Tôi có đủ các thứ vải, vải lụa, lông thú,... toàn là những thứ vải tốt. Đó là quả báu thọ trì và giữ gìn bát giới uposathasīla trong sạch và trọn vẹn một lần của tôi.

Tôi có nhiều thứ vàng, ngọc quý báu, có giá trị. Đó là quả báu thọ trì và giữ gìn bát giới uposathasīla trong sạch và trọn vẹn một lần của tôi.

Tôi có đầy đủ các thứ nước hoa thơm, đồ trang điểm quý báu. Đó là quả báu thọ trì và giữ gìn bát giới uposathasīla trong sạch và trọn vẹn một lần của tôi.

Tôi có đủ các kiểu lâu đài nguy nga và tráng lệ. Đó là quả báu thọ trì và giữ gìn bát giới uposathasīla trong sạch và trọn vẹn một lần của tôi.

*Kể từ khi tôi đã thọ trì và giữ gìn bát giới uposathasīla cho đến kiếp chót này, trải qua suốt **91 đại kiếp trái đất**. Trong vòng tử sinh luân hồi suốt khoảng thời gian ấy, tôi không hề sa đọa vào 4 đường ác giới (địa ngục, atula, ngã quý, súc sinh). Đó là quả báu thọ trì và giữ gìn bát giới uposathasīla trong sạch và trọn vẹn một lần của tôi.*

*Khi tôi sinh làm người, **mới lên 7 tuổi**, tôi xin cha mẹ đi xuất gia; sau khi tôi xuất gia được nửa tháng, tôi đã chứng đắc đến **Arahán Thánh Đạo - Arahán Thánh Quả và Niết Bàn**, đã diệt đoạn tuyệt được tất cả mọi phiền não, đã nhổ tận gốc rễ vô minh và tham ái, nên không còn dấy dẫn tái sinh kiếp lớn, kiếp nhỏ nào nữa.*

*Tôi đã đến xuất gia nơi Đức Phật cao thượng, thật là điều vô cùng diễm phúc cho tôi. Tôi đã chứng đắc thành **bậc Thánh Arahán, cùng với Tam minh, Tứ tuệ phân tích, 8 Pháp giải thoát và Lục thông**.*

Tôi đã hoàn thành phận sự của người nữ xuất gia, tôi đã thực hành đúng theo lời giáo huấn của Đức Phật Gotama.

Nhận Xét Về Bát Giới Uposathasīla

Đối với người tại gia cư sĩ có những giới như *ngũ giới, bát giới ājiva* □□ *hamakasīla*. 2 loại giới này có *tính chất chung* cho tất cả mọi người tại gia cư sĩ, không phân biệt tôn giáo, dân tộc nào, người thọ trì hoặc người không thọ trì 2 loại giới này. Hễ người nào giữ gìn 2 loại giới này được trong sạch và trọn vẹn suốt ngày và đêm cho đến trọn đời trọn kiếp thì người ấy đã tạo được thiện nghiệp; thiện nghiệp này cho quả an lạc, quả tốt lành ngay trong kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai, nếu thiện nghiệp ấy có cơ hội cho quả của nó.

Người nào không giữ gìn 2 loại giới này, hoặc phạm 1 điều giới nào trong 2 loại giới này, người ấy đã tạo ác nghiệp; ác nghiệp này cho quả khổ, quả xấu ngay trong kiếp hiện tại và nhiều kiếp vị lai, nếu ác nghiệp ấy có cơ hội cho quả của nó.

Và bát giới uposathasīla này có tính chất riêng cho những người cận sự nam, cận sự nữ nào có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, thọ trì bát giới upo-sathasīla, rồi giữ gìn bát giới uposathasīla ấy trong sạch và trọn vẹn trong khoảng thời gian hạn định từ lúc bình minh của ngày này cho đến lúc bình minh của ngày hôm sau (trọn 1 ngày 1 đêm) trong những ngày giới của mỗi tháng.

Hành giả giữ gìn bát giới uposathasīla trong sạch và trọn vẹn dù thời gian ít, dù thời gian nhiều vẫn có nhiều quả báu đặc biệt hơn cả ngũ giới và bát giới ājiva □□ hamakasīla. Bởi vì, trong bát giới uposathasīla có 4 điều giới không những thuộc về giới của người tại gia cư sĩ, mà còn thuộc về giới của bậc xuất gia tu sĩ (Sadi, Tỳ khuru). 4 điều giới ấy là:

- 1- *Giới tránh xa sự hành dâm.*
- 2- *Giới tránh xa sự dùng vật thức phi thời.*
- 3- *Giới tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xúc nước hoa là nhân sinh tham ái.*
- 4- *Giới tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.*

Đó là 4 điều giới trong phần giới của vị Sadi, vị Tỳ khuru, mà quý vị cần phải giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn suốt ngày đêm, trọn cuộc đời

xuất gia của mình. Nếu người cận sự nam, cận sự nữ nào thọ trì bát giới uposathasīla, trong đó có 4 điều giới hành này trong sạch và trọn vẹn, thì chắc chắn người cận sự nam, cận sự nữ ấy có được những quả báu đặc biệt của bát giới uposathasīla, tùy theo năng lực của thiện nghiệp bát giới uposathasīla ấy cho quả của chúng.

IV- Giới Uposathasīla Có 9 Điều

Uposathasīla có 8 điều giới, người cận sự nam, cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, xin thọ trì bát giới uposathasīla, rồi giữ gìn 8 điều giới uposathasīla cho được trong sạch và trọn vẹn. Có bát giới uposathasīla trong sạch và trọn vẹn làm nền tảng, rồi thực hành thiền định niệm rải tâm từ đến tất cả chúng sinh trong 10 phương hướng là thêm một chi pháp. Do đó gọi giới uposathasīla có 9 chi pháp, như Đức Phật thuyết dạy trong bài kinh *Navaṅguposathasutta* [26], được dịch nghĩa như sau:

Đức Phật dạy rằng:

- “*Này chư Tỳ khuru, người đã thọ trì và giữ gìn uposathasīla gồm đầy đủ 9 chi pháp, có được kết quả nhiều, có quả báu nhiều, quả báu hiện rõ nhiều, quả báu tỏa rộng nhiều.*

Này chư Tỳ khuru, thọ trì và giữ gìn uposathasīla gồm đầy đủ 9 chi pháp như thế nào, để có được kết quả nhiều, có quả báu nhiều, quả báu hiện rõ nhiều, quả báu tỏa rộng nhiều?

Này chư Tỳ khuru, trong giáo pháp này, bậc Thánh Thanh Văn đệ tử có trí tuệ sáng suốt suy xét rằng:

1- *Chư bậc Thánh Arahán suốt cuộc đời đã từ bỏ sự sát sinh, tuyệt đối tránh xa sự sát sinh, đã bỏ gây gộc, đã bỏ khí giới, có tâm hổ thẹn mọi tội lỗi, có tâm bi, thương xót cứu khổ tất cả mọi chúng sinh. Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự sát sinh**, tránh xa sự sát sinh, bỏ gây gộc, bỏ khí giới, có tâm hổ thẹn mọi tội lỗi, có tâm bi, thương xót cứu khổ tất cả mọi chúng sinh suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay. Ta cũng được gọi là người thực hành theo gương của chư Thánh Arahán về điều giới này. Và ta đã thọ trì uposathasīla, giữ gìn điều giới tránh xa sự sát sinh, được trong sạch.*

Đó là uposathasīla chi pháp thứ nhất.

2- Chư bậc Thánh Arahán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự trộm cắp**, tuyệt đối tránh xa sự trộm cắp, chỉ thọ nhận vật dụng mà người ta cúng dường, không bao giờ trộm cắp, là bậc sống hoàn toàn trong sạch thanh cao. Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự trộm cắp**, tránh xa sự trộm cắp, chỉ thọ nhận vật dụng mà người ta cho, không trộm cắp, sống hoàn toàn trong sạch thanh cao suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay. Ta cũng được gọi là người thực hành theo gương của chư Thánh Arahán về điều giới này. Và ta đã thọ trì uposathasīla, giữ gìn điều giới tránh xa sự trộm cắp, được trong sạch.

Đó là uposathasīla chi pháp thứ nhì.

3- Chư bậc Thánh Arahán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự hành pháp không cao thượng (hành dâm)**, mà hành phạm hạnh cao thượng, tránh xa việc hành dâm thấp hèn, tuyệt đối tránh xa hành dâm, pháp của người tại gia. Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự hành pháp không cao thượng (hành dâm)**, mà hành phạm hạnh cao thượng, tránh xa việc hành dâm thấp hèn, tuyệt đối tránh xa hành dâm, pháp của người tại gia suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay. Ta cũng được gọi là người thực hành theo gương của chư Thánh Arahán về điều giới này. Và ta đã thọ trì uposathasīla, giữ gìn điều giới tránh xa sự hành dâm, được trong sạch.

Đó là uposathasīla chi pháp thứ ba.

4- Chư bậc Thánh Arahán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự nói dối**, tuyệt đối tránh xa sự nói dối, chỉ nói lời chân thật, lúc nào cũng nói lời chân thật, lời nói có chứng cứ rõ ràng, lời nói đáng tin, không lừa dối đời. Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự nói dối**, tránh xa sự nói dối, chỉ nói lời chân thật, lúc nào cũng nói lời chân thật, lời nói có chứng cứ rõ ràng, lời nói đáng tin, không lừa dối đời suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay. Ta cũng được gọi là người thực hành theo gương của chư Thánh Arahán về điều giới này. Và ta đã thọ trì uposathasīla, giữ gìn điều giới tránh xa sự nói dối, được trong sạch.

Đó là uposathasīla chi pháp thứ tư.

5- Chư bậc Thánh Arahán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp**, tuyệt đối tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp. Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp**, tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện pháp suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay. Ta cũng được gọi là người thực hành theo gương của chư Thánh Arahán về

điều giới này. Và ta đã thọ trì uposathasīla, giữ gìn điều giới tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ dãi, được trong sạch.

Đó là uposathasīla chi pháp thứ năm.

6- Chư bậc Thánh Arahán suốt cuộc đời **chỉ độ (dùng) vật thực một bữa (trong ngày)**, không dùng vật thực ban đêm, tránh xa sự độ vật thực phi thời (quá Ngọ, quá 12 giờ trưa). Hôm nay, **chính ta cũng chỉ dùng vật thực một bữa (trong ngày)**, không dùng vật thực ban đêm, tránh xa sự dùng vật thực phi thời (quá Ngọ, quá 12 giờ trưa) suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay. Ta cũng được gọi là người thực hành theo gương của chư Thánh Arahán về điều giới này. Và ta đã thọ trì uposathasīla, giữ gìn điều giới tránh xa sự dùng vật thực phi thời, được trong sạch.

Đó là uposathasīla chi pháp thứ sáu.

7- Chư bậc Thánh Arahán suốt cuộc đời **đã từ bỏ sự nhảy múa ca hát, thổi kèn, tuyệt đối tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham ái**. Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ sự nhảy múa ca hát, thổi kèn, tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham ái** suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay. Ta cũng được gọi là người thực hành theo gương của chư Thánh Arahán về điều giới này. Và ta đã thọ trì uposathasīla, giữ gìn điều giới từ bỏ sự nhảy múa ca hát thổi kèn, tránh xa xem nhảy múa, ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tâm tham ái, được trong sạch.

Đó là uposathasīla chi pháp thứ bảy.

8- Chư bậc Thánh Arahán suốt cuộc đời **từ bỏ chỗ nằm ngôi nơi quá cao quý và xinh đẹp**, tuyệt đối tránh xa chỗ nằm ngôi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngôi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô. Hôm nay, **chính ta cũng từ bỏ chỗ nằm ngôi nơi quá cao quý và xinh đẹp**, tránh xa chỗ nằm ngôi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngôi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô suốt 1 ngày nay và 1 đêm nay. Ta cũng được gọi là người thực hành theo gương của chư Thánh Arahán về điều giới này. Và ta đã thọ trì uposathasīla, giữ gìn điều giới từ bỏ chỗ nằm ngôi nơi quá cao quý và xinh đẹp, chỉ nằm ngôi chỗ thấp, trên cái giường nhỏ, hoặc trên chỗ nằm được làm bằng cỏ khô, được trong sạch.

Đó là uposathasīla chi pháp thứ tám.

9- *Hành giả có thiện tâm hợp với tâm từ rải khắp hướng Đông đến tất cả mọi chúng sinh trong muôn loài, trong khắp mọi nơi, với tâm từ vô lượng rải khắp mọi chúng sinh vô biên, không oan trái lẫn nhau, giữ gìn thân tâm được an lạc. Cũng như vậy, tâm từ rải khắp hướng Nam...; tâm từ rải khắp hướng Tây...; tâm từ rải khắp hướng Bắc...; tâm từ rải khắp phía dưới...; tâm từ rải khắp phía trên đến tất cả mọi chúng sinh trong muôn loài, trong khắp mọi nơi, với tâm từ vô lượng rải khắp mọi chúng sinh vô biên, không oan trái lẫn nhau, giữ gìn thân tâm được an lạc.*

Đó là uposathasīla chi pháp thứ chín.

Này chư Tỳ khuru, như vậy người hành giả thọ trì, giữ gìn uposathasīla gồm có 9 chi pháp này được kết quả nhiều, có quả báu nhiều, quả báu hiện rõ nhiều, quả báu tỏa rộng nhiều”.

(Xong bài kinh Nava□guposathasutta)

Nghi Thức Thọ Phép Quy Y Tam Bảo Và Thọ Trì Uposathasīla Gồm Có 9 Chi

Mọi nghi thức phần đầu giống như nghi thức thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì bát giới uposathasīla. Đến phần xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì giới uposathasīla gồm có 9 chi, thì thay đổi lời xin.

Trường hợp số nhiều, từ 2 người trở lên xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì giới uposathasīla gồm có 9 chi, thì đọc như sau:

Maya□ Bhante, tisara□ena saha nava□gasamannāgata□ uposathasīla□ dhamma□ yācāma, anuggaha□ katvā sīla□ detha no Bhante.

Dutiyampi maya□ Bhante, tisara□ena saha nava□gasamannāgata□ uposathasīla□ dhamma□ yācāma, anuggaha□ katvā sīla□ detha no Bhante.

Tatīyampi maya□ Bhante, tisara□ena saha nava□gasamannāgata□ uposathasīla□ dhamma□ yācāma, anuggaha□ katvā sīla□ detha no Bhante.

Kính bạch Ngài Đại đức, chúng con xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì giới uposathasīla gồm có 9 chi.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài từ bi tế độ hướng dẫn phép quy y Tam Bảo và uposathasīla gồm có 9 chi cho chúng con.

Kính bạch Ngài Đại đức, chúng con xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì giới uposathasīla gồm có 9 chi.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài từ bi tế độ hướng dẫn phép quy y Tam Bảo và uposathasīla gồm có 9 chi cho chúng con, lần thứ nhì.

Kính bạch Ngài Đại đức, chúng con xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì giới uposathasīla gồm có 9 chi.

Kính bạch Ngài, kính xin Ngài từ bi tế độ hướng dẫn phép quy y Tam Bảo và uposathasīla gồm có 9 chi cho chúng con, lần thứ ba.

Ngài Đại đức truyền dạy rằng:

NĐĐ: *Yamaha* □ *vadāmi*, *ta* □ *vadetha*.

(Su hướng dẫn từng chữ, từng câu như thế nào, các con hãy nên lập lại đúng từng chữ, từng câu như thế ấy).

Tất cả mọi người cận sự nam, cận sự nữ đồng thanh thưa rằng:

CSN: *Āma, Bhante*.

(Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).

Kính lễ Đức Phật

Ngài Đại đức hướng dẫn đánh lễ Đức Thế Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

(3 lần)

Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức Thế Tôn, Đức Arahán, Đức Chánh Đẳng Giác ấy.

(3 lần)

Thọ phép quy y Tam Bảo

Sau khi kính lễ Đức Phật xong, Ngài Đại đức hướng dẫn thọ phép quy y Tam Bảo như sau:

Buddha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật.

Dhamma□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp.

Sa□gha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng.

Dutiyampi Buddha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ nhì.

Dutiyampi Dhamma□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ nhì.

Dutiyampi Sa□gha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng, lần thứ nhì.

Tatiyampi Buddha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ ba.

Tatiyampi Dhamma□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ ba.

Tatiyampi Sa□gha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng, lần thứ ba.

NĐĐ: Tisara□agamana□ paripu□□a□.
(Phép quy y Tam Bảo trọn vẹn bảy nhiều!)

CSN: Āma! Bhante.
(Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).

Thọ trì bát giới uposathasīla gồm có 9 chi pháp

Sau khi thọ phép quy y Tam Bảo xong, tiếp theo thọ trì uposathasīla gồm có 9 chi pháp như sau:

- 1- *Pāātipātā verama isikkhāpada samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự sát sinh.
- 2- *Adinnādānā verama isikkhāpada samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự trộm cắp.
- 3- *Abrahmacariyā verama isikkhāpada samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự hành dâm.
- 4- *Musāvādā verama isikkhāpada samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói dối.
- 5- *Surāmerayamajjappamāda hānā verama isikkhāpada samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự để duôi.
- 6- *Vikālabhojanā verama isikkhāpada samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự dùng vật thực phi thời.
- 7- *Nacca gīta vādita visūkadassana mālāgandha vilepana dhāra ma ana vibhūsana hānā verama isikkhāpada samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát, đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham ái.
- 8- *Uccāsayana mahāsayanā verama isikkhāpada samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.
- 9- *Mettāsahagatena cetasā sabbapā abhūtesu pharitvā vihara a samādiyāmi.*
Con xin thọ trì pháp hành niệm rải tâm từ đến tất cả mọi chúng sinh muôn loài bằng thiện tâm hợp với tâm từ.

Ngài Đại đức khuyên dạy rằng:

NĐĐ: *Tisara ena saha nava gasamannāgata uposathasīla dhamma sādhu katvā, appamādena sampādettha.*

(Thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì giới uposathasīla gồm có 9 chi pháp

xong rồi, các con hãy nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, bằng pháp không để duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện pháp phát sinh).

Những người cận sự nam, cận sự nữ đồng thanh bạch rằng:

CSN: *Āma! Bhante.*
(*Đạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).*

NĐĐ: *Sīlena sugati□ yanti.*

Sīlena bhogasampadā.
Sīlena nibbuti□ yanti.
Tasmā sīla□ visodhaye.

Chúng sinh tái sinh cõi trời, nhờ giữ giới.
Chúng sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới.
Chúng sinh giải thoát Niết Bàn, nhờ giữ giới.
Vậy, các con giữ giới cho được trong sạch.

CSN: *Sādhu! Sādhu!*
(*Lành thay! Lành thay!*)!

Sau khi đã thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì giới uposathasīla gồm có 9 chi pháp xong rồi, tiếp theo đọc bài kệ khẳng định không có quy y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy y nương nhờ nơi Đức Phật Bảo, nơi Đức Pháp Bảo, nơi Đức Tăng Bảo mà thôi, để làm tăng đức tin cho vững chắc, như sau:

Bài kệ khẳng định quy y Tam Bảo

Natthi me sara□a□ añña□,
Buddho me sara□a□ vara□.
Etena sacavajjena,
Hotu me jayama□ gala□.

Natthi me sara□a□ añña□,
Dhammo me sara□a□ vara□.
Etena sacavajjena,
Hotu me jayama□ gala□.

Natthi me sara□a□ añña□,
Sa□gho me sara□a□ vara□.

*Etena sacavajjena,
Hotu me jayama□gala□.*

*Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật Bảo nơi nương nhờ cao thượng của con.
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.*

*Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp Bảo nơi nương nhờ cao thượng của con.
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.*

*Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng Bảo nơi nương nhờ cao thượng của con.
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.*

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì giới uposathasīla gồm có 9 chi pháp.

Nhận xét về cửu giới uposathasīla

Trong giới uposathasīla gồm có 9 điều, điều thứ 9 là thọ pháp hành thiên định niệm rải tâm từ như sau:

*“Mettāsaḥagatena cetasā sabbapā□abhūtesu pharitvā vihara□a□
samādiyāmi”.*

(Con xin thọ trì pháp hành niệm rải tâm từ đến tất cả mọi chúng sinh muôn loài bằng thiện tâm hợp với tâm từ).

Cũng trong điều thứ 9 này, một số sách khác thọ trì như sau:

*“Yathābala□ mettāsaḥagatena cetasā sabbavanta□ loka□ pharitvā
viharāmi”.*

(Con xin hành rải tâm từ đến tất cả chúng sinh trong đời theo năng lực thiện tâm hợp với tâm từ).

Điều thứ 9 trong giới uposathasīla có 9 chi pháp **không phải là điều giới** như 8 điều giới ở phần trước (từ điều giới thứ nhất đến điều giới thứ 8), mà

là điều *pháp hành thiên định niệm rải tâm* từ đến tất cả mọi chúng sinh muôn loài vô lượng.

Như vậy, trong giới uposathasīla có 9 chi pháp này, 8 điều giới đầu thuộc về *pháp hành giới*, hỗ trợ cho điều thứ 9 thuộc về *pháp hành thiên định đề mục niệm rải tâm* từ đến tất cả mọi chúng sinh muôn loài vô lượng.

Phước thiện và quả báu đặc biệt của giới uposathasīla có 9 chi pháp

Nếu hành giả thọ trì giới uposathasīla có 9 chi pháp rồi giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, thì hành giả không những được phước thiện giữ giới, mà còn có được phước thiện hành thiên. Do đó, giới uposathasīla có 9 chi pháp này cao quý hơn bát giới uposathasīla.

Phước thiện hành thiên niệm rải tâm từ sẽ có được 11 quả báu trong kiếp hiện tại và những kiếp vị lai như sau:

- 1- *Ngủ được an lạc.*
- 2- *Thức dậy được an lạc.*
- 3- *Không thấy các ác mộng.*
- 4- *Được mọi người thương yêu, quý mến.*
- 5- *Được các hàng phi nhân thương yêu, quý mến.*
- 6- *Được chư thiên hộ trì.*
- 7- *Lửa hoặc chất độc hoặc các loại vũ khí,... không thể làm hại được.*
- 8- *Tâm dễ dàng an tịnh.*
- 9- *Gương mặt sáng sủa.*
- 10- *Lúc lâm chung tâm không mê muội (tâm trí sáng suốt).*
- 11- *Đề mục niệm rải tâm từ có khả năng chứng đắc các bậc thiên sắc giới (trừ đệ ngũ thiên); nếu chưa trở thành bậc Thánh Arahán, thì sau khi chết, bậc thiên hữu sắc sở đắc của mình cho quả tái sinh lên cõi trời sắc giới phạm thiên.*

Hành giả thực hành thiền định đề mục niệm rải tâm từ [27] đến cho mình rồi đến tất cả mọi chúng sinh vô lượng, thì chính mình được sự an lạc, do năng lực tâm từ ấy, chúng sinh gần xa cũng được sự an lạc tùy theo năng lực tâm từ của hành giả.

V- Thập Giới (Dasasīla)

Thập giới là thường giới của bậc xuất gia Sadi. Bậc Sadi có thập giới là thường giới và có nhiều loại giới khác, 14 pháp hành,... cần phải giữ gìn suốt ngày đêm cho được trong sạch và trọn vẹn trong phẩm hạnh Sadi.

Đối với người tại gia, cận sự nam, cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo một cách sâu sắc, nhưng người ấy chưa có đủ duyên được xuất gia, họ tư duy rằng: *“Ta chưa có đủ duyên từ bỏ nhà đi xuất gia như các bậc xuất gia (Sadi, Tỳ khưu), vì ta còn bị ràng buộc bởi gia đình, xã hội. Nay được nghỉ ngơi một thời gian ngắn, ta nên vào chùa xin thọ trì thập giới, trong suốt thời gian ở trong chùa, để có cơ hội tốt thực hành giới-định-tuệ. Bởi vì đời sống của người tại gia có nhiều ràng buộc, khó thực hành phạm hạnh được trong sạch hoàn toàn”*.

Sau khi suy xét chân chính như vậy, người cận sự nam, cận sự nữ ấy đến chùa; nếu có mang theo tiền, vàng bạc, của cải quý giá, người ấy phải gửi cho người hộ Tăng trong chùa, nhờ cất giữ. Sau khi xả giới trở về nhà, người ấy đến xin nhận lại số tiền, vàng bạc, những của cải quý giá đã gửi nơi người hộ Tăng ấy.

Người cận sự nam, cận sự nữ đến đánh lễ vị Đại đức trong chùa, bạch cho Ngài biết rõ nguyện vọng xin ở trong chùa, thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì thập giới trong suốt thời gian ở trong chùa. Kính xin Ngài từ bi tế độ.

Nghi Thức Thọ Phép Quy Y Tam Bảo Và Thọ Trì Thập Giới Của Người Tại Gia

Người cận sự nam, cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo một cách sâu sắc mới có khả năng thọ phép quy y Tam Bảo và thập giới của người tại gia theo tuần tự như sau:

Lễ bái Tam Bảo

Lễ sám hối Tam Bảo

* **Lễ sám hối Đức Phật Bảo**

*Uttama□gena vande 'ha□
Pādapa□su□ varuttama□.
Buddhe yo khalito doso,
Buddho khamatu ta□ mama□.*

*Con hết lòng thành kính cúi đầu đánh lễ,
Bụi trần dưới bàn chân cao thượng Đức Phật.
Lỗi làm nào con đã phạm đến Phật Bảo,
Cúi xin Phật Bảo xá tội ấy cho con.
(đánh lễ một lạy)*

* **Lễ sám hối Đức Pháp Bảo**

*Uttama□gena vande 'ha□,
Dhammañca duvidha□ vara□.
Dhamme yo khalito doso,
Dhammo khamatu ta□ mama□.*

*Con hết lòng thành kính cúi đầu đánh lễ,
Hai hạng Pháp Bảo: Pháp học và pháp hành.
Lỗi làm nào con đã phạm đến Pháp Bảo,
Cúi xin Pháp Bảo xá tội ấy cho con.
(đánh lễ một lạy)*

* **Lễ sám hối Đức Tăng Bảo**

*Uttama□gena vande 'ha□,
Sa□ghañca duvidhuttama□.
Sa□ghe yo khalito doso,
Sa□gho khamatu ta□ mama□.*

*Con hết lòng thành kính cúi đầu đánh lễ,
Hai bậc Tăng Bảo: Thánh Tăng và phàm Tăng.
Lỗi làm nào con đã phạm đến Tăng Bảo,
Cúi xin Tăng Bảo xá tội ấy cho con.
(đánh lễ một lạy)*

Bài kệ cầu nguyện

*Iminā puññakammena,
Sabbe bhayā vinassantu.
Nibbāna□ adhigantu□ hi,
Sabbadukkhā pamuccāmi.*

*Do nhờ năng lực thiện tâm sám hối này,
Cầu xin mọi tai họa hãy đều tiêu diệt.
Mong chứng đắc Thánh Đạo, Thánh Quả Niết Bàn,
Cầu mong giải thoát mọi cảnh khổ tái sinh.*

Lễ xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì thập giới của người tại gia

*Aha□ Bhante, tisara□ena saha dasagaha□□hasīla□ dhamma□ yācāmi,
anuggaha□ katvā, sīla□ detha me Bhante.*

*Dutiyampi aha□ Bhante, tisara□ena saha dasagaha□□hasīla□ dhamma□
yācāmi, anuggaha□ katvā, sīla□ detha me Bhante.*

*Tatīyampi aha□ Bhante, tisara□ena saha dasagaha□□hasīla□ dhamma□
yācāmi, anuggaha□ katvā, sīla□ detha me Bhante.*

*Kính bạch Ngài Đại đức, con xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì thập
giới của người tại gia.*

*Kính bạch Ngài, kính xin Ngài từ bi tế độ hướng dẫn phép quy y Tam Bảo và
thập giới của người tại gia cho con.*

*Kính bạch Ngài Đại đức, con xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì thập
giới của người tại gia.*

*Kính bạch Ngài, kính xin Ngài từ bi tế độ hướng dẫn phép quy y Tam Bảo và
thập giới của người tại gia cho con, lần thứ nhì.*

*Kính bạch Ngài Đại đức, con xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì thập
giới của người tại gia.*

*Kính bạch Ngài, kính xin Ngài từ bi tế độ hướng dẫn phép quy y Tam Bảo và
thập giới của người tại gia cho con, lần thứ ba.*

Ngài Đại đức truyền dạy rằng:

NĐĐ: *Yamaha* □ *vadāmi*, *ta* □ *vadehi*.

(*Sư hướng dẫn từng chữ, từng câu như thế nào, con hãy nên lập lại đúng từng chữ, từng câu như thế ấy*).

Người cận sự nam, hoặc cận sự nữ thưa rằng:

CSN: *Āma*, *Bhante*.

(*Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài*).

Kính lễ Đức Phật

Ngài Đại đức hướng dẫn đánh lễ Đức Thế Tôn rằng:

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

(*3 lần*)

Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức Thế Tôn, Đức Arahán, Đức Chánh Đẳng Giác ấy.

(*3 lần*)

Thọ phép quy y Tam Bảo

Sau khi kính lễ Đức Phật xong, Ngài Đại đức hướng dẫn thọ phép quy y Tam Bảo như sau:

Buddha □ *sara* □ *a* □ *gacchāmi*.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật.

Dhamma □ *sara* □ *a* □ *gacchāmi*.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp.

Sa □ *gha* □ *sara* □ *a* □ *gacchāmi*.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng.

Dutiyampi Buddha □ *sara* □ *a* □ *gacchāmi*.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ nhì.

Dutiyampi Dhamma □ *sara* □ *a* □ *gacchāmi*.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ nhì.

Dutiyampi Sa □ *gha* □ *sara* □ *a* □ *gacchāmi*.

Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng, lần thứ nhì.

Tatīyampi Buddha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ ba.

Tatīyampi Dhamma□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ ba.

Tatīyampi Sa□gha□ sara□a□ gacchāmi.
Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng, lần thứ ba.

NĐĐ: Tisara□agamana□ paripu□□a□.
(Phép quy y Tam Bảo trọn vẹn bấy nhiêu!)

CSN: Āma! Bhante.
(Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).

Thọ trì thập giới của người tại gia

Sau khi thọ phép quy y Tam Bảo xong, tiếp theo thọ trì thập giới của người tại gia:

1- *Pā□ātipātā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự sát sinh.

2- *Adinnādānā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự trộm cắp.

3- *Abrahmacariyā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự hành dâm.

4- *Musāvādā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nói dối.

5- *Surāmerayamajjappamāda□□hānā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi.

6- *Vikālabhojanā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự dùng vật thực phi thời.

7- *Nacca gīta vādita visūkadassanā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn,
đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát là pháp nghịch với giới-định-tuệ.

8- *Mālāgandha vilepana dhāra□a ma□□ana vibhūsana□□hānā*
verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự đeo tràng hoa, làm đẹp bằng
phấn son, xức nước hoa là nhân sinh tham ái.

9- *Uccāsayana mahāsayanā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa chỗ nằm ngòai nơi quá cao và xinh
đẹp.

10- *Jātarūpa rajata pa□iggahanā verama□isikkhāpada□ samādiyāmi.*
Con xin thọ trì điều giới, có tác ý tránh xa sự thọ nhận vàng bạc, châu báu.

Ngài Đại đức khuyên dạy rằng:

NĐĐ: *Tisara□ena saha dasagaha□□hasīla□ dhamma□ sādhu□ katvā,*
appamādena sampādettha.
(Thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì thập giới của người tại gia xong rồi, con
hãy nên cố gắng giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn, bằng pháp không
để duôi, để làm nền tảng cho mọi thiện pháp phát sinh).

Người cận sự nam, hoặc người cận sự nữ bạch rằng:

CSN: *Āma! Bhante.*
(Dạ, xin vâng! Kính bạch Ngài).

NĐĐ: *Sīlena sugati□ yanti.*
Sīlena bhogasampadā.
Sīlena nibbuti□ yanti.
Tasmā sīla□ visodhaye.

Chúng sinh tái sinh cõi trời, nhờ giữ giới.
Chúng sinh đầy đủ của cải, nhờ giữ giới.
Chúng sinh giải thoát Niết Bàn, nhờ giữ giới,
Vậy, các con giữ giới cho được trong sạch.

CSN: *Sādhu! Sādhu!*
(Lành thay! Lành thay)!

Sau khi đã thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì thập giới của người tại gia xong rồi, tiếp theo đọc bài kệ khẳng định không có quy y nương nhờ nơi nào khác, chỉ có quy y nương nhờ nơi Đức Phật Bảo, nơi Đức Pháp Bảo, nơi Đức Tăng Bảo mà thôi, để làm tăng đức tin cho vững chắc, như sau:

Bài kệ khẳng định quy y Tam Bảo

*Natthi me saraṃ aṃ ãṇṇaṃ,
Buddho me saraṃ aṃ varaṃ.
Etena sacavajjena,
Hotu me jayamaṃ galaṃ.*

*Natthi me saraṃ aṃ ãṇṇaṃ,
Dhammo me saraṃ aṃ varaṃ.
Etena sacavajjena,
Hotu me jayamaṃ galaṃ.*

*Natthi me saraṃ aṃ ãṇṇaṃ,
Saṃgho me saraṃ aṃ varaṃ.
Etena sacavajjena,
Hotu me jayamaṃ galaṃ.*

*Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Phật Bảo nơi nương nhờ cao thượng của con.
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.*

*Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Pháp Bảo nơi nương nhờ cao thượng của con.
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.*

*Chẳng có nơi nào đáng cho con nương nhờ,
Tăng Bảo nơi nương nhờ cao thượng của con.
Do nhờ năng lực của lời chân thật này,
Cầu mong cho con được hạnh phúc cao thượng.*

Hoàn thành xong lễ thọ phép quy y Tam Bảo và thập giới của người tại gia.

Phân Giải Thích

Thập giới gồm có 10 điều giới, từ điều giới thứ nhất đến điều giới thứ 6 và điều giới 9 đã được giải thích trong phần ngũ giới và bát giới uposathasīla.

Trong phần sau sẽ giải thích điều giới thứ 7: *Tránh xa sự nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn, xem nhảy múa, nghe ca hát là pháp nghịch với giới-định-tuệ*; điều giới thứ 8: *Tránh xa sự đeo tràng hoa, làm đẹp bằng phấn son, xúc nước hoa là nhân sinh tham ái*; điều giới thứ 10: *Tránh xa sự thọ nhận vàng bạc, châu báu*.

Điều Giới Thứ 7

Nacca gīta vādita visūkadassanā verama □ *isikkhāpada* □ *samādiyāmi*.

Tự mình nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn; hoặc sai bảo người khác nhảy múa, ca hát, thổi kèn, đánh đàn do bởi tâm tham ái là nhân sinh khổ, nghịch với pháp hành giới-định-tuệ không dẫn đến giải thoát khổ trong Phật giáo. Đó là điều nên tránh xa, *tự mình* không nên hành động, cũng không nên sai bảo *người khác* hành động như vậy. Do đó, trở thành một điều giới riêng biệt mà hành giả phải tránh xa để khỏi phạm điều giới.

Điều Giới Thứ 8

Mālāgandha vilepana dhāra □ *a ma* □ □ *ana vibhūsana* □ □ *hānā verama* □ *isikkhāpada* □ *samādiyāmi*.

Đeo tràng hoa, thoa phấn son, xúc nước hoa, *tự mình làm đẹp* là nhân sinh tâm tham ái. Đó là điều nên tránh xa. Do đó trở thành một điều giới riêng biệt mà hành giả phải nên tránh xa để khỏi phạm điều giới.

Điều giới thứ 7: “*Nacca gīta vādita...*” và điều giới thứ 8: “*Mālāgandha vilepana...*” gom chung thành 1 điều giới trong ***bát giới uposathasīla*** và ***cửu giới uposathasīla***, bởi vì trong 2 điều giới này, mỗi sự việc tuy có tính chất khác nhau, nhưng cả 2 điều giới đều có chung *sắc trần* và *thanh trần* đáng hải lòng thuộc về *kāmagu* □ *a*: *Đối tượng dục giới ràng buộc, dễ phát sinh tâm tham ái*.

Trong ***thập giới***, điều giới thứ 7: “*Nacca gīta vādita...*” tự mình nhảy múa, ca hát,... và sai bảo người khác nhảy múa, ca hát,... để xem, để nghe thuộc về thân hành ác và khẩu hành ác. Do đó, trở thành một điều giới nên tránh xa riêng biệt.

Điều giới thứ 8: “*Mālāgandha vilepana...*” đeo tràng hoa, thoa phấn son, xức nước hoa,... *tự mình* làm đẹp là nhân sinh tâm tham ái. Do đó, trở thành một điều giới nên tránh xa riêng biệt.

Điều Giới Thứ 10

Jātarūpa rajata paṅgghanā veramaṅgisikkhāpadaṅ samādiyāmi.

* Nghĩa phân tích chữ:

— *Jātarūpa*: Vàng ròng, gồm tất cả những đồ trang sức làm bằng vàng như dây vòng vàng, nhẫn vàng,...

— *Rajata*: Bạc, gồm tất cả những đồ làm bằng bạc, tiền bạc bằng đồng, bằng bạc, bằng giấy, bằng ngân phiếu,...

— *Paṅgghanā*: Nhận lấy, đụng chạm đến vàng bạc, tiền bạc,... bằng 5 cách:

+ *Uggaha*: Tự mình thọ nhận, đụng chạm đến vàng, tiền bạc, ngân phiếu,...

+ *Uggahāpana*: Sai bảo người khác thọ nhận vàng, tiền bạc, ngân phiếu,... cất giữ cho mình.

+ *Upanikkhittasādayana*: Thí chủ đem vàng, tiền bạc, ngân phiếu,... dâng cúng dường đến vị Tỳ khuru để mua sắm y mặc, mua dép mang, mua vé xe, vé tàu, vé máy bay,... Vị Tỳ khuru ấy *không thọ nhận bằng thân hoặc bằng khẩu* mà *thọ nhận bằng tâm hoan hỷ* số vàng, tiền bạc, ngân phiếu,... ấy dành cho mình.

+ *Dubbicāraṅga*: Người thí chủ hiểu biết giới luật của Tỳ khuru, cho nên không trực tiếp dâng vàng, tiền bạc, ngân phiếu,... đến vị Tỳ khuru ấy, mà đem gửi cho người hộ Tăng, nhờ người hộ Tăng ấy mua những thứ vật dụng cần thiết dâng đến vị Tỳ khuru ấy (đúng theo giới luật của Tỳ khuru mà Sadi cũng nên hành theo).

Người thí chủ tìm đến vị Tỳ khuru ấy bạch rằng:

— *Kính bạch Ngài Đại đức, con có gởi một số tài chánh cho người hộ Tăng, nhờ người ấy mua sắm những thứ vật dụng mà Ngài cần dùng. Khi*

Ngài cần thứ vật dụng nào, kính xin mời Ngài đến gặp người hộ Tăng, nhờ người ấy đi tìm kiếm thứ vật dụng ấy, để dâng đến Ngài (đúng theo giới luật của Tỳ khuru mà Sadi cũng nên hành theo).

Vị Tỳ khuru tìm đến người hộ Tăng hỏi để biết số tiền mà thí chủ dâng cho Ngài bao nhiêu, hoặc sai bảo người hộ Tăng bỏ vào hộp cất giữ, hoặc sai bảo người hộ Tăng lấy tiền từ trong hộp ra mua sắm những thứ vật dụng này, thứ vật dụng kia (như vậy, không đúng theo giới luật của Tỳ khuru).

+ *Āmasana*: Vị Tỳ khuru không được phép hoan hỷ dụng chạm đến vàng, tiền bạc, ngân phiếu,... của người khác.

Đó là 5 cách mà hành giả thọ trì điều giới thứ 10 cần phải tránh xa để giữ gìn điều giới ấy được trong sạch và trọn vẹn.

Người cận sự nam, cận sự nữ có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo một cách sâu sắc mới thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì thập giới của người tại gia.

Để giữ gìn điều giới thứ 10: “*Tránh xa thọ nhận vàng bạc, tiền bạc, ngân phiếu...*” trong suốt khoảng thời gian phát nguyện thọ trì thập giới. Nếu người cận sự nam hoặc người cận sự nữ có mang theo vàng bạc, châu báu, tiền bạc,... thì trước khi xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì thập giới của người tại gia, người ấy nên đem số vàng bạc, châu báu, tiền bạc,... gửi người hộ Tăng đáng tin cậy trong chùa, rồi mới xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì thập giới của người tại gia.

Sau khi người cận sự nam, cận sự nữ đã thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì thập giới của người tại gia xong rồi, từ đó không thọ nhận vàng bạc, châu báu, tiền bạc,... từ một người nào khác, kể cả người trong gia đình, để giữ gìn điều giới thứ 10 cho được trong sạch và trọn vẹn.

Thập giới của người tại gia với thập giới của bậc xuất gia Sadi khác nhau như thế nào?

* Đối với người tại gia, trước khi đi vào chùa để thọ trì thập giới của người tại gia, người cận sự nam, cận sự nữ không phải từ bỏ gia đình, không phải xả bỏ tất cả của cải, vàng bạc, châu báu, tiền bạc,... trong nhà, trong ngân hàng,... Khi đi vào chùa, nếu người cận sự nam, cận sự nữ có mang theo vàng bạc, châu báu, tiền bạc,... thì cần phải gửi người hộ Tăng tin cậy trong chùa xong, mới xin thọ phép quy y Tam Bảo và thọ trì thập giới của người tại gia. Sau khi đã thọ thập giới của người tại gia xong, từ đó người ấy

không thọ nhận vàng bạc, châu báu, tiền bạc,... từ người khác, dù người ấy là người thân trong gia đình (cha mẹ, anh, chị, em, con cái,...) cũng không nên thọ nhận, để giữ gìn thập giới cho được trong sạch và trọn vẹn, làm nền tảng cho pháp hành thiền định, pháp hành thiền tuệ.

* Đối với bậc xuất gia, trước khi đi vào chùa để làm lễ xuất gia trở thành Sadi trong Phật giáo, người cận sự nam từ bỏ tất cả của cải, vàng bạc, châu báu, tiền bạc,... của mình. Khi đi vào chùa, người cận sự nam giới từ xin cạo tóc, làm lễ xuất gia trở thành Sadi trong Phật giáo. Sadi có nhiều loại giới, trong đó có *thập giới của bậc xuất gia Sadi là thường giới*, vì Sadi ấy phải giữ gìn cho được trong sạch và trọn vẹn suốt cuộc đời phạm hạnh xuất gia Sadi của mình.

Thập giới của người tại gia với thập giới của bậc xuất gia Sadi khác nhau như vậy.

Sau một thời gian phát nguyện thọ trì thập giới của người tại gia, ***người cận sự nam hoặc người cận sự nữ xin xả thập giới trở lại ngũ giới là thường giới và 8 giới 8 ājīva □ □ hamakasīla của người tại gia, trở lại cuộc sống sinh hoạt bình thường của người tại gia.***

Nhận xét về thập giới của người tại gia

Thập giới vốn là thường giới của bậc xuất gia Sadi, trong thập giới có điều giới thứ 10: “*Tránh xa thọ nhận vàng bạc, châu báu, tiền bạc,...*” bởi vì bậc xuất gia không liên quan đến vàng bạc, châu báu, tiền bạc,...; còn đối với người tại gia, vàng bạc, châu báu, tiền bạc,... là một nhu cầu cần thiết trong cuộc sống mà không thể thiếu được. Do đó, người tại gia còn bị ràng buộc bởi của cải, vàng bạc, châu báu, tiền bạc,... mà khó có thể từ bỏ, khó xả bỏ hết thảy.

Người cận sự nam hoặc người cận sự nữ nào có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo một cách sâu sắc mới có khả năng thọ trì thập giới của người tại gia. Về hình thức bên ngoài tuy người ấy chưa phải là bậc xuất gia Sadi, nhưng nội tâm bên trong, người ấy hành giới y như bậc xuất gia Sadi trong suốt thời gian phát nguyện thọ trì thập giới của người tại gia. Như vậy, quả báu thập giới của người ấy chắc chắn cao quý hơn bát giới uposathasīla và hơn cửu giới uposathasīla.

Giới Bị Chấm Dứt Và Giới Không Bị Chấm Dứt (Pariyantasīla Và Apariyantasīla)

Trong bộ Paṇisambhidāmagga trình bày giới có 2 loại:

- 1- Giới bị chấm dứt (pariyantasīla).
- 2- Giới không bị chấm dứt (apariyantasiila).

1- Giới bị chấm dứt (pariyantasīla)

— *Giới bị chấm dứt vì tham muốn lợi lộc (của cải) (lābhapariyantasiila).*

- *Giới bị chấm dứt vì bảo vệ bộ hạ (danh vọng) (yasapariyantasiila).*

- *Giới bị chấm dứt vì bảo vệ thân quyến (ñātipariyantasiila).*

- *Giới bị chấm dứt vì bảo vệ các bộ phận trong thân (aṅgapariyantasiila).*

- *Giới bị chấm dứt vì bảo vệ sinh mạng (jīvitapariyantasiila).*

* *Thế nào gọi là giới bị chấm dứt vì tham muốn lợi lộc (của cải)?*

Trong đời này, một số người phạm giới vì tham muốn lợi lộc (của cải) là nhân, là duyên, là nguồn gốc.

Đó gọi là giới bị chấm dứt (giới bị dứt) vì tham muốn lợi lộc.

* *Thế nào gọi là giới bị chấm dứt vì bảo vệ bộ hạ (danh vọng)?*

Trong đời này, một số người phạm giới vì muốn bảo vệ bộ hạ của mình (danh vọng của mình) là nhân, là duyên, là nguồn gốc.

Đó gọi là giới bị chấm dứt (giới bị dứt) vì bảo vệ bộ hạ của mình.

* *Thế nào gọi là giới bị chấm dứt vì bảo vệ thân quyến?*

Trong đời này, một số người phạm giới vì muốn bảo vệ thân quyến của mình là nhân là duyên, là nguồn gốc.

Đó gọi là giới bị chấm dứt (giới bị dứt) vì bảo vệ thân quyến của mình.

* *Thế nào gọi là giới bị chấm dứt vì bảo vệ các bộ phận trong thân?*

Trong đời này, một số người phạm giới vì muốn bảo vệ các bộ phận trong thân của mình là nhân, là duyên, là nguồn gốc.

Đó gọi là giới bị chấm dứt (giới bị đứt) vì bảo vệ các bộ phận trong thân của mình.

* *Thế nào gọi là giới bị chấm dứt vì bảo vệ sinh mạng?*

Trong đời này, một số người phạm giới vì muốn bảo vệ sinh mạng của mình là nhân, là duyên, là nguồn gốc.

Đó gọi là giới bị chấm dứt (giới bị đứt) vì bảo vệ sinh mạng của mình.

Vì vậy, cho nên giới bị đứt, giới bị thủng, giới bị đốm, giới bị đứt lan, không tự chủ - làm tôi tớ của tham ái, không được bậc thiện trí tán dương ca tụng, bị tà kiến và tham ái không chế, không thể làm nền tảng để phát sinh tâm định (cận định, an định), làm cho thân tâm nóng nảy khó chịu, không làm cho tâm thoải mái, không làm cho tâm hoan hỷ, không làm cho thân tâm an tịnh, không làm cho thân tâm an lạc, không có tâm định, không có trí tuệ thấy rõ, biết rõ thực tánh của các pháp, chắc chắn không phát sinh trí tuệ thiện tuệ nhằm chán tử sinh luân hồi, không ly dục trong tử sinh luân hồi, không diệt được phiền não, không làm vắng lặng được phiền não, không chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, không chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn.

Đó gọi là giới bị chấm dứt (giới bị đứt).

2- Giới không bị chấm dứt (apariyantasīla)

— *Giới không bị chấm dứt vì lợi lộc (của cải).*

— *Giới không bị chấm dứt vì bộ hạ (danh vọng).*

— *Giới không bị chấm dứt vì thân quyến.*

— *Giới không bị chấm dứt vì các bộ phận trong thân.*

— *Giới không bị chấm dứt vì sinh mạng.*

* *Thế nào gọi là giới không bị chấm dứt vì lợi lộc (của cải)?*

Trong đời này, một số người không để phạm giới vì lợi lộc (của cải) là nhân, là duyên, là nguồn gốc; số người ấy cũng sẽ không phạm giới vì lợi lộc.

Đó gọi là giới không bị chãm dứt vì lợi lộc.

* *Thế nào gọi là giới không bị chãm dứt vì bộ hạ (danh vọng)?*

Trong đời này, một số người không để phạm giới vì bộ hạ của mình (danh vọng của mình) là nhân, là duyên, là nguồn gốc; số người ấy cũng sẽ không phạm giới vì bộ hạ của mình.

Đó gọi là giới không bị chãm dứt vì bộ hạ của mình.

* *Thế nào gọi là giới không bị chãm dứt vì thân quyền?*

Trong đời này, một số người không để phạm giới vì thân quyền của mình là nhân, là duyên, là nguồn gốc; số người ấy cũng sẽ không phạm giới vì thân quyền của mình.

Đó gọi là giới không bị chãm dứt vì thân quyền của mình.

* *Thế nào gọi là giới không bị chãm dứt vì các bộ phận trong thân?*

Trong đời này, một số người không để phạm giới vì các bộ phận trong thân của mình là nhân, là duyên, là nguồn gốc; số người ấy cũng sẽ không phạm giới vì các bộ phận trong thân của mình.

Đó gọi là giới không bị chãm dứt vì các bộ phận trong thân của mình.

* *Thế nào gọi là giới không bị chãm dứt vì sinh mạng?*

Trong đời này, một số người không để phạm giới vì sinh mạng của mình là nhân, là duyên, là nguồn gốc; số người ấy cũng sẽ không phạm giới vì sinh mạng của mình.

Đó gọi là giới không bị chãm dứt vì sinh mạng của mình.

Vì vậy, cho nên giới không bị đứt, giới không bị thủng, giới không bị đốt, giới không bị đứt lan, tự chủ - không làm tội tở của tham ái, được bậc thiện trí tán dương ca tụng, tà kiến và tham ái không thể khống chế được, có thể làm nền tảng để phát sinh tâm định (cận định, an định), làm cho thân tâm mát mẻ dễ chịu, làm cho tâm thoải mái, phát sinh tâm hoan hỷ, làm cho thân

tâm an tịnh, làm cho thân tâm được an lạc, có tâm định trong sáng, có trí tuệ thiên tuệ thấy rõ, biết rõ thực tánh của các pháp, chắc chắn phát sinh trí tuệ thiên tuệ nhằm chán tử sinh luân hồi, tâm ly dục trong tử sinh luân hồi, để dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, để chứng đắc Thánh Đạo - Thánh Quả và Niết Bàn, để làm vắng lặng mọi phiền não.

Đó gọi là giới không bị chãm dứt.

(Tóm lược trong bộ Pañisambhidāmagga)

Giải thích

1- Giới bị chãm dứt

2- Giới không bị chãm dứt

1- **Giới bị chãm dứt** nghĩa là phạm giới, giới bị đứt, giới bị thủng, giới bị đốt, giới bị đứt lan do nguyên nhân vì lợi lộc, vì nhóm bộ hạ, vì người thân quyến, vì bộ phận trong thân thể, vì sinh mạng của mình; do nguyên nhân nào đó mà người ấy bị phạm giới, không giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn như trước nữa.

2- **Giới không bị chãm dứt** nghĩa là không phạm giới, giới không bị đứt, giới không bị thủng, giới không bị đốt, giới không bị đứt lan dù bất cứ nguyên nhân nào như lợi lộc, nhóm bộ hạ, người thân quyến, bộ phận trong thân thể, sinh mạng của mình; mà vẫn giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn.

Ví dụ:

1- Nguyên nhân vì lợi lộc

a) Một người giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, nếu khi thấy món lợi lộc nhỏ thì người ấy không phát sinh tâm tham, không quan tâm đến món lợi lộc nhỏ ấy, người ấy vẫn giữ giới của mình được trong sạch và trọn vẹn. Nhưng nếu khi thấy món lợi lộc lớn, mà không ai thấy, không ai hay biết, cũng không ai nghi ngờ, thì người ấy mới phát sinh tâm tham, quan tâm đến món lợi lộc lớn ấy, rồi dẫn đến phạm giới, để chiếm đoạt món lợi lộc lớn ấy về cho mình.

Như vậy gọi là *giới bị chắm dút*, giới của người ấy bị phạm do nguyên nhân vì lợi lộc.

b) Một người giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn dù thấy món lợi lộc lớn mà không ai thấy, không ai hay biết, cũng không ai nghi ngờ; người ấy cũng không phát sinh tâm tham, không quan tâm đến món lợi lộc lớn ấy. Người ấy vẫn giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, không bị phạm điều giới nào.

Như vậy gọi là *giới không bị chắm dút*, giới của người ấy không bị phạm do nguyên nhân vì lợi lộc.

2- Nguyên nhân vì nhóm bộ hạ

a) Một người giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, nếu thấy một người không thân, không phải là bộ hạ của mình có hành vi phạm pháp, thì người ấy vẫn giữ thái độ thản nhiên. Nhưng nếu thấy một người thân là bộ hạ của mình có hành vi phạm pháp, thì người ấy phát sinh tâm thiên vị vì thương, nên đứng ra là chứng gian (*phạm điều giới nói dối*) để giúp cho người thân, bộ hạ của mình tránh khỏi bị tù tội.

Như vậy gọi là *giới bị chắm dút*, giới của người ấy bị phạm do nguyên nhân vì bảo vệ nhóm bộ hạ của mình.

b) Một người giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, dù thấy người thân, bộ hạ của mình có hành vi phạm pháp, người ấy không bao che cho bộ hạ của mình để tránh khỏi bị tù tội, mà vẫn giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn.

Như vậy gọi là *giới không bị chắm dút*, giới của người ấy không bị phạm do nguyên nhân vì bảo vệ nhóm bộ hạ của mình.

3- Nguyên nhân vì người thân quyến

a) Một người giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, nếu thấy một người không quen có hành vi phạm pháp, thì người ấy vẫn giữ thái độ thản nhiên. Nhưng nếu thấy một người thân quyến của mình có hành vi phạm pháp, thì người ấy phát sinh tâm thiên vị vì thương, nên đứng ra là chứng gian (*phạm điều giới nói dối*) để giúp cho người thân quyến của mình tránh khỏi bị tù tội.

Như vậy gọi là *giới bị chấm dứt*, giới của người ấy bị phạm do nguyên nhân vì bảo vệ người thân quyền.

b) Một người giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, dù thấy người thân quyền của mình có hành vi phạm pháp, người ấy không bao che cho người thân quyền của mình để tránh khỏi bị tù tội, mà vẫn giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn.

Như vậy gọi là *giới không bị chấm dứt*, giới của người ấy không bị phạm do nguyên nhân vì bảo vệ người thân quyền.

4- Nguyên nhân vì bộ phận trong thân thể

a) Một người giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, nếu người ấy bị thương nhẹ, thì dùng thuốc có sẵn để chữa trị vết thương. Nhưng nếu khi người ấy bị thương nặng gãy cánh tay (hoặc bị gãy chân) mà vị thầy thuốc hướng dẫn cần phải giết một con gà quạ (đen) trộn chung với các vị thuốc đắp vào chỗ gãy xương ấy mới có thể lành, khỏi bị thương tật. Vì chấp nhận làm theo lời hướng dẫn của vị thầy thuốc, nên bệnh nhân phải giết con gà quạ (*phạm điều giới sát sinh*) để chữa trị chỗ xương bị gãy cho lành lại.

Như vậy gọi là *giới bị chấm dứt*, giới của người ấy bị phạm do nguyên nhân vì bảo vệ bộ phận trong thân thể.

b) Một người giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, dù người ấy bị thương nặng gãy cánh tay (hoặc bị gãy chân) và đã được vị thầy thuốc hướng dẫn cần phải giết một con gà quạ (đen) trộn chung với các vị thuốc đắp vào chỗ gãy xương ấy mới có thể lành, khỏi bị thương tật. Nhưng người bệnh nhân không chấp nhận làm theo lời hướng dẫn của thầy thuốc, không chịu giết con gà quạ để làm thuốc. Người bệnh nhân thà chịu hy sinh chặt cánh tay (hoặc chân), chứ không chịu phạm điều giới sát sinh, giết chết con gà quạ để làm thuốc.

Như vậy gọi là *giới không bị chấm dứt*, giới của người ấy không bị phạm do nguyên nhân vì bảo vệ bộ phận trong thân thể.

5- Nguyên nhân vì sinh mạng

a) Một người giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, nếu khi bị con vật gì cắn, thì người ấy dùng thuốc để chữa trị. Nhưng nếu khi bị con

trần quấn siết chặt vào thân mình làm cho đau đớn, thì người ấy dùng khí giới giết con trần ấy (*phạm điều giới sát sinh*) để cứu sinh mạng của mình.

Như vậy, gọi là *giới bị chấm dứt*, giới của người ấy bị phạm do nguyên nhân vì bảo vệ sinh mạng của mình.

b) Một người giữ gìn giới của mình được trong sạch và trọn vẹn, dù bị con trần quấn siết chặt vào thân mình làm cho đau đớn kinh khủng, người ấy có khả năng giết chết con trần ấy, nhưng vì có đức tin trong sạch nơi Tam Bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, hiểu biết rõ tai hại của sự phạm điều giới sát sinh và hiểu rõ quả báu của giới tránh xa sự sát sinh, nên người ấy có sự nhận thức đúng đắn rằng: *Quyết tâm giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, thà chịu hy sinh sinh mạng, để bảo vệ giới của mình được hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn.*

Như vậy gọi là *giới không bị chấm dứt*, giới của người ấy không bị phạm do nguyên nhân vì bảo vệ sinh mạng của mình.

Phân Tích 4 Tính Chất Của Giới

Trong ngũ giới, bát giới uposathasīla, cửu giới uposathasīla, thập giới, v.v.. có 4 tính chất:

- 1- ***Giới bị dứt và giới không bị dứt.***
- 2- ***Giới bị thủng và giới không bị thủng.***
- 3- ***Giới bị đốm và giới không bị đốm.***
- 4- ***Giới bị đứt lan và giới không bị đứt lan.***

1- ***Thế nào gọi là giới bị dứt (kha□dha) và giới không bị dứt (akha□dha)?***

Trong ngũ giới và bát giới,... nếu hành giả phạm điều giới đầu và điều giới cuối, 2 điều giới này bị đứt rời ra, thì gọi là giới bị dứt; ví như tấm vải có phần đầu và phần cuối bị rách rời ra.

*** Ví dụ: Ngũ giới gồm có 5 điều giới.**

1 - 2 - 3 - 4 - 5

Nếu phạm điều giới thứ nhất và điều giới thứ 5 (2 điều giới này bị đứt rời ra) thì gọi là *ngũ giới bị đứt*.

* Ví dụ: Bát giới uposathasīla gồm có 8 điều giới.

1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8

Nếu phạm điều giới thứ nhất và điều giới thứ 8 (2 điều giới này bị đứt rời ra) thì gọi là *bát giới bị đứt*.

Và hành giả thọ trì ngũ giới, bát giới,... rồi giữ gìn điều giới đầu và điều giới cuối được trong sạch và trọn vẹn, thì gọi là *giới không bị đứt*.

2- Thế nào gọi là giới bị thủng (*chidda*) và giới không bị thủng (*acchidda*)?

Trong ngũ giới và bát giới,..., ngoại trừ điều giới đầu và điều giới cuối ra, nếu hành giả phạm một trong những điều giới còn lại ở khoảng giữa, thì gọi là giới bị thủng; ví như tấm vải bị thủng ở giữa.

* Ví dụ: Ngũ giới

1 - 2 - 3 - 4 - 5

Hoặc: 1 - 2 - 3 - 4 - 5

Hoặc: 1 - 2 - 3 - 4 - 5

Nếu phạm một trong những điều giới thứ 2, điều giới thứ 3, điều giới thứ 4, thì gọi là *ngũ giới bị thủng*.

* Ví dụ: Bát giới uposathasīla gồm có 8 điều giới.

1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8

Hoặc: 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8

V.v...

Nếu phạm một trong những điều giới thứ 2, điều giới thứ 3, điều giới thứ 4, điều giới thứ 5, điều giới thứ 6, điều giới thứ 7, thì gọi là *bát giới bị thủng*.

Và hành giả thọ trì ngũ giới, bát giới,... rồi giữ gìn những điều giới ở khoảng giữa của điều giới đầu và điều giới cuối được trong sạch và trọn vẹn, thì gọi là *giới không bị đóm*.

3- *Thế nào gọi là giới bị đóm (sabala) và giới không bị đóm (asabala)?*

Trong ngũ giới, bát giới,..., ngoại trừ điều giới đầu và điều giới cuối. Nếu hành giả phạm các điều giới còn lại cách khoảng nhau, thì gọi là giới bị đóm; ví như con bò bị đóm từng chấm, từng chấm cách khoảng nhau.

* Ví dụ: Ngũ giới.

1 - 2 - 3 - 4 - 5

Những điều giới thứ nhất, điều giới thứ 3, điều giới thứ 5 được giữ gìn trong sạch; nếu phạm điều giới thứ 2 và điều giới thứ 4 cách khoảng nhau, thì gọi là *ngũ giới bị đóm*.

* Ví dụ: Bát giới.

1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8

Những điều giới thứ nhất, điều giới thứ 3, điều giới thứ 5, điều giới thứ 7 và điều giới thứ 8 được giữ gìn trong sạch; nếu phạm điều giới thứ 2, điều giới thứ 4 và điều giới thứ 6 cách khoảng nhau, thì gọi là *bát giới bị đóm*.

Và hành giả thọ trì ngũ giới, bát giới,... rồi giữ gìn những điều giới ở phần giữa của điều giới đầu và điều giới cuối được trong sạch và trọn vẹn, không để bị phạm điều giới cách khoảng nhau, thì gọi là *giới không bị đóm*.

4- *Thế nào gọi là giới bị đứt lan (kammāsa) và giới không bị đứt lan (akammāsa)?*

Trong ngũ giới, bát giới,..., nếu hành giả phạm những điều giới liền theo với nhau, thì gọi là giới bị đứt lan; ví như con bò có từng vệt vá.

* Ví dụ: Ngũ giới.

1 - 2-3 - 4 - 5

Hoặc: 1 - 2 - 3-4 - 5

Hoặc: 1 - 2 - 3 - 4 - 5

Nếu phạm điều giới thứ 2 và điều giới thứ 3 liền theo với nhau, hoặc phạm điều giới thứ 3 và điều giới thứ 4 liền theo với nhau, thì gọi là *ngũ giới bị đứt lan*.

* Ví dụ: Bát giới.

1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8

Hoặc: 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8

Hoặc: 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8

Hoặc: 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8

Hoặc: 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8

Hoặc: 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8

V.v...

Nếu phạm điều giới thứ 2 và điều giới thứ 3, hoặc điều giới thứ 3 và điều giới thứ 4, hoặc điều giới thứ 4 và điều giới thứ 5, hoặc điều giới thứ 6 và điều giới thứ 7 liền theo với nhau, thì gọi là *bát giới bị đứt lan*. Hoặc nếu phạm điều giới thứ 2, điều giới thứ 3, điều giới thứ 4; hoặc điều giới thứ 5, điều giới thứ 6, điều giới thứ 7 liền theo với nhau, thì gọi là *bát giới bị đứt lan*. Hoặc nếu phạm điều giới thứ 2, điều giới thứ 3, điều giới thứ 4, điều giới thứ 5 liền theo với nhau, thì gọi là *bát giới bị đứt lan*. Hoặc nếu phạm điều giới thứ 4, điều giới thứ 5, điều giới thứ 6, điều giới thứ 7; liền theo với nhau, thì gọi là *bát giới bị đứt lan*. Hoặc nếu phạm điều giới thứ 2, điều giới thứ 3, điều giới thứ 4, điều giới thứ 5, điều giới thứ 6 liền theo với nhau, thì gọi là *bát giới bị đứt lan*. Hoặc nếu phạm điều giới thứ 3, điều giới thứ 4, điều giới thứ 5, điều giới thứ 6, điều giới thứ 7 liền theo với nhau, thì gọi là *bát giới bị đứt lan*. V.v...

Và hành giả thọ trì ngũ giới, bát giới,... rồi giữ gìn những điều giới ở phần giữa của điều giới đầu và điều giới cuối được trong sạch và trọn vẹn, không phạm các điều giới liền theo với nhau, thì gọi là *giới không bị đứt lan*.

Giải Thích 4 Tính Chất Phạm Ngũ Giới

* Ví dụ 1: *Giới bị đứt* (phạm điều giới đầu và điều giới cuối).

Một người sau khi đã thọ trì ngũ giới, vì tính dễ dãi, không biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, nên giết con gà để ăn nhậu (phạm điều giới đầu “*sát sinh*”). Khi ăn thịt gà, người ấy còn uống rượu (phạm điều giới cuối “*uống rượu*”).

Như vậy, người ấy có *ngũ giới bị đứt*, bởi vì phạm điều giới thứ nhất “*sát sinh*” và điều giới thứ 5 “*uống rượu*”.

* Ví dụ 2: *Giới bị thủng* (phạm điều giới ở giữa).

Một người sau khi đã thọ trì ngũ giới, vì tính dễ dãi, không biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, nên nói dối (phạm điều giới thứ 4 “*nói dối*” ở giữa ngũ giới).

Như vậy, người ấy có *ngũ giới bị thủng*, bởi vì phạm điều giới thứ 4 “*nói dối*” ở giữa.

* Ví dụ 3: *Giới bị đóm* (phạm những điều giới cách khoảng).

Một người sau khi đã thọ trì ngũ giới, vì tính dễ dãi, không biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, nên trộm cắp tiền bạc của người khác (phạm điều giới thứ 2 “*trộm cắp*”). Khi bị bắt, bị điều tra xét hỏi, người ấy nói dối rằng: “*Tôi không trộm cắp tiền bạc của người khác*” (phạm điều giới thứ 4 “*nói dối*”).

Như vậy, người ấy có *ngũ giới bị đóm*, bởi vì phạm điều giới thứ 2 “*trộm cắp*” và điều giới thứ 4 “*nói dối*”.

* Ví dụ 4: *Giới bị đứt lan* (phạm những điều giới liền theo với nhau).

Một người sau khi đã thọ trì ngũ giới, vì tính dễ dãi, không biết hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, nên hành dâm với vợ (hoặc chồng) của người khác (phạm điều giới thứ 3 “*tà dâm*”). Khi bị bắt, bị điều tra xét hỏi, người ấy nói dối rằng: “*Tôi không hành dâm với vợ (hoặc chồng) của người khác*” (phạm điều giới thứ 4 “*nói dối*”).

Như vậy, người ấy có *ngũ giới bị đứt lan*, bởi vì phạm điều giới thứ 3 “*tà dâm*” và điều giới thứ 4 “*nói dối*”.

Giới Với Sinh Mạng

Bậc thiện trí dám hy sinh *của cải tiền bạc*, để bảo vệ các *bộ phận trong thân thể*; dám hy sinh cả *của cải tiền bạc lẫn bộ phận trong thân thể*, để bảo vệ *sinh mạng*; và dám hy sinh *của cải tiền bạc*, các *bộ phận trong thân thể và sinh mạng*, để bảo vệ *giới*.

Xét thấy rằng: Tuy *của cải tiền bạc* trong đời rất cần thiết đối với sự sống của con người, của *cải tiền bạc* thuộc về của cải bên ngoài thân mình. Nếu đem *của cải tiền bạc* so với các *bộ phận trong thân thể*, thì các *bộ phận trong thân thể* quý hơn của *cải tiền bạc*. Cho nên, khi có *bộ phận* nào trong *thân thể* bị thương, bậc thiện trí dám hy sinh *đem của cải tiền bạc* để chữa trị cho đến khi khỏi hẳn, dù phải tốn kém bao nhiêu cũng không tiếc.

Khi người bị lâm bệnh nặng, nếu bác sĩ khuyên rằng: “*Phải nên cưa tay, cưa chân, hoặc mổ cắt một phần bộ phận nào trong thân, ..., của bệnh nhân, thì mới có thể cứu sống bệnh nhân được*”.

Vì bảo vệ *sinh mạng*, người bệnh nhân phải hy sinh *bộ phận* nào trong *thân thể*, dù *bộ phận* ấy cũng quan trọng trong *thân thể*.

Trong cuộc sống bậc thiện trí gặp phải vấn đề nan giải, nếu bảo vệ *sinh mạng* thì phải phạm *giới*. Nếu giữ gìn *giới* cho được trong sạch và trọn vẹn thì phải hy sinh *sinh mạng*.

Trong trường hợp này, bậc thiện trí quyết định hy sinh *sinh mạng*, để bảo vệ giữ gìn *giới* cho được trong sạch và trọn vẹn. Bởi vì, bậc thiện trí suy xét đúng đắn rằng:

“*Nếu hôm nay ta chịu phá giới để bảo vệ duy trì sinh mạng, thì sinh mạng này cũng không thể duy trì lâu theo ý muốn của ta được, chắc chắn một ngày nào đó ta cũng phải chết, từ bỏ sinh mạng này, mà khi ấy giới của ta không được trong sạch, thì chắc chắn khó tránh khỏi tai họa tái sinh trong 4 cõi ác giới (địa ngục, atula, ngạ quỷ, súc sinh). Nếu hôm nay, ta chịu hy sinh sinh mạng, để bảo vệ giữ gìn giới của ta cho được trong sạch và trọn vẹn, thì sau khi chết, do nhờ giới trong sạch và trọn vẹn là thiện nghiệp cao quý cho quả tái sinh trong cõi thiện dục giới. Nếu tái sinh làm người, thì sẽ làm người cao quý, có trí tuệ sáng suốt, hưởng được nhiều sự an lạc trong cõi người. Nếu tái sinh làm vị thiên nam (hoặc vị thiên nữ) trong cõi trời dục giới nào, thì sẽ là vị thiên nam (hoặc thiên nữ) cao quý trong cõi trời dục giới ấy*”.

Cho nên, hy sinh sinh mạng để bảo vệ, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn, đó là điều cao quý, bởi vì, thiện nghiệp giữ gìn giới trong sạch và trọn vẹn cho quả báu an lạc trong nhiều kiếp vị lai.

Tích những bậc Thánh dám hy sinh sinh mạng để giữ gìn giới trong sạch

*** Ngài Đại đức hành đạo tại khu rừng [28]**

Thời quá khứ, một Ngài Đại đức đang hành đạo trong khu rừng lớn tên Mahāvattani (xứ Srilankā). Một bọn cướp gặp Ngài, chúng bắt Ngài, cột trói Ngài bằng một sợi dây trong rừng, rồi để Ngài nằm nơi ấy. Ngài Đại đức không dám vùng vẫy sợ làm đứt sợi dây còn tươi, sẽ bị phạm điều giới pācittiya mà Đức Phật đã chế định và ban hành đến tất cả chư Tỳ khuru. Ngài quyết định hy sinh sinh mạng để bảo vệ giới, nên nhẫn nại chịu đựng, đồng thời thực hành thiền tuệ đến ngày thứ 7, Ngài chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc từ bậc Thánh Nhập Lưu cho đến bậc Thánh Bất Lai rồi Ngài chết tại nơi đó. Sau khi chết, do nhờ bậc thiền hữu sắc - sắc giới thiện nghiệp cho quả tái sinh làm phạm thiên trong cõi trời sắc giới theo bậc thiền sở đắc của Ngài.

*** Ngài Đại đức xứ Srilankā [29]**

Ngài Đại đức xứ Srilankā đang hành đạo trong rừng; một bọn cướp gặp Ngài, chúng bắt Ngài, cột trói Ngài bằng một sợi dây trong rừng, rồi để Ngài nằm nơi ấy. Trận hỏa hoạn cháy rừng cháy lan đến chỗ Ngài nằm, Ngài không dám vùng dậy chạy thoát thân, sợ làm đứt sợi dây còn tươi, sẽ bị phạm điều giới pācittiya mà Đức Phật đã chế định và ban hành đến tất cả chư Tỳ khuru. Ngài quyết định hy sinh sinh mạng để bảo vệ giới, nên nhẫn nại chịu đựng, đồng thời thực hành thiền tuệ dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, diệt đoạn tuyệt mọi phiền não, mọi tham ái, trở thành bậc Thánh Arahán, đồng thời khi ấy ngọn lửa lan đến thiêu cháy Ngài. Ngài tịch diệt Niết Bàn gọi là “*Jīvitasamasīsī: Chứng đắc Arahán đồng thời tịch diệt Niết Bàn*”.

*** Ngài Đại Trưởng Lão Sāriputta lâm bệnh**

Một thuở nọ, Ngài Đại Trưởng Lão Sāriputta và Ngài Đại Trưởng Lão Mahāmoggallāna cùng nhau ở trong một khu rừng. Một hôm Ngài Đại Trưởng Lão Sāriputta lâm bệnh phong đau đớn khổ thân. Ngài Đại Trưởng Lão Mahāmoggallāna đến hộ độ phục vụ Ngài Đại Trưởng Lão Sāriputta.

Ngài Đại Trưởng Lão Mahāmogallāna bèn hỏi rằng:

— *Thưa pháp huynh, ngày xưa pháp huynh bị căn bệnh như thế này, pháp huynh đã chữa trị khỏi bệnh bằng phương thuốc nào?*

Ngài Đại Trưởng Lão Sāriputta trả lời rằng:

— *Này pháp đệ, ngày xưa lúc còn tại gia, mẹ tôi làm món bơ trộn với mật ong, đường nấu với sữa tươi nguyên chất không lẫn với nước thành món sữa pāyāsa, tôi đã dùng món ấy, nên trị khỏi được bệnh này.*

Nghe như vậy, Ngài Đại Trưởng Lão Mahāmogallāna thưa rằng:

— *Do nhờ phước thiện của pháp huynh hoặc pháp đệ, ngày mai chúng ta sẽ có được món sữa pāyāsa thì tốt biết dường nào!*

Hai Ngài Đại Trưởng Lão nói chuyện với nhau, chư thiên cội cây nghe rõ câu chuyện của hai Ngài, nên nghĩ rằng: “Ngày mai ta sẽ giúp làm cho phát sinh món sữa pāyāsa đến hai Ngài”.

Chư thiên hiện đến gia đình thường xuyên hộ độ hai Ngài Đại Trưởng Lão, chư thiên ấy làm cho đứa con trai lớn trong nhà nóng mê sảng nói rằng:

— *Làm món sữa pāyāsa dâng cúng đến Ngài Đại Trưởng Lão Mahāmogallāna trong ngày mai thì bệnh con mới khỏi.*

Cha mẹ bảo rằng:

— *Con không nói, thì gia đình chúng ta cũng thường hộ độ hai Ngài Đại Trưởng Lão.*

Hôm ấy, gia đình thường hộ độ hai Ngài Đại Trưởng Lão nấu món sữa pāyāsa để sẵn. Sáng ngày hôm sau, Ngài Đại Trưởng Lão Mahāmogallāna đi khát thực đến nhà thí chủ ấy; gia đình thí chủ thỉnh Ngài ngồi chỗ cao quý, xin cái bát của Ngài, rồi đặt món vật thực đặc biệt, món sữa pāyāsa vào bát, rồi dâng đến Ngài. Nhìn thấy món vật thực sữa pāyāsa, Ngài Đại Trưởng Lão Mahāmogallāna nghĩ nên mang món vật thực sữa pāyāsa về dâng cúng dường đến Ngài Đại Trưởng Lão Sāriputta.

Người thí chủ kính thỉnh Ngài Đại Trưởng Lão Mahā-moggallāna độ món vật thực sữa pāyāsa này, còn một phần vật thực sữa pāyāsa sẽ dâng cúng đường đến Ngài Đại Trưởng Lão Sāriputta nữa.

Ngài Đại Trưởng Lão Mahāmoggallāna độ xong, người thí chủ xin cái bát đặt món vật thực sữa pāyāsa, kính nhờ Ngài mang phần vật thực sữa pāyāsa về kính dâng cúng đường đến Ngài Đại Trưởng Lão Sāriputta.

Ngài Đại Trưởng Lão Mahāmoggallāna mang món vật thực sữa pāyāsa về bèn bạch rằng:

— *Kính thưa pháp huynh, xin pháp huynh độ món vật thực sữa pāyāsa này.*

Nhìn thấy món vật thực sữa pāyāsa, Ngài Đại Trưởng Lão Sāriputta suy xét rằng: “*Món vật thực sữa pāyāsa này được phát sinh bằng cách nào?*”.

Ngài Đại Trưởng Lão biết rõ rằng: “*Món vật thực sữa pāyāsa này được phát sinh do chính ta nói ra, chư thiên cội cây lắng nghe được, chư thiên ấy nhập vào người con trai lớn của nhà thí chủ thường hộ độ ta. Người con trai lớn xin gia đình nấu món vật thực sữa pāyāsa này. Do đó, ta không nên độ món vật thực sữa pāyāsa này*”.

Suy xét xong, Ngài Đại Trưởng Lão Sāriputta bèn nói với Ngài Đại Trưởng Lão Mahāmoggallāna rằng:

— *Này pháp đệ, pháp huynh không thể độ món sữa pāyāsa này, bởi vì món vật thực này được phát sinh do pháp huynh đã nói ra bằng lời, do đó, món vật thực này không hợp với pháp huynh.*

Ngài Đại Trưởng Lão Sāriputta đem bát vật thực sữa pāyāsa đổ xuống đất cho các loài súc sinh, đồng thời ngay khi ấy, căn bệnh của Ngài khỏi hẳn. Từ đó, cho đến lúc Ngài tịch diệt Niết Bàn, căn bệnh phong khùng khiếp ấy không bao giờ tái phát lại nữa.

Những tích chuyện tương tự có nhiều trong các Chú giải. Như vậy, chư thiện trí quý trọng giới hơn quý trọng sinh mạng của mình.

Tôn Trọng Giới Của Mình

Trong bộ *Visuddhimagga* (Thanh Tịnh Đạo), Đức Phật khuyên dạy câu kệ rằng:

“*Kikīva a□□a□ camarīva vāladhi□.
Piya□va putta□ nayana□va ekaka□.
Tatheva sīla□ anurakkhamānakā.
Supesalā hotha sadā sagāravā*” [\[30\]](#) .

“*Như con chim kikī giữ gìn, bảo vệ cái trứng của nó, không màng đến sinh mạng.*

Như con bò camarī giữ gìn, bảo vệ cái đuôi của nó, không màng đến sinh mạng.

Như người mẹ hiền giữ gìn, bảo vệ một đứa con duy nhất yêu quý của mình.

Như người có một con mắt, giữ gìn bảo vệ con mắt còn lại của mình

Cũng như thế ấy, các con nên cẩn trọng giữ gìn, bảo vệ giới của mình cho được hoàn toàn trong sạch và trọn vẹn.

Các con là người kính yêu tha thiết giới của mình, luôn luôn có pháp tôn kính”.

Để giữ gìn, bảo vệ **giới của mình** được trong sạch và trọn vẹn, hành giả cần phải có đức tin trong sạch nơi Đức Phật, nơi Đức Pháp, nơi Đức Tăng, biết tôn trọng những điều giới của mình, có trí tuệ nhận thức rõ sự tai hại lớn trong điều tội lỗi nhỏ, biết hổ thẹn tội lỗi, biết ghê sợ tội lỗi; có đức tin theo lời dạy của Đức Phật về **5 quả báu** đối với người giữ giới trong sạch và trọn vẹn, và **5 điều tai hại** đối với người phạm giới, người không có giới.

Giới của mình được giữ gìn trong sạch và trọn vẹn rồi, sẽ có những quả báu tốt lành, sự an lạc ngay trong kiếp hiện tại và những kiếp vị lai không có giới hạn.

Và giới của mình đã bị phạm rồi, hoặc không có giới sẽ có những điều tai hại, sự khổ đau ngay trong kiếp hiện tại và những kiếp vị lai không có giới hạn.

Giới của mình được giữ trong sạch và trọn vẹn sẽ làm nền tảng cho mọi thiện pháp phát sinh và phát triển từ *dục giới thiện pháp, sắc giới thiện pháp, vô sắc giới thiện pháp* cho đến *Siêu tam giới thiện pháp*,

Mỗi thiện pháp có khả năng giải thoát khổ tái sinh như sau:

— **8 dục giới đại thiện pháp** của hàng phàm nhân có khả năng giải thoát khổ tái sinh trong 4 cõi ác giới: *Địa ngục, atula, nga quý, súc sinh*; những thiện pháp này có khả năng cho quả tái sinh trong cõi thiện dục giới: *Cõi người và 6 cõi trời dục giới*, có thời gian hạn định.

— **5 sắc giới thiện pháp** của hàng giả phàm nhân có khả năng giải thoát khổ tái sinh trong 11 cõi dục giới; những thiện pháp này có khả năng cho quả tái sinh trong 16 cõi trời sắc giới phạm thiên, có thời gian hạn định.

— **4 vô sắc giới thiện pháp** của hàng giả phàm nhân có khả năng giải thoát khổ tái sinh trong 11 cõi dục giới và 16 cõi sắc giới; những thiện pháp này có khả năng cho quả tái sinh trong 4 cõi trời vô sắc giới phạm thiên, có thời gian hạn định.

Cả 3 loại thiện pháp này thuộc tam giới thiện pháp (*lokiyakusala*) có khả năng cho quả trong tam giới, không có khả năng giải thoát khổ khỏi tam giới.

* **4 Siêu tam giới thiện pháp** (*Lokuttarkusala*) đó là 4 Thánh Đạo Tâm của 4 bậc Thánh Nhân, 4 Thánh Đạo Tâm này không có khả năng cho quả tái sinh kiếp sau, mà có năng lực đặc biệt hạn chế tái sinh kiếp sau:

— **Nhập Lưu Thánh Đạo Tâm** của bậc Thánh Nhập Lưu có năng lực đặc biệt ngăn cản vĩnh viễn không còn tái sinh trong 4 cõi ác giới: *Địa ngục, atula, nga quý, súc sinh*; và hạn chế chỉ còn tái sinh kiếp sau nhiều nhất 7 kiếp nữa trong cõi thiện dục giới: *Cõi người và cõi trời* mà thôi. Đến kiếp thứ 7 chắc chắn sẽ chứng đắc thành bậc Thánh Arahán rồi sẽ tịch diệt Niết Bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam giới.

— **Nhất Lai Thánh Đạo Tâm** của bậc Thánh Nhất Lai có năng lực đặc biệt hạn chế chỉ còn tái sinh kiếp sau 1 kiếp nữa trong cõi thiện dục giới. Chắc chắn trong kiếp ấy sẽ chứng đắc thành bậc Thánh Arahán rồi sẽ tịch diệt Niết Bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam giới.

— **Bất Lai Thánh Đạo Tâm** của bậc Thánh Bất Lai có năng lực đặc biệt ngăn cản không trở lại tái sinh kiếp sau trong cõi thiện dục giới; và hạn chế chỉ còn tái sinh trong cõi trời sắc giới phạm thiên, rồi sẽ chứng đắc thành bậc Thánh Arahán rồi sẽ tịch diệt Niết Bàn tại cõi trời sắc giới ấy, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam giới.

— **Arahán Thánh Đạo Tâm** của bậc Thánh Arahán có năng lực đặc biệt ngăn cản vĩnh viễn không còn tái sinh kiếp sau nữa. Ngay kiếp hiện tại, bậc Thánh Arahán sẽ tịch diệt Niết Bàn, giải thoát khổ hoàn toàn tử sinh luân hồi trong tam giới.

Cho nên, giới của mình được giữ gìn trong sạch và trọn vẹn, để làm nền tảng cho mọi thiện pháp được phát sinh và phát triển, tùy theo khả năng ba-la-mật của mỗi chúng sinh.

Trong Phật giáo:

* **Pháp hành giới** là pháp hành ở *phần đầu* mà hành giả cần phải giữ gìn giới của mình cho được trong sạch và trọn vẹn; giới có khả năng diệt được *phiền não loại thô* (*vītikkaṃma-kilesa*) không thể biểu hiện ra ở thân và khẩu.

* **Pháp hành định** đó là pháp hành thiền định là pháp hành ở *phần giữa* mà sau khi đã có giới trong sạch và trọn vẹn làm nền tảng, hành giả thực hành pháp hành thiền định với đề mục thiền định có khả năng dẫn đến chứng đắc các bậc thiền hữu sắc, các bậc thiền vô sắc. Bậc thiền này có khả năng diệt được *phiền não loại trung* (*pariyuṃṃhānakilesa*) không thể phát sinh ở trong tâm, có thể làm nền tảng cho pháp hành tuệ phát sinh.

* **Pháp hành tuệ** đó là pháp hành thiền tuệ là pháp hành ở *phần cuối* mà sau khi đã có định tâm trong đối tượng làm nền tảng, hành giả thực hành pháp hành thiền tuệ có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân lý Tứ Thánh Đế, chứng đắc 4 Thánh Đạo, 4 Thánh Quả và Niết Bàn, có khả năng đặc biệt diệt đoạn tuyệt được *phiền não loại vi tế* (*anusaya-kilesa*) ngủ ngầm trong tâm.

Bởi vậy cho nên, hành giả cần phải biết tôn trọng giới của mình.

[1] Dīghanikāya, Sīlakkhandhavagga. Kinh Sāmaññaphalasutta.

[2] Aṅg. Dassakanipāta, kinh Kathāvatthusutta...

[3] M. Mū. Kinh Pāsārāsīsutta.

[4] Bộ Dhammapada ṃṃhakathā, tích Tambadāṃhikacoraghātakavatthu.

[5] Bộ Dhammapada □ □hakathā, tích Kukku □ amittanesādavatthu.

[6] Bộ Sa □ yuttanikāya, phần Nidānavagga, kinh Sūcilomasutta.

[7] Vị Thánh Arahán nhìn thấy nạ quý kỳ quái bằng nhãn thông, không phải bằng mắt thường. Ngài mỉm cười bởi vì Ngài tự quán xét biết rõ chắc chắn mình đã thoát khỏi kiếp nạ quý như vậy, và Ngài niệm đến Đức Phật là Bậc Toàn Giác thấy rõ biết rõ nghiệp và quả của nghiệp của tất cả chúng sinh. Đức Phật dạy: “*Này chư Tỳ khuru nghiệp và quả của nghiệp là bất khả tư nghì, không nên suy nghĩ...*”

[8] Bộ Dhammapada □ □hakathā, phần Maggavagga, tích Sūkarapetavatthu.

[9] 1 gāvuta = 5120,64 mét.

[10] Bộ Chú giải Dhammapada □ □hakathā, tích Jambukattheravatthu.

[11] Sa □ yuttanikāya, phần Sālāyatanavagga, kinh Tālaputtasutta.

[12] A □ guttaranikayā, phần Tikanipatā, kinh Uposathasīla.

[13] Migāramātā: Mẹ của ông phú hộ Migāra. Thật ra, bà Visākhā là con dâu của ông phú hộ Migāra nhưng ông suy tôn bà lên địa vị người mẹ của ông.

[14] Sa □ yuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Dhajaggasutta.

[15] Sa □ yuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Dhajaggasutta.

[16] Sa □ yuttanikāya, Sagāthavagga, kinh Dhajaggasutta.

[17] Chú thích bát giới được trong sạch có 4 trạng thái:

Giới không bị đứt (akha □ □a) nghĩa là điều giới đầu và điều giới cuối (điều giới thứ nhất và điều giới thứ 8) được giữ gìn trong sạch, thì gọi là giới không bị đứt. Nhưng nếu phạm điều giới đầu và điều giới cuối, thì gọi là giới bị đứt (kha □ □a).

[18] *Giới không bị thủng (acchidda)* nghĩa là ngoại trừ điều giới đầu và điều giới cuối ra, còn lại 6 điều giới ở giữa được giữ gìn trong sạch nguyên vẹn, thì gọi là giới không bị thủng (lủng). Nhưng nếu phạm 1 trong 6 điều giới ở giữa, thì gọi là giới bị thủng (lủng) (chidda).

[19] *Giới không bị đóm (asabala)* nghĩa là trong 8 điều giới ấy, điều giới thứ 2, điều giới thứ 4, điều giới thứ 6 được giữ gìn trong sạch trọn vẹn, thì gọi là giới không bị đóm. Nhưng nếu phạm điều giới thứ 2, điều giới thứ 4, điều giới thứ 6, thì gọi là giới bị đóm (sabala).

[20] *Giới không bị đứt lan (akammāsa)* nghĩa là trong 8 điều giới ấy, điều giới thứ 2 và điều giới thứ 3, hoặc điều giới thứ 3 và điều giới thứ 4; điều giới thứ 4 và điều giới thứ 5, điều giới thứ 6 và điều giới thứ 7 đều được giữ gìn trong sạch nguyên vẹn, thì gọi là giới không bị đứt lan. Nhưng nếu phạm điều giới thứ 2 và điều giới thứ 3; hoặc điều giới thứ 3 và điều giới thứ 4; hoặc điều giới thứ 4, điều giới thứ 5, điều giới thứ 6 và điều giới thứ 7 đều bị đứt liền với nhau, thì gọi là giới bị đứt lan (kammāsa).

[21] Tam giới: Chúng sinh thế giới, cảnh thế giới, pháp hành thế giới.

[22] Bộ Dhammapada□□hakathā, phần Appamādavagga, câu chuyện Sānavativatthu.

[23] Khuddakanikāya, quyển Jātaka, phần A□□hakanipāta, tích Ga□gāmāljātaka.

[24] Ngày giới uposathasīla được giới hạn thời gian kể từ lúc bình minh (rạng đông) của ngày này cho đến lúc bình minh của ngày hôm sau, thời gian trọn một ngày và một đêm. Nếu hành giả thọ trì bát giới chỉ có thời gian một đêm hoặc thời gian một ngày thì gọi là *hành 1 nửa uposatha (upa□□huposathakamma)* .

[25] Khuddakanikāya, quyển Therī apadāna chuyện Ngài Đại đức Tỳ khưu ñi Ekuposathākattherī.

[26] A□guttaranikāya, phần Navakanipāta, kinh Nava□guposathasutta.

[27] Xem thêm trong quyển Hạnh Phúc An Lành “**TÂM TỬ**” cùng một soạn giả.

[28] Bộ Visuddhimagga, phần Sīlaniddesa.

[29] Bộ Visuddhimagga, phần Sīlaniddesa.

[30] Bộ Visuddhimagga, phần Sīlaniddesa.

